

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

=====

KIỀU VĂN NAM

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VÀO PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

=====

KIỀU VĂN NAM

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VÀO PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM

Chuyên ngành: Chính trị học

Mã số: 9310201

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS.TS Nguyễn Anh Cường

PGS.TS Nguyễn Văn Chiền

PGS.TS Nguyễn Linh Khiếu

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Nguyễn Anh Cường và PGS.TS Nguyễn Linh Khiếu. Các kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án là trung thực, khách quan. Các số liệu trích dẫn và tài liệu được sử dụng trong luận án có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn theo đúng quy định. Kết quả nghiên cứu chưa được công bố qua bất kỳ công trình nghiên cứu khoa học nào.

NGƯỜI CAM ĐOAN

KIỀU VĂN NAM

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin trân trọng cảm ơn quý Thầy, Cô giảng viên trong Khoa Chính trị và Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, cùng các đồng nghiệp đã giúp đỡ tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án. Đặc biệt, tôi xin trân trọng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS Nguyễn Anh Cường và PGS.TS Nguyễn Linh Khiếu đã tận tâm hướng dẫn tôi trong quá trình thực hiện và hoàn thành luận án này.

Tôi xin được gửi lời tri ân tới gia đình, cơ quan, đồng nghiệp đã tạo mọi điều kiện thuận lợi và giúp đỡ tôi về vật chất và tinh thần trong suốt quá trình tôi học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Xin trân trọng cảm ơn!

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

KIỀU VĂN NAM

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

MỤC LỤC 1

MỞ ĐẦU 5

1. Lý do chọn đề tài 5

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 8

3. Đối tượng, phạm vi, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu 8

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu 10

5. Đóng góp mới của luận án 12

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài 12

7. Kết cấu của luận án 13

Chương 1: TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN

QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN 14

1.1. Các công trình nghiên cứu về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng. 14

1.2. Các công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng 20

1.3. Các công trình nghiên cứu về vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng 29

1.4. Khái quát kết quả và một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu 40

1.4.1. Khái quát kết quả đạt được 40

1.4.2. Một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu 43

Tiểu kết chương 1 44

Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG 47

2.1. Một số khái niệm cơ bản 47

2.1.1. Khái niệm tham nhũng 47

2.1.2. Khái niệm phòng, chống tham nhũng 49

2.1.3. Khái niệm phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh 54

2.1.4. Khái niệm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng 55

2.2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về tham nhũng, các hình thức biểu hiện và tác hại của tham nhũng	58
2.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tham nhũng	58
2.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về các hình thức tham nhũng	59
2.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tác hại của tham nhũng	64
2.3. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng.....	66
2.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng hệ thống pháp luật để phòng, chống tham nhũng	66
2.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, rèn luyện để phòng, chống tham nhũng	71
2.3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức bộ máy và cơ quan chuyên trách để phòng, chống tham nhũng	76
2.3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức để phòng, chống tham nhũng	81
2.3.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và xã hội trong phòng, chống tham nhũng	86
Tiểu kết chương 2	91
Chương 3: VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA	93
3.1. Nhận thức của Đảng về tầm quan trọng trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng.....	93
3.1.1. Nhận thức về tầm quan trọng của phòng, chống tham nhũng	93
3.1.2. Bước tiến trong chủ trương và chính sách phòng, chống tham nhũng....	96
3.2. Thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay	103
3.2.1. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật phòng, chống tham nhũng	103
3.2.2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giáo dục, rèn luyện để phòng, chống tham nhũng	106
3.2.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào tổ chức và hoạt động của các cơ quan phòng, chống tham nhũng	109

3.2.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức “cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư” để phòng, chống tham nhũng	112
3.2.5. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và xã hội trong phòng, chống tham nhũng	116
3.3. Đánh giá chung về thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và một số vấn đề đặt ra.....	118
3.3.1. Thành tựu và nguyên nhân.....	118
3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân.....	134
3.3.3. Một số vấn đề đặt ra	139
Tiểu kết chương 3	145
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG Ở VIỆT NAM.....	147
4.1. Bối cảnh và yêu cầu mới đặt ra trong việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới	147
4.1.1. Dự báo yếu tố quốc tế và trong nước tác động đến việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới...	147
4.1.2. Những yêu cầu đối với việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới.....	154
4.2. Quan điểm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới.....	162
4.3. Giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam.....	165
4.3.1. Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về phòng, chống tham nhũng.....	165
4.3.2. Giáo dục liêm chính, đề rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thực thi phòng, chống tham nhũng.....	169
4.3.3. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu lực hoạt động của các cơ quan phòng, chống tham nhũng.....	170
4.3.4. Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” trong phòng, chống tham nhũng	173
4.3.5. Phát huy mạnh mẽ vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, báo chí và xã hội trong phòng, chống tham nhũng	175
Tiểu kết chương 4	178

KẾT LUẬN	180
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN	
ĐẾN LUẬN ÁN.....	182
TÀI LIỆU THAM KHẢO	184

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tham nhũng là một trong những vấn đề có tính toàn cầu, tồn tại ở nhiều quốc gia và luôn đặt ra những thách thức nghiêm trọng đối với hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, sự phát triển kinh tế, công bằng xã hội và niềm tin của nhân dân. Bản chất của tham nhũng là sự lạm dụng quyền lực được giao để vụ lợi, làm biến dạng mục tiêu của quyền lực công, gây thất thoát nguồn lực và tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội. Vì vậy, phòng, chống tham nhũng không chỉ là yêu cầu về quản lý nhà nước mà còn là vấn đề chính trị, pháp lý, kinh tế, đạo đức và xã hội, có liên quan trực tiếp đến chất lượng hoạt động của bộ máy công quyền và sự ổn định, phát triển của mỗi quốc gia.

Ở Việt Nam, phòng, chống tham nhũng luôn được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đổi mới, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở rộng hội nhập quốc tế và sự gia tăng về quy mô, tính phức tạp của các quan hệ kinh tế, xã hội, tham nhũng cũng xuất hiện dưới nhiều hình thức tinh vi hơn. Tham nhũng có thể xảy ra trong quản lý tài chính công, đất đai, đầu tư, xây dựng, quản lý tài sản công, doanh nghiệp nhà nước, công tác cán bộ và thực hiện chính sách. Các hành vi tham nhũng ngày càng có xu hướng gắn với lợi ích nhóm, sự móc nối giữa người có chức vụ, quyền hạn với các chủ thể bên ngoài khu vực công, làm cho việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý trở nên khó khăn hơn.

Thực tiễn đó cho thấy phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay phải được đặt trong yêu cầu kiểm soát quyền lực và xây dựng một nền quản trị công minh bạch, liêm chính, hiệu lực, hiệu quả. Khi quyền lực được trao cho cá nhân, tổ chức nhưng thiếu cơ chế kiểm soát chặt chẽ, thiếu minh bạch và trách nhiệm giải trình, nguy cơ lạm dụng quyền lực để vụ lợi có thể phát sinh. Do đó, phòng, chống tham nhũng phải được tiến hành đồng bộ từ hoàn thiện thể chế, kiểm soát quyền lực, công khai, minh bạch, kiểm tra, giám sát đến xây dựng đạo đức công vụ và phát

huy vai trò giám sát của nhân dân, đây là yêu cầu có ý nghĩa đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi Việt Nam đang tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng quản trị quốc gia.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng có giá trị đặc biệt đối với yêu cầu đó, mặc dù trong các tác phẩm của Người chưa sử dụng khái niệm “tham nhũng” theo cách tiếp cận hiện đại, nhưng Người đã đề cập rất sâu sắc đến các biểu hiện tham ô, lãng phí, quan liêu và sự tha hóa của cán bộ, công chức. Hồ Chí Minh khẳng định: “chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận... Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị” [122, tr.358]. Người chỉ rõ tham ô là hành vi lấy của công làm của tư, xâm phạm lợi ích của Nhà nước và nhân dân, Người cũng coi quan liêu, tham ô, lãng phí là những căn bệnh nguy hiểm, trực tiếp làm suy yếu bộ máy và tổn hại đến lợi ích của nhân dân [122, tr.XI]. Điểm đặc biệt trong tư tưởng của Người là phòng, chống tham nhũng được đặt trong mối quan hệ thống nhất giữa xây dựng đội ngũ cán bộ có đạo đức, có trách nhiệm, đặt lợi ích của Đảng, Nhà nước, nhân dân lên trên lợi ích cá nhân và phải chống chủ nghĩa cá nhân, thực hành dân chủ, tăng cường kiểm tra, giám sát, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và xây dựng cơ chế để quyền lực được sử dụng đúng mục đích. Vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng không chỉ có ý nghĩa về mặt đạo đức mà còn chứa đựng những quan điểm quan trọng về kiểm soát quyền lực, trách nhiệm của cán bộ, sự minh bạch trong hoạt động công vụ và vai trò của nhân dân trong giám sát quyền lực.

Trong giai đoạn hiện nay, những nội dung đó càng có ý nghĩa thiết thực. Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số quốc gia, đặc biệt là trong bối cảnh sáp nhập tỉnh thành, tinh gọn bộ máy nhà nước. Quá trình này đồng thời làm gia tăng phạm vi và mức độ vận hành của quyền lực công, việc phân cấp, phân quyền tạo điều kiện phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp, các

ngành, nhưng cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với cơ chế kiểm soát quyền lực. Chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu và quản trị dựa trên dữ liệu mở ra khả năng nâng cao tính minh bạch, kiểm soát tài sản, giám sát hoạt động công vụ và phát hiện bất thường, nhưng cũng đòi hỏi phải hoàn thiện thể chế, trách nhiệm giải trình và cơ chế kiểm soát mới phù hợp với môi trường số.

Thực tiễn phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam những năm qua đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, công tác phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng được đẩy mạnh; nhiều vụ án lớn được xử lý nghiêm minh, qua đó góp phần củng cố kỷ luật, kỷ cương và niềm tin của nhân dân. Tuy nhiên, tham nhũng vẫn là vấn đề cần tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, một số cơ chế phòng ngừa còn chưa thực sự đồng bộ; công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình ở một số lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu; việc kiểm soát quyền lực có nơi còn hạn chế; nguy cơ lợi ích nhóm và sự cầu kết giữa các chủ thể để trục lợi vẫn đặt ra những thách thức mới. Những hạn chế đó cho thấy phòng, chống tham nhũng không thể chỉ dựa vào xử lý vi phạm mà cần tiếp tục chú trọng các giải pháp phòng ngừa, xây dựng con người, xây dựng thể chế và kiểm soát quyền lực. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về tham nhũng, phòng, chống tham nhũng, kiểm soát quyền lực, đạo đức cán bộ và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng việc nghiên cứu một cách hệ thống vấn đề vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong bối cảnh mới vẫn cần được tiếp tục làm rõ. Đặc biệt, cần xác định rõ những giá trị có thể vận dụng, đánh giá thực trạng vận dụng trong thực tiễn, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân, đồng thời đề xuất các giải pháp có khả năng chuyển hóa tư tưởng thành cơ chế, chính sách và phương thức tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện hiện nay. Từ những lý do trên, có thể khẳng định phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay vừa là yêu cầu cấp thiết trước mắt, vừa là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược lâu dài đối với xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế xã hội và củng cố

cố niềm tin của nhân dân. Trong quá trình đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, xây dựng đạo đức cách mạng, kiểm soát quyền lực, thực hành dân chủ và phát huy vai trò của nhân dân vẫn có giá trị định hướng sâu sắc. Vì vậy, nghiên cứu đề tài “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong bối cảnh mới*” là cần thiết cả về lý luận và thực tiễn, góp phần làm rõ giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh và đề xuất những định hướng, giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng, đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

Một là, tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

Hai là, trình bày nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng.

Ba là, đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam giai đoạn 2011-2025.

Bốn là, đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới.

3. Đối tượng, phạm vi, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng và thực tiễn vận dụng tư tưởng này vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung:

Luận án tập trung nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng thông qua những bài nói, bài viết, phát biểu của Người, đặc biệt là sự vận dụng tư tưởng của Người vào phòng, chống tham nhũng trong đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Phạm vi về không gian:

Luận án tập trung nghiên cứu sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng của Đảng và Nhà nước trong khu vực công.

Phạm vi về thời gian:

Luận án nghiên cứu thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2025, đây là mốc thời gian Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI diễn ra. Đại hội đã xác định công tác phòng, chống tham nhũng có vai trò vô cùng quan trọng. Tiếp đó là sự ra đời của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và sự hoàn thiện khuôn khổ pháp lý với Luật Phòng, chống tham nhũng 2018. Mốc 2025 là giới hạn phù hợp để cập nhật thực tiễn phục vụ hoàn thiện nghiên cứu.

3.3. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

Từ việc phân tích hướng nghiên cứu, tổng quan đề tài và xác định cơ sở lý thuyết, luận án đưa ra những câu hỏi gắn với giả thuyết nghiên cứu cần làm rõ là:

Câu hỏi:

- 1) Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh là gì?*
- 2) Thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam diễn ra như thế nào?*
- 3) Làm thế nào để tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng có hiệu quả?*

Giả thuyết:

Giả thuyết 1: Theo tư tưởng của Hồ Chí Minh, tham nhũng là biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân và lạm dụng quyền lực; phòng, chống tham nhũng phải kết hợp giáo dục đạo đức, kiểm soát quyền lực, phát huy dân chủ và xử lý nghiêm minh.

Giả thuyết 2: Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam đã đạt kết quả nhất định nhưng còn hạn chế về tính đồng bộ, minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả phòng ngừa.

Giả thuyết 3: Để tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh cần thực hiện đồng bộ các giải pháp về kiểm soát quyền lực, hoàn thiện thể chế, giáo dục đạo đức công vụ, tăng cường giám sát xã hội.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng Đảng và đường lối của Đảng và Nhà nước Việt Nam phòng, chống tham nhũng. Ngoài ra, còn sử dụng các lý thuyết về quyền lực và thực thi quyền lực chính trị trong quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam.

4.2. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận:

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin; đồng thời quán triệt quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phòng, chống tham nhũng và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới.

- Phương pháp nghiên cứu:

Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học như: phương pháp logic - lịch sử; phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể; phương pháp phân tích tài liệu; phương pháp trích yếu văn bản, tài liệu; phương pháp chính trị học; phương pháp so sánh; phương pháp phân tích - tổng hợp.

+ Phương pháp thống nhất logic - lịch sử và đi từ trừu tượng đến cụ thể: Việc sử dụng các phương pháp này giúp luận án làm rõ quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng trong các giai đoạn lịch sử khác nhau; đồng thời khái quát những nội dung cốt lõi, mang tính quy luật của tư tưởng này. Trên cơ sở đó, luận án đi sâu phân tích việc vận dụng vào thực tiễn phòng,

chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay, từ những nguyên lý đến các biểu hiện cụ thể trong đời sống chính trị - xã hội.

+ Phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể được sử dụng để nhận thức và làm rõ vấn đề nghiên cứu theo quá trình từ những khái niệm, nguyên lý và nội dung có tính khái quát đến việc xem xét chúng trong những điều kiện, biểu hiện và yêu cầu cụ thể của thực tiễn phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay. Phương pháp này đảm bảo sự thống nhất giữa cơ sở lý luận và thực tiễn, giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với yêu cầu phòng, chống tham nhũng trong bối cảnh mới, qua đó làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp có tính khả thi.

+ Phương pháp phân tích tài liệu: Phân tích các văn kiện của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng. Qua đó, làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và thực tiễn của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực này. Phương pháp vô cùng quan trọng để tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến tham nhũng, phòng, chống tham nhũng và tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Phương pháp trích yếu văn bản, tài liệu: Được sử dụng nhằm thu thập, lựa chọn và hệ thống hóa những thông tin cốt lõi có liên quan trực tiếp đến vấn đề nghiên cứu từ các văn bản của Đảng, Nhà nước, các văn bản pháp luật, các công trình khoa học và tài liệu có liên quan đến phòng, chống tham nhũng và tư tưởng Hồ Chí Minh. Sử dụng phương pháp này giúp tác giả lựa chọn được những thông tin có giá trị, tránh dàn trải tài liệu, tạo cơ sở dữ liệu phục vụ phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp của đề tài.

+ Phương pháp chính trị học: Phương pháp này được sử dụng để phân tích tham nhũng trước hết là hiện tượng gắn với việc thực thi và sử dụng quyền lực công, từ đó làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, trách nhiệm của cán bộ, công chức và sự tham gia, giám sát của nhân dân trong phòng, chống tham nhũng.

+ Phương pháp so sánh: Luận án sử dụng phương pháp này để đối chiếu giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với quan điểm của Đảng qua các thời kỳ, từ đó rút ra những giá trị phù hợp có thể vận dụng vào điều kiện Việt Nam hiện nay.

+ Phương pháp phân tích - tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt nhằm phân tích từng nội dung cụ thể của tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng, đồng thời tổng hợp thành hệ thống các luận điểm khoa học. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp mang tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.

5. Đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, luận án hệ thống hóa và làm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng; bổ sung và luận giải các khái niệm phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng.

Thứ hai, luận án đánh giá toàn diện thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2025; chỉ ra những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và các vấn đề đặt ra.

Thứ ba, luận án đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp nhằm tiếp tục vận dụng hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa lý luận

Thứ nhất, luận án góp phần bổ sung và làm phong phú cơ sở lý luận về tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thông qua việc hệ thống hóa và làm rõ những nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng.

Thứ hai, luận án bổ sung, phát triển cơ sở lý luận về phòng, chống tham nhũng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, luận án khái quát những vấn đề đặt ra và yêu cầu mới để tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời gian tới một cách có hiệu quả.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Thứ nhất, kết quả nghiên cứu của luận án là cơ sở tham khảo cho việc hoạch định chủ trương, chính sách và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam.

Thứ hai, bước đầu đề xuất một số giải pháp tiếp tục nâng cao hiệu quả tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới.

Thứ ba, luận án là văn bản khoa học có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu và giảng dạy về phòng, chống tham nhũng và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương, 13 tiết.

Chương 1:
TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Các công trình nghiên cứu về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng

Tham nhũng là một hiện tượng phổ biến, tồn tại xuyên suốt trong mọi giai đoạn phát triển của lịch sử nhân loại, tình trạng này thường diễn ra đặc biệt nghiêm trọng ở các quốc gia đang phát triển, nơi mà hệ thống thể chế, pháp luật và quản trị công còn nhiều hạn chế, nhận diện đúng nguyên nhân và hậu quả của tham nhũng là điều kiện tiên quyết để hiểu rõ hơn cơ chế vận hành và động lực thúc đẩy hiện tượng này, qua đó xây dựng những giải pháp phòng ngừa và kiểm soát mang tính toàn diện, bền vững.

Trong dòng chảy nghiên cứu quốc tế về chủ đề này, công trình “*International Handbook on the Economics of Corruption*” (Sổ tay quốc tế về kinh tế học tham nhũng) của Susan Rose-Ackerman (1978) được xem là một trong những tác phẩm tiên phong, đặt nền móng cho việc tiếp cận và lý giải tham nhũng dưới góc độ kinh tế học, tác giả cho rằng: Tham nhũng xảy ra khi các cá nhân trong vị trí quyền lực có thể khai thác quyền hạn của mình để thu lợi cá nhân [215]. Công trình này giúp tác giả có thêm cách nhìn và kinh nghiệm khi tìm hiểu nguyên nhân của tham nhũng, để từ đó đưa ra những biện pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng một cách hiệu quả nhất.

Công trình “*Corruption and Government: Causes, Consequences, and Reform*” (Tham nhũng và quản trị nhà nước: Nguyên nhân, hệ quả và cải cách) Bonnie J. Palifka và Susan Rose-Ackerman tiếp tục khẳng định rằng: tham nhũng xuất hiện khi thiếu minh bạch, không có sự kiểm tra, giám sát [216], đây là một quan niệm quan trọng, không chỉ cung cấp một cái nhìn chi tiết hơn về nguyên nhân và hậu quả của tham nhũng, mà còn đặt trong bối cảnh toàn cầu hiện đại, nơi các mối đe dọa từ tham nhũng ngày càng phức tạp và đa dạng hơn. Công trình này cũng đóng góp cho tác giả một cách nhìn sâu sắc hơn khi nghiên cứu nguyên nhân của

tham nhũng, nhìn thấy điểm tương đồng với Hồ Chí Minh trong vấn đề này, để từ đó vận dụng một cách có hiệu quả trong bối cảnh thực tiễn tại Việt Nam.

Cuốn sách “*Corruption: What Everyone Needs to Know*” (Tham nhũng: Những điều mọi người cần biết) của Ray Fisman, Miriam A. Golden (2017) đã mang đến một cái nhìn toàn diện về tham nhũng, công trình này giải thích sâu hơn về cả nguyên nhân và hậu quả của tham nhũng, họ cho rằng: “Tham nhũng thường xuất hiện trong các bối cảnh có khoảng cách lớn trong việc giám sát và trách nhiệm giải trình” [214, tr.46]. Bằng cách kết hợp nhiều góc nhìn khác nhau, những nghiên cứu này giúp tác giả luận án nhận định sâu hơn về tham nhũng như một vấn đề phức tạp và đa chiều, từ đó soi chiếu với nguyên nhân tham nhũng trong tư tưởng Hồ Chí Minh đặt trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, để đưa ra những giải pháp vận dụng tư tưởng Người vào phòng, chống tham nhũng một cách có hiệu quả.

Tiếp tục mạch nghiên cứu về phòng, chống tham nhũng, trách nhiệm giải trình thường được xem là một nội dung vô cùng quan trọng trong xây dựng nền công vụ liêm chính. Jeremy Pope (2000) trong công trình: “*Confronting Corruption: The Elements of a National Integrity System*” (Đối mặt với tham nhũng: Các yếu tố của hệ thống liêm chính quốc gia) đã nhấn mạnh rằng: nếu không có trách nhiệm giải trình, các nỗ lực chống tham nhũng chắc chắn sẽ thất bại vì các quan chức nhà nước không phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình [213]. Tác giả luận án kế thừa quan điểm thiết lập một hệ thống liêm chính quốc gia trong phần giải pháp phòng, chống tham nhũng khi Đảng và Nhà nước vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh vào xây dựng một chính quyền liêm chính, trong sạch, vững mạnh, một lòng một dạ phục vụ nhân dân.

Muthukrishna và cộng sự (2017) trong công trình “*Corrupting cooperation and how anti-corruption strategies may backfire*” (Làm tha hóa sự hợp tác và cách các chiến lược chống tham nhũng có thể phản tác dụng), đã nhấn mạnh vai trò và tầm quan trọng của giải trình thông qua tuyên ngôn “chiến lược chống tham nhũng nếu không kết hợp được các cơ chế giải trình trách nhiệm mạnh mẽ có thể gây tác dụng ngược, vì chúng có thể vô tình làm tăng cơ hội thông đồng giữa các chủ thể

tham nhũng” [212]. Tác giả luận án kế thừa quan điểm này và so sánh với tư tưởng Hồ Chí Minh về trách nhiệm giải trình để tìm ra điểm giống và khác nhau, từ đó vận dụng vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam một cách hiệu quả hơn.

Trong bài báo *“Accountability and Transparency to Fight against Corruption: An International Comparative Analysis”* (Trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong phòng, chống tham nhũng: Nghiên cứu so sánh quốc tế) của Francesca Manes Rossi và cộng sự (2017) đã phân tích vai trò của trách nhiệm giải trình và minh bạch trong cuộc chiến chống tham nhũng qua các trường hợp quốc tế, họ nhấn mạnh trách nhiệm giải trình và minh bạch không chỉ quan trọng mà còn là điều kiện tiên quyết để thực hiện các chiến lược chống tham nhũng thành công [211]. Quan điểm này giúp tác giả luận án nghiên cứu vận dụng một cách triệt để và đưa ra các kiến nghị cụ thể về vận dụng thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh trong phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam, đây không chỉ là một yếu tố quan trọng mà còn là điều kiện tiên quyết để các chiến lược chống tham nhũng trở nên hiệu quả; xây dựng, củng cố các cơ chế trách nhiệm giải trình là cần thiết để tạo ra một hệ thống chống tham nhũng bền vững và minh bạch.

Trong nhóm các công trình nghiên cứu về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam, Luận án *“Tham nhũng ở nước ta hiện nay và biện pháp khắc phục”* của Lê Văn Cương (1993) là một trong những công trình nghiên cứu chuyên sâu khá sớm về hiện tượng tham nhũng trong thời kỳ đổi mới. Trên cơ sở tiếp cận từ góc độ triết học và khoa học chính trị, tác giả đã phân tích bản chất, đặc điểm, nguyên nhân và những biểu hiện chủ yếu của tham nhũng ở Việt Nam đầu những năm 1990. Công trình chỉ ra rằng tham nhũng không chỉ xuất phát từ những hạn chế của cơ chế quản lý kinh tế - xã hội mà còn bắt nguồn từ sự suy thoái đạo đức, lối sống, sự tha hóa quyền lực và những bất cập trong công tác quản lý cán bộ. Đồng thời, tác giả đánh giá những tác động tiêu cực của tham nhũng đối với sự phát triển kinh tế, hiệu lực quản lý nhà nước và niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất nhiều giải pháp nhằm khắc phục tham nhũng như hoàn thiện cơ chế quản lý, tăng cường giáo dục đạo đức, nâng cao hiệu quả

kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Những kết quả nghiên cứu của công trình đã góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong giai đoạn đầu đổi mới. Tuy nhiên, do được thực hiện trong bối cảnh tham nhũng chưa diễn biến phức tạp như hiện nay, công trình chưa nghiên cứu sâu việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng cũng như chưa đề cập đầy đủ đến các yêu cầu kiểm soát quyền lực và xây dựng Nhà nước pháp quyền trong điều kiện mới [44].

Cuốn sách *“Nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”* (2006) của Nguyễn Khánh Bật đã tiếp cận vấn đề từ góc độ xây dựng Đảng về đạo đức. Trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng, công trình phân tích nội hàm của đạo đức cách mạng, những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân và tác động tiêu cực của nó đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên. Công trình cho rằng chủ nghĩa cá nhân là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, làm nảy sinh các hiện tượng tham nhũng, lãng phí, quan liêu và lợi ích nhóm. Từ đó, tác giả đề xuất nhiều giải pháp nhằm phòng ngừa tham nhũng từ gốc như tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Những kết quả nghiên cứu của công trình góp phần làm rõ mối quan hệ giữa xây dựng đạo đức cách mạng với phòng, chống tham nhũng, đồng thời cung cấp cơ sở lý luận quan trọng cho việc nghiên cứu các giải pháp phòng ngừa tham nhũng ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận từ góc độ xây dựng Đảng và giáo dục đạo đức, chưa nghiên cứu một cách hệ thống việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng trong điều kiện mới [23].

Cuốn sách *“Bàn về giải pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay”* của Trương Giang Long (2013) tập trung phân tích thực trạng tham nhũng, những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tham nhũng và các yêu cầu đặt ra đối với công tác phòng, chống tham nhũng trong thời kỳ đổi mới. Trên cơ sở đánh giá những tác động tiêu cực của tham nhũng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực quản lý

nhà nước và uy tín của Đảng, Nhà nước, tác giả đã đề xuất hệ thống giải pháp tương đối toàn diện, bao gồm hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật; tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ; nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giám sát; phát huy vai trò của các cơ quan bảo vệ pháp luật và sự tham gia của Nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Công trình cũng nhấn mạnh vai trò của giáo dục đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất liêm chính và trách nhiệm trong thực thi công vụ. Những kết quả nghiên cứu của công trình góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng các giải pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tập trung vào các giải pháp mang tính chính sách và quản lý nhà nước, chưa nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống về nội dung và phương thức vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác phòng, chống tham nhũng trong bối cảnh hiện nay [111].

Cuốn sách “*Về phòng chống tham nhũng*” của Bùi Mạnh Cường và Nguyễn Thị Tô Như (2016) đã tiếp cận vấn đề từ góc độ lý luận và thực tiễn của công tác phòng, chống tham nhũng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Công trình phân tích khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân và những tác động tiêu cực của tham nhũng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực quản lý nhà nước và niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Đồng thời, các tác giả làm rõ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng; đánh giá thực trạng tham nhũng và kết quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam qua các giai đoạn. Trên cơ sở đó, công trình đề xuất nhiều giải pháp như hoàn thiện thể chế, tăng cường công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, phát huy vai trò của Nhân dân và các tổ chức xã hội trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Những kết quả nghiên cứu của công trình góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng các giải pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam. Tuy nhiên, công trình chủ yếu nghiên cứu dưới góc độ chung của công tác phòng, chống tham nhũng, chưa đi sâu làm rõ nội dung, giá trị và phương thức vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng trong bối cảnh hiện nay [46].

Bài viết *“Củng cố tư duy lý luận để hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay”* của Cẩm Thị Lai và Vũ Công Giao (2020) tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận của việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Các tác giả phân tích những yêu cầu đặt ra đối với hệ thống pháp luật phòng, chống tham nhũng từ góc độ kiểm soát quyền lực nhà nước, bảo đảm tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ. Công trình đồng thời đánh giá những hạn chế, bất cập trong nhận thức lý luận và thực tiễn xây dựng pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam, từ đó đề xuất các định hướng hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng. Những kết quả nghiên cứu của bài viết góp phần làm rõ cơ sở lý luận cho việc tiếp tục hoàn thiện thể chế phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận từ góc độ pháp lý và xây dựng pháp luật, chưa đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng cũng như việc vận dụng những giá trị tư tưởng đó vào quá trình hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng trong điều kiện mới [105].

Bài viết *“Thể chế về phòng, chống tham nhũng của Việt Nam - Những tiến triển và thách thức”* của Trần Văn Long (2025) tập trung phân tích quá trình hoàn thiện thể chế phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong những năm gần đây. Trên cơ sở đánh giá các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tác giả làm rõ những kết quả đạt được trong việc xây dựng hệ thống pháp luật, tăng cường kiểm soát quyền lực, nâng cao tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Đồng thời, bài viết cũng chỉ ra những khó khăn, thách thức đặt ra đối với công tác phòng, chống tham nhũng như sự phức tạp của các hành vi tham nhũng, những bất cập trong thực thi pháp luật, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng và yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế trong bối cảnh phát triển mới của đất nước. Từ đó, tác giả đề xuất một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống thể

ché phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam. Những kết quả nghiên cứu của bài viết góp phần cung cấp góc nhìn cập nhật về sự phát triển của thể chế phòng, chống tham nhũng và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận từ góc độ thể chế và pháp luật, chưa đi sâu nghiên cứu cơ sở tư tưởng của công tác phòng, chống tham nhũng, đặc biệt là việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào quá trình hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay [112].

Nhìn chung, các công trình đã đưa ra được nền tảng lý luận tương đối toàn diện khi làm rõ bản chất, nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng và khẳng định vai trò trung tâm của trách nhiệm giải trình trong kiểm soát quyền lực và nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng; tuy nhiên, các nghiên cứu vẫn chủ yếu tiếp cận từ góc độ thể chế và quản trị, còn thiếu sự tích hợp chiều sâu về văn hóa, đạo đức và nền tảng tư tưởng, qua đó cho thấy khoảng trống nghiên cứu và cũng chính là cơ sở lý luận quan trọng để luận án tiếp tục làm rõ và bổ sung bằng việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam nhằm nâng cao tính toàn diện và bền vững của các giải pháp.

1.2. Các công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng

Trong dòng nghiên cứu về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, một hướng tiếp cận nổi bật tập trung nhận diện “tham ô, lãng phí, quan liêu” [122, tr.362], như “giặc nội xâm” [122, tr.362], coi đây là nhóm nguy cơ đặc biệt nguy hiểm vì nó phá hoại từ bên trong bộ máy, làm suy giảm lòng tin và năng lực quản trị, từ đó đe dọa trực tiếp uy tín của Đảng và Nhà nước. Hồ Chí Minh đã đề ra những nguyên tắc, phương pháp và biện pháp cụ thể để đấu tranh với tham nhũng, không chỉ dừng lại ở xử lý vi phạm mà còn hướng đến xây dựng một nền văn hóa chính trị trong sạch, vững mạnh. Những nghiên cứu về tư tưởng của Người trong lĩnh vực này không chỉ cung cấp nền tảng cơ sở lý luận chặt chẽ, mà còn là “kim chỉ nam” để vận dụng hiệu quả vào công cuộc phòng, chống tham nhũng hiện nay. Nhiều năm qua, tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham

những đã trở thành một hướng nghiên cứu quan trọng, thu hút sự quan tâm của nhiều học giả với các công trình tập trung phân tích một cách hệ thống những quan điểm của Người về xây dựng nhà nước liêm chính, đề cao đạo đức công vụ, kiểm soát quyền lực và phát huy vai trò giám sát của nhân dân, qua đó góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho việc vận dụng vào thực tiễn phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.

Công trình *“Bệnh quan liêu của Bộ máy nhà nước trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Nguyên nhân và phương hướng khắc phục”* của Nguyễn Trần Thành (2000) đã làm rõ khái niệm, bản chất và nguyên nhân của quan liêu theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là biểu hiện của “bệnh quan liêu” trong bộ máy nhà nước Việt Nam, từ đó đưa ra những giải pháp khắc phục [166]. Xét ở phương diện lý luận, công trình này đã đưa ra một số nguyên nhân cơ bản liên quan đến tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả luận án có thể kế thừa ở một góc độ nào đó khi nghiên cứu phân cơ sở lý luận về nguyên nhân của tham nhũng. Đồng thời, đặt trong bối cảnh hiện nay, công trình cũng đặt ra yêu cầu cho tác giả luận án khi đi tìm nguyên nhân của tham nhũng phải xuất phát từ thực tiễn khách quan và bối cảnh Việt Nam hiện nay để soi chiếu. Từ đó, đưa ra giải pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh một cách khả thi nhất, đạt hiệu quả cao nhất.

Cuốn sách *“Tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu”* của Ban Tuyên giáo Trung ương (2008). Đây là công trình tiêu biểu khi nghiên cứu nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng qua 6 phần. Trong đó, phần thứ nhất là nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí; phần thứ hai nói về thực hành tiết kiệm; phần thứ ba là các quy định mới về phòng, chống tham nhũng; phần bốn năm sáu liên quan tới công tác phòng, chống tham nhũng thông qua các biện pháp cụ thể. Công trình này đã cung cấp cho tác giả luận án những nội dung lý thuyết của Hồ Chí Minh về tham nhũng tương đối đầy đủ, việc kế thừa những quan điểm của công trình giúp tác giả luận án xây dựng nền tảng lý luận phòng, chống

tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh một cách đồ sộ hơn, sâu sắc hơn và vận dụng vào giai đoạn hiện nay tốt hơn [22].

Ở một nghiên cứu khác, bài viết *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng và một số giá trị tham khảo trong thời đại ngày nay”* (2009) của Bùi Thị Huệ và Hoàng Văn Tuấn đã nhấn mạnh cách nhìn của Hồ Chí Minh khi coi tham nhũng là “giặc nội xâm”, một mối nguy hiểm xuất phát từ bên trong hệ thống quyền lực, gắn liền với sự tha hóa quyền lực và sự phát triển của chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Theo cách tiếp cận này, tham nhũng không chỉ là hành vi trục lợi cá nhân đơn thuần mà còn là biểu hiện của quá trình suy thoái toàn diện về tư tưởng, đạo đức và tổ chức trong bộ máy nhà nước và trong đội ngũ cán bộ. Bài viết cho rằng trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, tham nhũng được hình thành từ sự kết hợp của nhiều yếu tố như sự suy giảm đạo đức cách mạng, sự buông lỏng kỷ luật và kiểm soát quyền lực, cũng như sự xâm nhập của chủ nghĩa cá nhân vào đời sống chính trị. Vì vậy, Người luôn yêu cầu phải nhìn nhận tham nhũng như một “căn bệnh của bộ máy quyền lực”, cần được phòng ngừa và đấu tranh một cách thường xuyên, toàn diện chứ không chỉ xử lý ở cấp độ các hành vi vi phạm riêng lẻ [101].

Công trình *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng”* của Bùi Mạnh Cường và Nguyễn Thị Tố Uyên (2015) đã hệ thống một cách rất đầy đủ bản chất nguyên nhân và tác hại của tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó nhóm tác giả đưa ra biện pháp phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng của Người bao gồm cảnh cáo, răn đe, vừa “xây và chống”. Cuốn sách này phản ánh rất sát thực trạng tham nhũng hiện nay, các biện pháp mà công trình đưa ra phản ánh sâu sắc quá trình Đảng và Nhà nước vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công cuộc phòng, chống tham nhũng hiện nay. Trên cơ sở đó, tác giả luận án kế thừa những quan điểm mang tính thời sự, đồng thời bổ sung những biện pháp, chủ trương và chính sách mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh mà Đảng và Nhà nước đang đẩy mạnh [45].

Công trình *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu: Nội dung và giá trị”* của Nguyễn Ngọc Anh (2018) đã hệ thống hóa tương đối

đầy đủ cách tiếp cận của Hồ Chí Minh đối với vấn đề tham nhũng. Tác giả chỉ ra trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tham ô không đơn thuần là hành vi chiếm đoạt tài sản công mà còn bao gồm mọi biểu hiện lợi dụng chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích riêng; lãng phí là sự sử dụng không hiệu quả hoặc làm thất thoát nguồn lực của Nhà nước và xã hội; còn quan liêu là căn bệnh về phương thức lãnh đạo, biểu hiện ở việc xa rời thực tế, xa dân, thiếu kiểm tra, giám sát. Công trình đặc biệt làm rõ tính chỉnh thể trong tư duy của Hồ Chí Minh khi xem ba hiện tượng này có mối quan hệ hữu cơ, trong đó quan liêu vừa là nguyên nhân, vừa là môi trường dung dưỡng tham ô và lãng phí, qua đó cho thấy cách tiếp cận mang tính hệ thống của Người đối với vấn đề tham nhũng. Công trình này cung cấp một nền tảng lý luận lớn cho tác giả luận án, đặc biệt là ở phần cơ sở lý thuyết [2].

Công trình “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng*” của Ban Nội chính Trung ương (2015) đã khái quát một cách đầy đủ về tầm quan trọng của công tác nội chính. Công trình chỉ ra theo Hồ Chí Minh, công tác nội chính phải phục vụ nhân dân, xây dựng nhà nước vì dân. Để làm được điều đó thì phải lấy “Cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư” làm nền tảng, phải lấy đạo đức cách mạng làm cái gốc. Nội chính phải gắn với đạo đức, liêm khiết. Công trình này là tư liệu vô cùng quý giá trong phòng, chống tham nhũng, đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay khi tham nhũng nảy sinh và diễn biến vô cùng phức tạp [17].

Trong hướng nghiên cứu về tham ô, công trình “*Phòng, chống tham nhũng, lãng phí - từ tư tưởng Hồ Chí Minh đến quá trình nhận thức của Đảng ta*” (2019) của Doãn Thị Chín đã tiếp cận vấn đề từ góc độ chính trị học, góp phần làm rõ nhận thức của Hồ Chí Minh về bản chất và mức độ nguy hiểm của các hiện tượng tham ô, lãng phí, quan liêu đối với sự tồn vong của chế độ. Tác giả cho rằng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tham ô và lãng phí không chỉ là những hành vi gây thiệt hại về kinh tế cho Nhà nước và xã hội mà còn là biểu hiện của sự suy thoái đạo đức cách mạng bắt nguồn từ chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Chính chủ nghĩa cá nhân đã làm tha hóa quyền lực, khiến cán bộ đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích của tập thể và của nhân dân, từ đó dẫn tới các hành vi tham ô, lãng phí và quan

liêu trong bộ máy nhà nước. Trên cơ sở phân tích các quan điểm của Hồ Chí Minh, công trình nhấn mạnh rằng cuộc đấu tranh chống tham nhũng phải gắn liền với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, coi đây là điều kiện quan trọng để giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên và bảo vệ bản chất của Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Qua đó, công trình của Doãn Thị Chín đã góp phần làm rõ mối liên hệ giữa tham ô, lãng phí với chủ nghĩa cá nhân theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời cung cấp thêm cơ sở lý luận để nhận thức quá trình vận dụng tư tưởng của Người trong đường lối phòng, chống tham nhũng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Công trình là nguồn tư liệu tham khảo rất “đắt” đối với những việc thể chế hóa tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam [53].

Nghiên cứu về tham nhũng theo tư tưởng của Hồ Chí Minh, còn có bài viết *“Quan điểm của Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu”* (2021) của Lê Thị Sáu và Nguyễn Văn Trường, trong đó các tác giả đã phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa cá nhân là “kẻ thù bên trong” của người cách mạng. Theo cách tiếp cận này, tham ô không chỉ là những hành vi sai phạm mang tính kinh tế, hành chính mà còn là biểu hiện trực tiếp của chủ nghĩa cá nhân nảy sinh trong một bộ phận cán bộ, đảng viên khi quyền lực không được kiểm soát chặt chẽ. Các tác giả chỉ ra rằng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa cá nhân làm nảy sinh hàng loạt biểu hiện tiêu cực như tham lam, vụ lợi, đặc quyền, đặc lợi, vô trách nhiệm, xa rời quần chúng, từ đó làm suy thoái đạo đức cách mạng và dẫn đến các hành vi tham ô, lãng phí trong bộ máy nhà nước. Nhìn chung, nghiên cứu của Lê Thị Sáu và Nguyễn Văn Trường đã góp phần bổ sung cách tiếp cận quan trọng trong tổng quan các công trình về phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, khi nhấn mạnh mối quan hệ giữa chủ nghĩa cá nhân với các biểu hiện tham nhũng, qua đó làm rõ hơn nguyên nhân của tham nhũng để Đảng và Nhà nước đưa ra những giải pháp phù hợp trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh [152].

Cùng hướng nghiên cứu này, công trình *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về chống tham ô, lãng phí và cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng hiện nay”* (2019) của

Nguyễn Quang Vinh đã phân tích biểu hiện của tham nhũng trong bộ máy nhà nước. Tác giả đã làm rõ các dạng thức tham ô, lãng phí thường xuất hiện trong hoạt động quản lý công, như việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân, sử dụng tài sản công không đúng mục đích hoặc buông lỏng trách nhiệm trong quản lý nguồn lực của Nhà nước. Trên cơ sở đó, nghiên cứu nhấn mạnh rằng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, quá trình hình thành tham ô và lãng phí gắn liền với sự suy thoái về đạo đức và trách nhiệm công vụ của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Công trình này đã gắn chặt tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên nhân của tham nhũng, tác giả luận án cũng có thể kế thừa quan điểm này cho phân khung lý thuyết của mình khi nghiên cứu sâu hơn về nguyên nhân và chủ thể của tham nhũng [230].

Trong bài viết *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô và ý nghĩa của nó trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay”* (2021), Lê Thị Hòa đã tiếp cận vấn đề theo hướng phân tích tương đối toàn diện các biểu hiện, nguyên nhân và tác hại của tham ô trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Nghiên cứu đặc biệt nhấn mạnh quan niệm của Hồ Chí Minh về việc nhận diện sớm các dấu hiệu suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, như biểu hiện vụ lợi, thiếu trách nhiệm, xa rời quần chúng hoặc lợi dụng chức quyền để mưu cầu lợi ích cá nhân. Theo tác giả, việc phát hiện sớm những biểu hiện này có ý nghĩa quan trọng trong việc phòng ngừa tham nhũng từ gốc, bởi nếu không kịp thời ngăn chặn thì các biểu hiện suy thoái về đạo đức và lối sống sẽ dần dẫn tới các hành vi tham ô, lãng phí trong hoạt động công vụ [98]. Qua đó, công trình đã góp phần làm rõ cách tiếp cận của Hồ Chí Minh đối với phòng, chống tham ô theo hướng phòng ngừa sớm, coi trọng việc rèn luyện đạo đức cách mạng và tăng cường trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, đồng thời bổ sung thêm góc nhìn về giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay. Công trình này cung cấp cho tác giả luận án một điểm nhìn mới về phương pháp phòng, chống tham nhũng khi vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là phải phòng, chống từ xa, từ sớm [98].

Các công trình thuộc hướng nghiên cứu này đã góp phần làm sáng tỏ một số nội dung lý luận cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: (i) quan niệm về bản chất và biểu hiện của tham nhũng; (ii) nguyên nhân sâu xa của tham nhũng và (iii) tác hại của tham nhũng đối với sự tồn vong của chế độ. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn thiên về diễn giải và hệ thống hóa tư liệu, chưa phân tích sự vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng.

Cuốn sách *“Nhận diện tham nhũng và các giải pháp phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay”* của Phan Xuân Sơn, Hoàng Thế Lực (2010), đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về tham nhũng trên nền tảng phân tích bản chất của quyền lực công và nguy cơ tha hóa quyền lực, làm rõ khái niệm, các cách tiếp cận quốc tế và những tác động tiêu cực của tham nhũng đối với phát triển kinh tế - xã hội và hiệu lực quản trị quốc gia. Những luận điểm này đã kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng, qua đó góp phần cung cấp khung phân tích quan trọng cho việc nhận diện và luận giải tham nhũng hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó công trình đi sâu khảo sát thực trạng tham nhũng ở Việt Nam thông qua các nguồn dữ liệu trong nước và đánh giá của các tổ chức quốc tế, từ đó chỉ ra mức độ phổ biến, tính chất phức tạp và những đặc điểm đặc thù của tham nhũng trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là khu vực công và công tác cán bộ. Nhìn chung, công trình cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng, góp phần làm rõ cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng cơ chế phòng, chống tham nhũng từ gốc, kết hợp giữa hoàn thiện thể chế với xây dựng đạo đức công vụ và kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị [153].

Cuốn sách *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Giá trị lý luận và thực tiễn”* (2017) của Phùng Thanh và Bùi Văn Mạnh đã hệ thống hóa một cách tương đối toàn diện quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất, nguyên nhân và phương thức phòng, chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước. Công trình khẳng định rằng, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tham ô, lãng phí và quan liêu là những “căn bệnh nội xâm” có nguồn gốc sâu xa từ chủ nghĩa cá nhân, sự suy thoái đạo đức và tình trạng xa rời quần chúng; do đó, cuốn sách đề ra giải pháp khi

vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng phải được tiến hành đồng thời trên cả hai phương diện: xây dựng đạo đức cách mạng, nâng cao ý thức trách nhiệm phục vụ nhân dân và tăng cường kỷ luật, kiểm tra, giám sát trong thực thi quyền lực [165].

Ở bình diện lý luận về đạo đức công vụ và liêm chính trong phòng, chống tham nhũng, nghiên cứu *“Chữ “Liêm” trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh với việc xây dựng đạo đức của cán bộ, đảng viên trong phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay”* (2017) của Nguyễn Đình Trường đã góp phần làm rõ nội hàm chữ “liêm” như một trụ cột trong tư tưởng đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh. Theo cách tiếp cận này, “liêm” không chỉ dừng lại ở sự thanh bạch về vật chất, không tham của công hay không lợi dụng chức vụ để trục lợi cá nhân, mà còn bao hàm sự trong sạch trong việc sử dụng quyền lực, ý thức trách nhiệm trước nhân dân và tinh thần tận tụy, công tâm trong thực thi công vụ. “Liêm” không chỉ là phẩm chất đạo đức cá nhân theo nghĩa truyền thống mà đã phát triển thành một nguyên tắc đạo đức công vụ gắn trực tiếp với yêu cầu kiểm soát hành vi quyền lực trong hoạt động quản lý nhà nước. Một lần nữa, tư tưởng Hồ Chí Minh đã được tiếp cận theo vấn đề kiểm soát quyền lực một cách logic kết hợp giữa tự kiểm soát đạo đức và kiểm soát bằng thiết chế. Vì vậy, cần bảo đảm sự thống nhất giữa giáo dục đạo đức, tự giác tu dưỡng với các thiết chế giám sát, kiểm tra và xử lý, qua đó vận dụng sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng văn hóa liêm chính và nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng trong bối cảnh hiện nay [184].

Tiếp cận từ góc độ xây dựng đội ngũ cán bộ như một giải pháp nền tảng trong phòng, chống tham nhũng, Nguyễn Ngọc Anh trong công trình *“Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* (2017) đã nhấn mạnh vai trò của giáo dục chính trị, tư tưởng và rèn luyện đạo đức cách mạng nhằm hình thành đội ngũ công chức liêm chính theo quan điểm của Hồ Chí Minh. Nghiên cứu chỉ ra rằng, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ thể thực thi quyền lực vừa là yếu tố quyết định chất lượng và hiệu lực vận hành của bộ máy nhà nước, do đó sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức của cán bộ không chỉ dẫn đến tham nhũng ở cấp độ

cá nhân mà còn làm suy giảm tính chính danh và hiệu quả quản trị của toàn bộ hệ thống. Từ góc độ lý luận, cách tiếp cận này làm rõ logic phòng, chống tham nhũng từ gốc, coi việc giáo dục lý tưởng, nâng cao bản lĩnh chính trị và xây dựng động cơ phụng sự nhân dân là cơ chế tự kiểm soát bên trong, giúp hạn chế nguy cơ tha hóa quyền lực ngay từ khâu hình thành và phát triển đội ngũ cán bộ. Công trình cũng nhấn mạnh vai trò của giáo dục và tu dưỡng trên phương diện đạo đức tư tưởng và cũng phân tích sâu cơ chế chuyển hóa các giá trị này thành những tiêu chuẩn thể chế cụ thể trong quản trị nhân sự công, qua đó gợi mở cho tác giả hướng vận dụng sâu sắc hơn tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng đội ngũ cán bộ liêm chính gắn với nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng trong điều kiện hiện nay [1].

Từ việc khảo cứu các công trình theo hai hướng nghiên cứu nêu trên có thể thấy rằng, các học giả đã tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng trên hai bình diện cơ bản và có tính bổ trợ lẫn nhau. Một mặt, các nghiên cứu đã tập trung làm rõ hệ thống quan điểm của Người về tham ô, lãng phí, quan liêu, phân tích bản chất, biểu hiện, tác hại và đặc biệt là nhận diện chủ nghĩa cá nhân như nguồn gốc sâu xa dẫn đến sự tha hóa quyền lực và suy thoái trong bộ máy nhà nước. Mặt khác, nhiều công trình tiếp cận từ phương diện xây dựng nền tảng đạo đức công vụ, nhấn mạnh vai trò của hệ giá trị “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” yêu cầu liêm chính và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên như cơ chế phòng ngừa từ gốc đối với các biểu hiện tiêu cực. Nhìn chung, các nghiên cứu đã góp phần hệ thống hóa và làm sáng tỏ những nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng trên cả hai phương diện nhận diện nguy cơ và xây dựng nền tảng phòng ngừa. Tuy nhiên, vẫn còn một khoảng trống cần làm rõ đầy đủ mối liên hệ logic giữa hai phương diện “chống” (đấu tranh với tham ô, lãng phí, quan liêu và chủ nghĩa cá nhân) và “xây” (xây dựng đạo đức công vụ, liêm chính và nêu gương) trong một chỉnh thể lý luận thống nhất về kiểm soát và phòng ngừa sự tha hóa quyền lực, đây cũng là vấn đề tiếp tục được nghiên cứu nhằm nhận diện đầy đủ hơn cấu trúc nội tại và giá trị lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng.

1.3. Các công trình nghiên cứu về vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng

Trong thời gian qua, nhiều công trình đã tiếp cận việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng theo hướng gắn lý luận với thực tiễn. Nhìn tổng thể, các nghiên cứu tập trung chủ yếu vào hai phương diện: một là phát huy dân chủ, “dựa vào dân”, tăng cường kiểm tra, giám sát như cơ chế kiểm soát quyền lực từ xã hội; hai là thể chế hóa tư tưởng Hồ Chí Minh trong đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước nhằm xây dựng cơ chế phòng ngừa và xử lý tham nhũng một cách hệ thống.

Cuốn sách *“Xây dựng, chỉnh đốn Đảng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí”* (2004) của tác giả Lưu Quang Quán là một công trình lớn, tập hợp những bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những văn bản của Đảng và Nhà nước trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thông qua cuộc vận động ngăn chặn và đẩy lùi quan liêu, tham nhũng và lãng phí. Đây là sự vận dụng và kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng và Nhà nước trong quá trình phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay [146].

Tiếp đó, cuốn sách *“Phát huy dân chủ trong đấu tranh chống tham nhũng ở nước ta hiện nay”* của Phạm Thành Nam, Đỗ Thị Thạch (2005) đã hệ thống hóa quan điểm và tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam, công trình cũng đưa ra những giải pháp vận dụng một cách hiệu quả dựa trên tư tưởng của Người [132].

Cuốn sách *“Đảng Cộng sản Việt Nam với cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí”* (2006) của Đỗ Xuân Tuất và cộng sự đã làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác phòng, chống tham ô, quan liêu và lãng phí. Trên cơ sở đó, công trình đã hệ thống, phân tích các văn bản của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực trạng đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Công trình cũng đưa ra những minh chứng vận dụng cụ thể thông qua những vụ án tham nhũng lớn, từ đó gợi mở cho Đảng và Nhà nước những biện pháp vận dụng hiệu quả hơn trong thời gian tiếp theo [188].

Công trình *“ Tư tưởng Hồ Chí Minh với thực tiễn công tác phòng, chống tham ô, tham nhũng của Đảng hiện nay ”* (2009) của Nguyễn Văn Nho và Nguyễn Văn Cương đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng theo hướng phát huy dân chủ và “dựa vào dân” như một nguyên tắc nền tảng trong kiểm soát tham nhũng. Trên cơ sở phân tích toàn diện những tác động tiêu cực của tham nhũng, các tác giả khẳng định việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng phải được hiểu như một cơ chế kiểm soát quyền lực từ xã hội, trong đó nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể tham gia phát hiện, phản ánh và giám sát các hành vi tham nhũng, qua đó góp phần phòng ngừa từ sớm, từ xa các biểu hiện tha hóa quyền lực. Công trình đã bước đầu làm rõ mối quan hệ hữu cơ giữa hiệu quả phòng, chống tham nhũng với mức độ dân chủ, tính minh bạch của hoạt động công vụ và sự tham gia thực chất của người dân, đồng thời cho thấy tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ có giá trị như một cơ chế kiểm soát quyền lực bên ngoài hệ thống, bổ sung cho các thiết chế kiểm tra, giám sát nội bộ trong hệ thống chính trị [136].

Công trình *“ Đạo đức Hồ Chí Minh - một nội dung quan trọng gắn chặt với việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng hiện nay ”* (2009) của Vũ Trà Giang, Trần Toàn Trung và Lưu Văn Thuấn đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng kết hợp giữa nền tảng đạo đức cách mạng với cơ chế kiểm soát quyền lực thông qua phát huy dân chủ trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị. Trên cơ sở phân tích các giá trị cốt lõi của đạo đức Hồ Chí Minh, nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của phê bình và tự phê bình như một hình thức dân chủ nội bộ đặc thù, góp phần phát hiện sớm những biểu hiện suy thoái, tha hóa quyền lực và ngăn chặn nguy cơ tham nhũng ngay từ bên trong tổ chức. Đảng và Nhà nước đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng trong xây dựng bộ máy nhà nước, đây là công cụ thể chế hóa dân chủ nội bộ, qua đó tạo cơ chế ràng buộc trách nhiệm, hạn chế sự lạm quyền và ngăn ngừa sự hình thành các “vùng an toàn quyền lực”, những nơi dễ phát sinh tham nhũng và lợi ích nhóm. Từ góc độ vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, nghiên cứu đã chỉ ra mối liên hệ giữa dân chủ nội bộ, kỷ luật tổ chức và

hiệu quả phòng, chống tham nhũng, cho thấy kiểm soát quyền lực không chỉ dựa vào các thiết chế pháp lý mà còn gắn chặt với môi trường đạo đức và văn hóa chính trị trong hệ thống [93].

Công trình của Phạm Thị Hải Chuyền (2010), *“Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng”*, đã tiếp cận việc phòng, chống tham nhũng từ góc độ thể chế hóa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cơ chế kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị, đặc biệt thông qua hệ thống kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Trên cơ sở phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh coi kiểm tra là “một chức năng lãnh đạo”, là phương thức quan trọng để phòng ngừa sai phạm và ngăn chặn sự tha hóa quyền lực, công trình làm rõ yêu cầu xây dựng hệ thống quy định, quy trình kiểm tra, giám sát chặt chẽ, bảo đảm mọi tổ chức đảng và đảng viên đều hoạt động trong khuôn khổ kỷ luật, kỷ cương. Công trình không chỉ dừng ở việc làm rõ cơ sở lý luận mà còn đánh giá thực tiễn vận dụng trong thời gian qua, qua đó chỉ ra sự chuyển hóa tư tưởng của Người thành các chủ trương, quy định và cơ chế tổ chức cụ thể nhằm tăng cường tính răn đe, phòng ngừa và xử lý vi phạm trong nội bộ Đảng - một yếu tố có ý nghĩa trực tiếp đối với hiệu quả phòng, chống tham nhũng. Đồng thời, công trình nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế kiểm tra, giám sát theo hướng nâng cao tính chủ động, kịp thời, công khai và gắn kiểm tra với trách nhiệm giải trình của tổ chức và cá nhân có chức vụ, quyền hạn. Qua đó, nghiên cứu góp phần làm rõ mối liên hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với định hướng xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng như nền tảng của việc hoàn thiện hệ thống chính sách và pháp luật phòng, chống tham nhũng của Nhà nước. Công trình cũng đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu theo hướng tích hợp cơ chế kiểm tra của Đảng với hệ thống pháp luật, thanh tra, kiểm toán và giám sát của nhân dân, để xây dựng một cơ chế kiểm soát quyền lực đồng bộ, đa tầng và bền vững theo tinh thần tư tưởng Hồ Chí Minh trong phòng, chống tham nhũng hiện nay [67].

Cuốn sách *“Những giải pháp và điều kiện thực hiện, phòng, chống suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên”* (2011) của tác giả Vũ Văn Phúc, Ngô Văn Thạo đã luận giải khung lý luận phòng, chống suy thoái tư tưởng,

đạo đức và lối sống của một số cán bộ đảng viên. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đưa ra kinh nghiệm phòng, chống tệ nạn này ở một số quốc gia trên thế giới; đồng thời, đưa ra diễn biến của những biểu hiện này trong thời gian tới, kinh nghiệm xử lý của một số quốc gia và cuối cùng là sự kế thừa của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện thực tiễn chống lại “căn bệnh” này [144].

Công trình “*Đảng và Nhà nước đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí*” (2014) của Trương Thị Thông và Lê Kim Việt đã phân tích những bài viết của cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước, những văn bản và Nghị quyết của Đảng về công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Đây là nguồn tư liệu quý giá, thể hiện sự sáng tạo vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam của Đảng, cũng là sự kế thừa và tiếp nối trong cuộc chiến này nhằm xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hướng tới nhân dân [168].

Nguyễn Tuấn Khanh (2015) với công trình “*Trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí*” là một nghiên cứu tiêu biểu về tham nhũng và trách nhiệm của chính quyền trong phòng, chống tham nhũng. Công trình này thể hiện sự thể chế hóa vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước “của dân, do dân, vì dân”. Từ đó, tác giả đưa ra những giải pháp thúc đẩy, nâng cao hiệu quả vận dụng trong giai đoạn mới [103].

Tác giả Trần Quang Đại (2015) với công trình “*Đảng với cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí*” là một ấn phẩm đặc biệt, tập hợp những bài viết về công tác phòng, chống tham nhũng và những biểu hiện suy thoái, biến chất trong quá trình hoạt động của Đảng và Nhà nước. Công trình đã khái quát tình hình tham nhũng ở Việt Nam và đưa ra những tác hại có thể xảy ra, từ đó đưa ra những chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước được thể chế hóa từ tư tưởng Hồ Chí Minh để phòng, chống tham nhũng [73].

Luận án Tiến sĩ Phạm Thị Thúy Vân (2018) “*Chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*”, đã luận giải và làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về khái niệm, bản chất, nguyên nhân và tác hại

chủ nghĩa cá nhân. Trên cơ sở đó, tác giả đã đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chống chủ nghĩa cá nhân trong đội ngũ cán bộ, đảng viên từ đó đề ra những giải pháp vận dụng tư tưởng của Người để xây dựng đội ngũ cán bộ vì nước, vì dân trong giai đoạn tới [195].

Cuốn sách “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và sự vận dụng trong xây dựng Đảng về đạo đức hiện nay*” của Lê Khả Phiêu (2019) là một nghiên cứu lớn, thể hiện sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, đặc biệt là về đạo đức cách mạng trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh. Công trình này cũng đưa ra những nhiệm vụ và giải pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong tình hình mới, trong đó nội dung phòng, chống tham nhũng có vai trò vô cùng quan trọng đặt trong bối cảnh hiện nay [142].

Nguyễn Quốc Sửu (2021) với công trình “*Phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*”, đã tiếp cận vấn đề tham nhũng và phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ trên cơ sở vận dụng một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh và đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính. Tác giả nhấn mạnh các quan điểm của Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, đặc biệt là các phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; yêu cầu thường xuyên tu dưỡng đạo đức công vụ; đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; đồng thời khẳng định vai trò của kiểm tra, giám sát, công khai, minh bạch và sự tham gia giám sát của nhân dân trong phòng, chống tham nhũng. Trên cơ sở vận dụng những quan điểm đó, công trình đã phân tích thực trạng tham nhũng trong hoạt động công vụ ở Việt Nam và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng. Tuy nhiên, công trình chủ yếu nghiên cứu tham nhũng trong hoạt động công vụ dưới góc độ quản lý nhà nước và hành chính công; việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh mới được đề cập như một nền tảng lý luận cho các giải pháp phòng, chống tham nhũng, chưa đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng cũng như quá trình vận dụng tư

tường đổ vào thực tiễn phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay dưới góc độ chính trị học [154].

Trần Văn Tĩnh (2022) với công trình *“Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các cơ quan hành chính nhà nước cấp Trung ương thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Đảng”*. Công trình đã đưa ra cơ sở lý luận và thực trạng về phòng, chống tham nhũng qua công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát của Đảng. Đưa ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng dựa trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh làm “kim chỉ nam” [173].

Lê Thị Chiên trong bài báo *“Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân: Từ tư tưởng Hồ Chí Minh đến sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam”* (2023) đã tiếp cận một nội dung có ý nghĩa nền tảng trong tư tưởng Hồ Chí Minh đối với phòng, chống tham nhũng, đó là đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân gắn với thực hành dân chủ và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả chỉ ra chủ nghĩa cá nhân không chỉ là sự suy thoái về đạo đức mà còn là nguy cơ chính trị xã hội làm tha hóa quyền lực, phá vỡ nguyên tắc tập trung dân chủ, làm suy giảm tinh thần trách nhiệm và tạo môi trường nảy sinh tham ô, tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Trên cơ sở đó, công trình khẳng định việc phòng, chống tham nhũng hiệu quả phải bắt đầu từ việc kiên quyết đấu tranh với chủ nghĩa cá nhân trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, đồng thời xây dựng ý thức phụng sự nhân dân và đặt lợi ích công lên trên lợi ích cá nhân. Điểm đáng chú ý của nghiên cứu là đã làm rõ mối liên hệ giữa đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân với yêu cầu thực hành dân chủ và “dựa vào dân”, khi nhấn mạnh rằng Hồ Chí Minh luôn coi nhân dân là lực lượng quan trọng trong kiểm soát quyền lực thông qua các hình thức góp ý, phản ánh, phê bình và giám sát xã hội. Dân chủ, theo tư tưởng của Người, không chỉ là mục tiêu mà còn là phương thức để hạn chế sự tha hóa quyền lực, bởi khi quyền lực được đặt dưới sự giám sát của nhân dân và gắn với trách nhiệm giải trình, những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân sẽ bị phát hiện và ngăn chặn kịp thời. Công trình vì vậy đã góp phần làm rõ cách tiếp cận phòng, chống tham nhũng từ góc độ đạo đức

chính trị gắn với cơ chế kiểm soát xã hội, đồng thời bước đầu liên hệ với sự vận dụng của Đảng trong việc phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân [52].

Công trình *“ Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng và sự vận dụng ở Việt Nam hiện nay ”* (2023) của Nguyễn Thị Liên đã tiếp cận vấn đề theo hướng tổng hợp các nguyên tắc cốt lõi trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn phòng, chống tham nhũng, trong đó đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu minh bạch hóa hoạt động quản lý, nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền và phát huy vai trò giám sát của quần chúng nhân dân như những trụ cột của cơ chế kiểm soát quyền lực hiện nay. Nghiên cứu cho thấy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dân chủ và sự tham gia của nhân dân không chỉ mang ý nghĩa chính trị, xã hội mà còn là phương thức kiểm soát quyền lực hiệu quả từ bên ngoài bộ máy, góp phần hạn chế nguy cơ lạm quyền và tha hóa quyền lực. Trên cơ sở đó, tác giả bước đầu liên hệ các nguyên tắc này với yêu cầu xây dựng nền quản trị công khai, minh bạch và liêm chính trong bối cảnh hiện nay, qua đó khẳng định giá trị định hướng của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với việc hoàn thiện cơ chế phòng, chống tham nhũng theo hướng tăng cường tính trách nhiệm và khả năng giải trình của hệ thống công quyền. Tuy nhiên, công trình chủ yếu dừng lại ở việc mô tả và hệ thống hóa các nguyên tắc mang tính định hướng, chưa phân tích sâu các điều kiện thể chế và năng lực thực thi cần thiết để bảo đảm các nguyên tắc này vận hành hiệu quả trong thực tế, cũng như chưa làm rõ mối quan hệ tương tác giữa giám sát của nhân dân với các thiết chế kiểm soát quyền lực chính thức trong hệ thống chính trị [225].

Tiếp cận ở phạm vi ngành, công trình *“ Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng trong lực lượng Công an nhân dân Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh ”* (2023) của Hoàng Thị Huyền đã làm rõ yêu cầu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng kết hợp giữa kiểm tra, giám sát nội bộ với sự giám sát từ phía xã hội nhằm hình thành cơ chế kiểm soát quyền lực đa chiều trong hoạt động của lực lượng thực thi pháp luật. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng, trong bối cảnh quyền lực thực thi công vụ có tính tập trung và chuyên môn cao, việc chỉ dựa vào cơ chế kiểm

soát nội bộ là chưa đủ, mà cần mở rộng các kênh tiếp nhận phản ánh của nhân dân, tăng cường tính công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm giải trình của lực lượng chức năng trước xã hội. Cách tiếp cận này bước đầu thể hiện sự chuyển hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về “dựa vào dân” thành yêu cầu thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực theo hướng kết hợp giữa kiểm soát bên trong và giám sát bên ngoài, góp phần nâng cao tính khách quan và hiệu quả của công tác phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực đặc thù. Tuy nhiên, cũng như nhiều nghiên cứu cùng hướng, công trình vẫn thiên về khẳng định sự cần thiết và ý nghĩa của việc phát huy giám sát xã hội mà chưa lượng hóa được mức độ tham gia của xã hội và chưa đánh giá được tác động thực tế của giám sát xã hội đối với việc nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, qua đó cho thấy khoảng trống nghiên cứu trong việc chuyển hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy dân chủ thành các thiết chế thể chế có tính khả thi và có thể đo lường trong thực tiễn [102].

Công trình “*Tham nhũng và hoạt động của Công an nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam*” của Tô Lâm (2020), đã tiếp cận việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng thể chế hóa vào cơ chế tổ chức và hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong hệ thống chính trị. Trên cơ sở làm rõ những quan điểm của Hồ Chí Minh về kiên quyết xử lý tham nhũng, kết hợp giữa phòng ngừa và trừng trị, công trình phân tích quá trình cụ thể hóa tư tưởng của Người trong đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, đặc biệt thông qua chức năng điều tra, phát hiện và xử lý tội phạm tham nhũng của lực lượng Công an nhân dân. Nghiên cứu không chỉ đánh giá thực trạng tham nhũng và những kết quả đạt được trong hoạt động đấu tranh của lực lượng chuyên trách mà còn chỉ ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế pháp lý, nâng cao năng lực nghiệp vụ, tăng cường phối hợp liên ngành và bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả răn đe và phòng ngừa. Qua đó, công trình góp phần làm rõ sự chuyển hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực, thượng tôn pháp luật và bảo vệ lợi ích của nhân dân thành các thiết chế thực thi cụ thể trong hệ thống cơ quan nhà nước, đồng thời nhấn mạnh vai trò của

lực lượng thực thi pháp luật như một mắt xích quan trọng trong cơ chế kiểm soát quyền lực của Nhà nước pháp quyền [106].

Ở phương diện pháp lý, công trình của Đặng Thị Hoài: *“Thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* (2021) đã tiếp cận việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng thể chế hóa các quan điểm của Người thông qua nâng cao hiệu lực và hiệu quả thực thi pháp luật trong phòng, chống tham nhũng. Trên cơ sở phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đề cao kỷ luật, kỷ cương và nguyên tắc xử lý nghiêm minh, không có “vùng cấm”, nghiên cứu nhấn mạnh rằng hiệu quả phòng, chống tham nhũng không chỉ phụ thuộc vào việc hoàn thiện hệ thống pháp luật mà còn phụ thuộc quyết định vào quá trình tổ chức thực thi trong thực tiễn [99, tr.38-42]. Từ góc độ vận dụng, tác giả đề xuất tăng cường trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức trong thi hành pháp luật; đồng thời xây dựng cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng pháp luật như một công cụ bảo vệ lợi ích công, qua đó bước đầu gắn tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy quyền làm chủ của nhân dân với yêu cầu bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ. Công trình có ý nghĩa khi góp phần làm rõ sự chuyển hóa tư tưởng Hồ Chí Minh từ các giá trị đạo đức, chính trị sang các yêu cầu quản trị nhà nước mang tính thể chế, nhấn mạnh vai trò của cơ chế thực thi, kiểm tra và xử lý trách nhiệm trong kiểm soát quyền lực. Mặc dù đã bước đầu định hình cách tiếp cận vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực thi pháp luật về phòng, chống tham nhũng, công trình vẫn còn khoảng trống trong việc xác định các cơ chế vận hành cụ thể, tiêu chí đánh giá hiệu quả và các giải pháp bảo đảm tính bền vững của hệ thống thực thi pháp luật trong bối cảnh hiện nay.

Từ góc độ đường lối chính trị, công trình của Nghiêm Sỹ Liêm (2021) *“Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam”* tiếp cận vấn đề phòng, chống tham nhũng trên cơ sở làm rõ sự gắn kết giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với yêu cầu xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong bối cảnh

mới. Tác giả khẳng định rằng, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tham nhũng, lãng phí, quan liêu là những biểu hiện của sự tha hóa quyền lực và suy thoái trong bộ máy nhà nước, vì vậy phòng, chống tham nhũng phải gắn với việc kiểm soát chặt chẽ quyền lực, nâng cao kỷ luật, kỷ cương và đề cao trách nhiệm của các chủ thể trong hệ thống chính trị, đặc biệt là trách nhiệm nêu gương và trách nhiệm giải trình của người đứng đầu. Trên cơ sở phân tích tinh thần Đại hội XIII, công trình đã góp phần làm rõ quá trình chuyển hóa các giá trị tư tưởng của Hồ Chí Minh về liêm chính, trách nhiệm và nêu gương thành những định hướng chính trị - pháp lý trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay, qua đó khẳng định tính thời sự và giá trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác phòng, chống tham nhũng [108, tr. 35-39].

Công trình Kobelev E.V., Mazyrin V.M. (2021), “*Коррупция во Вьетнаме и меры по ее ограничению: тревожный вызов для КПВ*” (Tham nhũng ở Việt Nam và các biện pháp hạn chế: thách thức đáng lo ngại đối với Đảng Cộng sản Việt Nam) là một nghiên cứu có giá trị trong việc phân tích thực trạng tham nhũng ở Việt Nam dưới góc nhìn so sánh quốc tế và chính trị học phát triển. Công trình này đã trình bày sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng và tiếp cận tham nhũng ở Việt Nam như một hệ thống gắn với quá trình chuyển đổi kinh tế và mở rộng quyền lực quản lý nhà nước. Nghiên cứu chỉ ra rằng nguy cơ tham nhũng gia tăng trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư công và doanh nghiệp nhà nước, từ đó nhấn mạnh yêu cầu kiểm soát quyền lực và thu hẹp cơ hội trục lợi thông qua cải cách thể chế. Ở góc độ đấu tranh phòng, chống tham nhũng, công trình khẳng định vai trò quyết định của quyết tâm chính trị và sự lãnh đạo của Đảng trong việc xử lý nghiêm các vụ án lớn, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và nâng cao hiệu quả răn đe. Đồng thời, tác giả đánh giá những nỗ lực hoàn thiện pháp luật, tăng cường thanh tra, kiểm toán và minh bạch hóa quản lý công, nhưng cũng chỉ ra rằng hiệu quả bền vững phụ thuộc vào việc chuyển trọng tâm từ xử lý sang phòng ngừa, củng cố cơ chế giám sát xã hội và nâng cao niềm tin của người dân. Công trình vì vậy cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng cho hướng nghiên cứu

về kiểm soát quyền lực, hoàn thiện thể chế và phát huy vai trò xã hội trong phòng, chống tham nhũng [219].

Nguyễn Phú Trọng (2023) với công trình *“Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh”*, là một nghiên cứu có giá trị đặc biệt trong việc làm rõ quá trình thể chế hóa và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong đường lối và chính sách phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở kế thừa tư tưởng của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, kiểm soát quyền lực và kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, công trình đã hệ thống hóa những quan điểm chỉ đạo nhất quán của Đảng về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực như một nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài gắn với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Điểm nổi bật của công trình là đã làm rõ sự chuyển hóa tư tưởng Hồ Chí Minh thành các định hướng thể chế cụ thể như hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, tăng cường kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật, đẩy mạnh công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, đồng thời phát huy vai trò giám sát của nhân dân và các cơ quan dân cử. Bên cạnh việc tổng kết thực tiễn và kết quả đạt được trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng thời gian qua, công trình còn đưa ra nhiều định hướng và giải pháp có ý nghĩa chiến lược nhằm tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, qua đó góp phần xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực đồng bộ, chặt chẽ và hiệu quả. Nghiên cứu vì vậy đã góp phần làm rõ quá trình thể chế hóa toàn diện tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng ở tầm vĩ mô. Công trình cũng đặt ra yêu cầu khi xây dựng một hệ thống tiêu chí đánh giá có khả năng đo lường và ứng dụng trong thực tiễn vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay [182].

Nhìn chung, các công trình đã tiếp cận việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng theo hai trục cơ bản: phát huy dân chủ, tăng cường

giám sát xã hội và hoàn thiện hệ thống thể chế kiểm soát quyền lực. Những nghiên cứu này đã khẳng định giá trị lý luận và tính thời sự của tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, hạn chế chung là phần lớn các công trình vẫn tiếp cận theo từng phương diện riêng lẻ, chủ yếu dừng ở mức khuyến nghị định hướng, chưa xây dựng được mô hình tích hợp giữa giám sát xã hội với kiểm soát thể chế, chưa làm rõ cơ chế vận hành cụ thể cũng như chưa có các nghiên cứu thực chứng để đánh giá hiệu quả vận dụng. Việc thiếu các tiêu chí đo lường, các mô hình thể chế cụ thể và các phân tích về điều kiện bảo đảm thực thi cho thấy khoảng trống nghiên cứu quan trọng, đặt ra yêu cầu tiếp tục hệ thống hóa và cụ thể hóa việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng trong bối cảnh quản trị hiện đại hiện nay.

1.4. Khái quát kết quả và một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

1.4.1. Khái quát kết quả đạt được

Một là, những nghiên cứu liên quan đến phòng, chống tham nhũng.

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, có thể nhận thấy rằng vấn đề phòng, chống tham nhũng đã và đang trở thành một trong những chủ đề trọng tâm, thu hút sự quan tâm sâu rộng của giới học giả, các nhà hoạch định chính sách cũng như các tổ chức quốc tế. Các công trình nghiên cứu được thể hiện dưới nhiều hình thức đa dạng như sách chuyên khảo, bài báo khoa học, đề tài nghiên cứu, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế..., phản ánh sự tiếp cận đa chiều và liên ngành đối với hiện tượng tham nhũng.

Về phương diện nội dung, các nghiên cứu đã tiếp cận phòng, chống tham nhũng từ nhiều góc độ khác nhau như kinh tế học, chính trị học, luật học, xã hội học..., qua đó góp phần làm sáng tỏ bản chất, đặc điểm, biểu hiện cũng như cơ chế vận hành của tham nhũng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhiều công trình đã phân tích sâu sắc vai trò của các chủ thể trong công tác phòng, chống tham nhũng như Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và Nhân dân, đồng thời chỉ ra sự cần thiết phải xây dựng cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các chủ thể này nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực và phòng

ngừa tham nhũng. Đáng chú ý, nhiều nghiên cứu đã đề xuất hệ thống giải pháp tương đối toàn diện và có giá trị cả về lý luận và thực tiễn, bao gồm: tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ; hoàn thiện thể chế và hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; đẩy mạnh giáo dục đạo đức công vụ; phát huy vai trò giám sát của xã hội và truyền thông. Những giải pháp này không chỉ góp phần hoàn thiện khung lý luận về phòng, chống tham nhũng mà còn có ý nghĩa định hướng quan trọng đối với việc xây dựng và thực thi chính sách trong thực tiễn.

Đối với các nghiên cứu tại Việt Nam, bên cạnh việc kế thừa các lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế, nhiều công trình đã chú trọng phân tích đặc thù của hệ thống chính trị và bối cảnh phát triển của đất nước. Thông qua việc nghiên cứu các mô hình quản trị liên chính, cơ chế kiểm soát quyền lực, minh bạch hóa tài sản và vai trò của xã hội dân sự ở các quốc gia khác, các học giả đã đưa ra nhiều khuyến nghị có giá trị tham khảo, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Xét trên bình diện lý luận, các công trình nghiên cứu đã góp phần hình thành một hệ thống lý luận tương đối hoàn chỉnh về phòng, chống tham nhũng. Hệ thống này không chỉ dừng lại ở việc làm rõ khái niệm, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, mà còn xác lập các nguyên tắc, quan điểm chỉ đạo, phương châm hành động và định hướng chiến lược trong công tác phòng, chống tham nhũng. Đây là cơ sở quan trọng để định hướng cho hoạt động hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện trong thực tiễn.

Về phương diện thực tiễn, các nghiên cứu đã phân tích sâu sắc thực trạng tham nhũng, chỉ ra những hậu quả nghiêm trọng của hiện tượng này đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời dự báo xu hướng biến đổi của tham nhũng trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, nhiều giải pháp đã được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng ở cấp độ vĩ mô và vi mô, góp phần định hướng cho hoạt động quản trị quốc gia trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, những nghiên cứu liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng.

Các công trình nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh liên quan đến phòng, chống tham nhũng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, thể hiện ở việc tiếp cận tương đối toàn diện cả về lý luận và thực tiễn. Trước hết, các nghiên cứu đã làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất của tham nhũng như một biểu hiện của sự tha hóa quyền lực, gắn liền với sự suy thoái về đạo đức và lối sống của cán bộ, đảng viên. Theo đó, tham nhũng không chỉ là vấn đề kinh tế hay pháp lý, mà còn là vấn đề chính trị và đạo đức, có tác động trực tiếp đến uy tín của Đảng và niềm tin của Nhân dân.

Bên cạnh đó, các công trình đã phân tích sâu sắc những tác hại của tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, không chỉ dừng lại ở thiệt hại vật chất mà còn làm suy yếu nền tảng đạo đức xã hội, phá vỡ mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, thậm chí đe dọa sự tồn vong của chế độ. Đồng thời, các nghiên cứu cũng đã chỉ ra hệ thống nguyên nhân của tham nhũng, bao gồm cả yếu tố chủ quan (sự suy thoái của cán bộ, đảng viên) và yếu tố khách quan (những bất cập trong thể chế, cơ chế quản lý và kiểm soát quyền lực). Một điểm nổi bật trong các nghiên cứu là việc làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ thể và lực lượng tham gia phòng, chống tham nhũng. Theo đó, phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn hệ thống chính trị, trong đó Đảng giữ vai trò lãnh đạo, Nhà nước tổ chức thực hiện, còn Nhân dân là lực lượng giám sát và kiểm soát quyền lực quan trọng. Từ đó, các công trình đã phân tích hệ thống biện pháp phòng, chống tham nhũng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: xây dựng đạo đức cách mạng, thực hành “cần, kiệm, liêm chính”; tăng cường kiểm tra, giám sát; phát huy dân chủ; dựa vào Nhân dân để phòng ngừa và đấu tranh với tham nhũng.

Tuy nhiên, mặc dù đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, các nghiên cứu vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Cụ thể, nhiều công trình mới tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng dưới dạng các nội dung rời rạc, chưa hệ thống hóa thành một chỉnh thể lý luận hoàn chỉnh. Bên cạnh đó,

việc phân tích giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng này trong bối cảnh hiện nay còn chưa sâu sắc, thiếu sự gắn kết với yêu cầu đổi mới và phát triển đất nước. Ngoài ra, cách tiếp cận từ góc độ chính trị học, đặc biệt là mối quan hệ giữa phòng, chống tham nhũng với kiểm soát quyền lực và xây dựng hệ thống chính trị, vẫn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ.

Ba là, những nghiên cứu liên quan đến vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng.

Trong thời gian qua, nhiều công trình đã đề cập đến việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Các nghiên cứu này đã bước đầu làm rõ sự cần thiết của việc kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời phân tích một số biểu hiện mới của tham nhũng trong thời kỳ đổi mới.

Một số công trình đã gắn việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh với việc xây dựng và hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, qua đó khẳng định tính đúng đắn và giá trị thực tiễn của các quan điểm, giải pháp được đề ra. Tuy nhiên, nhìn tổng thể, các nghiên cứu vẫn còn những hạn chế nhất định, cụ thể là việc phân tích quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng trong các giai đoạn phát triển của đất nước chưa được thực hiện một cách hệ thống. Mối quan hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với các chủ trương mới của Đảng trong bối cảnh hiện nay chưa được luận giải đầy đủ. Đồng thời, các nghiên cứu cũng chưa làm rõ những yêu cầu, thách thức mới đặt ra đối với việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.

1.4.2. Một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở tổng quan và đánh giá các công trình nghiên cứu đã công bố, có thể nhận thấy rằng mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, song vẫn còn tồn tại những khoảng trống nghiên cứu cần tiếp tục được bổ sung và phát triển. Do đó, luận án sẽ tập trung làm rõ một số vấn đề trọng tâm sau:

Thứ nhất, tiếp tục hệ thống hóa và làm sáng tỏ một cách toàn diện các khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài, bao gồm: tham nhũng; phòng, chống tham nhũng; vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng. Đồng thời, luận án sẽ phân tích sâu sắc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng như: bản chất, nguyên nhân, tác hại, chủ thể và các biện pháp phòng, chống, qua đó làm rõ giá trị lý luận và thực tiễn của hệ thống tư tưởng này.

Thứ hai, luận án tiến hành đánh giá một cách khách quan, toàn diện thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam từ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011) của Đảng Cộng sản Việt Nam đến nay. Trên cơ sở đó, xác định rõ những kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân của các hạn chế, từ đó rút ra những vấn đề đặt ra cần tiếp tục giải quyết.

Thứ ba, trên nền tảng lý luận và thực tiễn đã được phân tích, luận án đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp nhằm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng trong giai đoạn hiện nay. Các giải pháp này sẽ được xây dựng theo hướng vừa kế thừa các giá trị cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh, vừa phù hợp với bối cảnh mới, đặc biệt là yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, kiểm soát quyền lực và hội nhập quốc tế.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 của luận án đã tiến hành hệ thống hóa và phân tích một cách toàn diện các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến phòng, chống tham nhũng; tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng; cũng như các nghiên cứu về vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực này. Thông qua việc tổng quan các tài liệu khoa học, luận án đã khái quát được những hướng tiếp cận chủ yếu, những kết quả đạt được cũng như xu hướng nghiên cứu nổi bật xoay quanh vấn đề tham nhũng và phòng, chống tham nhũng trong bối cảnh hiện nay.

Các công trình nghiên cứu đã cung cấp nền tảng lý luận quan trọng cho việc nhận thức sâu sắc hơn về bản chất, nguyên nhân, biểu hiện và tác hại của tham nhũng; đồng thời làm rõ những nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về

phòng, chống tham nhũng, bao gồm: quan niệm về tham nhũng, sự cần thiết phải phòng, chống tham nhũng; vai trò của các chủ thể trong hệ thống chính trị; cũng như hệ thống các biện pháp phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng. Đây là cơ sở khoa học quan trọng để luận án kế thừa, tiếp tục hệ thống hóa các khái niệm, luận giải mối quan hệ giữa “phòng” và “chống” tham nhũng, cũng như làm rõ nội dung và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực này.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tổng quan nghiên cứu cũng cho thấy phần lớn các công trình mới dừng lại ở việc phân tích từng khía cạnh riêng lẻ của tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng hoặc đề xuất các giải pháp mang tính định hướng, trong khi chưa làm rõ một cách đầy đủ và có hệ thống giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới. Đặc biệt, việc xác định rõ những nội dung cần vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng gắn với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, kiểm soát quyền lực và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay vẫn còn là khoảng trống nghiên cứu cần tiếp tục được bổ sung.

Đối với các nghiên cứu về vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng, mặc dù đã bước đầu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc vận dụng, đồng thời đề cập đến một số kết quả đạt được trong quá trình triển khai ở Việt Nam từ thời kỳ đổi mới đến nay, song vẫn còn thiếu những phân tích mang tính hệ thống, toàn diện về thực trạng, hiệu quả cũng như những hạn chế và nguyên nhân của quá trình này. Điều đó đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nhằm đánh giá khách quan, khoa học về việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác phòng, chống tham nhũng ở nước ta.

Trên cơ sở tổng quan và đánh giá các công trình nghiên cứu đã công bố, luận án đã xác định rõ những khoảng trống nghiên cứu cả về nội dung và phương pháp tiếp cận, đồng thời đặt ra các vấn đề cần tiếp tục giải quyết. Cụ thể, luận án tập trung vào ba hướng nghiên cứu chủ yếu: (1) hệ thống hóa và làm sáng tỏ một cách toàn diện tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng; (2) đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam từ

năm 2011 - 2025; (3) đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng phù hợp với yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

Những nội dung trên không chỉ góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài, mà còn định hướng cho các chương tiếp theo của luận án trong việc giải quyết các mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra.

Chương 2:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Khái niệm tham nhũng

Quan niệm về tham nhũng trên thế giới.

Tham nhũng đã xuất hiện từ thuở ban đầu của các nền văn minh nhân loại, từ những vương triều cổ đại như Ai Cập, Mesopotamia... những câu chuyện về quan chức lạm dụng quyền lực để trục lợi cá nhân đã trở thành một phần của lịch sử. Các nhà triết học cổ đại như Plato và Aristotle đã đề cập tới tham nhũng qua các tác phẩm: “*The Republic*” (Nền Cộng hòa) [217] và “*Nicomachean Ethics*” (Đạo đức học Nicomachea) [206], “tham nhũng” ở đây được hiểu là sự bất công và hủy hoại đạo đức. Mặc dù khái niệm tham nhũng còn mơ hồ và chưa được rõ ràng, nhưng có thể thấy tư duy về tham nhũng được định hình là vi phạm đạo đức, dẫn tới lạm quyền trong xã hội.

Liên Hợp Quốc lại cho rằng, tham nhũng là hành vi lợi dụng quyền hành để gây phiền hà, khó khăn và lấy của dân, đây là “hành vi lạm dụng quyền lực được giao để trục lợi cá nhân” [228], là lạm dụng chức vụ, vụ lợi cho cá nhân, xâm phạm các quan hệ xã hội công cộng [229].

Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) không đưa ra một định nghĩa duy nhất về tham nhũng mà mô tả tham nhũng bao gồm các hành vi hối lộ công chức quốc gia và nước ngoài; biển thủ hoặc chiếm đoạt tài sản công; lạm dụng chức vụ, quyền hạn vì lợi ích cá nhân; rửa tiền liên quan đến tài sản do tham nhũng mà có; cản trở công lý [227]. Ngân hàng Thế giới (WB) cũng định nghĩa tham nhũng là lạm dụng quyền lực công để thu lợi ích cá nhân, thường thông qua hối lộ, gian lận, hoặc các hành vi sai trái khác [231]. Từ điển Bách khoa Đức cho rằng: “Tham nhũng là hiện tượng mất phẩm chất, hối lộ, đút lót, thường xảy ra đối với công chức có quyền hành” [186, tr.10].

Khái niệm tham nhũng ở Việt Nam.

Theo Từ điển Luật học Việt Nam năm 2006: Tham nhũng là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để thu lợi bất chính cho bản thân hoặc cho người khác, bằng cách nhận hối lộ, biển thủ, lạm dụng chức quyền hoặc những hành vi khác không đúng với quy định của pháp luật [187, tr.453]. Từ điển Tiếng Việt, định nghĩa: “Tham nhũng là lợi dụng quyền hành để tham ô và những nhiễu dân” [200, tr.1172].

Tại Chương 1, Điều 3 của Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2018, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 đã ghi: “Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi” [150, tr.5], những khái niệm này là cơ sở nền tảng để thuật ngữ “tham nhũng” phát triển hơn nữa ở những nghiên cứu tiếp theo.

Từ quá trình tổng hợp và so sánh các quan niệm khác nhau về bản chất của tham nhũng trong nhiều công trình nghiên cứu, có thể nhận thấy một điểm thống nhất đáng chú ý trong cách tiếp cận của các học giả. Dù được tiếp cận từ các góc độ khác nhau, nhưng về bản chất thì tham nhũng có điểm chung đó là sự lạm dụng quyền lực công vì mục đích vụ lợi, và chính điều này là điểm giao thoa khi coi tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để vụ lợi, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của tập thể và nhân dân.

Các công trình đó đã đặt nền móng cho tác giả luận án tiếp tục phát triển, kế thừa quan điểm từ những nghiên cứu trước đó, kết hợp với những nghiên cứu của mình, tác giả luận án cho rằng: “*Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để vụ lợi, làm trái các quy định, nguyên tắc trong thực thi quyền lực và nhiệm vụ công, qua đó xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và làm suy giảm hiệu lực, hiệu quả của bộ máy công quyền*”.

Khái niệm tham nhũng nêu trên phản ánh một nội hàm toàn diện, bao quát cả bản chất, biểu hiện và hệ quả của hiện tượng này trong đời sống chính trị - xã hội. Trước hết, về bản chất, tham nhũng được xác định là hành vi lạm dụng quyền lực công để trục lợi cá nhân, qua đó cho thấy đây không phải là hành vi vụ lợi thông

thường mà là sự tha hóa quyền lực, biến dạng của quyền lực công khi bị sử dụng sai mục đích, từ phục vụ lợi ích chung chuyển thành công cụ phục vụ lợi ích riêng. Chủ thể của hành vi tham nhũng vì vậy thường là những người nắm giữ hoặc có khả năng chi phối quyền lực công trong bộ máy nhà nước và các tổ chức có liên quan, làm cho tham nhũng mang tính chất không chỉ cá nhân mà còn có nguy cơ lan rộng thành hiện tượng mang tính hệ thống. Về mục đích, tham nhũng hướng tới trục lợi cá nhân dưới nhiều hình thức, từ lợi ích vật chất đến lợi ích phi vật chất như quyền lực, địa vị hay lợi ích nhóm, phản ánh sự chi phối của chủ nghĩa cá nhân và sự suy giảm trách nhiệm công vụ. Xét về phương diện pháp lý, tham nhũng là hành vi vi phạm pháp luật, phải chịu sự điều chỉnh và xử lý bằng các chế tài nghiêm minh; tuy nhiên, nội hàm của khái niệm không dừng lại ở đó mà còn mở rộng sang phương diện đạo đức và văn hóa, coi tham nhũng là biểu hiện của sự suy thoái đạo đức, làm biến dạng các chuẩn mực giá trị, thay thế nguyên tắc công bằng, minh bạch bằng những quan hệ dựa trên tiền bạc và “xin - cho”. Đặc biệt, khái niệm đã nhấn mạnh những hệ quả nghiêm trọng của tham nhũng đối với đời sống xã hội, từ việc gây tổn hại lợi ích của Nhà nước, tổ chức và cá nhân, làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với chế độ, đến việc kìm hãm sự phát triển kinh tế và phá vỡ nền tảng công bằng xã hội. Như vậy, có thể thấy nội hàm của khái niệm tham nhũng được cấu thành bởi nhiều tầng nấc gắn kết chặt chẽ với nhau, bao gồm sự tha hóa quyền lực, hành vi vi phạm pháp luật, sự lệch chuẩn đạo đức, văn hóa và những hệ quả xã hội sâu rộng, qua đó tạo nên một cách tiếp cận liên ngành, vừa có giá trị lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn trong nhận diện và phòng, chống tham nhũng hiện nay.

2.1.2. Khái niệm phòng, chống tham nhũng

Theo điều 5 của Công ước Liên Hợp Quốc phòng chống tham nhũng, các nguyên tắc cốt lõi liên quan đến phòng, chống tham nhũng trong khu vực công là pháp quyền, quản lý đúng đắn các vấn đề công và tài sản công, liêm chính, minh bạch và trách nhiệm giải trình, tham nhũng là mối đe dọa vô cùng lớn tới an ninh quốc phòng và ổn định trật tự xã hội, nó làm suy yếu nền dân chủ, cản trở sự phát

triển kinh tế xã hội bằng cách chuyển hướng các khoản đầu tư rất cần thiết từ phúc lợi và cơ sở hạ tầng vào túi của những cá nhân tham nhũng [228].

Tại Việt Nam, tham nhũng là một hiện tượng phổ biến ngay từ thời kỳ phong kiến, phản ánh sự suy đồi của bộ máy quan lại, khi nhiều quan chức lạm dụng quyền lực để trục lợi cá nhân, gây ra nhiều hệ lụy tiêu cực cho xã hội và làm suy yếu niềm tin của người dân vào triều đình. Nhận thức rõ những nguy cơ từ tham nhũng đối với nhà nước và chế độ xã hội, các triều đại Lý - Trần - Lê - Nguyễn đã thể hiện thái độ và đưa ra các biện pháp kiên quyết nhằm bài trừ tham nhũng để bảo vệ sự vững mạnh của vương triều. Thời nhà Lý (1009-1225), triều đình đã có những quy định cụ thể để trừng trị các hành vi tham ô, ăn trộm của công. Trong quy định về thể lệ thu thuế, các quan lại thu thuế của dân ngoài mười phần nộp vào kho nhà nước, được phép thu thêm một phần gọi là “hoành đầu”, nhưng người nào thu quá số ấy sẽ bị kết tội ăn trộm và tham nhũng trong thời kỳ này là ăn cắp của công, tăng thuế của nhà nước.

Đến thời nhà Lê, dưới triều đại Lê Thánh Tông (1442-1497) phòng, chống tham nhũng được các vị vua và triều đình hết sức chú trọng, năm 1483 vua Lê Thánh Tông đã ban hành Quốc triều hình luật (hay Lê triều hình luật - Luật Hồng Đức), đây là bộ luật quan trọng và hoàn chỉnh nhất dưới triều Lê sơ, đồng thời cũng là bộ luật tiến bộ nhất của Việt Nam thời phong kiến [158]. Một trong những nội dung chủ yếu của bộ luật này là phòng chống tham ô, tham nhũng, với nhận thức rằng tham nhũng là mối nguy hiểm lớn nhất đe dọa uy tín và quyền lực tối thượng của nhà vua, sự tồn vong của chế độ phong kiến và trật tự xã hội.

Thời Nguyễn (1802-1945), sau khi lên ngôi, vua Gia Long (1762-1820) đã chỉ đạo soạn thảo một Bộ luật mới là Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long), với tổng cộng 22 quyển, 7 chương, 398 điều, trong đó 17 quyển và 79 điều quy định riêng về luật hình sự đối với các tội tham ô, những nhiều, với gần 20 điều khoản quy định rất hà khắc về vấn đề này [159].

Nhìn lại các bộ luật và văn bản pháp luật của các triều đại phong kiến Việt Nam, có thể thấy rõ những quy định nghiêm ngặt, thống nhất đối với giới quan lại,

ng nghiêm cấm các hành vi mà quan lại không được phép làm. Đến đây, lý luận về phòng, chống tham nhũng đã có bước phát triển nhảy vọt, nhiều điểm tương đồng với các nghiên cứu trên thế giới hiện nay, mọi hành vi nhận hối lộ, bớt xén tài nguyên của triều đình, kết bè phái,... đều là phạm pháp và bị nghiêm trị, những quy định này thể hiện rõ ý thức, chủ trương và quyết tâm của các vị vua và triều đại trong loại trừ tệ nạn tham nhũng một cách kiên quyết nhất.

Công tác phòng, chống tham nhũng được chú trọng ngay từ những ngày đầu thành lập nhà nước, văn bản pháp luật đầu tiên của Việt Nam đánh dấu sự ra đời của luật này chính là Sắc lệnh số 64/SL ngày 23/11/1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký và ban hành thành lập Ban Thanh tra đặc biệt với chức năng hết sức rõ ràng, đó là giám sát, kiểm soát hoạt động của các cơ quan chính quyền và nhân viên Nhà nước. Ngày 18/12/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh 138/SL thành lập Ban Thanh tra Chính phủ thay thế cho Ban Thanh tra đặc biệt với một nhiệm vụ nổi bật là thanh tra các ủy viên của Ủy ban kháng chiến hành chính và viên chức về phương diện liêm khiết, điều này cho thấy quyết tâm cao của Chính phủ lúc bấy giờ trong phòng, chống tham nhũng. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) là cột mốc mới đánh dấu sự phát triển của pháp luật phòng, chống tham nhũng, được ghi nhận với sự ra đời của Quyết định 240/HĐBT ngày 26/6/1990 về đấu tranh chống tham nhũng, đây là lần đầu tiên, thuật ngữ “tham nhũng” chính thức được sử dụng trong văn bản pháp luật này của Nhà nước. Nghị quyết của Quốc hội ngày 30/12/1993 về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lậu, Nghị quyết số 176/NQ của Quốc hội ngày 16/3/1994 ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lậu; một số văn bản pháp luật khác về phòng, chống tham nhũng như Quyết định số 240/HĐBT ngày 26/6/1990 của Hội đồng Bộ trưởng. Quyết định số 114/TTg ngày 21/11/1992 của Thủ tướng Chính phủ về những biện pháp cấp bách nhằm ngăn chặn và bài trừ tệ tham nhũng và buôn lậu, Chỉ thị số 08/CT-TATC ngày 06/12/1990 của Tòa án nhân dân tối cao về triển khai chống tham nhũng, chống

buôn lậu qua biên giới và một số loại tội phạm kinh tế khác, Chỉ thị 171/TTg ngày 16/12/1992 của Thủ tướng Chính phủ về chống tham nhũng, lãng phí và thất thoát trong xây dựng cơ bản.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “Tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí...là quyết tâm chính trị của Đảng ta” [78, tr.45], Hội nghị Trung ương 3, khóa X cũng xác định ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh [85]. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011) nhận định: “Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng” [79, tr.185]. Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI cũng nêu lên ba vấn đề cấp bách, trong đó “kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng” [222] là nhiệm vụ đầu tiên. Trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021), Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu cao quyết tâm phòng, chống tham nhũng và nhấn mạnh đây là “một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [86, tr.193]. Đảng đã đưa ra nhiều chủ trương và giải pháp căn cơ quyết liệt về phòng, chống tham nhũng: “Triển khai đồng bộ có hiệu quả quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng, bảo đảm đúng pháp luật. Thực hiện quyết liệt nghiêm minh có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng” [86, tr.145]. Công tác phòng, chống tham nhũng được lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện quyết liệt, toàn diện, đi vào chiều sâu, với quyết tâm chính trị rất cao, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, đạt nhiều kết quả rất quan trọng, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 được hiểu là việc thiết lập và duy trì một hệ thống chính sách cùng các giải pháp chủ yếu nhằm hướng tới mục tiêu đẩy lùi tiến tới xóa bỏ tham nhũng, bao gồm 11 nội dung. Phòng, chống tham nhũng là quá trình ngăn chặn, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, bao gồm xây dựng, thực thi các biện pháp pháp lý, chính sách, cơ chế nhằm tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm và đạo đức công vụ; thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội trong việc giám sát và kiểm soát các hoạt động công vụ. Tại Chương II Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã quy định 06 nhóm biện pháp mà cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện để phòng, chống tham nhũng gồm: Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt; Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị [150].

Trên cơ sở đó, luận án đưa ra khái niệm, phòng, chống tham nhũng là “*tổng thể các chủ trương, chính sách, pháp luật và hoạt động của Đảng, Nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị và xã hội nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi tham nhũng; đồng thời kiểm soát quyền lực, xây dựng đội ngũ cán bộ liêm chính, bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và phát huy vai trò giám sát của nhân dân, qua đó hạn chế và từng bước loại bỏ các điều kiện làm phát sinh tham nhũng*”.

Khái niệm phòng, chống tham nhũng nêu trên phản ánh một nội hàm toàn diện và mang tính hệ thống, thể hiện ở nhiều phương diện gắn bó chặt chẽ với nhau. Trước hết, về bản chất, phòng, chống tham nhũng được xác định là việc sử dụng tổng hợp các giải pháp, bao gồm chủ trương, chính sách và các biện pháp cụ thể của Nhà nước và xã hội, qua đó cho thấy đây không phải là hoạt động đơn lẻ mà là một quá trình đồng bộ, có sự tham gia của nhiều chủ thể trong hệ thống chính trị và toàn

xã hội. Về nội dung, khái niệm làm rõ hai phương diện cơ bản là “phòng” và “chống”, trong đó “phòng” nhấn mạnh việc chủ động ngăn ngừa, loại bỏ các nguy cơ, điều kiện phát sinh tham nhũng từ sớm, từ xa; còn “chống” tập trung vào phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng đã xảy ra, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời, nội hàm khái niệm cũng chỉ ra các cơ chế và công cụ chủ yếu để thực hiện mục tiêu này như kiểm soát quyền lực, tăng cường công khai, minh bạch, kiểm soát tài sản, thu nhập, cũng như đề cao đạo đức công vụ và xây dựng văn hóa liêm chính trong đội ngũ cán bộ, công chức. Bên cạnh đó, khái niệm đặc biệt nhấn mạnh vai trò của nhân dân trong giám sát quyền lực, thể hiện quan điểm coi đây là một trong những yếu tố then chốt nhằm bảo đảm hiệu quả và tính bền vững của công tác phòng, chống tham nhũng. Xét trên bình diện rộng hơn, phòng, chống tham nhũng không chỉ mang tính pháp lý và thể chế mà còn là một yêu cầu chính trị, đạo đức và văn hóa sâu sắc, gắn liền với việc xây dựng một nền quản trị trong sạch, minh bạch và trách nhiệm. Do đó, nội hàm của khái niệm không chỉ dừng lại ở việc xử lý hành vi vi phạm mà còn hướng tới mục tiêu căn bản là loại bỏ tận gốc những nguyên nhân và điều kiện của tham nhũng, qua đó góp phần bảo vệ sự trong sạch, vững mạnh của bộ máy nhà nước và củng cố niềm tin của xã hội đối với chế độ.

2.1.3. Khái niệm phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Hiện nay, trong các công trình nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh và phòng, chống tham nhũng chưa có sự thống nhất về khái niệm “phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh”. Phần lớn các nghiên cứu mới chỉ đề cập đến những quan điểm, nguyên tắc, phương pháp và biện pháp mà Hồ Chí Minh đưa ra nhằm ngăn ngừa, đấu tranh với các biểu hiện tham ô, lãng phí, quan liêu và các hành vi xâm hại lợi ích của Nhà nước, tập thể và Nhân dân. Do đó, việc xây dựng khái niệm này có ý nghĩa quan trọng nhằm tạo cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.

Theo Hồ Chí Minh, tham nhũng không chỉ là hành vi chiếm đoạt tài sản công mà còn là biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, sự suy thoái về đạo đức cách mạng và

sự tha hóa quyền lực của cán bộ, đảng viên [122, tr. 296; 355]. Vì vậy, đấu tranh chống tham nhũng không đơn thuần là xử lý hành vi vi phạm bằng các biện pháp pháp luật mà còn phải chú trọng phòng ngừa từ gốc thông qua giáo dục đạo đức cách mạng, rèn luyện phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát quyền lực; phát huy dân chủ và vai trò giám sát của Nhân dân; đồng thời xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng nhằm giữ vững kỷ cương, phép nước.

Từ cách tiếp cận đó, có thể hiểu: *“Phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh là tổng thể các quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp và biện pháp do Hồ Chí Minh đề ra nhằm ngăn ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý các hành vi tham nhũng; đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có đạo đức cách mạng, thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, kiểm soát quyền lực hiệu quả và phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, qua đó xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh, phục vụ lợi ích của Nhân dân”*.

Khái niệm trên cho thấy phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh bao hàm các nội dung cơ bản sau: (1) phòng ngừa tham nhũng thông qua giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng và xây dựng cơ chế quản lý phù hợp; (2) phát hiện tham nhũng thông qua công tác kiểm tra, giám sát và sự tham gia của Nhân dân; (3) xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng theo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và kỷ luật; (4) xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ đức và tài, lấy đạo đức làm gốc; (5) phát huy dân chủ và vai trò của Nhân dân trong kiểm soát quyền lực nhà nước. Đây cũng chính là những nội dung cốt lõi tạo nên hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng và là cơ sở để nghiên cứu sự vận dụng trong điều kiện Việt Nam hiện nay.

2.1.4. Khái niệm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng

Trong hệ thống tư tưởng của Hồ Chí Minh, tham nhũng không chỉ được nhìn nhận như một hành vi vi phạm pháp luật hay một hiện tượng tiêu cực đơn lẻ, mà còn là biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và là hệ

quả của chủ nghĩa cá nhân, của việc lạm dụng quyền lực vì lợi ích riêng. Người đặc biệt coi tham ô, lãng phí và quan liêu là những căn bệnh nguy hiểm, đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong của chế độ, Người cảnh báo: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của Chính phủ” [122, tr. 357], Người coi đó là “giặc nội xâm” [122, tr.362], bởi mức độ nguy hại của nó không kém gì kẻ thù bên ngoài, làm suy giảm hiệu lực quản lý của Nhà nước, làm tổn hại tài sản công và quan trọng hơn là làm xói mòn niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ. Từ nhận thức đó, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay đòi hỏi phải tiếp cận phòng, chống tham nhũng một cách toàn diện, coi đây là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, gắn liền với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Một nội dung cốt lõi trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh là phòng, chống tham nhũng từ gốc thông qua xây dựng và rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Người luôn nhấn mạnh vai trò quyết định của yếu tố con người trong bộ máy công quyền, khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [120, tr.309]. Theo Người, nếu cán bộ có đạo đức cách mạng vững vàng, đặt lợi ích của Tổ quốc và nhân dân lên trên hết thì những biểu hiện tham nhũng sẽ khó có điều kiện nảy sinh. Vì vậy, Người đặc biệt đề cao các chuẩn mực đạo đức “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” [121, tr.13] như một hệ giá trị nền tảng của người cán bộ cách mạng. Vận dụng tư tưởng này trong bối cảnh hiện nay không chỉ dừng lại ở giáo dục đạo đức, mà còn phải gắn với cơ chế tuyển dụng, đánh giá, kiểm soát quyền lực, trách nhiệm giải trình và xử lý vi phạm, nhằm hình thành một đội ngũ cán bộ vừa có năng lực, vừa có phẩm chất, tạo nền tảng cho nền hành chính liêm chính và phục vụ.

Hồ Chí Minh còn đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu kiểm soát quyền lực thông qua cơ chế dân chủ và sự giám sát của nhân dân. Người khẳng định quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và mọi cán bộ, công chức chỉ là người được nhân dân ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, nếu quyền lực không được kiểm soát thì dễ dẫn đến tình trạng lạm quyền, đặc quyền, đặc lợi và tham nhũng [123, tr.454], Người nhiều lần nhấn

mạnh vai trò của nhân dân trong việc phát hiện, phê bình và giám sát cán bộ, coi đó là một trong những phương thức quan trọng để ngăn ngừa tiêu cực, quan điểm “Đề mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong” [130, tr.280] thể hiện sâu sắc triết lý quản trị dựa vào dân và vì dân. Vận dụng tư tưởng này trong điều kiện hiện nay đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện các cơ chế công khai, minh bạch, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội, báo chí và dư luận xã hội, đồng thời bảo đảm quyền tiếp cận thông tin và quyền giám sát của công dân đối với hoạt động của bộ máy nhà nước.

Một phương diện quan trọng khác trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh là kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, giữa phòng ngừa với phát hiện và xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng. Người cho rằng, đấu tranh chống tham nhũng phải được tiến hành kiên quyết, thường xuyên và không có vùng cấm, bởi nếu xử lý không nghiêm sẽ làm giảm hiệu lực của pháp luật và kỷ luật của Đảng, Người yêu cầu phải xử lý nghiêm những trường hợp tham ô, lãng phí, bất kể người đó giữ cương vị nào, nhằm giữ vững kỷ cương, phép nước và củng cố lòng tin của nhân dân [122, tr.6]. Quan điểm của Người cũng nhấn mạnh rằng, xử lý phải gắn với giáo dục, cảnh tỉnh và phòng ngừa lâu dài, tránh tình trạng chỉ tập trung vào xử lý hậu quả mà không khắc phục nguyên nhân, phải kết hợp giữa hoàn thiện pháp luật, tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiểm toán với nâng cao trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực trong toàn bộ hệ thống chính trị.

Từ những nội dung trên, luận án khẳng định rằng: “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng là quá trình các chủ thể trong hệ thống chính trị tiếp thu, cụ thể hóa và thực hiện những quan điểm, nguyên tắc và phương pháp của Hồ Chí Minh về phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng thành các chủ trương, chính sách, pháp luật và hoạt động thực tiễn nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước*”. Khái niệm bao hàm quá trình chuyển hóa những quan điểm, nguyên tắc và phương pháp của Hồ Chí Minh về phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng thành các chủ trương, chính sách, pháp luật và hoạt

động thực tiễn trong công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam. Nội hàm của khái niệm này thể hiện ở ba phương diện cơ bản. Thứ nhất, về chủ thể vận dụng, đó là các tổ chức và cá nhân trong hệ thống chính trị, trước hết là Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thứ hai, về nội dung vận dụng, đó là việc kế thừa và cụ thể hóa các quan điểm của Hồ Chí Minh về nhận diện bản chất, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng; kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa với phát hiện và xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng; đề cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; bảo vệ lợi ích của Nhà nước và quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân. Thứ ba, về mục tiêu vận dụng, đó là ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, hạn chế sự tha hóa quyền lực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, góp phần xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Trong đó, các nội dung như xây dựng đạo đức cách mạng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, kiểm soát quyền lực, thực hành dân chủ và phát huy vai trò giám sát của nhân dân không phải là nội hàm trực tiếp của khái niệm này mà là những điều kiện, phương thức và giải pháp quan trọng bảo đảm cho việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng đạt hiệu quả trong thực tiễn.

2.2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về tham nhũng, các hình thức biểu hiện và tác hại của tham nhũng

2.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tham nhũng

Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, phòng, chống tham nhũng được đặt lên hàng đầu như một trong những nhiệm vụ cốt lõi để bảo vệ và xây dựng một nhà nước trong sạch, vững mạnh. Tư tưởng này được thể hiện rõ qua nhiều luận điểm, Người nói: “Tham ô là lấy của công làm của tư. Là gian lận tham lam. Là không tôn trọng của công. Là không thương tiếc tiền gạo do mồ hôi nước mắt của đồng bào làm ra, do xương máu của chiến sĩ làm ra” [122, tr.296-297], điều này đã thể hiện một cách sâu sắc bản chất và hậu quả nghiêm trọng của tham nhũng, nó không chỉ là một lời cảnh báo mà còn là lời nhắc nhở về trách nhiệm bảo vệ tài sản của nhà

nước, giữ gìn đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và toàn xã hội. Theo Người, tham ô là lấy của công làm của tư, là gian lận tham lam [122, tr.296-297], Người cho rằng: “*Đứng về phía cán bộ* mà nói, tham ô là: Ăn cắp của công làm của tư, đục khoét của nhân dân. Ăn bớt của bộ đội. Tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của Chính phủ để làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình, cũng là tham ô” [122, tr.355], “*Đứng về phía nhân dân* mà nói, tham ô là: Ăn cắp của công, khai gian, lậu thuế” [122, tr.356]. Hồ Chí Minh đã phê phán sâu sắc và toàn diện đối với hành vi tham nhũng, từ góc độ của cả cán bộ và nhân dân, đây không chỉ là một lời lên án mà còn là một sự nhận diện rõ ràng về những hình thức và biểu hiện của tham nhũng, đồng thời nhấn mạnh tác hại của nó đối với sự phát triển của đất nước, một vấn đề chung cần được nhận diện và đấu tranh ở mọi cấp độ xã hội. Vì vậy, Người không chỉ kêu gọi sự liêm chính từ phía cán bộ, những người nắm giữ quyền lực, mà còn nhắc nhở mọi công dân về trách nhiệm đóng góp vào việc bảo vệ tài sản công. Tham nhũng, từ tư tưởng của Người là một hành vi không chỉ làm suy yếu nguồn lực quốc gia mà còn làm suy đồi đạo đức xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến mối quan hệ giữa nhà nước và nhân dân, những biểu hiện của nó, dù lớn hay nhỏ, đều phản ánh sự lạm dụng quyền lực và lòng tham không giới hạn, gây ra những hậu quả nặng nề cho xã hội.

Như vậy, có thể thấy rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh về tham nhũng là “hệ thống các luận điểm của Hồ Chí Minh về bản chất, biểu hiện, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng trong bộ máy nhà nước và đời sống xã hội. Theo đó, tham nhũng được Người nhận diện là hành vi chiếm đoạt, sử dụng trái phép tài sản công hoặc lợi dụng quyền lực, chức trách được giao để vụ lợi cá nhân; là biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, của sự suy thoái về đạo đức cách mạng, gây tổn hại đến lợi ích của Nhà nước và nhân dân, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền, cản trở sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước”.

2.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về các hình thức tham nhũng

Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, tham nhũng được nhận diện như một hiện tượng đa dạng, không chỉ biểu hiện ở những hành vi chiếm đoạt tiền bạc, của cải vật

chất mà còn tồn tại dưới nhiều hình thức tinh vi, gắn với sự tha hóa quyền lực và suy thoái đạo đức trong bộ máy nhà nước. Người chỉ ra rằng tham nhũng có thể biểu hiện qua việc lợi dụng chức vụ để trục lợi về kinh tế, nạn mua quan bán chức làm biến dạng nguyên tắc tổ chức cán bộ, sự lạm dụng quyền lực vì lợi ích cá nhân, cũng như tình trạng lãng phí thời gian, làm việc thiếu trách nhiệm trong hoạt động công vụ. Nhận diện đầy đủ các hình thức tham nhũng này không chỉ phản ánh tầm nhìn toàn diện của Hồ Chí Minh mà còn là cơ sở quan trọng để xây dựng các giải pháp phòng, chống tham nhũng một cách hiệu quả, toàn diện và phù hợp với thực tiễn.

Tham nhũng tiền bạc, của cải, vật chất. Người nhấn mạnh, cán bộ và đảng viên càng phải nâng cao tinh thần phụ trách, nêu gương “cần kiệm liêm chính”, “không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước, của nhân dân; phải chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh là nguồn gốc sinh ra tham ô, lãng phí” [128, tr.70]. Không được tư lợi, không được xâm phạm tới một chút đồng xu, hạt thóc,...hay những tài sản của quốc gia, của nhân dân để làm lợi riêng, những tài sản này phải phục vụ nhân dân và cán bộ phải có “cần kiệm liêm chính” để tự soi sáng, tự chỉnh đốn, không được tư lợi bản thân. Người nâng cao tầm quan trọng của việc bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân, hành động không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc biểu thị sự yêu cầu cao về trách nhiệm đạo đức của cán bộ, công chức trong việc quản lý và sử dụng tài sản công, đảm bảo rằng không ai được phép tư lợi từ tài sản này. Người cũng nói lên tư tưởng phải phòng, chống bệnh quan liêu trong hành động ra lệnh, chỉ đạo mà thiếu sự hiểu biết thực tế, thiếu sự lắng nghe người dân và ý thức trách nhiệm thường dẫn đến những quyết định không đúng đắn, gây ra tham ô và lãng phí. Người khẳng định, quan liêu chính là nguồn gốc sâu xa của các hành vi tham nhũng và lạm quyền, tư tưởng này cũng cho thấy Hồ Chí Minh nhìn nhận tham nhũng không chỉ là vấn đề của cá nhân mà còn là vấn đề của hệ thống, để phòng, chống tham nhũng hiệu quả, cần phải triệt tiêu các điều kiện và nguyên nhân dẫn đến nó, bao gồm việc loại bỏ các tệ nạn quan liêu và thực hiện minh bạch trong quản lý công. Như vậy, đây là một tư tưởng toàn diện về phòng, chống tham nhũng,

kết hợp giữa trách nhiệm cá nhân với việc xây dựng một hệ thống chính trị, hành chính trong sạch, minh bạch và hiệu quả.

Nạn mua quan bán chức: Người lên án mạnh mẽ đối với hiện tượng mua quan bán chức trong hệ thống chính trị, “nạn tham nhũng mua quan bán chức, những bọn người mua bán được bằng tiền thì không phải là những thứ hàng hoá hiếm” [116, tr.19]. Mua quan bán chức là một hình thức tham nhũng nghiêm trọng, các vị trí quyền lực trong bộ máy nhà nước bị thương mại hóa, những người nắm quyền sử dụng vị trí của mình để bán các chức vụ hoặc nhận hối lộ để thăng chức cho người khác. Từ quan điểm của Người, hành vi này không chỉ vi phạm đạo đức cách mạng mà còn làm suy đồi bản chất của bộ máy nhà nước, biến các chức vụ công quyền thành hàng hóa có thể mua bán, điều này đi ngược lại với nguyên tắc của một chính quyền liêm chính, trong sạch và đặt lợi ích của nhân dân lên hàng đầu. Người cho rằng “những bọn người mua bán được bằng tiền thì không phải là những thứ hàng hoá hiếm” [116, tr.19], cũng có nghĩa, Người chỉ ra những kẻ tham nhũng quyền lực thường là những người thiếu phẩm chất, năng lực thực sự. Một người có thể mua được chức vụ bằng tiền không phải là biểu hiện của tài năng hay phẩm chất, mà chỉ là dấu hiệu của sự thoái hóa, biến chất trong xã hội, những người như vậy không phải là tài sản quý báu của đất nước, mà ngược lại, họ là những yếu tố gây hại cho sự phát triển của đất nước, vì họ sẽ sử dụng quyền lực của mình không phải để phục vụ nhân dân, mà để thu lợi cho cá nhân. Mua quan bán chức làm suy yếu tính minh bạch và công bằng trong hệ thống chính trị, nó dẫn đến việc bổ nhiệm những người không đủ năng lực, không có tâm huyết và chỉ biết sử dụng quyền lực để thu lợi cá nhân, từ đó làm giảm hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, mất lòng tin của nhân dân và tạo ra một vòng luẩn quẩn tham nhũng. Hồ Chí Minh hiểu rõ rằng nếu hiện tượng này không được kiểm soát, nó sẽ dẫn đến sự thoái hóa toàn diện của hệ thống chính trị và sự sụp đổ của lòng tin từ phía nhân dân. Lời cảnh báo của Hồ Chí Minh về nạn mua quan bán chức không chỉ là sự lên án mà còn là lời kêu gọi toàn Đảng, toàn dân nhận diện và đấu tranh chống lại hiện tượng này. Từ quan điểm của Hồ Chí Minh, việc chống tham nhũng, đặc biệt là chống lại nạn mua quan bán chức, là một nhiệm vụ cấp bách để bảo vệ sự trong sạch của Đảng, đảm

bảo rằng những người lãnh đạo đất nước là những người có tài, có đức, và thật sự có tâm huyết với sự nghiệp phục vụ nhân dân.

Tham nhũng quyền lực: Hồ Chí Minh nói rằng “Chính phủ là gia đình trị, tham nhũng, độc đoán và đã gian lận trong bầu cử...” [127, tr. 664], đây là sự phê phán mạnh mẽ và toàn diện đối với một chính quyền không chính đáng, vi phạm các nguyên tắc cơ bản của một nhà nước pháp quyền và dân chủ. Đúng từ quan điểm của Hồ Chí Minh, mỗi phần trong câu nói này đều hàm chứa những ý nghĩa sâu sắc về những vấn đề cốt lõi trong quản lý và lãnh đạo đất nước. Tham nhũng quyền lực đặc biệt nguy hiểm, đây là hiện tượng mà các cá nhân hoặc nhóm nắm giữ quyền lực trong bộ máy nhà nước hoặc tổ chức lợi dụng vị trí của mình để đạt được lợi ích cá nhân, nó diễn ra dưới nhiều hình thức như lạm dụng quyền lực để thao túng quyết định, ban hành chính sách có lợi cho cá nhân hoặc nhóm, hoặc bảo vệ lợi ích của nhóm thông qua việc thăng chức, phân bổ nguồn lực không công bằng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của đất nước. Tham nhũng quyền lực và lợi ích nhóm thường câu kết với nhau, những người nắm quyền lực có thể sử dụng vị trí của mình để ban hành các chính sách hoặc quyết định có lợi cho nhóm của họ, đảm bảo rằng nhóm này tiếp tục duy trì quyền lực và lợi ích. Ngược lại, các nhóm lợi ích có thể cung cấp sự hỗ trợ tài chính, chính trị, hoặc xã hội cho những người nắm quyền lực, đảm bảo rằng họ tiếp tục giữ vị trí và quyền lực để bảo vệ lợi ích của nhóm.

Khi tham nhũng quyền lực và lợi ích nhóm câu kết với nhau, chúng tạo ra một hệ thống quyền lực khép kín, nơi mà các vị trí và nguồn lực quan trọng trong xã hội được phân bổ theo cách bảo vệ và mở rộng lợi ích của một nhóm nhỏ, kéo theo các quyết định chính trị và kinh tế không còn được đưa ra dựa trên lợi ích chung của xã hội, mà thay vào đó là để phục vụ lợi ích của nhóm, sự kết hợp giữa tham nhũng quyền lực và lợi ích nhóm làm suy yếu tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hệ thống chính trị. Nếu các quyết định bị thao túng bởi lợi ích nhóm, quá trình ra quyết định trở nên thiếu minh bạch, trách nhiệm giải trình đối với nhân dân bị bỏ qua, điều này dẫn đến sự suy thoái lòng tin của công chúng đối với chính phủ và hệ thống pháp luật. Tham nhũng quyền lực và lợi ích nhóm thường dẫn đến sự gia tăng

bất công xã hội, các nhóm lợi ích sử dụng quyền lực để đảm bảo rằng họ được hưởng những lợi ích đặc biệt, trong khi phần lớn dân số bị bỏ rơi hoặc phải chịu thiệt hại, dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo, tạo ra sự bất mãn và căng thẳng xã hội. Sự kết hợp giữa tham nhũng quyền lực và lợi ích nhóm làm suy yếu các nguyên tắc công bằng trong xã hội, các quyết định không còn dựa trên năng lực hay đóng góp mà dựa trên mối quan hệ và sự ảnh hưởng của các nhóm lợi ích, sẽ dẫn đến việc tài nguyên quốc gia bị phân bổ sai lệch, gây thiệt hại lớn cho sự phát triển kinh tế và xã hội. Tham nhũng quyền lực và lợi ích nhóm trở nên phổ biến, nó làm giảm hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, gây ra sự trì trệ trong việc thực hiện các chính sách phát triển, Hồ Chí Minh đi sâu hơn và giải thích về tham nhũng quyền lực chính là “Kéo bè kéo cánh lại là một bệnh rất nguy hiểm nữa... Ai không hợp với mình thì người tốt cũng cho là xấu, việc hay cũng cho là dở, rồi tìm cách dèm pha, nói xấu, tìm cách dìm người đó xuống” [120, tr.297], Người dùng từ “rất nguy hiểm” để nói về nó, bởi vì không những ảnh hưởng tới mọi mặt của đời sống mà còn rất tai hại cho Đảng, những chính sách về kinh tế, giáo dục, y tế và các lĩnh vực khác bị méo mó để phục vụ cho lợi ích nhóm thay vì lợi ích của toàn dân.

Tham nhũng về mặt thời gian: Hồ Chí Minh cho rằng: “Việc gì có thể làm trong một ngày, một buổi cũng kéo dài đến mấy ngày” [122, tr.356] phản ánh một hình thức tham nhũng đặc biệt, tham nhũng về thời gian. Đây là một hành vi lạm dụng thời gian, kéo dài công việc một cách không cần thiết để trục lợi cá nhân hoặc vì sự thiếu trách nhiệm trong công việc. Hình thức tham nhũng này không chỉ gây thiệt hại về hiệu quả lao động mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của xã hội. Thời gian là một nguồn tài nguyên quý giá không thể tái tạo, khi một công việc có thể hoàn thành trong một thời gian ngắn nhưng lại bị kéo dài, điều này không chỉ làm chậm trễ tiến độ mà còn gây lãng phí tài nguyên xã hội. Lãng phí thời gian trong công việc công chính là lãng phí tài sản công, vì thời gian của công chức thuộc về Nhà nước, bất kỳ sự lãng phí nào cũng đồng nghĩa với việc lãng phí tiền bạc và nguồn lực của quốc gia.

Kéo dài thời gian hoàn thành công việc một cách không cần thiết thể hiện sự thiếu trách nhiệm và hiệu quả trong công việc của một số cán bộ, công chức, điều này có thể xuất phát từ thái độ lười biếng, không tận tâm với công việc hoặc từ ý định trục lợi cá nhân. Công việc không được hoàn thành đúng hạn, nó gây ra sự chậm trễ trong việc thực hiện các chính sách, dự án và chương trình, ảnh hưởng đến lợi ích chung của cộng đồng và làm giảm hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Tham nhũng về thời gian là một hình thức tham nhũng tinh vi, vì nó không liên quan trực tiếp đến tiền bạc hay vật chất, nhưng hậu quả của nó có thể rất nghiêm trọng, một công chức kéo dài thời gian hoàn thành công việc, họ có thể lợi dụng khoảng thời gian đó để thực hiện các hoạt động cá nhân, trục lợi từ việc kéo dài công việc hoặc nhận thêm lợi ích cá nhân (chẳng hạn qua việc nhận hối lộ để làm nhanh hay chậm một công việc), điều này làm suy yếu tính minh bạch và công bằng trong công việc, phá vỡ lòng tin của nhân dân đối với bộ máy công quyền. Nếu hình thức tham nhũng này trở thành một thói quen phổ biến, nó sẽ dẫn đến sự trì trệ trong bộ máy nhà nước, ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi các chính sách và gây tổn hại đến niềm tin của nhân dân, hành vi này cũng tạo ra một môi trường làm việc không chuyên nghiệp, nơi mà chất lượng và hiệu quả bị coi nhẹ. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh rằng thời gian là tài sản quý giá của quốc gia và mọi sự lãng phí đều có thể gây hại cho đất nước, hoàn thành công việc một cách nhanh chóng và hiệu quả không chỉ là trách nhiệm mà còn là nghĩa vụ của mỗi người làm việc trong bộ máy nhà nước.

2.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tác hại của tham nhũng

Tham nhũng đã để lại những hậu quả vô cùng nặng nề, nó không chỉ gây ra những thiệt hại về vật chất mà còn để lại những hậu quả nghiêm trọng đối với xã hội, làm suy thoái đạo đức và tạo ra bất công. Hồ Chí Minh cho rằng: “Tất cả bọn chúng chỉ có mỗi cái tài là phung phí công quỹ, còn người An Nam khốn khổ thì cứ nai lưng đóng góp, đóng góp mãi” [117, tr.78], Người khẳng định, tham nhũng là nguồn gốc của sự lãng phí công quỹ, khiến người dân phải chịu gánh nặng đóng góp mà không được hưởng lợi ích tương xứng, sử dụng công quỹ một cách bừa bãi

và không kiểm soát khiến cho nền kinh tế, cũng như cuộc sống của người dân trở nên kiệt quệ, trong khi kẻ tham nhũng thì giàu có thêm. Không chỉ vậy, tham nhũng còn là công cụ của thực dân để áp bức và làm suy yếu dân tộc, Người đã chỉ ra rằng, thực dân Pháp không chỉ tham lam mà còn cố tình làm suy yếu dân tộc Việt Nam bằng cách thúc ép người dân hút thuốc phiện và uống rượu: “nó lại bắt dân ta hút thuốc phiện và uống rượu. Anh chỉ ham tiền Mỹ, Pháp đã ham tiền lại muốn làm mất nòi, mất giống An Nam đi” [117, tr.291], kẻ xâm lược không chỉ nhằm mục đích kiếm lợi nhuận mà còn có ý đồ làm suy đồi giống nòi, điều này thể hiện rõ sự tàn bạo và vô nhân đạo của chế độ thực dân, đồng thời cũng là một dạng tham nhũng tinh vi và độc ác.

Thực trạng tham nhũng đã phơi bày rõ sự thối nát của chế độ thực dân, làm mất lòng tin của nhân dân vào bộ máy cầm quyền, đây là những “ung nhọt” mà xã hội cũ để lại, như Hồ Chí Minh ví von, khiến cho sự phát triển của đất nước bị kìm hãm và gây nên sự bất bình trong xã hội, Người nói: “Tệ tham ô, lãng phí, quan liêu là cái xấu xa do xã hội cũ để lại, như cái ung nhọt còn sót lại trên thân thể của người khổng lồ” [128 tr.417]. Những viên chức, những người có trách nhiệm lẽ ra phải là người gương mẫu, bảo vệ lẽ phải và công lý, nhưng lại lợi dụng chức vụ để kiếm lợi riêng, hình ảnh về sự mục nát của chính quyền tại Lai Tân là minh chứng điển hình cho sự suy đồi của bộ máy cầm quyền khi những kẻ tham nhũng không chỉ làm hại đất nước mà còn phá hỏng đạo đức công vụ (Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc, Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh; Chong đèn, huyện trưởng làm công việc; Trời đất Lai Tân vẫn thái bình).

Tham nhũng là một tội ác nghiêm trọng không chỉ đối với cá nhân mà còn đối với cả hệ thống chính trị xã hội, Hồ Chí Minh cho rằng, việc cán bộ tham ô, hủ hoá được coi là “có tội to với Đảng và Chính phủ, có tội to với nhân dân và có tội to cả với anh chị em cán bộ khác” [125, tr.210], tham nhũng không chỉ dừng lại ở việc làm suy yếu niềm tin của nhân dân vào Đảng và Chính phủ, mà còn phá hỏng sự đoàn kết và tinh thần trách nhiệm trong nội bộ cán bộ. Cán bộ nếu tham ô, hủ hoá, họ không chỉ phản bội niềm tin của nhân dân mà còn làm tổn hại đến uy tín và hiệu

quả của cả bộ máy chính quyền, hành vi này cũng tạo ra sự bất công và bất bình đẳng, gây ra sự đổ ky, mất đoàn kết trong hàng ngũ, nó còn làm suy thoái đạo đức và làm mất đi những giá trị cốt lõi của cách mạng, do đó tham nhũng là một tội ác nặng nề, làm suy yếu cả hệ thống chính trị, xã hội và đe dọa sự phát triển của đất nước.

Cuối cùng, Người nhấn mạnh mức độ nghiêm trọng của tham nhũng và tác hại tột cùng của nó đối với xã hội, đó là “Việc tệ nhất là tham ô. Tham ô tức là gián tiếp giết chết đồng bào bị đói và bị nạn” [124, tr.439]. Tham ô, theo Người không chỉ là hành vi ăn cắp tài sản của nhà nước và nhân dân mà còn là hành động gián tiếp gây ra cái chết của những người nghèo khổ, những người đang trong hoàn cảnh khó khăn. Khi một cán bộ tham ô, họ lấy đi những nguồn lực cần thiết để hỗ trợ cho những người dân đang gặp khó khăn, lẽ ra cần được sử dụng để cứu trợ, giúp đỡ những người bị nạn đói hoặc thiên tai, hành động tham ô không chỉ làm giảm sút tài chính của quốc gia, mà còn tạo ra khoảng cách lớn giữa các tầng lớp xã hội, làm gia tăng sự bất công, đẩy những người dân nghèo vào cảnh thiếu thốn, khiến họ phải chịu đựng những đau khổ không đáng có. Hậu quả là tham ô làm suy yếu nền kinh tế, phá vỡ sự đoàn kết xã hội và gây ra những hậu quả thảm khốc, tai hại nhất là cướp đi sinh mạng của nhân dân nghèo. Vì vậy, tham nhũng không chỉ là hành vi vi phạm pháp luật mà còn là tội ác đạo đức, là sự phản bội đối với sự sống còn của đồng bào.

Tóm lại, tham nhũng là một căn bệnh nguy hiểm, không chỉ làm suy yếu nền kinh tế mà còn phá hoại đạo đức xã hội, làm mất lòng tin của nhân dân vào bộ máy cầm quyền, gây ra sự bất ổn và bất công trong xã hội, để xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, việc đấu tranh chống tham nhũng là nhiệm vụ cấp bách và quan trọng, đòi hỏi sự đồng lòng của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân.

2.3. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng

2.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng hệ thống pháp luật để phòng, chống tham nhũng

Pháp luật có một vị trí và vai trò vô cùng quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo Người, việc xây dựng hệ thống pháp luật phải nhằm mục đích hướng

tới phòng, chống tham nhũng, đây là một quan điểm khá toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa pháp trị và đức trị, giữa xây dựng thể chế và rèn luyện con người. Người cho rằng, pháp luật không chỉ là công cụ cưỡng chế mà còn là phương tiện giáo dục, điều chỉnh hành vi và bảo đảm công bằng xã hội, qua đó góp phần ngăn ngừa và xử lý tham nhũng một cách hiệu quả. Người nhấn mạnh: “Tham ô, lãng phí là có tội nặng, ai thấy phải phê bình, phải đẩy mạnh tự phê bình và phê bình” [125, tr.496].

Hồ Chí Minh xác định rõ vai trò nền tảng của pháp luật trong quản lý xã hội và Nhà nước, Người nhấn mạnh rằng “nhà nước pháp quyền chỉ phát huy được đầy đủ hiệu lực khi nó biết coi trọng kết hợp giáo dục đạo đức và pháp luật trong quản lý xã hội và nhà nước” [116, tr.XX]. Quan điểm này cho thấy, pháp luật không thể phát huy hiệu quả nếu tách rời khỏi nền tảng đạo đức; ngược lại, đạo đức cũng cần được thể chế hóa bằng pháp luật để bảo đảm tính ràng buộc. Trong phòng, chống tham nhũng, sự kết hợp này giúp vừa phòng ngừa từ gốc (thông qua giáo dục đạo đức), vừa xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm (thông qua pháp luật). Tiếp đó, Người đặc biệt đề cao nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật, đây vốn là một nguyên tắc cốt lõi của nhà nước pháp quyền, Người khẳng định “mọi người đều bình đẳng trước pháp luật” [117, tr.103], đồng thời nhấn mạnh “Bản Tuyên ngôn cũng thừa nhận quyền bình đẳng của mọi người trước pháp luật” [119, tr.596]. Nguyên tắc này có ý nghĩa đặc biệt trong phòng, chống tham nhũng, bởi nó loại trừ mọi đặc quyền, đặc lợi, bảo đảm rằng bất kỳ ai vi phạm pháp luật, dù ở cương vị nào, cũng đều bị xử lý như nhau.

Trên nền tảng nhận thức sâu sắc về vai trò của pháp luật trong quản lý xã hội và kiểm soát quyền lực, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu phải xây dựng và thực thi một hệ thống pháp luật nghiêm minh, đồng bộ nhằm trừng trị và ngăn chặn hiệu quả các hành vi tham nhũng. Người chỉ rõ: “Cần có những pháp luật để trừng trị tệ tham ô, lãng phí và phải chấp hành những pháp luật ấy một cách nghiêm chỉnh...” [128, tr.419], qua đó khẳng định rằng pháp luật không chỉ cần được ban hành đầy đủ mà quan trọng hơn là phải được thực thi một cách nghiêm túc, không hình thức, không ngoại lệ. Theo Hồ Chí Minh, tham nhũng là hành vi xâm hại trực

tiếp đến lợi ích của Nhà nước và nhân dân, làm suy yếu bộ máy và làm giảm sút niềm tin xã hội, vì vậy việc xử lý bằng pháp luật phải bảo đảm tính răn đe cao và tính công bằng tuyệt đối. Chính vì thế, Người nhấn mạnh: “Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì” [121, tr.127] và “Đối với bọn đại gian đại ác thì phải trừng trị theo pháp luật” [122, tr.388], thể hiện rõ quan điểm nhất quán về nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật và không có “vùng cấm” trong xử lý tham nhũng. Điều này không chỉ nhằm trừng trị cá nhân vi phạm mà còn góp phần củng cố kỷ cương phép nước, tạo niềm tin cho nhân dân và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước. Đồng thời, việc nhấn mạnh yếu tố “thẳng tay trừng trị” cho thấy Hồ Chí Minh đề cao tính nghiêm khắc cần thiết của pháp luật như một công cụ răn đe mạnh mẽ, ngăn chặn các hành vi tiêu cực ngay từ ý định ban đầu. Với Người, một hệ thống pháp luật hiệu quả trong phòng, chống tham nhũng phải hội tụ đủ ba yếu tố: đầy đủ về nội dung, nghiêm minh trong thực thi và công bằng trong áp dụng; qua đó tạo nên một “hàng rào pháp lý” vững chắc, góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước và nhân dân, đồng thời xây dựng một xã hội kỷ cương, minh bạch và liêm chính.

Không chỉ dừng lại ở việc ban hành pháp luật, Hồ Chí Minh còn đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu chấp hành pháp luật một cách nghiêm chỉnh. Người phê phán những biểu hiện coi thường kỷ luật, pháp luật như: “không coi kỷ luật chính trị vào đâu, muốn làm gì là cứ tự ý làm bừa đi...” [119, tr.45], đồng thời yêu cầu “Phải tuân theo pháp luật Chính phủ” [122, tr.489]. Điều này cho thấy, hiệu lực của pháp luật không chỉ nằm ở nội dung quy định mà còn phụ thuộc vào ý thức tuân thủ của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trong phòng, chống tham nhũng, việc nâng cao ý thức pháp luật chính là điều kiện để ngăn chặn các hành vi vi phạm ngay từ đầu, phải đề cao ý thức và kỷ luật, bất kỳ là ai, ở cương vị nào cũng phải tuân thủ pháp luật của Nhà nước. Pháp luật là thước đo, là hành lang mà bất kỳ ai cũng không được tự ý vượt qua ranh giới đó, đây là công cụ hữu hiệu để kìm hãm nạn tham nhũng.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò của đội ngũ thực thi pháp luật. Người nhấn mạnh: “Anh em tư pháp là những người học thức, lại là

những người giữ gìn pháp luật dân chủ” [120, tr.537; T5, tr.701]. Nghĩa là, ngay từ những ngày đầu thành lập Nhà nước, Người đã đặt ra yêu cầu phải xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp có trình độ, đạo đức và trách nhiệm cao, bởi họ chính là lực lượng trực tiếp bảo vệ công lý, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng. Đồng thời, Người cũng đề cao vai trò của công tác kiểm tra khi khẳng định: “Vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ...” [129, tr.362]. Như vậy, kiểm tra, giám sát là một bộ phận không thể tách rời của hệ thống pháp luật, góp phần bảo đảm pháp luật được thực thi nghiêm túc.

Một nội dung quan trọng khác trong tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa cưỡng chế pháp luật và tự giác tu dưỡng, “Muốn trong sạch thì phải gây một phong trào chống tham ô, lãng phí. Pháp luật không trị hết được. Tự mình phải gây ra cái pháp luật để trị mình” [123, tr.7]. Quan điểm này cho thấy, pháp luật dù nghiêm minh đến đâu cũng không thể thay thế hoàn toàn ý thức tự giác của mỗi cá nhân. Do đó, phòng, chống tham nhũng cần dựa trên cả hai trụ cột: pháp luật và đạo đức, trong đó tự giác giữ vai trò quyết định lâu dài. Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh trách nhiệm của toàn xã hội trong việc bảo vệ pháp luật và đấu tranh chống tham nhũng. Người chỉ rõ: “Khi cửa công bị mất cắp... mọi người đều có trách nhiệm vạch mặt kẻ gian và đưa nó ra trước pháp luật...” [128, tr.416], đặc biệt là những kẻ nhận hối lộ, tham nhũng, lấy cắp tài sản của quốc gia, thấy những trường hợp như vậy thì mọi công dân đều phải có trách nhiệm tố giác, bắt những kẻ này chịu sự trừng phạt của pháp luật. Đồng thời yêu cầu “cần phải giữ gìn pháp luật” [124, tr.275], điều này thể hiện sự nghiêm minh của những người “cầm thanh gươm công lý”, mặt khác, còn phát huy vai trò của nhân dân như một chủ thể giám sát, góp phần phát hiện và ngăn chặn các hành vi tham nhũng.

Với Hồ Chí Minh, pháp luật không chỉ được nhìn nhận như một công cụ quản lý xã hội mang tính cưỡng chế, mà còn là một phương tiện có giá trị nhân văn sâu sắc nhằm cải tạo con người, hướng con người tới những chuẩn mực đạo đức tiến bộ và lối sống lành mạnh. Người nhấn mạnh rằng “phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương

thiện” [130, tr. 617], qua đó thể hiện rõ quan điểm kết hợp chặt chẽ giữa pháp luật và giáo dục trong quá trình điều chỉnh hành vi xã hội. Điều này hàm ý rằng pháp luật không thể phát huy đầy đủ hiệu lực nếu chỉ dừng lại ở việc trừng trị, răn đe, mà cần được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với giáo dục đạo đức, nhằm tác động vào nhận thức, tình cảm và ý chí của con người, giúp họ không chỉ “không dám” mà còn “không muốn” vi phạm. Trên thực tế, Hồ Chí Minh nhìn nhận con người trong tính lịch sử - cụ thể, nghĩa là những sai lầm, vi phạm của cá nhân không phải lúc nào cũng mang tính bản chất bất biến, mà có thể được sửa chữa thông qua quá trình giáo dục, rèn luyện và tác động của môi trường xã hội. Chính vì vậy, pháp luật, khi được vận dụng đúng đắn, không chỉ là “công cụ trừng phạt” mà còn là “công cụ cảm hóa”, tạo điều kiện để người vi phạm nhận thức được sai lầm, từ đó cải biến hành vi và tái hòa nhập xã hội với tư cách là những công dân có ích. Tuy nhiên, tính nhân văn đó hoàn toàn không đồng nghĩa với sự buông lỏng kỷ cương hay khoan nhượng đối với các hành vi vi phạm pháp luật; trái lại, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh yêu cầu phải xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng tội, khi khẳng định: “Người nào có tội, thì điều tra cho ra, rồi có pháp luật trừng trị” [123, tr.95]. Đặc biệt, trong bối cảnh “có những người phá hoại pháp luật (như tham ô, buôn gian, lậu thuế...)” [124, tr.258], việc áp dụng pháp luật một cách kiên quyết và công bằng trở thành yêu cầu tất yếu để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và nhân dân, giữ vững kỷ cương xã hội. Như vậy, điểm đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sự kết hợp hài hòa giữa tính nghiêm minh và tính nhân đạo của pháp luật: pháp luật vừa có chức năng trừng trị để răn đe, ngăn chặn cái xấu, vừa có chức năng giáo dục, cải tạo để nuôi dưỡng cái tốt. Chính sự kết hợp này làm cho pháp luật trở thành một công cụ toàn diện trong quản lý xã hội, không chỉ góp phần phòng, chống tham nhũng một cách hiệu quả mà còn hướng tới mục tiêu cao hơn là xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, trong đó con người được phát triển một cách toàn diện cả về ý thức pháp luật lẫn đạo đức.

Cuối cùng, Hồ Chí Minh đặt việc chấp hành pháp luật trong mối quan hệ thống nhất với việc giữ gìn đạo đức cách mạng, tạo thành nền tảng bền vững cho

việc phòng, chống tham nhũng. Người yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải “Phải đoàn kết nhất trí, giữ vững đạo đức cần, kiệm, liêm, chính; kiên quyết chống quan liêu, tham ô, lãng phí” và “hết lòng hết dạ phục vụ nhân dân”, đồng thời phải “chấp hành nghiêm chỉnh chính sách của Chính phủ và pháp luật của Nhà nước” [125, tr.424], qua đó cho thấy sự gắn kết chặt chẽ giữa “đức trị” và “pháp trị” trong quản lý xã hội và kiểm soát quyền lực. Nếu đạo đức cách mạng đóng vai trò định hướng bên trong, hình thành động cơ đúng đắn và ý thức tự giác của cán bộ, thì pháp luật và chính sách lại là khuôn khổ bên ngoài, bảo đảm tính bắt buộc và thiết lập cơ chế kiểm soát hành vi. Trên nền tảng đó, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò của kỷ luật như một cầu nối giữa đạo đức và pháp luật khi khẳng định: “Đảng Lao động Việt Nam phải có kỷ luật sắt, đồng thời là kỷ luật tự giác” [122, tr.41]. “Kỷ luật sắt” thể hiện tính nghiêm minh, chặt chẽ của tổ chức, bảo đảm mọi vi phạm đều bị xử lý nghiêm khắc, trong khi “kỷ luật tự giác” phản ánh chiều sâu đạo đức, khi mỗi cá nhân chủ động tuân thủ các chuẩn mực mà không cần sự cưỡng chế từ bên ngoài. Chính sự kết hợp giữa hai yếu tố này đã tạo nên một cơ chế kiểm soát toàn diện, vừa mang tính bắt buộc, vừa mang tính tự nguyện, qua đó nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và ngăn ngừa vi phạm từ gốc. Như vậy, theo Hồ Chí Minh, sức mạnh của công tác phòng, chống tham nhũng không chỉ nằm ở hệ thống pháp luật nghiêm minh mà còn ở việc xây dựng được một đội ngũ cán bộ có đạo đức trong sáng, ý thức kỷ luật cao và tinh thần tự giác, từ đó hình thành một chỉnh thể thống nhất giữa đạo đức, kỷ luật và pháp luật, tạo nên nền tảng vững chắc để đấu tranh chống tham nhũng một cách hiệu quả và bền vững.

2.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, rèn luyện để phòng, chống tham nhũng

Quan điểm của Hồ Chí Minh về giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên là một trong những nội dung cốt lõi trong tư tưởng của Người về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đồng thời có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với phòng, chống tham nhũng. Theo Người, tham nhũng không chỉ bắt nguồn từ những khiếm khuyết về cơ chế, mà trước hết là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống

của cán bộ, đảng viên. Vì vậy, giáo dục và rèn luyện phải được coi là giải pháp căn cơ, lâu dài và có tính quyết định.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi công tác giáo dục, rèn luyện giữ vị trí nền tảng và có ý nghĩa quyết định trong xây dựng Đảng cũng như trong phòng, chống tham nhũng, bởi cho rằng mọi biểu hiện tiêu cực, suy thoái, trong đó có tham nhũng, trước hết bắt nguồn từ sự lệch lạc về nhận thức, sự xuống cấp về đạo đức và sự suy yếu về bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên. Chính vì vậy, Người khẳng định “công tác giáo dục đảng viên phải là một điều quan trọng trong chương trình công tác của cấp ủy” [130, tr.117], đồng thời nhấn mạnh “Đảng ta cần phải quan tâm hơn nữa đến việc giáo dục đảng viên” [130, tr.114], qua đó cho thấy giáo dục không phải là hoạt động mang tính hình thức hay nhất thời, mà phải trở thành một nhiệm vụ trung tâm, được tiến hành thường xuyên, có hệ thống và gắn chặt với toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng. Dưới góc độ phòng, chống tham nhũng, quan điểm này thể hiện rõ tư duy phòng ngừa từ sớm, từ xa, từ gốc, khi giáo dục được xem là phương thức hình thành ý thức liêm chính, tinh thần trách nhiệm và khả năng tự kiểm soát của mỗi cán bộ, đảng viên trước những cám dỗ của quyền lực và lợi ích vật chất; đồng thời, thông qua quá trình giáo dục liên tục, Đảng có thể kịp thời phát hiện và uốn nắn những biểu hiện lệch lạc trong tư tưởng, ngăn chặn nguy cơ suy thoái ngay từ khi mới manh nha. Như vậy, trong quan điểm của Hồ Chí Minh, giáo dục và rèn luyện không chỉ là hoạt động xây dựng con người về mặt tư tưởng và đạo đức, mà còn là một cơ chế phòng, chống tham nhũng mang tính chiến lược, tạo ra “hàng rào tự giác” từ bên trong, kết hợp với kỷ luật và pháp luật từ bên ngoài, qua đó hình thành một hệ thống phòng ngừa tham nhũng toàn diện và bền vững.

Bên cạnh việc xác lập vai trò trung tâm của công tác giáo dục, Hồ Chí Minh còn đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ và có tổ chức của hoạt động này trong thực tiễn, coi đây là điều kiện để giáo dục thực sự phát huy hiệu quả trong xây dựng Đảng và phòng, chống tham nhũng. Đảng phải tăng cường công tác vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương, qua đó thể hiện quan điểm rằng giáo dục phải là một quá trình tổng hợp, kết hợp nhiều phương thức tác động

khác nhau, từ tuyên truyền, giải thích, thuyết phục đến tổ chức thực hiện và kiểm chứng trong thực tiễn, nhằm tác động toàn diện đến nhận thức, tình cảm và hành vi của cán bộ, đảng viên, hướng đảng viên xác định được cái tâm trong sáng, không tham nhũng. Không dừng lại ở phương diện lý luận, Hồ Chí Minh còn đề xuất những hình thức tổ chức rất cụ thể như “phải tổ chức một ban gồm năm đồng chí phụ trách tuyên truyền và giáo dục đảng viên” [118, tr.638], cho thấy Người đặc biệt coi trọng việc thiết lập các cơ chế chuyên trách, có phân công rõ ràng, có kế hoạch và phương pháp phù hợp để triển khai công tác giáo dục một cách bài bản, tránh tình trạng hình thức, chung chung hoặc thiếu hiệu quả. Trong tổng thể đó, nêu gương được Hồ Chí Minh đặt ở vị trí nổi bật như một phương thức giáo dục có sức thuyết phục mạnh mẽ nhất, bởi theo Người, lời nói chỉ thực sự có giá trị khi đi đôi với hành động; do đó, cán bộ, nhất là người lãnh đạo, phải thực sự gương mẫu về đạo đức, lối sống và trách nhiệm công vụ. Trong bối cảnh phòng, chống tham nhũng, vai trò nêu gương càng có ý nghĩa quyết định, bởi hành vi của người đứng đầu không chỉ tác động trực tiếp đến hiệu quả quản lý mà còn định hình chuẩn mực giá trị và văn hóa liêm chính trong toàn bộ cơ quan, tổ chức; khi người lãnh đạo giữ vững phẩm chất liêm chính, công tâm, minh bạch, sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa tích cực, góp phần hình thành môi trường làm việc trong sạch, kỷ cương và hạn chế các điều kiện phát sinh tham nhũng, qua đó khẳng định rằng giáo dục chỉ thực sự đạt hiệu quả khi được triển khai đồng bộ, có tổ chức chặt chẽ và gắn liền với thực hành nêu gương trong đời sống chính trị - xã hội.

Một nội dung đặc sắc và có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc trong tư tưởng của Hồ Chí Minh là việc coi phê bình và tự phê bình như một phương thức giáo dục đặc biệt hiệu quả, đồng thời là cơ chế tự điều chỉnh nội tại của Đảng nhằm phòng, chống tham nhũng từ sớm, từ xa. Người khẳng định: “Đảng Lao động Việt Nam dùng lối phê bình và tự phê bình để giáo dục đảng viên” [122, tr.41]; yêu cầu mỗi đảng viên “phải luôn luôn thực hành thật thà tự phê bình và phê bình” và Đảng cần tiến hành “chỉnh Đảng, chỉnh huấn để giáo dục đảng viên” [123, tr.280], qua đó cho thấy đây không chỉ là một nguyên tắc tổ chức mà còn là một phương thức giáo dục

mang tính đặc thù của Đảng cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, phê bình và tự phê bình trước hết là quá trình mỗi cá nhân tự soi xét lại mình, nhận diện những hạn chế, sai lầm trong tư tưởng và hành vi để kịp thời sửa chữa; đồng thời, thông qua phê bình lẫn nhau trong tổ chức, những khuyết điểm cũng được chỉ ra một cách khách quan, giúp nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên. Chính cơ chế này tạo ra một “vòng kiểm soát nội bộ” thường xuyên, liên tục và mang tính tự giác, giúp ngăn chặn nguy cơ suy thoái ngay từ khi còn manh nha, không để tích tụ thành những vi phạm nghiêm trọng như tham nhũng, tiêu cực. Trong bối cảnh phòng, chống tham nhũng, phê bình và tự phê bình có ý nghĩa như một “liều thuốc phòng bệnh” hữu hiệu, bởi nó không chỉ phát hiện sớm các biểu hiện lệch lạc trong việc sử dụng quyền lực mà còn góp phần hình thành văn hóa minh bạch, thẳng thắn và trách nhiệm giải trình trong tổ chức Đảng. Khi mỗi cán bộ, đảng viên thực sự nghiêm túc với tự phê bình, dám nhìn thẳng vào khuyết điểm của mình và sẵn sàng tiếp thu phê bình của người khác, thì sẽ tạo ra một môi trường chính trị lành mạnh, nơi mà những hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì mục đích cá nhân khó có điều kiện tồn tại và phát triển; đồng thời, việc kết hợp phê bình, tự phê bình với các biện pháp chỉnh Đảng, chỉnh huấn còn giúp củng cố kỷ luật, tăng cường sự đoàn kết thống nhất và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức, qua đó góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh và phòng, chống tham nhũng một cách hiệu quả, bền vững.

Hồ Chí Minh cũng đặc biệt coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục và rèn luyện trong thực tiễn, xem đây là một quá trình thống nhất, không thể tách rời trong việc hình thành phẩm chất và năng lực của cán bộ, đảng viên, từ đó góp phần phòng, chống tham nhũng một cách hiệu quả và bền vững. Người yêu cầu phải thường xuyên làm tốt công tác giáo dục, rèn luyện đảng viên, trong đó mỗi đảng viên phải “gương mẫu trong mọi công việc, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, nội bộ thật sự đoàn kết; chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng” [130], qua đó cho thấy giáo dục không chỉ dừng lại ở việc trang bị nhận thức mà phải được kiểm nghiệm và củng cố thông qua hành động cụ thể trong đời sống và công tác hằng

ngày. Đặc biệt, việc gắn bó mật thiết với nhân dân được Hồ Chí Minh xem là một yêu cầu vừa mang tính đạo đức, vừa mang ý nghĩa như một cơ chế giám sát xã hội tự nhiên, giúp cán bộ, đảng viên luôn tự ý thức về trách nhiệm và hành vi của mình trước quần chúng. Khi cán bộ, đảng viên “gần gũi nhân dân... thật thà, không lên mặt, biết sao nói vậy” [123, tr.192], thì không chỉ tạo dựng được niềm tin mà còn đặt bản thân họ trong môi trường giám sát thường xuyên của nhân dân, qua đó hạn chế khả năng phát sinh và tồn tại của những biểu hiện tiêu cực như quan liêu, tham nhũng. Như vậy, trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, rèn luyện trong thực tiễn chính là con đường để chuyển hóa nhận thức thành hành vi, biến các chuẩn mực đạo đức thành thói quen và bản lĩnh, góp phần tạo nên “hàng rào tự giác” vững chắc trong phòng, chống tham nhũng.

Một điểm nhấn đặc biệt quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Hồ Chí Minh là vai trò của giáo dục lý luận cách mạng như nền tảng tư tưởng để xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vững vàng trước mọi thử thách, trong đó có những cám dỗ vật chất dẫn đến tham nhũng. Người khẳng định “Đảng phải luôn luôn giáo dục đảng viên về lý luận cách mạng” [123, tr.276] và yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải “ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng... không ngừng nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng và năng lực công tác của mình” [129, tr.243], qua đó nhấn mạnh rằng lý luận không chỉ là tri thức mà còn là “kim chỉ nam” cho hành động. Khi được trang bị đầy đủ về lý luận, cán bộ, đảng viên sẽ có khả năng nhận diện đúng sai, phân biệt lợi ích chung với lợi ích cá nhân, từ đó giữ vững lập trường, nguyên tắc và không bị dao động trước những lợi ích trước mắt. Hơn nữa, giáo dục lý luận còn góp phần nâng cao năng lực tư duy và năng lực thực tiễn, giúp cán bộ thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, hạn chế những sai sót do yếu kém chuyên môn - vốn cũng có thể trở thành môi trường cho tham nhũng nảy sinh. Vì vậy, có thể khẳng định rằng trong quan điểm của Hồ Chí Minh, giáo dục lý luận chính là “lá chắn” tư tưởng vững chắc, giúp cán bộ, đảng viên xây dựng bản lĩnh chính trị kiên định và khả năng “tự miễn dịch” trước những biểu hiện tiêu cực.

Cuối cùng, Hồ Chí Minh xác định mục tiêu cao nhất của công tác giáo dục, rèn luyện là hình thành và củng cố đạo đức cách mạng, với cốt lõi là tinh thần “hết lòng hết sức phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân, đặt lợi ích của Đảng và lợi ích của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân” [129, tr.243], coi đây là tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá phẩm chất của cán bộ, đảng viên cũng như là “gốc rễ” của việc phòng, chống tham nhũng. Mỗi cá nhân thực sự thấm nhuần và thực hành nguyên tắc này trong hành động cụ thể, thì những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, vốn là nguồn gốc trực tiếp của tham nhũng sẽ bị đẩy lùi ngay từ trong nhận thức và động cơ hành động. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ rằng công tác giáo dục không thể tách rời khỏi kiểm tra, giám sát, khi Người nhấn mạnh trách nhiệm của tổ chức Đảng trong trường hợp “sự giáo dục đảng viên... chưa đầy đủ, sự kiểm soát chưa đầy đủ” [123, tr.52], qua đó khẳng định rằng nếu thiếu sự theo dõi, đánh giá và uốn nắn kịp thời thì giáo dục sẽ khó đạt được hiệu quả thực chất. Điều này cho thấy tư duy nhất quán của Người trong việc kết hợp giữa “xây” và “chống”: vừa xây dựng phẩm chất đạo đức thông qua giáo dục, vừa ngăn ngừa và xử lý sai phạm thông qua kiểm tra, giám sát, từ đó tạo nên một cơ chế toàn diện nhằm phòng, chống tham nhũng một cách hiệu quả và bền vững.

2.3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức bộ máy và cơ quan chuyên trách để phòng, chống tham nhũng

Quan điểm của Hồ Chí Minh về tổ chức bộ máy và cơ quan chuyên trách trong phòng, chống tham nhũng được hình thành trên nền tảng tư duy nhất quán về xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân, đồng thời gắn liền với yêu cầu xây dựng một hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Theo Người, việc tổ chức bộ máy và thiết lập các cơ quan thực hiện chức năng phòng, chống tham nhũng không thể tách rời bản chất của chế độ, nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước và vai trò lãnh đạo của Đảng.

Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, vấn đề tổ chức bộ máy và các cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng không được đặt tách rời mà luôn gắn bó hữu cơ với nhiệm vụ xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân - một nhà nước thực sự

của dân, do dân và vì dân. Người khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân...”, “tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đều thuộc về nhân dân” [127, tr.375], qua đó xác lập nguyên tắc nền tảng về chủ thể của quyền lực nhà nước. Đồng thời, Người nhấn mạnh “Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo” [127, tr.370] và “Nhà nước xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân chỉ lo làm lợi cho nhân dân” [125, tr.453], từ đó làm rõ bản chất và mục tiêu phục vụ của bộ máy nhà nước. Trên cơ sở những luận điểm này, Hồ Chí Minh đặt ra yêu cầu mang tính nguyên tắc đối với việc tổ chức bộ máy nói chung và các cơ quan phòng, chống tham nhũng nói riêng: mọi thiết chế quyền lực phải được tổ chức và vận hành nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân, bảo vệ tài sản công, chống lại mọi hành vi xâm hại lợi ích chung, trong đó có tham nhũng. Điều đó cũng có nghĩa là các cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng không chỉ thực hiện chức năng phát hiện, xử lý vi phạm, mà còn phải góp phần bảo đảm cho quyền lực nhà nước được kiểm soát chặt chẽ, không bị tha hóa, đồng thời đặt dưới sự giám sát của nhân dân. Như vậy, trong quan điểm của Hồ Chí Minh, việc xây dựng bộ máy và cơ quan phòng, chống tham nhũng phải xuất phát từ bản chất dân chủ của Nhà nước, lấy nhân dân làm trung tâm, coi việc bảo vệ lợi ích của nhân dân là mục tiêu tối thượng, qua đó tạo nên nền tảng chính trị - pháp lý vững chắc cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng một cách hiệu quả và bền vững. Tiếp theo, trong tư duy của Hồ Chí Minh, vai trò lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định hiệu quả của công tác phòng, chống tham nhũng. Người chỉ rõ: “Đảng ta, Chính phủ ta, ngoài lợi ích của nhân dân, không có lợi ích nào khác, nên đảng viên, cán bộ trong và ngoài Đảng phải một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp” [125, tr.618]. Cùng với đó, Người nhấn mạnh “chống tham ô, lãng phí ta làm được, phải do Đảng lãnh đạo, do quần chúng góp sáng kiến, góp lực lượng” [125, tr.497]. Điều này cho thấy, tổ chức bộ máy và các cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng phải đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, đồng thời phát huy vai trò tham gia của quần chúng nhân dân.

Hơn nữa, trong hệ thống tư tưởng của Hồ Chí Minh, việc xây dựng bộ máy nhà nước nói chung và các thiết chế phòng, chống tham nhũng nói riêng luôn gắn liền với nguyên tắc dân chủ và kiểm soát quyền lực, coi đây là điều kiện bảo đảm cho quyền lực không bị tha hóa. Người khẳng định “Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ...”, đồng thời chỉ rõ “nguyên tắc tổ chức của Nhà nước ta là dân chủ tập trung” [127, tr.376], qua đó thể hiện quan điểm nhất quán về việc kết hợp giữa tính thống nhất, tập trung của quyền lực với việc phát huy dân chủ rộng rãi trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Theo Hồ Chí Minh, nguyên tắc dân chủ tập trung không chỉ là phương thức tổ chức mà còn là cơ chế vận hành giúp bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, đồng thời tạo điều kiện để các chủ thể trong hệ thống tham gia vào quá trình kiểm tra, giám sát lẫn nhau, từ đó hạn chế nguy cơ lạm quyền, chuyên quyền vốn là những tiền đề dẫn đến tham nhũng. Trên cơ sở đó, bộ máy và các cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng phải được tổ chức theo hướng vừa bảo đảm sự chỉ đạo tập trung, thống nhất, vừa phải công khai, minh bạch và phát huy dân chủ trong hoạt động, tránh tình trạng khép kín, thiếu kiểm soát. Đặc biệt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh yêu cầu “phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân” [127, tr.375], coi đây là nguyên tắc có ý nghĩa nền tảng trong kiểm soát quyền lực nhà nước. Theo đó, nhân dân không chỉ là đối tượng phục vụ mà còn là chủ thể giám sát, phản biện và tham gia vào quá trình phát hiện, đấu tranh với các hành vi tham nhũng, tiêu cực. Cơ chế kiểm soát từ bên ngoài này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi nó tạo ra một “kênh giám sát xã hội” rộng lớn, thường xuyên và trực tiếp, góp phần phát hiện kịp thời các biểu hiện sai phạm mà cơ chế kiểm tra nội bộ có thể không nhận diện hết.

Không dừng lại ở đó, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới việc xây dựng đội ngũ cán bộ trong bộ máy nhà nước nói chung và các cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng nói riêng giữ vai trò then chốt, mang tính quyết định đối với hiệu quả của toàn bộ hệ thống. Người luôn tâm niệm, cán bộ phải là đầy tớ trung thành và tận tụy của nhân dân, đồng thời nhấn mạnh “Dân là chủ thì Chính phủ phải là đầy tớ. Làm việc ngày nay không phải là để thăng quan, phát tài” [120, tr.74], qua

đó xác lập một chuẩn mực đạo đức công vụ rất cao, lấy tinh thần phục vụ nhân dân làm cốt lõi cho mọi hành động của cán bộ, công chức. Theo Hồ Chí Minh, quyền lực nhà nước thực chất là sự ủy quyền của nhân dân, vì vậy mọi cán bộ, nhất là những người nắm giữ vị trí trong các cơ quan có chức năng kiểm tra, giám sát và phòng, chống tham nhũng, càng phải ý thức sâu sắc trách nhiệm của mình, không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân. Nếu không giữ vững phẩm chất đạo đức, không đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, thì chính những người thực thi nhiệm vụ chống tham nhũng lại có thể trở thành nguồn phát sinh tham nhũng, làm suy yếu niềm tin của xã hội và vô hiệu hóa các thiết chế kiểm soát quyền lực. Do đó, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”, tức là vừa có đạo đức cách mạng trong sáng, vừa có năng lực chuyên môn vững vàng, đủ khả năng thực thi nhiệm vụ một cách hiệu quả và liêm chính.

Bên cạnh đó, theo Hồ Chí Minh, để tổ chức bộ máy phòng, chống tham nhũng thực sự hiệu quả thì một yêu cầu có tính cấp bách và căn bản là phải kiên quyết khắc phục căn bệnh quan liêu được Người xem là một trong những nguyên nhân sâu xa làm nảy sinh và nuôi dưỡng tham nhũng. Người nhấn mạnh: “muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí, thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu” [122, tr.357], qua đó chỉ ra mối quan hệ trực tiếp giữa quan liêu và tham nhũng, khi bộ máy xa rời thực tiễn, thiếu kiểm tra, giám sát và không gắn bó với nhân dân thì quyền lực rất dễ bị lạm dụng, dẫn đến các hành vi tiêu cực. Đồng thời, yêu cầu phải kiên quyết chống lại bệnh quan liêu, mệnh lệnh, giữ gìn kỷ luật, thực hành dân chủ, thể hiện quan điểm toàn diện về việc đổi mới phương thức hoạt động của bộ máy nhà nước theo hướng dân chủ, kỷ cương và hiệu quả. Theo Hồ Chí Minh, quan liêu không chỉ là biểu hiện của sự yếu kém về tổ chức mà còn là sự suy thoái về đạo đức và trách nhiệm công vụ, khiến cán bộ xa dân, không nắm được thực tế, từ đó tạo ra khoảng trống cho tham nhũng phát sinh và tồn tại. Vì vậy, việc cải cách bộ máy không chỉ dừng lại ở việc sắp xếp cơ cấu tổ chức mà quan trọng hơn là phải đổi mới lề lối làm việc, tăng cường điều tra, nghiên cứu thực tiễn, nâng cao tinh thần trách nhiệm, gắn

bó mật thiết với nhân dân và thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Khi bộ máy vận hành trên nền tảng dân chủ, minh bạch và kỷ luật nghiêm minh, đồng thời loại bỏ được lối làm việc quan liêu, mệnh lệnh, thì sẽ hạn chế được các điều kiện nảy sinh tham nhũng, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan phòng, chống tham nhũng và góp phần xây dựng một nền hành chính trong sạch, vững mạnh.

Mặt khác, trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, việc tăng cường chức năng kiểm tra, giám sát được xem là một yêu cầu tất yếu để bảo đảm cho bộ máy nhà nước nói chung và các cơ quan phòng, chống tham nhũng nói riêng hoạt động đúng mục tiêu, đúng chức năng và không bị tha hóa. Người yêu cầu “phải xây dựng tác phong điều tra, nghiên cứu trong mọi công tác cũng như trong khi định ra mọi chính sách của Đảng và Nhà nước” [128, tr.71], qua đó nhấn mạnh rằng mọi quyết định quản lý đều phải dựa trên thực tiễn, có kiểm chứng, tránh tình trạng chủ quan, duy ý chí, vốn là môi trường thuận lợi cho sai phạm phát sinh. Đồng thời, Người khẳng định vai trò không thể thiếu của phê bình và tự phê bình khi cho rằng “Đảng cách mạng cần phê bình và tự phê bình cũng như người ta cần không khí...” [122, tr.34], coi đây là cơ chế tự kiểm soát nội tại, giúp tổ chức thường xuyên tự soi, tự sửa, phát hiện và khắc phục kịp thời những hạn chế, sai lầm. Sự kết hợp giữa điều tra, nghiên cứu với phê bình, tự phê bình tạo nên một hệ thống kiểm soát hai chiều: vừa từ thực tiễn khách quan, vừa từ nội bộ tổ chức, qua đó giúp ngăn ngừa và xử lý hiệu quả các biểu hiện tiêu cực, trong đó có tham nhũng, ngay từ khi còn ở giai đoạn ban đầu.

Cuối cùng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh sự kết hợp chặt chẽ giữa việc mở rộng dân chủ và tăng cường kỷ cương, coi đây là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và vận hành bộ máy nhà nước cũng như trong hoạt động của các cơ quan phòng, chống tham nhũng. Người chỉ rõ: “Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường chuyên chính để làm cho chính quyền ta ngày càng thật sự là chính quyền của nhân dân...” [125, tr.466], qua đó khẳng định rằng dân chủ và kỷ luật không phải là hai yếu tố đối lập mà bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau. Việc mở rộng dân chủ nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia vào quản lý nhà nước và giám sát

quyền lực, trong khi tăng cường kỷ cương, pháp luật lại bảo đảm cho mọi hành vi vi phạm, đặc biệt là tham nhũng, đều bị xử lý nghiêm minh, không có ngoại lệ. Sự kết hợp này tạo nên một cơ chế vận hành vừa linh hoạt, vừa chặt chẽ, vừa phát huy được sức mạnh của nhân dân, vừa bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, qua đó góp phần xây dựng một bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh và đủ năng lực để phòng, chống tham nhũng một cách hiệu quả và bền vững.

2.3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức để phòng, chống tham nhũng

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức để phòng, chống tham nhũng là một bộ phận đặc biệt quan trọng trong tư tưởng của Người về xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Theo Người, tham nhũng trước hết bắt nguồn từ sự suy thoái về đạo đức, tư tưởng và trách nhiệm của cán bộ; vì vậy, muốn phòng, chống tham nhũng hiệu quả thì phải xây dựng được một đội ngũ cán bộ vừa “hồng” vừa “chuyên”, có đạo đức cách mạng, có năng lực và tinh thần phục vụ nhân dân.

Trước hết, trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng được xác định là nền tảng cốt lõi, có ý nghĩa quyết định đối với việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh, qua đó tạo cơ sở căn bản cho công tác phòng, chống tham nhũng. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng và thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đồng thời khẳng định “muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người thấm nhuần đạo đức xã hội chủ nghĩa” [128, tr.293], qua đó cho thấy đạo đức không chỉ là phẩm chất mang tính cá nhân mà còn là điều kiện tiên quyết để xây dựng một nền tảng xã hội lành mạnh, trong đó các hành vi tiêu cực, đặc biệt là tham nhũng, không có môi trường tồn tại. Theo Hồ Chí Minh, các chuẩn mực “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” không chỉ là những nguyên tắc đạo đức chung mà còn là những tiêu chí cụ thể để điều chỉnh hành vi của cán bộ trong thực thi công vụ: “cần” là siêng năng, tận tụy với công việc; “kiệm” là tiết kiệm, không lãng phí của công; “liêm” là trong sạch, không tham lam; “chính” là ngay thẳng, công bằng; còn “chí công vô tư” là đặt lợi ích

chung lên trên hết, không bị chi phối bởi lợi ích cá nhân. Khi các giá trị này được thấm nhuần và thực hành một cách tự giác, thường xuyên trong hoạt động công vụ, thì cán bộ sẽ có khả năng tự kiểm soát hành vi, chủ động tránh xa những cám dỗ vật chất và quyền lực, vốn là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tham nhũng.

Hồ Chí Minh xác định bản chất và vị trí của đội ngũ cán bộ trong Nhà nước giữ ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi đây chính là cơ sở để hình thành cơ chế kiểm soát quyền lực và phòng ngừa nguy cơ tham nhũng từ gốc. Người khẳng định Chính phủ là “đầy tớ chung của dân... Dân là chủ thì Chính phủ phải là đầy tớ. Làm việc ngày nay không phải là để thăng quan, phát tài” [120, tr.XII], qua đó nhấn mạnh rằng quyền lực nhà nước không phải là đặc quyền của cá nhân hay một nhóm người, mà là sự ủy quyền của nhân dân, và cán bộ chỉ là người được giao nhiệm vụ thay mặt nhân dân thực thi quyền lực đó. Trên cơ sở nhận thức này, Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ “phải tôn kính dân, phải làm cho dân tin, phải làm gương cho dân” [120, tr.69] và “cán bộ phải có tinh thần phụ trách trước nhân dân” [120, tr.334], tức là không chỉ hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn mà còn phải xây dựng mối quan hệ mật thiết, tin cậy với nhân dân, lấy sự hài lòng và lợi ích của nhân dân làm thước đo cho hiệu quả công việc. Cách tiếp cận này vừa xác lập rõ vị trí “công bộc” của cán bộ trong hệ thống quyền lực, vừa tạo ra một cơ chế ràng buộc trách nhiệm mang tính đạo đức và chính trị, khi mỗi hành vi của cán bộ đều phải đặt dưới sự giám sát và đánh giá của nhân dân. Khi cán bộ thực sự ý thức được vai trò phục vụ của mình, đồng thời thường xuyên gắn bó với nhân dân và chịu trách nhiệm trước nhân dân, thì nguy cơ tha hóa quyền lực, lạm dụng chức vụ để trục lợi cá nhân sẽ bị hạn chế đáng kể.

Từ góc độ nguyên tắc hành động, trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, việc đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân được xem là chuẩn mực có ý nghĩa quyết định đối với việc hình thành phẩm chất và định hướng hành vi của đội ngũ cán bộ, qua đó trực tiếp góp phần phòng, chống tham nhũng. Người nhấn mạnh “cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau” [120, tr.290-291], coi đây là nguyên tắc cốt lõi để bảo đảm mọi hoạt động công vụ đều hướng tới mục tiêu phục vụ

lợi ích chung, tránh bị chi phối bởi động cơ vụ lợi cá nhân. Khi nguyên tắc này được quán triệt và thực hành nghiêm túc, nó sẽ trở thành “hàng rào đạo đức” vững chắc, giúp cán bộ tự giác kiềm chế những ham muốn cá nhân không chính đáng, từ đó hạn chế nguy cơ phát sinh các hành vi tham nhũng. Đồng thời, Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở yêu cầu về lập trường tư tưởng mà còn đặc biệt đề cao việc nâng cao năng lực và trách nhiệm công vụ của cán bộ, bởi theo Người, năng lực yếu kém cũng có thể trở thành một nguyên nhân gián tiếp dẫn đến tham nhũng thông qua việc tạo ra những “khoảng trống quản lý”. Do đó, Người yêu cầu cán bộ phải “Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu” [128, tr.415], đồng thời “phải cố gắng học hỏi để không ngừng nâng cao trình độ chính trị” [127, tr.530], qua đó nhấn mạnh sự thống nhất giữa phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn trong việc xây dựng một đội ngũ cán bộ đủ “tâm” và “tầm”, có khả năng thực thi nhiệm vụ một cách hiệu quả và liêm chính.

Song song với việc xác lập nguyên tắc hành động đúng đắn, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu phải kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, điều mà Người coi là nguồn gốc sâu xa của mọi biểu hiện tiêu cực, trong đó có tham nhũng. Người chỉ rõ: “Phải nghiêm khắc chống chủ nghĩa cá nhân như tự tư, tự lợi, tự kiêu tự mãn... Phải chống tham ô, lãng phí” [127, tr.530], qua đó cho thấy rằng tham nhũng không chỉ là hành vi vi phạm pháp luật mà còn là hệ quả tất yếu của sự tha hóa về đạo đức, khi cá nhân đặt lợi ích riêng lên trên lợi ích chung. Để khắc phục tình trạng này, Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ phải không ngừng rèn luyện đạo đức cách mạng, trong đó “Phải thấm nhuần đạo đức cách mạng tức là khiêm tốn, đoàn kết” [127, tr.530], coi đây là những phẩm chất cần thiết để giữ gìn sự trong sạch của bản thân và xây dựng môi trường làm việc lành mạnh. Cán bộ phải có tinh thần khiêm tốn, không tự cao, tự mãn và biết đặt mình trong tập thể, thì sẽ hạn chế được xu hướng lạm dụng quyền lực; khi có tinh thần đoàn kết, gắn bó với tập thể, thì sẽ tạo ra cơ chế kiểm soát lẫn nhau, góp phần ngăn ngừa các hành vi sai phạm.

Xét trên phương diện tác động xã hội, trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên được nâng lên thành một nguyên tắc có ý nghĩa

định hướng và lan tỏa sâu rộng đối với toàn bộ đời sống xã hội, đặc biệt trong phòng, chống tham nhũng. Người khăng định cán bộ phải “thực hành chữ LIÊM trước, để làm kiểu mẫu cho dân” [121, tr.127; 122, tr.297], đồng thời yêu cầu “phải đoàn kết nhất trí, giữ vững đạo đức cần, kiệm, liêm, chính; kiên quyết chống quan liêu, tham ô, lãng phí; hết lòng hết dạ phục vụ nhân dân...” [125, tr.424], qua đó cho thấy nêu gương không chỉ là yêu cầu về phẩm chất cá nhân mà còn là phương thức giáo dục xã hội một cách trực tiếp, sinh động và hiệu quả nhất. Theo Hồ Chí Minh, trong điều kiện xã hội mà cán bộ là những người giữ vị trí lãnh đạo, quản lý và có ảnh hưởng lớn đến quần chúng, thì hành vi, lối sống và đạo đức của họ sẽ có tác động lan tỏa mạnh mẽ, góp phần hình thành chuẩn mực chung của xã hội. Cán bộ thực sự liêm chính, gương mẫu trong công việc và đời sống, thì không chỉ tạo dựng niềm tin của nhân dân mà còn có tác dụng định hướng, dẫn dắt quần chúng noi theo, từ đó hình thành một môi trường xã hội đề cao giá trị liêm chính, lên án và bài trừ các hành vi tham nhũng. Ngược lại, nếu cán bộ thiếu gương mẫu, nói không đi đôi với làm, thì không những làm suy giảm niềm tin của nhân dân mà còn tạo ra hiệu ứng tiêu cực, làm suy yếu các chuẩn mực đạo đức và tạo điều kiện cho tham nhũng lan rộng. Vì vậy, trong quan điểm của Hồ Chí Minh, nêu gương vừa là yêu cầu tự thân của cán bộ, vừa là một “công cụ mềm” nhưng có sức mạnh to lớn trong phòng, chống tham nhũng, góp phần xây dựng một xã hội trong sạch, lành mạnh và bền vững.

Từ góc độ cơ chế tự điều chỉnh, trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình được coi là một phương thức đặc biệt quan trọng trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, đồng thời là “hàng rào” phòng ngừa tham nhũng từ bên trong mỗi tổ chức. Người yêu cầu cán bộ phải “nâng cao giác ngộ tư tưởng... mạnh dạn công khai tự phê bình, vui vẻ tiếp thu lời phê bình của người khác” [124, tr.XV], đồng thời nhấn mạnh việc “nâng cao ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức và kỷ luật” [126, tr.218], qua đó cho thấy tự phê bình và phê bình không chỉ là một nguyên tắc sinh hoạt Đảng mà còn là một cơ chế giáo dục và kiểm soát nội tại. Nếu mỗi cán bộ có ý thức tự soi xét, tự điều chỉnh hành vi và sẵn sàng tiếp nhận sự góp

ý từ tập thể, thì những biểu hiện lệch lạc, sai phạm có thể được phát hiện và khắc phục kịp thời ngay từ khi mới hình thành, không để tích tụ thành những vi phạm nghiêm trọng như tham nhũng. Cơ chế này cũng tạo ra môi trường làm việc minh bạch, thẳng thắn và có trách nhiệm, nơi mà mọi hành vi đều được đặt dưới sự giám sát của tập thể, qua đó góp phần nâng cao tính liêm chính và sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ.

Đặt trong tầm nhìn chiến lược, Hồ Chí Minh gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ với nhiệm vụ xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, coi đây là nền tảng lâu dài để phòng, chống tham nhũng một cách bền vững. Người khẳng định: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải có con người xã hội chủ nghĩa và có tư tưởng xã hội chủ nghĩa” [127, tr.604], đó là những con người “có tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa”, “có ý thức làm chủ Nhà nước” [128, tr.66], qua đó nhấn mạnh rằng cán bộ không chỉ cần có năng lực chuyên môn mà còn phải có thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn, gắn bó với lợi ích của nhân dân và xã hội. Theo Người, cán bộ có ý thức làm chủ, họ sẽ nhận thức rõ trách nhiệm của mình đối với tài sản công và quyền lực được giao, từ đó hạn chế xu hướng lợi dụng quyền lực vì mục đích cá nhân. Ngoài ra, tư tưởng xã hội chủ nghĩa còn giúp hình thành bản lĩnh chính trị vững vàng, tạo khả năng “tự miễn dịch” trước những cám dỗ vật chất và lợi ích nhóm, qua đó góp phần xây dựng một đội ngũ cán bộ có khả năng tự đề kháng trước tham nhũng ngay từ trong nhận thức và động cơ hành động.

Trên phương diện thực hành, Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao nguyên tắc tiết kiệm và bảo vệ của công như những chuẩn mực cụ thể, trực tiếp điều chỉnh hành vi của cán bộ trong quản lý tài sản và nguồn lực xã hội. Người yêu cầu “phải hết sức tiết kiệm, kiên quyết chống tham ô, lãng phí” [129, tr.234], “phải biết tiết kiệm, quý trọng của công, chống tham ô, lãng phí” [128, tr.152], và “mọi việc phải theo tinh thần cần kiệm xây dựng nước nhà, chống tham ô, lãng phí, quan liêu” [129, tr.493], điều đó cho thấy tiết kiệm không chỉ là một đức tính cá nhân mà còn là nguyên tắc quản lý công vụ mang tính bắt buộc. Theo Hồ Chí Minh, tham nhũng và lãng phí đều là những biểu hiện của việc sử dụng sai trái tài sản công, do đó việc thực hành

tiết kiệm chính là biện pháp trực tiếp để ngăn ngừa và hạn chế các hành vi tiêu cực này. Xây dựng người cán bộ phải có ý thức quý trọng của công, sử dụng hiệu quả nguồn lực và tránh mọi biểu hiện lãng phí, điều đó không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý mà còn góp phần xây dựng một môi trường công vụ minh bạch, liêm chính, trong đó các hành vi tham ô khó có điều kiện phát sinh.

Từ góc độ tổ chức và phương thức hoạt động, Hồ Chí Minh yêu cầu đội ngũ cán bộ phải gắn bó chặt chẽ với pháp luật và thực tiễn, đồng thời kiên quyết khắc phục các biểu hiện quan liêu, vốn là mảnh đất thuận lợi cho tham nhũng phát triển. Người nhấn mạnh: “Phải giữ gìn pháp luật của Nhà nước” [126, tr.154], nghĩa là yêu phải gột rửa sạch những bệnh quan liêu, mệnh lệnh, hình thức, phải luôn luôn đi sát với quần chúng, phải thực hành cần, kiệm, liêm, chính, từ đó thể hiện quan điểm nhất quán về việc xây dựng một đội ngũ cán bộ vừa tuân thủ nghiêm pháp luật, vừa gần gũi nhân dân và có đạo đức trong sáng. Theo Hồ Chí Minh, chỉ khi cán bộ bám sát thực tiễn, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân thì mới có thể phát hiện kịp thời những vấn đề phát sinh, đồng thời hạn chế nguy cơ lạm quyền, xa rời thực tế, đây là những yếu tố dễ dẫn đến tham nhũng. Như vậy, một đội ngũ cán bộ liêm chính theo quan điểm của Người phải hội tụ đồng thời ba yếu tố: thượng tôn pháp luật, gắn bó với nhân dân và có phẩm chất đạo đức vững vàng, qua đó tạo nên nền tảng vững chắc cho việc phòng, chống tham nhũng một cách hiệu quả và bền vững.

2.3.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và xã hội trong phòng, chống tham nhũng

Phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các lực lượng xã hội trong phòng, chống tham nhũng là một nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Điều này phản ánh một tư duy chính trị sâu sắc, toàn diện và nhất quán, trong đó quần chúng nhân dân không chỉ là đối tượng phục vụ mà còn là chủ thể trung tâm của quá trình kiểm soát quyền lực và đấu tranh chống tiêu cực. Theo Người, tham nhũng là một hiện tượng xã hội phức tạp, bắt nguồn từ cả yếu tố cá nhân lẫn cơ chế, vì vậy muốn phòng, chống hiệu quả thì không thể chỉ dựa vào bộ máy nhà

nước mà phải huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, đặc biệt là vai trò chủ động, tích cực của nhân dân.

Trong hệ thống tư tưởng của Hồ Chí Minh, việc phát huy vai trò của nhân dân trong phòng, chống tham nhũng được xác lập như một nguyên tắc có tính nền tảng, phản ánh sâu sắc bản chất dân chủ của Nhà nước và quan niệm về quyền lực thuộc về nhân dân. Người nhấn mạnh: “Mỗi công dân, mỗi cơ quan cần phải kiên quyết đấu tranh chống tham ô” [124, tr.298], qua đó không chỉ mở rộng phạm vi chủ thể của công tác phòng, chống tham nhũng ra toàn xã hội mà còn đặt ra yêu cầu về trách nhiệm chính trị, xã hội của mỗi cá nhân trong việc bảo vệ lợi ích chung. Theo Hồ Chí Minh, tham nhũng không phải là vấn đề riêng của bộ máy nhà nước mà là một hiện tượng xã hội có tác động trực tiếp đến đời sống của mọi người dân, vì vậy mỗi công dân đều có quyền và nghĩa vụ tham gia đấu tranh chống lại nó. Mọi người dân phải nhận thức rõ rằng tham nhũng là hành vi xâm hại đến quyền lợi chính đáng của mình, họ sẽ không còn thụ động mà trở thành chủ thể tích cực trong giám sát, phát hiện và tố giác các hành vi sai phạm. Chính sự tham gia rộng rãi và tự giác này sẽ tạo nên một cơ chế kiểm soát quyền lực từ xã hội, bổ sung và hỗ trợ cho các thiết chế kiểm tra nội bộ của Nhà nước, qua đó hình thành một “hệ thống phòng vệ nhiều tầng” có khả năng ngăn ngừa và phát hiện tham nhũng một cách hiệu quả và bền vững.

Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao vai trò của phong trào quần chúng như một lực lượng quyết định trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, đây cũng là con đường cơ bản để huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội. Người khẳng định: “nên phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng thì mới thành công” [122, tr.362], đồng thời chỉ rõ: “Nhiệm vụ của quần chúng là phải hăng hái tham gia phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu....Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ ‘giặc ở trong lòng’” [122, tr.362]. Cách ví von “giặc ở trong lòng” không chỉ mang tính hình tượng mà còn hàm chứa một nhận thức sâu sắc: tham nhũng không chỉ tồn tại ở cấp độ hành vi mà còn bắt nguồn từ những yếu tố nội sinh như lòng tham, chủ nghĩa cá nhân và sự suy thoái đạo đức, có thể xuất

hiện trong bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào. Do đó, nếu chỉ dựa vào các biện pháp hành chính hay pháp luật thì chưa đủ, mà cần phải xây dựng một phong trào xã hội rộng lớn, liên tục và có tính tự giác cao, trong đó quần chúng nhân dân vừa là lực lượng trực tiếp tham gia đấu tranh, vừa là chủ thể giám sát và kiểm soát quyền lực. Một khi phong trào này được tổ chức tốt, gắn với tuyên truyền, giáo dục và các cơ chế khuyến khích phù hợp, nó sẽ tạo ra sức ép xã hội mạnh mẽ đối với các hành vi tham nhũng, đồng thời hình thành một môi trường văn hóa lành mạnh, trong đó tham nhũng bị lên án và không có “đất sống”.

Trong cấu trúc của hệ thống chính trị, Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao vai trò của Mặt trận dân tộc thống nhất như một thiết chế trung gian có khả năng tập hợp, tổ chức và phát huy sức mạnh của các tầng lớp nhân dân. Phải xây dựng Mặt trận dân tộc dân chủ rộng rãi, trong đó “Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất” [127, tr.417]. Trên nền tảng đó, việc “tăng cường và củng cố khối đoàn kết toàn dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất” [120, tr.706] không chỉ có ý nghĩa chính trị mà còn tạo điều kiện để triển khai các phong trào xã hội, trong đó có phong trào chống tham nhũng. Mặt trận và các tổ chức thành viên đóng vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, giúp chuyển hóa chủ trương, chính sách thành hành động cụ thể của quần chúng.

Không chỉ dừng lại ở việc huy động lực lượng, Hồ Chí Minh còn đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng ý thức làm chủ và năng lực tham gia của người dân trong quản lý xã hội. Người yêu cầu: “Cần phát động tốt tư tưởng xã viên... làm cho mọi người thật thấm nhuần tinh thần làm chủ tập thể, cùng nhau bàn bạc cách làm ăn, thực hiện quản lý dân chủ và tài chính công khai, chống tham ô, lãng phí” [129, tr.107]. Điều này cho thấy, phòng, chống tham nhũng không thể hiệu quả nếu người dân chỉ đứng ngoài quan sát, mà phải trở thành chủ thể tham gia trực tiếp vào các quá trình quản lý, giám sát và quyết định. Khi các hoạt động kinh tế - xã hội được thực hiện một cách công khai, minh bạch, có sự tham gia của cộng đồng, thì các hành vi tham nhũng sẽ khó có điều kiện phát sinh.

Từ góc độ thể chế, trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, việc phát huy vai trò của nhân dân trong phòng, chống tham nhũng không thể chỉ dừng lại ở lời kêu gọi về ý thức hay tinh thần trách nhiệm xã hội, mà phải được bảo đảm bằng một hệ thống quyền và điều kiện thực thi quyền do Nhà nước thiết lập. Người khẳng định “Nhà nước đảm bảo quyền tự do dân chủ cho công dân” [127, tr.378], đồng thời nhấn mạnh rằng Nhà nước “không những công nhận những quyền lợi của công dân mà còn bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết để cho công dân thật sự được hưởng các quyền lợi đó” [127, tr.377], qua đó cho thấy quyền dân chủ chỉ có ý nghĩa thực chất khi được hiện thực hóa bằng các cơ chế cụ thể, cho phép người dân tham gia vào quản lý nhà nước và xã hội. Để làm được điều đó, Nhà nước phải tạo lập các kênh thông tin minh bạch, cơ chế tiếp nhận và bảo vệ người tố giác, cũng như các điều kiện để người dân thực hiện quyền giám sát một cách hiệu quả và an toàn. Như vậy, theo Hồ Chí Minh, phát huy vai trò của nhân dân không chỉ là vấn đề nhận thức mà còn là vấn đề thể chế, trong đó Nhà nước giữ vai trò bảo đảm và thúc đẩy, tạo nền tảng pháp lý và vật chất cho sự tham gia rộng rãi của xã hội vào công cuộc phòng, chống tham nhũng.

Song hành với vai trò của nhân dân, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh chức năng của các tổ chức đoàn thể, coi đây là cầu nối quan trọng giữa Đảng, Nhà nước và quần chúng trong việc tổ chức và triển khai các hoạt động phòng, chống tham nhũng. Người yêu cầu: “Đoàn thể hết sức chống bệnh quan liêu, chống tham ô, chống lãng phí” [122, tr.553], đồng thời nhấn mạnh “Đoàn thể phải gắng sức thi hành cho đúng, ta cần phải có sáng kiến, phải nghĩ hết cách giúp vào cuộc giữ gìn đất nước” [119, tr.116], qua đó cho thấy các tổ chức xã hội không chỉ thực hiện vai trò tuyên truyền, vận động mà còn phải chủ động, sáng tạo trong việc tổ chức các phong trào và hoạt động cụ thể phù hợp với từng lĩnh vực, từng nhóm đối tượng. Theo Hồ Chí Minh, chính thông qua các tổ chức đoàn thể như công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ... mà các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được truyền tải đến quần chúng một cách sinh động, đồng thời tạo điều kiện để quần chúng tham gia trực tiếp vào quá trình giám sát và đấu tranh chống tiêu cực.

Do đó, việc phát huy vai trò của các tổ chức này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả tổ chức phong trào mà còn góp phần hình thành một mạng lưới xã hội rộng khắp, có khả năng phát hiện và ngăn chặn tham nhũng từ nhiều phía.

Ở cấp độ phong trào xã hội, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng việc chuyển hóa cuộc đấu tranh chống tham nhũng thành một chuẩn mực đạo đức và hành vi phổ biến trong cộng đồng, qua đó tạo ra sức mạnh mềm của xã hội trong việc ngăn ngừa và đẩy lùi các hành vi tiêu cực. Người kêu gọi: “Thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, hăng hái tham gia phong trào chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu” [122, tr.340], đồng thời nhấn mạnh “mỗi người phải tự mình chống tham ô lãng phí, gây thành một phong trào làm cho mọi người thấy đó là tội ác xấu xa, ai cũng ghét” [122, tr.433], qua đó cho thấy mục tiêu không chỉ là xử lý hành vi vi phạm mà còn là xây dựng một môi trường văn hóa xã hội trong đó tham nhũng bị lên án mạnh mẽ về mặt đạo đức. Khi tham nhũng trở thành đối tượng bị dư luận xã hội phản đối và tẩy chay, thì áp lực xã hội sẽ trở thành một lực lượng kiểm soát hữu hiệu, bổ sung cho các biện pháp pháp luật và hành chính. Điều này phản ánh tư duy sâu sắc của Hồ Chí Minh về việc kết hợp giữa “pháp trị” và “đức trị”, trong đó vai trò của dư luận xã hội và chuẩn mực đạo đức có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phòng ngừa tham nhũng một cách bền vững.

Ở một phương diện rộng hơn, Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao vai trò của toàn xã hội, nhất là nhân dân, trong việc tham gia vào công tác phòng, chống tham nhũng, coi đây là một nguồn lực to lớn và là “tai mắt” của bộ máy nhà nước trong việc phát hiện sai phạm. Người khẳng định: “Mỗi công dân, mỗi cơ quan cần phải kiên quyết đấu tranh chống tham ô, lãng phí...” [124, tr.298], đồng thời yêu cầu “luôn luôn tuyên truyền cho nhân dân và tổ chức nhân dân, để thực hiện khẩu hiệu và chính sách của Đảng” [123, tr.288], qua đó thể hiện quan điểm nhất quán về việc huy động sức mạnh của toàn dân trong đấu tranh chống tiêu cực. Theo Hồ Chí Minh, tham nhũng không chỉ là vấn đề nội bộ của bộ máy mà còn là vấn đề xã hội, do đó không thể chỉ dựa vào các cơ quan chuyên trách mà phải thiết lập cơ chế để nhân dân tham gia giám sát, phản biện và phát hiện vi phạm một cách rộng rãi, thường xuyên. Nếu nhân dân được cung cấp thông tin đầy đủ, được tạo điều kiện

tham gia và được bảo vệ trong quá trình giám sát, thì sẽ hình thành một mạng lưới kiểm soát xã hội rộng khắp, góp phần phát hiện kịp thời những hành vi tham nhũng mà các cơ chế kiểm tra nội bộ có thể chưa nhận diện hết, từ đó nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng trên phạm vi toàn xã hội.

Cuối cùng, Hồ Chí Minh đặt việc phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức xã hội trong mối quan hệ hữu cơ với vai trò định hướng, hỗ trợ của Nhà nước, tạo nên một cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa “nhà nước quản lý” và “nhân dân làm chủ”. Người khẳng định “Nhà nước có trách nhiệm giúp đỡ các tổ chức công nhân của những người lao động” [116, tr.236], qua đó thể hiện quan điểm Nhà nước không đứng ngoài mà phải chủ động tạo điều kiện để các tổ chức xã hội phát huy vai trò của mình trong quản lý và giám sát xã hội. Sự hỗ trợ này không chỉ mang tính vật chất mà còn bao gồm việc xây dựng khung pháp lý, cơ chế phối hợp và định hướng hoạt động, giúp các tổ chức xã hội tham gia hiệu quả vào quá trình phản biện, giám sát và đấu tranh chống tham nhũng. Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phòng, chống tham nhũng là một nhiệm vụ mang tính toàn xã hội, đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ giữa Nhà nước và nhân dân, giữa thiết chế quyền lực và các lực lượng xã hội, qua đó hình thành một cơ chế phòng ngừa và kiểm soát tham nhũng toàn diện, bền vững và có chiều sâu.

Tiểu kết chương 2

Tham nhũng là hiện tượng xã hội tiêu cực mang tính lịch sử, gắn liền với quyền lực nhà nước và có khả năng làm suy yếu, thậm chí đe dọa sự tồn vong của một chế độ nếu không được kiểm soát hiệu quả. Nhận thức sâu sắc về bản chất và tác hại của tham nhũng, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ đây là “giặc nội xâm”, là nguy cơ trực tiếp đối với Đảng cầm quyền và chế độ xã hội mới, từ đó đặt ra yêu cầu phải tiến hành đấu tranh phòng, chống tham nhũng một cách kiên quyết, thường xuyên và toàn diện. Quan điểm này thể hiện tầm nhìn chiến lược của Người khi tiếp cận tham nhũng không chỉ như một hiện tượng kinh tế - xã hội mà còn là vấn đề chính trị, đạo đức và quyền lực.

Trên nền tảng kế thừa truyền thống dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại và lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham

những được hình thành như một hệ thống quan điểm toàn diện, bao quát cả mục tiêu, nguyên tắc, chủ thể và phương thức thực hiện. Hệ thống tư tưởng đó nhấn mạnh sự kết hợp giữa giáo dục đạo đức cách mạng với thiết lập kỷ luật, pháp luật; giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng với kiểm soát quyền lực; giữa vai trò của tổ chức bộ máy với sự giám sát của nhân dân. Đây không chỉ là những chỉ dẫn mang tính phương pháp mà còn là cơ sở lý luận sâu sắc để nhận diện và xử lý các nguy cơ tha hóa quyền lực trong điều kiện Đảng cầm quyền.

Nội dung chương 2 đã tập trung làm rõ các khái niệm cơ bản như phòng, chống tham nhũng; tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh; vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng; các hình thức biểu hiện và tác hại của tham nhũng, tiếp đó là các hình thức của tham nhũng. Trên cơ sở đó, tác giả luận án đi tới trình bày và phân tích tư tưởng của Người về phòng, chống tham nhũng thông qua những nội dung như: xây dựng hệ thống pháp luật để phòng, chống tham nhũng; giáo dục, rèn luyện để phòng, chống tham nhũng; tổ chức bộ máy và cơ quan chuyên trách để phòng, chống tham nhũng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức để phòng, chống tham nhũng và về phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và xã hội trong phòng, chống tham nhũng. Từ đó khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh, không chỉ góp phần bổ sung, phát triển lý luận về quyền lực nhà nước và đạo đức cách mạng, mà còn cung cấp nền tảng định hướng cho việc xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng trong từng giai đoạn.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng là nền tảng lý luận quan trọng, định hướng cho Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc hoạch định chủ trương, quan điểm và tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng. Nghiên cứu, hệ thống hóa và làm rõ nội dung tư tưởng này không chỉ có ý nghĩa về mặt nhận thức mà còn là cơ sở để đánh giá thực tiễn vận dụng, từ đó xác định những vấn đề đặt ra và định hướng tiếp tục vận dụng, phát triển trong bối cảnh mới, cũng chính là tiền đề lý luận quan trọng cho các nội dung phân tích ở các chương tiếp theo của luận án.

Chương 3:

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Nhận thức của Đảng về tầm quan trọng trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng

3.1.1. Nhận thức về tầm quan trọng của phòng, chống tham nhũng

Phòng, chống tham nhũng theo Hồ Chí Minh là “chống giặc nội xâm” [122, tr.362], tức là chống lại những thói hư, tật xấu, tập trung nhất là chống lại sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống hưởng thụ, “ăn cắp của công” [122, tr.355] dưới nhiều hình thức nhận tham ô, hối lộ... mà chủ thể lại là những người có chức, có quyền lợi dụng chức vụ quyền hạn đó để vụ lợi cho bản thân, đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng nhưng cũng tiềm ẩn rất nhiều khó khăn, gian nan, thử thách,... Vì vậy, trong cuộc chiến đấu này đòi hỏi mỗi một người cán bộ, đảng viên và nhân dân phải kiên trì thực hiện, liên tục, không ngừng nghỉ. Tại đại hội lần thứ IX, Đảng đã thấy được nguy cơ nghiêm trọng của tham nhũng, và nhấn mạnh: Nạn tham nhũng diễn ra nghiêm trọng, kéo dài gây bất bình trong nhân dân và là một nguy cơ đe dọa sự sống còn của chế độ ta [84], Đảng và Nhà nước Việt Nam đã sớm nhìn thấy sự nguy hại của tham nhũng đến an ninh quốc phòng mà nó còn là lực cản trong phát triển kinh tế mà tham nhũng còn làm hại cho Đảng, cắt đứt dòng chảy phát triển cách mạng của dân tộc. Nghị quyết Đại hội lần thứ XI chỉ rõ: “Mọi cán bộ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân từ trung ương đến cơ sở và từng đảng viên, trước hết là người đứng đầu phải gương mẫu thực hiện và trực tiếp tham gia đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí” [79, tr.227], coi phòng, chống tham nhũng là một nét văn hóa và nguyên tắc làm việc. Văn kiện Đại hội XIII cũng khẳng định: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ, triệt để hơn, hiệu quả hơn” [86, tr.193], phải đưa quyết tâm phòng, chống tham nhũng trở thành một hệ tư tưởng mới của mỗi người cán bộ, đảng viên. Những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phòng, chống tham nhũng đã được Đảng và

Nhà nước nâng lên thành đường lối, chủ trương, Nghị quyết, và từ đó được thể chế hóa cụ thể trong các văn bản cụ thể, nhằm thực hiện nghiêm túc cuộc đấu tranh này.

Trong từng giai đoạn của lịch sử dân tộc, để đáp ứng ngày càng tốt hơn những yêu cầu của thời cuộc, Đảng phải thường xuyên ý thức được việc đấu tranh chống lại những biểu hiện tiêu cực, thoái hóa, biến chất trong nội bộ Đảng, bộ máy nhà nước và toàn thể xã hội, nhằm kiến tạo nên một môi trường xã hội lành mạnh, tiến bộ, công bằng, phát triển, văn minh. Tiếp thu triệt để tinh thần “quét sạch chủ nghĩa cá nhân” “xây dựng đạo đức cách mạng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam coi tham ô, tham nhũng là “giặc nội xâm” [122, tr.362], không chỉ tàn phá đến tiền đồ và tương lai của cách mạng, mà còn làm suy giảm nghiêm trọng uy tín, danh dự và năng lực lãnh đạo của Đảng, là mối đe dọa cùng cực đến sự sinh tử tồn vong của Đảng và chế độ. Vì vậy, đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam có tầm quan trọng đặc biệt trong việc đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định của đất nước, tham nhũng không chỉ làm suy yếu hệ thống chính trị và kinh tế, mà còn làm giảm niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước, tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội nên công tác phòng, chống tham nhũng là một nhiệm vụ cấp bách nhằm bảo vệ sự trong sạch, vững mạnh của bộ máy nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công và nguồn lực quốc gia, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng góp phần tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, thu hút đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân. Đây là nền tảng quan trọng để xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đảm bảo sự phát triển toàn diện và bền vững của Việt Nam trong tương lai.

Trong bối cảnh công cuộc đổi mới diễn ra ngày càng mạnh mẽ thì công cuộc phòng, chống tham nhũng càng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững và công bằng của xã hội Việt Nam. Đầu tiên và quan trọng nhất, phòng, chống tham nhũng giúp tạo ra một môi trường kinh doanh và đầu tư minh bạch, công bằng giữa các chủ thể kinh tế. Môi trường kinh doanh minh bạch, công khai sẽ giúp các doanh nghiệp không phải đối mặt với các rủi ro tiềm ẩn từ các “thiết chế, quy luật ngầm” trong quá trình vận hành, từ đó họ có thể tập trung hơn

vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, góp phần vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Theo khoản 2 Điều 79 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định: “Hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề có trách nhiệm tổ chức, động viên, khuyến khích thành viên, hội viên xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng; giám sát việc chấp hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng của thành viên, hội viên, tích cực tham gia vào việc hoàn thiện chính sách, pháp luật” [150]. Tiếp đó, việc xây dựng một hệ thống hành pháp và tư pháp nghiêm minh, chặt chẽ với cơ chế kinh doanh mở sẽ làm cho niềm tin của người dân vào chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước tăng lên, sự minh bạch và công bằng trong việc khi thực thi pháp luật là cơ sở sự tôn trọng và tuân thủ pháp luật từ phía người dân và các chủ thể kinh doanh, nó còn giúp tạo ra một môi trường ổn định và an toàn cho sự phát triển của đất nước. Đại hội XIII của Đảng xác định “tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là một nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị” [86, tr.174]. Đặc biệt, phòng, chống tham nhũng cũng góp phần quan trọng vào việc bảo vệ tài sản công và nguồn lực của nhà nước, góp phần giữ gìn giang sơn gấm vóc và thành quả cách mạng, việc ngăn chặn các hành vi tham nhũng không chỉ giữ gìn được nguồn lực quý báu mà còn giúp tăng cường khả năng phục vụ và phát triển kinh tế, xã hội và củng cố niềm tin của nhân dân. Thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các biện pháp phòng, chống tham nhũng không chỉ giúp củng cố niềm tin của người dân vào hệ thống chính trị, mà còn tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội, điều này có ý nghĩa rất quan trọng và mang tính quyết định đến việc xây dựng thành công một xã hội công bằng, minh bạch và phát triển bền vững.

Để phòng, chống tham nhũng có hiệu quả, Đảng và Nhà nước đã tiến hành từ trung ương tới địa phương và trong tất cả các ngành, các lĩnh vực đều phải thực hiện đồng bộ các biện pháp cả về chính trị, tư tưởng, hành chính, văn hóa,... với những bước đi vững chắc, tích cực, chủ động, có trọng tâm, trọng điểm; phải xây dựng và hình thành được cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để “không thể tham nhũng” [182,

tr.59]; xây dựng được một hệ thống pháp luật mang tính trừng trị nghiêm khắc để “không dám tham nhũng” [182, tr.572]; và tiến tới cán bộ “không cần tham nhũng” [182, tr.612]. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nói rằng, “tham nhũng là khuyết tật bẩm sinh” [182, tr.15] mà ở thời đại nào, chế độ nào, quốc gia nào cũng có, nếu không ngăn chặn và đẩy lùi thì nó sẽ đe dọa nghiêm trọng đến chế độ chính trị và sự công chính liêm minh nước nhà. Vì thế người tham gia phòng, chống tham nhũng không thể nóng vội, chủ quan, duy ý chí; cũng không được nể nang, né tránh mà cầm chừng; phải xác định đây là cuộc đấu tranh lâu dài, cần kiên trì và không có vùng cấm, không để xảy ra tham nhũng, phát huy tinh thần liêm chính, nhanh nhạy phát hiện những biến chuyển của tham nhũng; công cuộc phòng, chống tham nhũng cần phải cảnh giác, tỉnh táo với những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực trong bóng tối với những chiêu trò kích động, chia rẽ, chống phá chế độ.

3.1.2. Bước tiến trong chủ trương và chính sách phòng, chống tham nhũng

Ý thức về phòng, chống tham nhũng đã được Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt chú trọng ngay từ khi thống nhất nước nhà, kể từ đó đến nay việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng luôn là một nhiệm vụ cấp thiết, được thể hiện qua phương diện: Tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng; Phát huy dân chủ trong Đảng, thường xuyên tự phê bình và phê bình; Nâng cao phẩm chất, rèn luyện đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân và tiêu cực, thoái hóa trong Đảng. Quán triệt nội dung này, Đảng thường xuyên và liên tục chỉnh đốn nội bộ, coi việc chỉnh đốn Đảng và quét sạch chủ nghĩa cá nhân như việc “mỗi ngày phải rửa mặt” [120, tr.279].

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), lần đầu tiên Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề cập tới khái niệm “tham nhũng”, kể từ đó đến nay, khái niệm “tham nhũng” đã được cụ thể hóa trong hầu hết các văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật của Nhà nước. Đại hội lần thứ VI, Đảng khẳng định: “Hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển. Công bằng xã hội bị vi phạm. Pháp luật, kỷ cương không nghiêm. Những hành vi lộng quyền, tham nhũng của một số cán bộ và nhân viên nhà nước, những hoạt động của bọn làm ăn phi pháp... chưa bị trừng trị nghiêm khắc và kịp thời” [76, tr.18]. Tại Đại hội này, Đảng cũng nêu rõ quyết tâm phòng,

chống tham nhũng và chỉ rõ: Tư tưởng và hành động chạy theo đồng tiền, tính ích kỷ, hành vi xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, xâm phạm lợi ích của nhân dân, ăn cắp của công, lấy của công để biếu xén, chè chén, “phân phối nội bộ”, phải bị phê phán và xử lý nghiêm khắc [76]. Từ đó, nhận thức đúng đắn về tệ nạn tham nhũng và phải kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng là yêu cầu tất yếu của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là gắn chống tham nhũng với chống đặc quyền, đặc lợi, những cán bộ còn tư tưởng, hành động chạy theo vật chất, đồng tiền, ích kỷ, xâm phạm tài sản của công, gây ảnh hưởng đến lợi ích của công và của nhân dân thì phải nghiêm khắc xử lý.

Các Hội nghị Trung ương 6, Trung ương 7 (khóa VI) năm 1989, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra các chủ trương và nghị quyết để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, chống lại âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch. Đến Hội nghị Trung ương 3 (tháng 6/1992), Đảng đã ban hành Nghị quyết “Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng” và thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, yếu kém: Không ít cán bộ, đảng viên bị chủ nghĩa cá nhân thực dụng cuốn hút, trở nên thoái hóa, hư hỏng. Để đấu tranh chống lại sự suy thoái này, ngày 15/5/1996 Nghị quyết số 14/NQ/TW ra đời đã chỉ đạo và đưa ra những giải pháp để đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, đặc biệt là đánh thẳng vào căn bệnh tham nhũng của những người có chức vụ và quyền hạn. Đến năm 1999, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, tình trạng tham nhũng, quan liêu ở một số bộ phận cán bộ và đảng viên ngày càng nghiêm trọng hơn, Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 2/2/1999, “Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”. Trong đó, việc tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đẩy mạnh việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm nâng cao nhận thức và bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên là một trong những nhiệm vụ cấp bách hàng đầu.

Nghị quyết Trung ương 3 khóa X (2006) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Văn kiện này khẳng định quyết tâm của Đảng trong việc đấu tranh chống tham nhũng và nêu rõ mục tiêu

quét sạch chủ nghĩa cá nhân để tạo ra bước đột phá trong công tác phòng, chống tham nhũng, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011) của Đảng diễn ra tại Hà Nội, đã thẳng thắn nhìn nhận công tác xây dựng Đảng, công tác nhân sự vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém, có những yếu kém còn kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ mà vẫn chưa khắc phục được, điều này đã làm giảm sút nghiêm trọng lòng tin của nhân dân đối với Đảng và đe dọa nghiêm trọng đến sự tồn vong của chế độ [79, tr.173]. Trong một số trường hợp, cán bộ Đảng viên và lãnh đạo cơ sở đã xa rời quần chúng, “nhắm mắt” với những khó khăn của nhân dân, thay vì tận tâm với sứ mệnh đấu tranh cho lợi ích của quần chúng, họ đã bị cuốn vào vòng xoáy của lợi ích cá nhân, tha hóa biến chất và chấp nhận tham ô, tham nhũng. Hành vi này không chỉ làm mất đi lòng tin của nhân dân vào Đảng và chính quyền, mà còn gây tổn thương nghiêm trọng cho sự phát triển và tiến bộ của xã hội. Vì thế, Đảng đã phát động cuộc đấu tranh chống lại tham nhũng một cách quyết liệt để tiêu diệt tham nhũng.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về chống tham ô, tham nhũng, hối lộ thể hiện rõ trong nhiều văn kiện đại hội, nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư các khóa. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI (2012) về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay, Nghị quyết này nhấn mạnh ba vấn đề cấp bách, trong đó đặc biệt quan trọng là ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tiến tới quét sạch tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu [80, tr.21-22]. Hội nghị Trung ương 5 khóa XI (tháng 5/2012) đã quyết định chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng trực thuộc Bộ Chính trị do Tổng Bí thư làm Trưởng ban để chỉ đạo toàn diện công tác phòng, chống tham nhũng, ngày 01/2/2013, Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành Quyết định số 162-QĐ/TW về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, với thành phần gồm những cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cơ quan hết sức quan trọng của Đảng và Nhà nước. Chỉ thị 50-CT/TW (2015) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng, Chỉ thị này yêu cầu các cấp ủy, tổ chức Đảng tập trung lãnh đạo,

chỉ đạo công tác phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng. Đến Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), nhận thức của Đảng về tham nhũng đã có những bước phát triển quan trọng, với trọng tâm chính là nhận diện rõ mối liên hệ giữa biểu hiện tha hóa quyền lực, kiểm soát quyền lực với tham nhũng, nghiên cứu mối quan hệ giữa kiểm soát quyền lực với tham nhũng sẽ nhìn thấy cơ chế và nguyên nhân sinh ra tham nhũng quyền lực chính trị, từ đó xây dựng phương pháp đấu tranh chống lạm quyền một cách hiệu quả, Đảng quyết tâm xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng để răn đe và ngăn chặn tiến tới đẩy lùi [83, tr.213].

Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tầm quan trọng của phòng, chống tham nhũng được thể hiện rõ ràng trong các văn kiện và nghị quyết được ban hành. Chỉ trong vòng chưa đầy một nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng, Đảng đã ban hành rất nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng trong công tác phòng, chống tham nhũng, như Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) nhấn mạnh một số nội dung mới, không chỉ xây dựng, chỉnh đốn Đảng mà còn bao gồm cả xây dựng hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; cùng với ngăn chặn, đẩy lùi thì phải chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những hành vi tham nhũng, tiêu cực; bổ sung, làm rõ hệ thống những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “tiêu cực” sát hợp tình hình mới để có biện pháp ngăn chặn kịp thời [83, tr.185]. Hội nghị Trung ương 6, Trung ương 7 khóa XII đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ; thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả những tiêu cực, tham nhũng trong công tác cán bộ; Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Để tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tự cách mạng triệt để, ngày 23/9/2019, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 205-QĐ/TW về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền để phù hợp với tình hình thực tiễn đất nước, đảm bảo có sự đồng bộ, phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các tập thể, cơ quan trong việc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Trong những văn

kiện và nghị quyết đã ban hành, Đảng đã xác định rằng tham nhũng là một trong những nguy cơ hàng đầu đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong của chế độ, làm suy yếu hệ thống chính trị và kinh tế, cũng như làm giảm niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước, tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội. Ở nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng đã được lãnh đạo, chỉ đạo một cách quyết liệt và bài bản, đi vào chiều sâu, có bước tiến mạnh.

Nghị quyết Đại hội XIII (2021) cũng xác định “Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng hệ thống chính trị được đặc biệt chú trọng, triển khai toàn diện, đồng bộ, hiệu quả”, trong đó, công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng quyết định đến sự tồn vong của chế độ [86, tr.317-318]. Đảng khẳng định: “Tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị,... Kiên quyết đấu tranh phòng chống tham nhũng...” [86, tr.257], một lần nữa, công tác phòng, chống tham nhũng lại trở thành chủ thể và đối tượng chính, Đảng nêu cao quyết tâm xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. “Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội” [86, tr.110].

Để đưa Nghị quyết Đại hội XIII vào thực tiễn cuộc sống và nhằm nâng cao chất lượng công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là vấn đề phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thì ngày 16/9/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã ký ban hành Quy định số 32-QĐ/TW của Bộ Chính trị về “Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực”, Quy định này nêu rõ việc gắn công tác phòng, chống tham nhũng đồng bộ với công tác phòng, chống tiêu cực, nhất là chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng

đã đưa ra quan điểm khẳng định công tác đấu tranh chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ chiến lược quan trọng bộ phận của sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân, góp phần xóa bỏ chủ nghĩa cá nhân, xóa bỏ đặc quyền đặc lợi, lối sống hưởng thụ của một bộ phận cán bộ đảng viên nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo chỉ đạo của Đảng, khẳng định tính nghiêm minh của pháp luật trong quản lý nhà nước, để xây dựng một nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa trong sạch, nghiêm minh, đề cao vai trò làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện thắng lợi đồng thời hai nhiệm vụ quan trọng là xây dựng và bảo vệ nước nhà, luôn luôn giữ vững khối đoàn kết thống nhất. Nhờ đó, Đảng đã lãnh đạo và đoàn kết được toàn dân, đưa sự nghiệp cách mạng không ngừng tiến lên. Tiếp đó, Hội nghị Trung ương 4 (khóa XIII), Đảng đã ban hành Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021, “Về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”” để thể hiện sự kiên định của Đảng trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thường xuyên cách mạng và tự cách mạng chính bản thân mình trong công cuộc xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tiến tới xây dựng một Đảng trong sạch, cách mạng, hội nhập. Những văn kiện và nghị quyết về phòng, chống tham nhũng của Đảng thể hiện sự phát triển mạnh mẽ trong ý thức về phòng, chống tham nhũng, đây không chỉ là nhiệm vụ mà còn là con đường cách mạng bền vững nhất, góp phần xây dựng một bộ máy nhà nước công bằng, dân chủ, công chính liêm minh. Ngày 11/7/2023, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 114-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ, Quy định này ra đời đã cụ thể trách nhiệm của cấp ủy đảng, của thành viên cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong các cơ quan, tổ chức khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách sẽ bị xử lý trách nhiệm theo quy định cụ thể tại Điều 56, Luật phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 bằng hình thức kỷ luật hoặc thậm chí có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 27/10/2023, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số

132-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Quy định này áp dụng đối với cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm, lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn, lạm quyền, tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động tổ tụng. Quy định này nhằm tạo ra một cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả, đảm bảo sự minh bạch và trách nhiệm trong hệ thống tư pháp, đồng thời ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng, tiêu cực. Đảng khẳng định tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng để xây dựng giữ vững niềm tin của nhân dân, tạo nên khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh dân tộc và thời đại để làm bàn đạp xây dựng và phát triển nền kinh tế cũng như vấn đề an sinh xã hội, đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo, phát triển liên tục trong quá trình quản lý, vận hành đổi mới đất nước. Trong gần 40 năm Đổi mới, Việt Nam đã bước qua một chặng đường dài với nhiều bài học lịch sử, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Một trong những bài học lớn của công cuộc đổi mới ở Việt Nam là phải giữ vững và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng là nhiệm vụ then chốt” [182, tr.9] và phòng, chống tham nhũng chính là “một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [86, tr.193]. Những chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước đã ngày càng cụ thể và chi tiết hơn trong việc gắn chặt trách nhiệm cá nhân trước những sai phạm trong phòng, chống tham nhũng đã trở thành tiền đề mở ra một hành động tiến bộ mới - văn hóa từ chức.

Với quyết tâm phòng, chống tham nhũng, Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách lớn thể hiện sự nỗ lực của toàn Đảng, chính quyền và đoàn thể nhân dân trong cuộc chiến chống lại tệ nạn này. Qua việc thực hiện các chủ trương và biện pháp cụ thể và quyết liệt, đã cho thấy sự quyết đoán và sự lãnh đạo kiên quyết của Đảng, đồng thời xác định rõ ràng vai trò của mỗi cá nhân và cộng đồng trong cuộc chiến đấu chống lại “kẻ thù nội xâm” này. Sự đồng

lòng, sự kiên nhẫn và sự quyết tâm của Đảng và người dân đã tạo nên những bước tiến vững chắc, mở ra triển vọng tươi sáng cho tương lai của đất nước. Những chuyển biến trong đường lối, chính sách phòng, chống tham nhũng thể hiện sự tiên bộ không ngừng từ nhận thức cho tới hành động phòng, chống tham nhũng của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam, sự phát triển này hứa hẹn mang lại nhiều hiệu quả hơn trong công cuộc xây dựng một xã hội trong sạch, trung thực và công bằng, tạo nền tảng vững chắc cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam cần tiếp tục duy trì và luôn luôn cảnh giác trong cuộc chiến phòng, chống tham nhũng, chống giặc ở trong lòng, đồng thời phải thúc đẩy sự minh bạch, trách nhiệm và tính công bằng trong quản lý và hoạt động của nhà nước và dân chủ trong Đảng, đây là nhiệm vụ đầy thách thức và đòi hỏi không ngừng phát triển trong cả lý luận và thực tiễn.

3.2. Thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật phòng, chống tham nhũng

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay không chỉ là yêu cầu khách quan của quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng Nhà nước pháp quyền, mà còn là quá trình Đảng và Nhà nước vận dụng trực tiếp, có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực, xây dựng đạo đức công vụ và thiết lập kỷ cương xã hội bằng pháp luật. Trong nhận thức của Người, pháp luật không đối lập với đạo đức mà là phương tiện quan trọng để củng cố và bảo vệ các giá trị đạo đức trong đời sống công vụ. Người từng chỉ rõ: “Muốn xây dựng xã hội trong sạch mà tự mình không kỳ rửa để không tham ô, lãng phí thì không làm được... Pháp luật không trị hết được. Tự mình phải gây ra cái pháp luật để trị mình” [123, tr.7], Văn kiện XIII (2021) cũng khẳng định: “tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013” [86, tr.71], quan điểm này đặt nền tảng cho cách tiếp cận kết hợp giữa “tự trị” và “pháp trị”, giữa giáo dục

đạo đức và chế tài pháp lý, qua đó hình thành cơ chế kiểm soát quyền lực vừa mang tính nội tại, vừa có tính cưỡng chế.

Trong tiến trình đổi mới, nhận thức về vai trò của pháp luật trong phòng, chống tham nhũng từng bước được nâng cao và hoàn thiện. Hội nghị giữa nhiệm kỳ Đại hội VII năm 1994, Đảng đã cảnh báo nguy cơ tham nhũng đe dọa tới công cuộc đổi mới, đây là một trong những thách thức lớn đối với sự tồn vong của chế độ, từ đó đặt ra yêu cầu xây dựng một khuôn khổ pháp lý đồng bộ để phòng ngừa và xử lý tham nhũng [77, tr.47-48], trên cơ sở đó, tư duy về Luật phòng, chống tham nhũng ra đời, và mở đầu bằng Pháp lệnh phòng chống tham nhũng năm 1998 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành. Tiếp đến là các đạo luật năm 2005, 2007, 2012 và đặc biệt là Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, phản ánh quá trình phát triển tư duy từ quản lý hành chính sang quản trị bằng pháp luật, từ xử lý vụ việc sang kiểm soát hệ thống. Đây chính là sự hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về “phòng bệnh hơn chữa bệnh” [125, tr.603], coi việc thiết lập cơ chế phòng ngừa là nền tảng lâu dài cho hiệu quả của công tác phòng, chống tham nhũng.

Nội dung cốt lõi của quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh là chuyển trọng tâm của pháp luật từ “trừng phạt” sang “phòng ngừa”. Vấn đề này được thể hiện rõ trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 khi lần đầu tiên xác định một cách hệ thống các nội dung về công khai, minh bạch, kiểm soát xung đột lợi ích, trách nhiệm giải trình và kiểm soát tài sản, thu nhập. Đặt phòng ngừa vào vị trí trung tâm không chỉ là sự thay đổi về kỹ thuật lập pháp mà còn phản ánh bước tiến về tư duy quản trị: thay vì xử lý hậu quả, pháp luật hướng đến kiểm soát nguyên nhân phát sinh tham nhũng rất phù hợp với quan điểm của Hồ Chí Minh khi Người cho rằng phải ngăn chặn từ những biểu hiện ban đầu của chủ nghĩa cá nhân và sự tha hóa quyền lực.

Cùng với đó, mở rộng phạm vi điều chỉnh của pháp luật sang khu vực ngoài nhà nước là một bước phát triển quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Nếu như trước đây tham nhũng chủ yếu được nhìn nhận trong khu vực công, thì hiện nay, trong bối cảnh nền kinh tế thị trường phát triển, các hành vi tham nhũng, lợi ích

nhóm, thao túng chính sách có thể xuất hiện ở cả khu vực tư. Quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 về việc áp dụng một số biện pháp phòng ngừa đối với doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước cho thấy sự tiếp cận toàn diện hơn, phù hợp với xu thế quốc tế và tinh thần của Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng (UNCAC). Về phương diện lý luận, đây là biểu hiện của tư duy “kiểm soát quyền lực trong toàn xã hội”, mở rộng phạm vi điều chỉnh của pháp luật từ nhà nước sang toàn bộ không gian kinh tế - xã hội.

Một trụ cột quan trọng khác của hệ thống pháp luật phòng, chống tham nhũng là thiết lập cơ chế công khai, minh bạch như một công cụ kiểm soát quyền lực. Tư tưởng này bắt nguồn từ quan niệm của Hồ Chí Minh về bản chất của nhà nước dân chủ, trong đó “thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn” [130, tr.325]. Pháp luật quy định công khai, minh bạch trong các lĩnh vực nhạy cảm như quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư công, đất đai, công tác cán bộ... không chỉ nhằm bảo đảm quyền được biết của người dân mà còn tạo điều kiện để xã hội tham gia giám sát quyền lực. Khi thông tin được minh bạch hóa, quyền lực không còn là “vùng kín”, từ đó làm giảm đáng kể khả năng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi, điều này thể hiện sự kết hợp giữa pháp trị và dân chủ trong kiểm soát quyền lực, phản ánh rõ nét tư tưởng “dựa vào dân để chống tham nhũng” của Hồ Chí Minh.

Ngoài vấn đề minh bạch, pháp luật còn từng bước hoàn thiện cơ chế kiểm soát xung đột lợi ích, một nội dung mang tính hiện đại trong quản trị nhà nước. Lần đầu tiên ghi nhận khái niệm “xung đột lợi ích” trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 [150, tr.15] cho thấy sự chuyển biến từ nhận diện hành vi vi phạm sang kiểm soát nguy cơ vi phạm, đây được xem là “vùng xám” dễ dẫn đến tham nhũng nếu không được kiểm soát kịp thời. Do đó, quy định nghĩa vụ báo cáo, xử lý và phòng ngừa xung đột lợi ích không chỉ mang ý nghĩa pháp lý mà còn góp phần hình thành chuẩn mực đạo đức công vụ, phù hợp với yêu cầu “chí công vô tư” mà Hồ Chí Minh đặt ra đối với đội ngũ cán bộ.

Một điểm nhấn quan trọng trong quá trình hoàn thiện pháp luật là thiết lập cơ chế kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn. Pháp luật yêu cầu

công khai và xác minh tài sản không chỉ nhằm phát hiện tài sản bất minh mà còn tạo ra áp lực minh bạch thường xuyên đối với cán bộ, công chức. Nếu như trước đây việc kê khai còn mang tính hình thức, thì với các quy định mới, trách nhiệm giải trình và chế tài pháp lý đã được tăng cường, qua đó hình thành “vòng kiểm soát” chặt chẽ đối với quyền lực. Đây là biểu hiện cụ thể của tư tưởng Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương, khi Người khẳng định: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền” [116, tr.284].

Quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng pháp luật phòng, chống tham nhũng cũng gắn liền với việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống chính trị. Các nghị quyết, chỉ thị của Đảng không chỉ định hướng về chính trị mà còn tạo cơ sở để hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực thi. Nghị quyết Trung ương 3 khóa X (2006), Chỉ thị 50-CT/TW (2015), cùng các văn kiện Đại hội XII (2016), XIII (2021) đã khẳng định quyết tâm chính trị cao trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, với quan điểm nhất quán “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” [86, tr.76], yếu tố này bảo đảm cho pháp luật không chỉ dừng lại ở tính quy phạm mà còn có hiệu lực trong thực tiễn. Một đặc điểm nổi bật của quá trình này là sự hình thành cơ chế “thể chế hóa đa tầng”, trong đó pháp luật được cụ thể hóa bằng hệ thống nghị định, thông tư và các quy định liên quan, tạo nên một chỉnh thể thống nhất từ trung ương đến địa phương. Các văn bản như Nghị định 59/2019/NĐ-CP, Nghị định 130/2020/NĐ-CP hay các quy định về trách nhiệm giải trình, kỷ luật công vụ đã góp phần đưa pháp luật đi vào đời sống, khắc phục tình trạng “luật khung, luật ống”. Đây cũng là sự phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới, khi yêu cầu quản trị quốc gia đòi hỏi không chỉ có đường lối đúng mà còn phải có cơ chế thực thi hiệu quả.

3.2.2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giáo dục, rèn luyện để phòng, chống tham nhũng

Thể chế hóa, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giáo dục, rèn luyện, kiểm tra, giám sát trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay được triển khai theo hướng kết hợp giữa xây dựng nền tảng đạo đức công vụ với thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ, qua đó hình thành phương thức phòng, chống tham

những từ sớm, từ xa và từ gốc. Người yêu cầu mỗi cán bộ phải thường xuyên tu dưỡng “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” và khẳng định: “Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” [120, tr.292]. Trên cơ sở nhận thức sâu sắc quan điểm của Người rằng tham nhũng bắt nguồn từ chủ nghĩa cá nhân và sự suy thoái đạo đức, Đảng và Nhà nước đã xác định giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng là giải pháp căn bản, lâu dài, đồng thời phải gắn chặt với kiểm tra, giám sát và kỷ luật nghiêm minh để bảo đảm hiệu lực thực thi.

Trong lĩnh vực giáo dục, rèn luyện, tư tưởng Hồ Chí Minh được vận dụng thông qua việc đưa nội dung tu dưỡng đạo đức cách mạng trở thành nhiệm vụ thường xuyên trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Đảng đã ban hành và tổ chức thực hiện Quy định số 101-QĐ/TW (2012), Chỉ thị số 05-CT/TW (2016), Quy định số 08-QĐi/TW (2018) về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, Kết luận số 01-KL/TW (2021) của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã góp phần chuyển hóa các chuẩn mực “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” thành nội dung sinh hoạt chính trị thường xuyên trong các tổ chức chi bộ đảng. Qua đó, yêu cầu tự giác tu dưỡng đạo đức, nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, đảng viên từng bước được thể chế hóa trong hoạt động thực tiễn. Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: “Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả rõ rệt; nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên về tu dưỡng, rèn luyện đạo đức được nâng lên” [86, tr.73], cho thấy việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh đã tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ.

Các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI (2012) và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (2016) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Kết luận số 21-KL/TW (2021) của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đã cụ thể hóa yêu cầu rèn luyện đạo đức gắn với nhận diện các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự

diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Chỉ rõ các biểu hiện này không chỉ mang tính cảnh báo mà còn tạo cơ sở để kiểm tra, giám sát và xử lý kỷ luật, qua đó kết nối chặt chẽ giữa giáo dục đạo đức với cơ chế kiểm soát hành vi, phản ánh rõ sự vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa “xây” và “chống”, giữa tự giác tu dưỡng và sự ràng buộc của tổ chức, nhằm bảo đảm đạo đức công vụ không chỉ dừng ở nhận thức mà trở thành chuẩn mực hành động.

Cùng với giáo dục, rèn luyện, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh còn được thể hiện rõ trong xây dựng cơ chế công khai, minh bạch và kiểm soát quyền lực trong hoạt động công vụ. Những quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã từng bước mở rộng phạm vi công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước, tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát, đây chính là sự cụ thể hóa tư tưởng của Hồ Chí Minh về phát huy quyền làm chủ của nhân dân và thực hành dân chủ trong kiểm soát quyền lực. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Phải kiểm tra. Làm mà không kiểm tra thì không biết kết quả ra sao” [125, tr.481], do đó hệ thống các quy định về kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng không ngừng được hoàn thiện. Quyết định số 85-QĐ/TW (2017) về kiểm tra, giám sát kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đã giúp hạn chế các hành vi chạy chức, chạy quyền; Quy định số 205-QĐ/TW (2019) về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ đã ngăn chặn những hành vi chạy chức, chạy quyền từ đó ngăn chặn những nguy cơ tham nhũng từ khâu tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, để góp phần tạo ra môi trường chính trị minh bạch và lành mạnh hơn. Hệ thống các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử được củng cố và hoàn thiện nhằm bảo đảm tính đồng bộ trong phát hiện và xử lý tham nhũng. Nhà nước đã Ban hành Luật Thanh tra (2022), Luật Kiểm toán nhà nước (2015), cùng với các quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và bảo vệ người tố cáo đã tạo cơ sở pháp lý cho việc tăng cường kiểm soát quyền lực bằng công cụ pháp luật. Chủ trương xử lý tham nhũng “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” [86, tr.44] thể hiện rõ tinh thần nghiêm minh mà Hồ Chí Minh đã đặt ra khi yêu cầu phải xử lý

mọi hành vi tham ô, lãng phí “bất kỳ ở địa vị nào” [167, tr.428], đây là chuẩn mực chính trị nhằm củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Một điểm nổi bật trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh là việc kết hợp kiểm tra, giám sát nội bộ với giám sát xã hội. Thông qua các Quyết định số 217-QĐ/TW và 218-QĐ/TW (2013) của Bộ Chính trị, vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được xác lập rõ ràng, tạo nên cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên ngoài hệ thống nhà nước. Đồng thời, việc mở rộng các kênh tiếp nhận phản ánh, tố cáo của người dân, phát huy vai trò của báo chí và truyền thông đã góp phần tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ. Văn kiện Đại hội XIII (2021) nhấn mạnh yêu cầu “phát huy vai trò, trách nhiệm của... nhân dân và cơ quan truyền thông, báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí” [86, tr.196], cho thấy sự vận dụng nhất quán tư tưởng “dựa vào dân để chống tham nhũng” của Hồ Chí Minh trong điều kiện hiện nay.

3.2.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào tổ chức và hoạt động của các cơ quan phòng, chống tham nhũng

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng tổ chức bộ máy và thiết lập các cơ quan kiểm tra, giám sát đặt nền tảng cho cách tiếp cận hiện đại trong kiểm soát quyền lực nhà nước, trong đó nhấn mạnh sự kết hợp giữa kỷ luật tổ chức, cơ chế kiểm tra thường xuyên và tính liêm chính của đội ngũ cán bộ. Người chỉ rõ rằng tham nhũng không chỉ bắt nguồn từ suy thoái đạo đức cá nhân mà còn nảy sinh từ những “khe hở” trong cơ chế tổ chức và sự buông lỏng kiểm tra, giám sát; do đó, phải xây dựng một hệ thống cơ quan có đủ thẩm quyền, hoạt động nghiêm minh, hiệu quả và có tính ràng buộc cao. Quan điểm “Phải giữ gìn sự kỷ luật của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình” [130, tr.611] và yêu cầu “thanh tra là phải làm cho nghiêm chỉnh, cho kịp thời, làm sớm chừng nào hay chừng ấy” [127, tr.503] không chỉ thể hiện tư duy quản trị chặt chẽ mà còn hàm chứa yêu cầu về thiết chế hóa quyền lực thông qua tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên trách. Đây chính là cơ sở lý luận quan trọng để Đảng và Nhà nước Việt Nam vận dụng vào việc xây dựng, kiện

toàn hệ thống cơ quan phòng, chống tham nhũng theo hướng tập trung, thống nhất và hiệu lực.

Từ phương diện đó, việc vận dụng trong giai đoạn hiện nay được thể hiện trước hết ở chủ trương xây dựng một cơ chế lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng. Nghị quyết Trung ương 3 khóa X (2006) đã xác định rõ yêu cầu thành lập các cơ quan chuyên trách và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các thiết chế kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử. Đại hội X nhấn mạnh hơn nữa khi nói tham nhũng là nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta: Tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí là đòi hỏi bức xúc của xã hội, là quyết tâm chính trị của Đảng ta, nhằm xây dựng một bộ máy lãnh đạo và quản lý trong sạch, vững mạnh, khắc phục một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta [78, tr.45]. Các Văn kiện Đại hội XI (2011) yêu cầu: “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử; xử lý nghiêm minh, kịp thời các vụ việc tham nhũng, lãng phí” [79, tr.127], Đại hội XII (2016) với phương châm: “Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan có chức năng đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí” [83, tr.212] và Đại hội XIII (2021) tiếp tục khẳng định: “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử; xử lý nghiêm minh, kịp thời các vụ việc tham nhũng, lãng phí” [86, tr.127]; đã nhấn mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ “thường xuyên, quan trọng, lâu dài” [86, tr.189]. Những định hướng này phản ánh rõ sự kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực thông qua tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm và cơ chế kiểm tra liên tục, coi đây là điều kiện bảo đảm cho bộ máy trong sạch, vững mạnh.

Một biểu hiện điển hình của việc vận dụng tư tưởng này là sự ra đời và hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trực thuộc Bộ Chính trị theo Quyết định số 162-QĐ/TW (2013) gắn liền với nhận thức của Đảng về tham nhũng như một nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của chế độ, tiếp đó là thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh theo Kết luận số 34-KL/TW (2022) đã tạo cơ chế lãnh đạo thống nhất từ trung ương đến địa phương, bảo đảm sự chỉ đạo xuyên suốt

trong xử lý các vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí... nhằm xây dựng một bộ máy lãnh đạo và quản lý trong sạch, vững mạnh. Với vị trí là cơ quan trung tâm trong chỉ đạo, điều phối, kiểm tra và đôn đốc, Ban Chỉ đạo đã hiện thực hóa nguyên tắc “Đảng thống nhất lãnh đạo công tác phòng, chống tham nhũng”, đồng thời thể hiện rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực trong nội bộ Đảng, kết hợp giữa giáo dục đạo đức và ràng buộc pháp luật nhằm bảo đảm cán bộ, đảng viên thực sự là “công bộc của dân”.

Không chỉ dừng lại ở vai trò định hướng, Ban Chỉ đạo Trung ương còn trực tiếp tham gia vào quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế, góp phần chuyển hóa các chủ trương của Đảng thành các quy định pháp luật cụ thể. Những nội dung quan trọng của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 như mở rộng phạm vi điều chỉnh sang khu vực ngoài nhà nước (Điều 2) [150, tr.4-5], kiểm soát xung đột lợi ích (Điều 23) [150, tr.15], hay cơ chế kê khai và xác minh tài sản, thu nhập (Điều 27; Điều 30 - 40) [150, tr.18-24] đều phản ánh sự định hướng từ trung tâm lãnh đạo. Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015 tăng cường kiểm soát tài chính công và tài sản công; Luật Thanh tra năm 2022 đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống thanh tra theo hướng nâng cao tính độc lập, hiệu quả; cùng với các văn bản dưới luật như Nghị định số 59/2019/NĐ-CP và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập. Đây là đặc trưng nổi bật trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh: thiết lập sự thống nhất giữa đường lối chính trị và khuôn khổ pháp luật, bảo đảm pháp luật không tách rời mục tiêu kiểm soát quyền lực mà Đảng đã xác định.

Ở phương diện tổ chức và vận hành, hệ thống các cơ quan phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam được thiết kế theo mô hình tổng hợp, trong đó kết hợp giữa cơ quan chỉ đạo tập trung với các cơ quan chuyên môn theo chức năng. Hệ thống kiểm tra của Đảng, cơ quan thanh tra nhà nước, Kiểm toán nhà nước, cơ quan điều tra chuyên trách, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân được tổ chức theo hướng chuyên môn hóa, đồng thời tăng cường phối hợp liên ngành trong toàn bộ quy trình phát hiện, xử lý và thu hồi tài sản tham nhũng. Thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh theo

Kết luận số 34-KL/TW (2022) tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo thống nhất từ trung ương đến địa phương, bảo đảm tính xuyên suốt trong chỉ đạo và xử lý các vụ việc phức tạp. Đây là biểu hiện cụ thể của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng hệ thống tổ chức có kỷ luật nghiêm minh, hoạt động thường xuyên và hiệu quả, không để tồn tại “khoảng trống quyền lực”.

Trong thực tiễn vận dụng là sự chuyển biến mạnh mẽ trong cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng, nếu trước đây còn tồn tại tình trạng phân tán, thiếu đồng bộ, thì dưới sự chỉ đạo tập trung của Ban Chỉ đạo Trung ương, quá trình từ phát hiện, điều tra đến truy tố, xét xử và thi hành án đã trở nên thống nhất, liên thông. Từ đó góp phần khắc phục tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, đồng thời nâng cao hiệu quả xử lý các vụ án tham nhũng lớn, nghiêm trọng, phản ánh đúng tinh thần mà Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh về kiểm tra, giám sát phải được tiến hành thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, nhằm phát hiện sớm và xử lý kịp thời sai phạm.

Một điểm quan trọng khác trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh là Đảng và Nhà yêu cầu bảo đảm tính nghiêm minh trong hoạt động của các cơ quan phòng, chống tham nhũng. Nguyên tắc “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” [182, tr.410] đã trở thành quan điểm nhất quán, thể hiện rõ trong việc xử lý nhiều vụ án liên quan đến cán bộ cấp cao. Điều này phù hợp với yêu cầu của Hồ Chí Minh rằng pháp luật phải được thực thi nghiêm minh “bất kể người đó là ai” [118, tr.455], đồng thời khẳng định tính thượng tôn pháp luật trong quản trị nhà nước. Việc xử lý cả cán bộ đương chức và cán bộ đã nghỉ hưu không chỉ có ý nghĩa răn đe mà còn góp phần củng cố niềm tin xã hội, tạo ra “hiệu ứng niềm tin thể chế”, qua đó huy động sự tham gia của toàn xã hội vào công cuộc phòng, chống tham nhũng.

3.2.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” để phòng, chống tham nhũng

Hồ Chí Minh luôn đặt vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ở vị trí đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước cũng như thành công của công cuộc phòng, chống tham nhũng. Người luôn nhấn mạnh vai trò trung tâm của cán bộ trong toàn bộ tiến trình cách mạng, khẳng

định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [120, tr.309] và “muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém” [120, tr.309]. Từ đó, Hồ Chí Minh đặt ra yêu cầu phải xây dựng đội ngũ cán bộ có đạo đức cách mạng trong sáng, lấy hệ giá trị “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” [121, tr.13] làm chuẩn mực cốt lõi. Theo Người, đây không chỉ là phẩm chất đạo đức cá nhân mà còn là nền tảng để kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa tham nhũng ngay từ bên trong, bởi “thiếu một đức thì không thành người” [121, tr.117]. Đồng thời, Người yêu cầu cán bộ phải tuyệt đối đặt lợi ích của Tổ quốc và nhân dân lên trên hết, “Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh” [116, tr.XVII].

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc tư tưởng đó, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín là khâu “then chốt của then chốt” trong công tác xây dựng Đảng và phòng, chống tham nhũng. Văn kiện Đại hội XI nhấn mạnh nhiệm vụ “Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị, có năng lực, có tính chuyên nghiệp cao, tận tụy phục vụ nhân dân” [79, tr.128]. Đại hội XII tiếp tục yêu cầu “Tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng” [83, tr.46]. Đặc biệt, Đại hội XIII khẳng định: “tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ” [86, tr.27]. Những quan điểm này thể hiện sự vận dụng trực tiếp tư tưởng Hồ Chí Minh vào định hướng chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ trong điều kiện mới, đặc biệt là sự ra đời của Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã chỉ rõ những biểu hiện suy thoái gắn với tham nhũng, tiêu cực và đề ra các giải pháp kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, coi đây là điều kiện quyết định để phòng, chống tham nhũng ngay từ khâu tuyển chọn, sử dụng và quản lý cán bộ.

Từ định hướng đó, việc giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức công vụ được triển khai đồng bộ, trở thành nền tảng hình thành phẩm chất liêm chính trong đội ngũ cán bộ, công chức. Việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW (2016) và Kết luận số

01-KL/TW (2021) về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã từng bước đưa việc tu dưỡng đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ nhân dân trở thành nội dung thường xuyên trong sinh hoạt chi bộ và đánh giá cán bộ. Nội dung giáo dục không chỉ dừng lại ở nhận thức mà còn gắn với thực hành liêm chính trong công vụ, qua đó góp phần nâng cao ý thức tự rèn luyện, tự kiểm soát của đội ngũ cán bộ, từng bước hình thành cơ chế “tự phòng ngừa” từ bên trong theo đúng tinh thần Hồ Chí Minh.

Từ yêu cầu xây dựng nền tảng đạo đức, công tác cán bộ tiếp tục được đổi mới theo hướng bảo đảm sự thống nhất giữa tiêu chuẩn đạo đức và năng lực thực thi, trong đó “đức là gốc”. Hệ thống các quy định về tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển và đánh giá cán bộ từng bước được hoàn thiện theo hướng công khai, minh bạch và kiểm soát chặt chẽ quyền lực. Quy định số 08-QĐ/TW (2018) về trách nhiệm nêu gương yêu cầu cán bộ lãnh đạo, quản lý phải “gương mẫu đi đầu thực hiện”, qua đó chuyển hóa chuẩn mực đạo đức thành nghĩa vụ chính trị mang tính bắt buộc, Quy định số 37-QĐ/TW (2021) về những điều đảng viên không được làm đã thiết lập ranh giới rõ ràng giữa chuẩn mực và vi phạm, coi việc không nêu gương hoặc vi phạm đạo đức là hành vi phải xử lý nghiêm đã tạo nên một hệ thống bảo đảm toàn diện, vừa hình thành động cơ liêm chính từ bên trong, vừa đặt hoạt động công vụ dưới sự ràng buộc chặt chẽ của thiết chế pháp quyền, đây là sự thể chế hóa sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng nền công vụ liêm chính, chuyên nghiệp, trách nhiệm và phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền quản trị quốc gia hiện đại ở Việt Nam hiện nay.

Không dừng lại ở việc xác lập chuẩn mực, Đảng còn đặc biệt chú trọng kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ nhằm phòng ngừa tham nhũng từ gốc. Quy định số 205-QĐ/TW (2019) về việc kiểm soát quyền lực và chống chạy chức, chạy quyền đã tạo ra cơ chế ràng buộc chặt chẽ đối với toàn bộ quy trình công tác cán bộ, từ tuyển dụng, quy hoạch đến bổ nhiệm và đánh giá. Thực hiện lấy phiếu tín nhiệm, đánh giá cán bộ đa chiều, gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả thực hiện nhiệm vụ đã góp phần nâng cao hiệu quả sàng lọc, hạn chế tình trạng lựa chọn cán bộ không

đúng tiêu chuẩn, qua đó ngăn chặn nguy cơ hình thành các “lợi ích nhóm” trong bộ máy nhà nước. Các giá trị “cần, kiệm, liêm, chính” trong tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục được thể chế hóa thành các quy định cụ thể nhằm kiểm soát hành vi của cán bộ, công chức. Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định rõ nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng và trách nhiệm trong thi hành công vụ. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 thiết lập các cơ chế kiểm soát tài sản, thu nhập; kiểm soát xung đột lợi ích; chuyển đổi vị trí công tác và xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng. Đây là sự kết hợp giữa giáo dục đạo đức với cơ chế pháp lý cưỡng chế, tạo nên một hệ thống kiểm soát toàn diện, vừa hình thành động cơ liêm chính từ bên trong, vừa đặt hoạt động công vụ dưới sự ràng buộc chặt chẽ của pháp luật.

Gắn cơ chế phòng ngừa với việc tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm của cán bộ, công chức được triển khai quyết liệt trong thực tiễn. Nhiều cán bộ, kể cả cán bộ cấp cao, đã bị xử lý kỷ luật Đảng, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự do vi phạm trong quản lý kinh tế, đất đai, đầu tư công hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi. Xử lý nghiêm minh, công khai các trường hợp vi phạm, không có “vùng cấm”, không có ngoại lệ đã trở thành nguyên tắc nhất quán trong thực tiễn, thể hiện rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về việc phải xử lý nghiêm những kẻ tham ô, lãng phí “bất kỳ ở địa vị nào” [126, tr.428].

Bên cạnh đó, xây dựng môi trường công vụ minh bạch, chuyên nghiệp và trách nhiệm giải trình cao cũng là một biểu hiện quan trọng của việc hiện thực hóa các chuẩn mực đạo đức trong điều kiện quản trị hiện đại. Cải cách hành chính, công khai quy trình giải quyết công việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và cung cấp dịch vụ công trực tuyến đã góp phần giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp giữa người dân với cán bộ, qua đó thu hẹp không gian phát sinh nhũng nhiễu, tiêu cực. Đồng thời từng bước cải thiện chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ và điều kiện làm việc cũng nhằm tạo động lực để cán bộ yên tâm công tác, nâng cao khả năng giữ gìn phẩm chất liêm chính.

3.2.5. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và xã hội trong phòng, chống tham nhũng

Nhân dân luôn giữ vị trí trung tâm trong toàn bộ tiến trình xây dựng và vận hành quyền lực nhà nước trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh. Người khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân...” [116, tr.XIX], qua đó xác lập nguyên lý căn bản rằng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và phải chịu sự giám sát của nhân dân. Trên cơ sở đó, phòng, chống tham nhũng không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan công quyền mà còn là sự nghiệp của toàn xã hội, trong đó nhân dân vừa là chủ thể quyền lực, vừa là lực lượng trực tiếp tham gia kiểm tra, giám sát và phát hiện các hành vi tiêu cực. Đây chính là nền tảng tư tưởng để Đảng và Nhà nước Việt Nam vận dụng và thể chế hóa thành các chủ trương, chính sách và cơ chế cụ thể nhằm phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức xã hội trong phòng, chống tham nhũng hiện nay.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng bước cụ thể hóa phương châm phát huy quyền làm chủ của nhân dân gắn với kiểm soát quyền lực trong phòng, chống tham nhũng. Văn kiện Đại hội XI (2011) xác định rõ nhiệm vụ “phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí” [79, tr.142]. Đại hội XII tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu “phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc” [83, tr.52], trong khi Đại hội XIII khẳng định phải “coi trọng kiểm tra, giám sát trong Đảng kết hợp với phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, báo chí và nhân dân” [86, tr.184]. Đặc biệt, phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” [86, tr.27] đã trở thành định hướng xuyên suốt trong việc thiết kế các cơ chế phát huy vai trò xã hội trong kiểm soát quyền lực, phản ánh rõ sự kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Ở góc độ thể chế, tư tưởng dựa vào dân của Hồ Chí Minh đã được Đảng và Nhà nước cụ thể hóa thành một hệ thống pháp luật tương đối đồng bộ, tạo hành lang pháp lý để nhân dân tham gia phòng, chống tham nhũng. Hiến pháp năm 2013 khẳng định vai trò của nhân dân trong thực hiện quyền lực nhà nước và quy định rõ chức năng giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Điều 9), đồng thời bảo đảm các quyền cơ bản như quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin (Điều 25) [149, tr.6]. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, Luật Tố cáo năm 2018 và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã thiết lập các cơ chế cụ thể để người dân tham gia giám sát, phản ánh, tố cáo hành vi tham nhũng và được bảo vệ khi thực hiện quyền này. Cùng với đó, các quy định của Đảng như Quyết định số 217-QĐ/TW và 218-QĐ/TW (2013) về giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng và chính quyền của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã tạo ra cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên ngoài hệ thống nhà nước, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ.

Một điểm sáng trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay là sự phát huy vai trò của báo chí và truyền thông như một công cụ quan trọng trong giám sát xã hội. Với vai trò là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước và diễn đàn của nhân dân, báo chí không chỉ thực hiện chức năng tuyên truyền mà còn tham gia tích cực vào việc phát hiện, phản ánh và đấu tranh với các hành vi tham nhũng. Luật Báo chí năm 2016 và Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã khẳng định trách nhiệm của báo chí trong phát hiện và phản ánh tham nhũng, đồng thời bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo. Thực tiễn cho thấy nhiều vụ án tham nhũng lớn, phức tạp trong các lĩnh vực như đất đai, tài chính, ngân hàng, y tế, đầu tư công... được phát hiện từ thông tin báo chí hoặc phản ánh của dư luận xã hội, qua đó tạo sức ép buộc các cơ quan chức năng phải vào cuộc xử lý. Điều này phản ánh rõ nét tư tưởng Hồ Chí Minh về việc dựa vào sức mạnh của quần chúng và dư luận xã hội để kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa sự tha hóa.

3.3. Đánh giá chung về thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và một số vấn đề đặt ra

3.3.1. Thành tựu và nguyên nhân

3.3.1.1. Thành tựu

** Thứ nhất, trong việc hoàn thiện và thực thi thiết chế về phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Một trong những thành tựu nổi bật trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay là việc từng bước hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi các thiết chế phòng, chống tham nhũng theo hướng đồng bộ, toàn diện, gắn với kiểm soát quyền lực và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Thành tựu này không chỉ thể hiện sự phát triển về nhận thức lý luận của Đảng mà còn được cụ thể hóa bằng hệ thống thể chế, pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện ngày càng hoàn chỉnh, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Trước hết, nhận thức của Đảng về vai trò của thiết chế trong phòng, chống tham nhũng ngày càng được nâng cao, thể hiện rõ sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về quản lý xã hội bằng pháp luật kết hợp với giáo dục đạo đức. Từ chỗ chủ yếu nhấn mạnh xử lý vi phạm, Đảng đã chuyển mạnh sang tư duy phòng ngừa từ sớm, từ xa, coi việc hoàn thiện thể chế là giải pháp căn bản, lâu dài để ngăn chặn tham nhũng. Quan điểm này phù hợp với tư tưởng của Hồ Chí Minh về việc “phòng bệnh hơn chữa bệnh”, nhấn mạnh vai trò của cơ chế, kỷ luật và trách nhiệm trong việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng được đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, đồng thời gắn với yêu cầu kiểm soát quyền lực một cách chặt chẽ, thực chất.

Tiếp đó, hệ thống thể chế về phòng, chống tham nhũng đã được xây dựng và hoàn thiện tương đối toàn diện, tạo lập hành lang pháp lý ngày càng đầy đủ, đồng bộ và khả thi, những chủ trương lớn của Đảng về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thể chế hóa thành pháp luật và các quy định cụ thể, trong đó nổi bật là việc ban hành và triển khai Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 với nhiều điểm mới mang tính đột phá. Luật đã mở rộng phạm vi điều

chính sang khu vực ngoài nhà nước, bổ sung cơ chế kiểm soát xung đột lợi ích, tăng cường minh bạch tài sản, thu nhập và trách nhiệm giải trình, đồng thời thiết lập các công cụ phòng ngừa tham nhũng mang tính hệ thống, quyền lực phải được kiểm soát bằng pháp luật và ràng buộc bởi trách nhiệm.

Cùng với đó, nhiều văn bản quan trọng của Đảng và Nhà nước đã được ban hành nhằm cụ thể hóa và tăng cường hiệu lực của các thiết chế phòng, chống tham nhũng, như Kết luận số 10-KL/TW ngày 26-12-2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (Khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, Quy định số 85-QĐ/TW về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (2017), Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017... Những văn bản này đã góp phần khắc phục các khoảng trống trong quản lý, từng bước hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tham nhũng như quản lý tài sản công, ngân sách, đầu tư công. Đồng thời, ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035 (Quyết định số 806/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2035) cho thấy tầm nhìn dài hạn, chiến lược trong việc hoàn thiện thiết chế phòng, chống tham nhũng gắn với việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực quốc gia.

Một thành tựu quan trọng khác là việc từng bước hoàn thiện cơ chế kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn theo hướng thực chất, hiệu quả hơn. Hoàn thiện cơ chế và mở rộng đối tượng kê khai, chuẩn hóa quy trình kê khai, công khai và lưu giữ bản kê khai đã góp phần nâng cao tính minh bạch trong hoạt động công vụ. Thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập được phân định rõ ràng, hạn chế tình trạng chồng chéo, xác minh tài sản khi có dấu hiệu bất minh được chú trọng, từng bước chuyển từ hình thức sang thực chất. Những cải cách này không chỉ góp phần phát hiện và xử lý vi phạm mà còn có ý nghĩa phòng ngừa, răn đe, phù hợp với quan điểm của Hồ Chí Minh về việc ngăn chặn tham nhũng từ gốc, thông qua kiểm soát quyền lực và nâng cao trách nhiệm của cán bộ.

Bên cạnh việc hoàn thiện thể chế, hiệu quả thực thi các thiết chế phòng, chống tham nhũng cũng được nâng lên rõ rệt. Hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán và xử lý vi phạm được triển khai đồng bộ, quyết liệt, góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nhà nước. Trong giai đoạn 2012 - 2022, các cấp ủy và ủy ban kiểm tra đã kỷ luật hơn 2.700 tổ chức đảng và gần 168.000 đảng viên, trong đó có hơn 7.390 đảng viên vi phạm liên quan đến tham nhũng; nhiều cán bộ cấp cao thuộc diện Trung ương quản lý đã bị xử lý nghiêm minh. Qua thanh tra, kiểm toán, đã kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với gần 44.700 tập thể, cá nhân; thu hồi, xử lý tài chính hơn 975.000 tỷ đồng và gần 76.000 ha đất; đồng thời chuyển cơ quan điều tra gần 1.200 vụ việc có dấu hiệu tội phạm [182, tr.26-27; tr.572]. Những con số này cho thấy hiệu quả thực chất của việc vận hành các thiết chế phòng, chống tham nhũng, đồng thời phản ánh sự chuyển biến từ “phát hiện là chính” sang kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa, phát hiện và xử lý.

Đáng chú ý, các biện pháp phòng ngừa mang tính hệ thống đã được đẩy mạnh thông qua cải cách hành chính, tăng cường công khai, minh bạch và ứng dụng công nghệ trong quản trị công. Chính phủ điện tử đã được xây dựng và tiến tới “Chính phủ số” đã góp phần giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp giữa người dân và cán bộ, qua đó hạn chế cơ hội phát sinh tham nhũng. Nhiều lĩnh vực có nguy cơ cao như đất đai, đầu tư công, đấu thầu, tài chính ngân sách được chuẩn hóa quy trình, công khai thông tin, từng bước loại bỏ cơ chế “xin - cho”, tạo môi trường thể chế minh bạch, lành mạnh hơn.

Hiệu quả của việc hoàn thiện và thực thi các thiết chế phòng, chống tham nhũng cũng được phản ánh qua các đánh giá quốc tế. Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng (CPI) của Việt Nam đã có sự cải thiện đáng kể trong những năm gần đây, từ 36/100 điểm năm 2020 lên 39/100 điểm năm 2021 và tiếp tục tăng trong năm 2022, qua đó nâng thứ hạng của Việt Nam trên bảng xếp hạng toàn cầu [175]. Ngày 10/2/2026, Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International - TI) đã công bố chỉ số cảm nhận tham nhũng (Corruption Perception Index - CPI) năm 2025 của 182 quốc gia và vùng lãnh thổ. Theo đó, Việt Nam đạt 41/100 điểm, xếp hạng 81/182 quốc gia. Năm 2024, Việt Nam đạt 40/100 điểm, xếp hạng 88/180 quốc gia [232]. Con số này cho

thấy những nỗ lực, sự quyết tâm mạnh mẽ chống tham nhũng của Việt Nam trong những năm qua đã được thế giới ghi nhận, cũng cho thấy những nỗ lực cải cách thể chế và nâng cao hiệu quả thực thi đã mang lại những chuyển biến tích cực, không chỉ trong nước mà còn được cộng đồng quốc tế ghi nhận.

Có thể khẳng định rằng, hoàn thiện và thực thi các thiết chế phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam thời gian qua đã đạt được những thành tựu quan trọng, thể hiện ở sự phát triển đồng bộ của hệ thống pháp luật, cơ chế kiểm soát quyền lực ngày càng chặt chẽ, hiệu quả thực thi được nâng cao và môi trường quản trị công ngày càng minh bạch, liêm chính. Những kết quả này không chỉ góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng mà còn củng cố niềm tin của nhân dân, tạo nền tảng vững chắc cho việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, đúng với tinh thần và giá trị cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống “giặc nội xâm”.

** Thứ hai, thành tựu trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Kiến toàn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan phòng, chống tham nhũng theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ và ngày càng chuyên nghiệp là thành tựu nổi bật trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam. Thành tựu này phản ánh rõ sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, trong đó quyền lực không chỉ được tổ chức hợp lý mà còn phải được kiểm soát chặt chẽ nhằm ngăn ngừa nguy cơ tha hóa.

Trên phương diện tổ chức bộ máy, hệ thống các cơ quan phòng, chống tham nhũng đã được thiết kế lại theo hướng bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, qua đó tạo ra bước chuyển mang tính đột phá về cơ chế chỉ đạo. Năm 2013, thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, sau đó mở rộng chức năng thành Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và từ năm 2021 do Tổng Bí thư làm Trưởng ban đã nâng tầm công tác này lên vị trí trung tâm trong chiến lược xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tiếp đó, tái lập Ban Nội

chính Trung ương với vai trò là cơ quan thường trực đã góp phần tăng cường năng lực tham mưu và điều phối, bảo đảm sự chỉ đạo xuyên suốt, thống nhất trong toàn hệ thống chính trị. Mô hình này thể hiện rõ nét sự quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tập trung, thống nhất quyền lực gắn với kiểm soát quyền lực, đồng thời khẳng định quyết tâm chính trị ở mức cao nhất trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Ngoài việc kiện toàn tổ chức, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng cũng được thiết lập và hoàn thiện theo hướng liên thông, chặt chẽ hơn. Thông qua việc xây dựng và triển khai các quy chế phối hợp giữa Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao, một quy trình xử lý khép kín từ phát hiện đến xử lý vi phạm đã từng bước được hình thành. Nhờ đó, tình trạng chồng chéo trong thực thi nhiệm vụ, cũng như hiện tượng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan, từng bước được khắc phục. Đặc biệt, cơ chế phối hợp trong phát hiện và xử lý sai phạm thông qua hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán được ban hành năm 2021 đã tạo ra chuyển biến rõ rệt, thể hiện qua số lượng vụ việc được chuyển sang cơ quan điều tra tăng mạnh, vượt xa so với các giai đoạn trước.

Trong quá trình vận hành, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của các thiết chế phòng, chống tham nhũng ngày càng được nâng cao, nhất là ở khâu phát hiện và xử lý vi phạm. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được triển khai với cường độ lớn hơn, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những lĩnh vực tiềm ẩn nhiều nguy cơ tiêu cực. Đồng thời, hoạt động thanh tra, kiểm toán không chỉ dừng lại ở việc phát hiện sai phạm mà còn chú trọng kiến nghị xử lý và khắc phục hậu quả. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan tiến hành tố tụng đã góp phần bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, nâng cao hiệu lực thực thi trong thực tiễn. Kết quả là các cấp ủy và ủy ban kiểm tra đã thi hành kỷ luật gần 168.000 đảng viên từ diện Trung ương quản lý bị xử lý kỷ luật, bao gồm cả cán bộ cấp cao, quy trình xử lý nghiêm minh, không có vùng cấm, không có ngoại lệ đã thể hiện quyết tâm chính trị trong làm

trong sạch đội ngũ cán bộ, đồng thời tạo tác dụng cảnh tỉnh, răn đe mạnh mẽ trong toàn hệ thống [182, tr.208-209].

Điểm nổi bật trong hoạt động của các cơ quan phòng, chống tham nhũng thời gian qua là sự chỉ đạo quyết liệt, thống nhất và xuyên suốt của Ban Chỉ đạo Trung ương. Với phương châm hành động rõ ràng, kiên định, nhiều vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp đã được đưa vào diện theo dõi, chỉ đạo xử lý kịp thời, đúng quy định pháp luật đã không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả xử lý mà còn tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và bộ máy nhà nước. Nguyên tắc xử lý nghiêm minh các cán bộ cấp cao đã khẳng định quyết tâm chính trị của Đảng, đồng thời thể hiện sự vận dụng sâu sắc quan điểm của Hồ Chí Minh về tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật trong xử lý mọi hành vi vi phạm.

Ở một khía cạnh khác, hoạt động điều tra, truy tố và xét xử các vụ án tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng công khai, minh bạch và đúng pháp luật. Nhiều vụ án lớn, phức tạp, thu hút sự quan tâm đặc biệt của dư luận xã hội đã được xét xử nghiêm minh, bảo đảm nguyên tắc thượng tôn pháp luật, kiên quyết xử lý các hành vi tham nhũng, bất kể người vi phạm giữ chức vụ gì, đã góp phần khẳng định tính nghiêm túc trong thực thi pháp luật, đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân đối với công cuộc phòng, chống tham nhũng. Đây chính là sự hiện thực hóa sinh động tư tưởng Hồ Chí Minh về việc phải xử lý nghiêm minh mọi hành vi tham nhũng nhằm giữ vững kỷ cương, phép nước.

Kiến toàn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan phòng, chống tham nhũng đã tạo ra những chuyển biến căn bản trong cơ chế vận hành của hệ thống này. Không chỉ dừng lại ở việc nâng cao năng lực phát hiện và xử lý vi phạm, các thiết chế còn phát huy vai trò phòng ngừa, răn đe, góp phần hình thành môi trường quản trị công minh bạch, liêm chính hơn. Những kết quả đạt được không chỉ có ý nghĩa về mặt thực tiễn mà còn góp phần khẳng định giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

** Thứ ba, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức “cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư” theo tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất “cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư” được xác định là nội dung cốt lõi trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam. Tư tưởng của Người về “đức là gốc” của người cách mạng đặt nền tảng cho quan điểm coi phòng, chống tham nhũng trước hết phải bắt đầu từ việc phòng ngừa sự suy thoái từ bên trong chủ thể quyền lực. Tham nhũng, xét đến cùng, không chỉ là sự vi phạm pháp luật mà còn là biểu hiện của sự xuống cấp về đạo đức và tha hóa quyền lực, do đó việc xây dựng đội ngũ cán bộ liêm chính trở thành giải pháp mang tính căn bản, lâu dài.

Sự chuyển biến trong nhận thức này được thể hiện rõ qua các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và Kết luận Trung ương 4 khóa XIII, trong đó Đảng không chỉ nhận diện hệ thống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống mà còn chỉ ra nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Những văn kiện này đồng thời đặt ra yêu cầu tăng cường tự tu dưỡng, tự rèn luyện và đề cao trách nhiệm nêu gương, qua đó gắn chặt phòng, chống tham nhũng với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Chính sự gắn kết này đã tạo ra chuyển biến về chất trong nhận thức, từ việc coi tham nhũng là hiện tượng cá biệt sang nhận diện nó như hệ quả của sự suy thoái mang tính hệ thống trong đội ngũ cán bộ.

Khung khổ thể chế về đạo đức công vụ và trách nhiệm nêu gương được thiết lập ngày càng rõ nét, tạo điều kiện để chuẩn mực liêm chính được cụ thể hóa trong hoạt động thực tiễn. Văn kiện Đại hội XI (2011) khẳng định yêu cầu đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh trở thành nhiệm vụ thường xuyên của cán bộ, đảng viên [79, tr.51], hướng tới xây dựng đội ngũ “hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân” [79, tr.231]. Đến Đại hội XII (2016), tiêu chí đánh giá cán bộ được xác lập trên cơ sở kết hợp giữa bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và hiệu quả thực thi nhiệm vụ [83, tr.180-181], thể hiện bước tiến trong việc lượng hóa các chuẩn mực đạo đức thành tiêu chí quản lý cán bộ. Đại hội XIII (2021) tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, người

đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đặt trách nhiệm nêu gương ở vị trí trung tâm của công tác cán bộ [86, tr.27].

Cụ thể hóa các quan điểm này, hệ thống quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương và chuẩn mực đạo đức được ban hành tương đối đồng bộ. Quy định số 101-QĐ/TW (2012), Quy định số 08-QĐ/TW (2018), Quy định số 37-QĐ/TW (2021) đã xác lập những yêu cầu rõ ràng về hành vi, trách nhiệm và giới hạn quyền lực của cán bộ, đảng viên. Những quy định này không chỉ mang tính ràng buộc pháp lý mà còn có ý nghĩa định hướng giá trị, góp phần hình thành văn hóa liêm chính trong hệ thống chính trị. Vai trò nêu gương của cán bộ lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu, được đề cao như một cơ chế “tự kiểm soát quyền lực từ bên trong”, phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa “nói đi đôi với làm” và giữa quyền lực với trách nhiệm.

Tính nghiêm minh trong thực thi kỷ luật trở thành yếu tố bảo đảm cho các chuẩn mực đạo đức được hiện thực hóa. Trong giai đoạn vừa qua, các cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra đã thi hành kỷ luật gần 168.000 đảng viên, trong đó có nhiều cán bộ cấp cao thuộc diện Trung ương quản lý [182, tr.572], xử lý kỷ luật không phân biệt đương chức hay đã nghỉ hưu, không phụ thuộc vào chức vụ, vị trí công tác đã khẳng định nguyên tắc “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, đồng thời tạo hiệu ứng răn đe mạnh mẽ. Kỷ luật trong trường hợp này không chỉ là biện pháp xử lý mà còn là công cụ điều chỉnh hành vi, góp phần củng cố ý thức tự giác tu dưỡng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Quá trình xây dựng văn hóa liêm chính được thúc đẩy thông qua các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng và rèn luyện đạo đức thường xuyên. Thực hiện triển khai Chỉ thị số 05-CT/TW đã gắn việc học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh với nhiệm vụ chính trị cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, qua đó nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần phục vụ nhân dân. Các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp được cụ thể hóa trong từng lĩnh vực, tạo nên những quy tắc ứng xử phù hợp với đặc thù công vụ, góp phần hạn chế các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực. Môi

trường công vụ từng bước được định hình theo hướng kỷ cương, minh bạch, lấy phục vụ làm giá trị cốt lõi.

Công tác cán bộ được điều chỉnh theo hướng kiểm soát quyền lực ngay từ khâu đầu vào, thể hiện sự vận dụng sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về “dụng nhân như dụng mộc”. Những quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền đã góp phần khắc phục tình trạng lợi dụng quyền lực vì mục đích cá nhân, đồng thời nâng cao tính khách quan, minh bạch trong tuyển chọn và bổ nhiệm. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được đổi mới theo hướng chú trọng đạo đức công vụ, ý thức trách nhiệm và tinh thần phụng sự nhân dân, qua đó hình thành đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị vững vàng và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

** Thứ tư, trong xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị theo tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực xuất phát từ nhận thức sâu sắc về nguy cơ tha hóa của quyền lực nếu không được ràng buộc bằng cơ chế chặt chẽ. Người nhiều lần cảnh báo rằng quyền lực, nếu không được kiểm soát, sẽ dễ bị lạm dụng, biến thành công cụ phục vụ lợi ích cá nhân, từ đó làm suy yếu bộ máy và xa rời mục tiêu phục vụ nhân dân. Sự vận dụng tư tưởng này trong điều kiện hiện nay được thể hiện rõ qua việc Đảng xác định tham nhũng về bản chất là sự lạm dụng quyền lực, do đó kiểm soát quyền lực trở thành trụ cột của phòng, chống tham nhũng.

Điểm có ý nghĩa đặc biệt trong tư tưởng Hồ Chí Minh là Người không xem quyền lực như một đặc quyền của người cán bộ, mà luôn đặt quyền lực trong mối quan hệ với trách nhiệm phục vụ nhân dân. Quyền lực được trao cho cán bộ, đảng viên và các cơ quan trong bộ máy nhà nước nhằm thực hiện lợi ích của nhân dân; vì vậy, khi chủ thể sử dụng quyền lực để mưu cầu lợi ích riêng thì bản chất của quyền lực công đã bị biến đổi. Từ cách tiếp cận này có thể thấy, nguy cơ tham nhũng bắt nguồn sâu xa từ sự lệch chuẩn trong sử dụng quyền lực: quyền lực vì dân bị chuyển hóa thành quyền lực vì cá nhân, quyền lực phục vụ lợi ích chung bị chuyển hóa thành công cụ phục vụ lợi ích riêng. Chính vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng,

chống tham nhũng luôn gắn với yêu cầu xây dựng đạo đức cách mạng, đề cao trách nhiệm của cán bộ, thực hiện nghiêm kỷ luật, pháp luật và phát huy sự kiểm tra, giám sát của tổ chức và nhân dân. Từ đó, kiểm soát quyền lực trong tư tưởng Hồ Chí Minh cần được hiểu theo nghĩa rộng, không chỉ là kiểm tra việc thực hiện quyền lực sau khi có sai phạm mà còn là thiết lập những giới hạn, quy tắc và cơ chế để quyền lực được sử dụng đúng mục đích ngay từ đầu. Kiểm soát quyền lực phải được thực hiện đồng thời bằng nhiều phương thức: tự kiểm soát của người có chức, có quyền; kiểm tra, giám sát trong tổ chức; ràng buộc bằng kỷ luật và pháp luật; và quan trọng là sự giám sát của nhân dân, đây là cơ sở để nhận diện tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng không đơn thuần là tư tưởng về xử lý người tham nhũng mà sâu sắc hơn là tư tưởng về ngăn ngừa sự tha hóa quyền lực, vốn là nguồn gốc làm phát sinh và nuôi dưỡng tham nhũng trong bộ máy công quyền.

Từ Đại hội XI (2011) đến Đại hội XIII (2021), kiểm soát quyền lực không còn dừng lại ở yêu cầu nguyên tắc mà đã trở thành nội dung trung tâm trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và văn kiện Đại hội XIII đều nhấn mạnh yêu cầu kiểm soát chặt chẽ quyền lực, kiên quyết chống chạy chức, chạy quyền. Cách tiếp cận này phản ánh bước phát triển về nhận thức: quyền lực không chỉ cần được tổ chức hợp lý mà phải được đặt trong cơ chế kiểm soát thường xuyên, liên tục, gắn với trách nhiệm giải trình và sự giám sát đa chiều. Quan niệm quyền lực gắn với trách nhiệm, quyền lực đến đâu trách nhiệm đến đó, quyền lực càng cao trách nhiệm càng lớn đã từng bước trở thành nguyên tắc chi phối trong tổ chức và vận hành hệ thống chính trị.

Hệ thống quy định của Đảng về kiểm soát quyền lực, đặc biệt trong công tác cán bộ, được hoàn thiện theo hướng ngày càng chặt chẽ, cụ thể và có tính ràng buộc cao. Quy định số 205-QĐ/TW ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền đã đánh dấu bước tiến quan trọng khi lần đầu tiên xác định tương đối đầy đủ các hành vi chạy chức, chạy quyền; làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong từng khâu của quy trình cán bộ; đồng thời thiết lập cơ chế xử lý nghiêm minh đối với các vi phạm. Quy định

số 41-QĐ/TW (2021) về miễn nhiệm, từ chức tiếp tục bổ sung công cụ kiểm soát quyền lực theo hướng chủ động, không chỉ xử lý khi có sai phạm mà còn tạo cơ chế sàng lọc, thay thế cán bộ không đủ uy tín, năng lực. Cùng với các quy định về trách nhiệm nêu gương, kỷ luật đảng viên, một hệ thống ràng buộc quyền lực tương đối đồng bộ đã được hình thành, từng bước khắc phục những “khoảng trống” thể chế vốn là môi trường dễ phát sinh tham nhũng. Cách tiếp cận này thể hiện rõ tinh thần phòng ngừa từ sớm, từ xa, kiểm soát quyền lực ngay từ khâu đầu vào, phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh về lựa chọn, sử dụng cán bộ dựa trên tiêu chuẩn đạo đức và liêm chính.

Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị được thiết lập ngày càng rõ ràng và thực chất hơn. Hiến pháp năm 2013 khẳng định nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp [149, tr.2]. Trên nền tảng đó, các đạo luật về tổ chức bộ máy nhà nước, giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử được sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng cường trách nhiệm giải trình và hiệu lực giám sát. Vai trò giám sát tối cao của Quốc hội, chức năng kiểm soát tài chính công của Kiểm toán Nhà nước, cùng với hoạt động thanh tra, kiểm tra trong hệ thống hành chính đã tạo nên mạng lưới kiểm soát quyền lực đa tầng, hạn chế nguy cơ lạm quyền hoặc buông lỏng quản lý.

Hiệu lực thực thi cơ chế kiểm soát quyền lực được củng cố thông qua việc tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các sai phạm. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được triển khai với quy mô lớn, tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tham nhũng. Nhiều vụ án kinh tế, tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp được phát hiện, điều tra và xét xử công khai, bắt kẻ người vi phạm giữ chức vụ gì, thể hiện rõ nguyên tắc không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Thực tiễn xử lý cán bộ cấp cao, kể cả cán bộ diện Trung ương quản lý, đã khẳng định tính nghiêm minh của cơ chế kiểm soát quyền lực, đồng thời nâng cao hiệu lực răn đe và củng cố kỷ luật, kỷ cương trong toàn hệ thống chính trị.

Cơ chế kiểm soát tài sản, thu nhập và trách nhiệm giải trình được thiết lập như một công cụ quan trọng nhằm kiểm soát quyền lực trong thực thi công vụ. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định cụ thể các nội dung phải công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách, đầu tư công, đất đai, tài sản công; đồng thời xác lập nghĩa vụ kê khai, công khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn. Công tác kê khai được triển khai với quy mô lớn hằng năm, tạo cơ sở cho việc giám sát và phát hiện dấu hiệu bất minh, cơ chế xác minh tài sản, thu nhập từng bước được hoàn thiện, chuyển từ hình thức sang thực chất, góp phần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ.

** Thứ năm, phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và xã hội trong phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về “dân là chủ, dân là gốc” đặt nền tảng cho việc xác định vai trò trung tâm của nhân dân trong kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng. Nhân dân không chỉ là đối tượng phục vụ của quyền lực nhà nước mà còn là chủ thể giám sát, phát hiện và đấu tranh với các biểu hiện tha hóa quyền lực. Sự vận dụng tư tưởng này trong điều kiện hiện nay được thể hiện qua việc Đảng xác định phòng, chống tham nhũng không thể chỉ dựa vào các cơ quan công quyền mà phải huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, trong đó nhân dân giữ vị trí nòng cốt.

Nhận thức đó được thể hiện nhất quán trong các văn kiện Đại hội XI (2011), XII (2016) và XIII (2021), khi yêu cầu phát huy quyền làm chủ của nhân dân được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Quan điểm “dựa vào dân để xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh” [182, tr.21] phản ánh sự kế thừa trực tiếp tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng trong kiểm soát quyền lực. Quyền lực chỉ thực sự được kiểm soát khi đặt dưới sự giám sát của nhân dân; niềm tin của nhân dân trở thành thước đo hiệu quả của công tác phòng, chống tham nhũng.

Khung khổ pháp lý bảo đảm quyền tham gia của nhân dân và xã hội vào phòng, chống tham nhũng được hoàn thiện theo hướng ngày càng đầy đủ và thực chất. Hiến pháp năm 2013 khẳng định quyền làm chủ của nhân dân và vai trò giám

sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên [149, tr.3]. Trên cơ sở đó, hệ thống pháp luật liên quan được ban hành và sửa đổi đồng bộ, bao gồm Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở... Các văn bản này xác lập rõ quyền giám sát, phản ánh, tố giác hành vi tham nhũng của công dân, đồng thời quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong tiếp nhận, xử lý thông tin. Cơ chế này tạo hành lang pháp lý quan trọng để chuyển hóa quyền làm chủ của nhân dân từ nguyên tắc hiến định thành công cụ kiểm soát quyền lực trong thực tiễn.

Hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từng bước đi vào chiều sâu, trở thành một cấu phần quan trọng trong hệ thống kiểm soát quyền lực. Các chương trình giám sát được triển khai trên nhiều lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao như quản lý đất đai, đầu tư công, ngân sách, thực hiện chính sách an sinh xã hội và cải cách thủ tục hành chính. Các tổ chức thành viên như Công đoàn, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... tham gia giám sát từ cơ sở, phản ánh kịp thời những bất cập trong thực thi công vụ. Hoạt động phản biện xã hội đối với các dự thảo chính sách, pháp luật được tăng cường, góp phần hoàn thiện thể chế, nâng cao tính khả thi của các quy định về phòng, chống tham nhũng. Cấu trúc giám sát xã hội vì vậy được mở rộng cả về phạm vi lẫn chiều sâu, phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò của các đoàn thể và quần chúng trong kiểm tra hoạt động của bộ máy nhà nước.

Các hình thức dân chủ ở cơ sở được mở rộng theo hướng thực chất, tạo điều kiện để người dân trực tiếp tham gia kiểm soát quyền lực, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với công khai các nội dung liên quan đến quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, thu chi ngân sách, các khoản đóng góp của nhân dân đã góp phần nâng cao tính minh bạch trong hoạt động công quyền. Các thiết chế như Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được củng cố và phát huy hiệu quả, trở thành kênh giám sát trực tiếp đối với các dự án, công trình tại địa phương. Nhiều sai phạm được phát hiện từ phản ánh của người dân, góp phần ngăn chặn thất thoát,

lãng phí và hạn chế nguy cơ tham nhũng ngay từ cơ sở. Thực tiễn này cho thấy hiệu quả rõ rệt của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ và phát huy vai trò kiểm tra của nhân dân.

Sự tham gia của xã hội và truyền thông tạo nên áp lực giám sát công khai đối với hoạt động của bộ máy nhà nước. Công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và kết quả xử lý các vụ án tham nhũng được thực hiện theo hướng minh bạch hơn, qua đó nâng cao nhận thức pháp luật và củng cố niềm tin của nhân dân. Báo chí và các phương tiện truyền thông trở thành kênh phát hiện, phản ánh và đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực, góp phần hình thành môi trường dư luận xã hội không dung thứ cho tham nhũng. Các phong trào vận động xây dựng đời sống văn hóa, giáo dục đạo đức, lối sống liêm chính do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động đã góp phần tạo nền tảng giá trị cho phòng, chống tham nhũng từ gốc.

3.3.1.2. Nguyên nhân của những thành tựu

Thứ nhất, sự phát triển trong nhận thức lý luận của Đảng về tư tưởng Hồ Chí Minh đã tạo ra nền tảng tư duy mới cho phòng, chống tham nhũng. Quá trình nhận thức không dừng lại ở việc khẳng định giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh mà đã tiến tới giải cấu trúc và tái cấu trúc nội hàm của tư tưởng này trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Các luận điểm về “giặc nội xâm”, về nguy cơ tha hóa quyền lực, về mối quan hệ giữa đạo đức và quyền lực được chuyển hóa thành những phạm trù có tính lý luận hiện đại như kiểm soát quyền lực, quản trị công, trách nhiệm giải trình. Sự phát triển này làm thay đổi cách tiếp cận đối với tham nhũng từ góc độ hành vi cá nhân sang góc độ cấu trúc quyền lực, khi tham nhũng được nhìn nhận như một hệ quả của sự thiếu kiểm soát quyền lực, giải pháp tất yếu phải là hoàn thiện thể chế và cơ chế giám sát. Nhận thức lý luận vì vậy không chỉ đóng vai trò định hướng mà trực tiếp chi phối việc lựa chọn mô hình, công cụ và phương thức phòng, chống tham nhũng. Độ sâu của nhận thức quyết định độ chính xác của thể chế và độ bền vững của kết quả đạt được.

Thứ hai, quyết tâm chính trị cao của Đảng được hiện thực hóa thành cơ chế lãnh đạo tập trung, thống nhất, tạo ra động lực trực tiếp cho hành động. Quyết tâm chính trị trong giai đoạn hiện nay mang tính hệ thống, thể hiện đồng thời ở cấp độ chủ trương, tổ chức và thực thi. Không chỉ dừng ở việc xác định phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ trọng tâm, Đảng đã thiết lập cơ chế lãnh đạo trực tiếp, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, qua đó bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và hành động. Quy tụ quyền lực lãnh đạo ở cấp cao nhất, đi liền với cơ chế kiểm soát chặt chẽ, làm giảm đáng kể khả năng phân tán quyền lực và “cát cứ lợi ích”. Quyết tâm chính trị còn được biểu hiện ở tính kiên định và liên tục trong chỉ đạo, không phụ thuộc vào chu kỳ hay áp lực tình huống. Chính sự nhất quán này tạo ra niềm tin thể chế, khiến các chủ thể trong hệ thống điều chỉnh hành vi theo hướng tuân thủ, đồng thời làm gia tăng chi phí chính trị và pháp lý đối với hành vi tham nhũng.

Thứ ba, quá trình thể chế hóa tư tưởng Hồ Chí Minh được triển khai đồng bộ đã hình thành cấu trúc pháp lý ràng buộc quyền lực ngày càng chặt chẽ. Thể chế hóa không chỉ là ban hành văn bản mà là quá trình thiết kế lại các quan hệ quyền lực thông qua pháp luật và quy định của Đảng. Hệ thống quy định về minh bạch, kiểm soát tài sản, xung đột lợi ích, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ... đã tạo nên một “mạng lưới thể chế” bao phủ các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, sự chuyển dịch từ cơ chế kiểm soát mang tính hình thức sang cơ chế kiểm soát có khả năng tác động thực chất đến hành vi. Khi các quy định không chỉ tồn tại trên giấy mà gắn với chế tài rõ ràng và cơ chế giám sát cụ thể, tính tuân thủ được nâng lên. Thể chế vì vậy không chỉ đóng vai trò phòng ngừa mà còn định hình lại cách thức vận hành của quyền lực theo hướng minh bạch và có trách nhiệm.

Thứ tư, việc kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan đã tạo ra năng lực thực thi đồng bộ, khắc phục tình trạng phân tán quyền lực. Cấu trúc tổ chức của các cơ quan phòng, chống tham nhũng được thiết kế lại theo hướng tập trung, thống nhất, đồng thời bảo đảm sự phối hợp liên thông giữa các khâu. Khi các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử được kết nối trong một quy trình khép kín, khả năng “đứt gãy” trong xử lý vụ việc giảm

xuống. Cơ chế phối hợp không chỉ giúp rút ngắn thời gian xử lý mà còn nâng cao chất lượng xử lý, bởi thông tin được chia sẻ đầy đủ và kịp thời. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát nội bộ của Đảng được tăng cường đã tạo ra một lớp kiểm soát từ bên trong, góp phần phát hiện sớm các dấu hiệu sai phạm. Năng lực thực thi vì vậy không chỉ phụ thuộc vào từng cơ quan riêng lẻ mà nằm ở hiệu quả vận hành của toàn bộ hệ thống.

Thứ năm, quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ liêm chính đã tạo ra cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên trong, tác động trực tiếp đến động cơ hành vi. Tư tưởng Hồ Chí Minh về “đức là gốc” được chuyển hóa thành các tiêu chí cụ thể trong công tác cán bộ, từ tuyển chọn, đánh giá đến sử dụng và kiểm soát. Khi các tiêu chuẩn đạo đức và trách nhiệm công vụ trở thành điều kiện tiên quyết, cấu trúc động cơ của cán bộ thay đổi theo hướng giảm dần tính vụ lợi cá nhân. Đồng thời, việc xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm, không phụ thuộc vào chức vụ, đã tạo ra cơ chế răn đe mạnh mẽ. Tác động của cơ chế này không chỉ nằm ở việc loại bỏ cá nhân vi phạm mà còn ở việc thiết lập chuẩn mực hành vi mới cho toàn bộ đội ngũ. Sự kết hợp giữa giáo dục đạo đức, rèn luyện và kỷ luật nghiêm minh hình thành một hệ thống tự điều chỉnh bên trong, giúp phòng, chống tham nhũng từ gốc.

Thứ sáu, cơ chế kiểm soát quyền lực được hoàn thiện theo hướng đa chiều đã tạo ra trạng thái cân bằng trong vận hành quyền lực. Quyền lực được đặt dưới sự kiểm soát đồng thời của nhiều chủ thể và nhiều cơ chế khác nhau, từ kiểm soát nội bộ trong Đảng đến kiểm soát của các cơ quan nhà nước và giám sát xã hội. Sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các nhánh quyền lực ngày càng rõ ràng, hạn chế khả năng tập trung quyền lực tuyệt đối ở một chủ thể. Các công cụ như công khai, minh bạch, kê khai tài sản, trách nhiệm giải trình được triển khai rộng rãi đã làm tăng khả năng phát hiện và xử lý sai phạm. Khi quyền lực vận hành trong một không gian bị ràng buộc bởi nhiều lớp kiểm soát, khả năng tha hóa bị thu hẹp, đồng thời tạo ra môi trường thuận lợi cho việc thực thi liêm chính.

Thứ bảy, sự tham gia của nhân dân và xã hội đã tạo ra áp lực giám sát thường xuyên, bổ sung cho các thiết chế kiểm soát chính thức. Quyền làm chủ của nhân dân

được thể chế hóa thành các cơ chế cụ thể, cho phép người dân tham gia trực tiếp vào quá trình giám sát và phản ánh hành vi tham nhũng. Sự phát triển của báo chí và truyền thông tạo ra một không gian công khai, trong đó mọi hành vi sai phạm có thể bị phát hiện và phản ánh kịp thời. Áp lực từ dư luận xã hội không chỉ thúc đẩy các cơ quan công quyền nâng cao trách nhiệm giải trình mà còn làm thay đổi hành vi của cán bộ theo hướng thận trọng và tuân thủ hơn. Sự kết hợp giữa giám sát chính thức và giám sát xã hội tạo nên một cơ chế kiểm soát liên tục, không phụ thuộc hoàn toàn vào bộ máy nhà nước.

Thứ tám, bối cảnh hội nhập quốc tế và yêu cầu phát triển đất nước đã tạo ra động lực khách quan thúc đẩy hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng. Quá trình hội nhập đặt ra yêu cầu tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về minh bạch và quản trị tốt, buộc hệ thống pháp luật và bộ máy nhà nước phải cải cách theo hướng hiện đại. Nhu cầu phát triển kinh tế bền vững, thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia cũng đòi hỏi phải kiểm soát hiệu quả tham nhũng. Những áp lực này tạo ra động lực bên ngoài, thúc đẩy quá trình đổi mới từ bên trong, làm cho việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ mang ý nghĩa chính trị - xã hội mà còn gắn với yêu cầu phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế.

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

3.3.2.1. Hạn chế

Thứ nhất, về nhận thức trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng. Mặc dù nhận thức chung về vị trí, vai trò của công tác phòng, chống tham nhũng đã có bước chuyển biến quan trọng, song mức độ thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và xã hội vẫn chưa đạt đến chiều sâu cần thiết. Tiếp cận tư tưởng của Người ở không ít nơi còn dừng lại ở bình diện khẩu hiệu, trích dẫn, thiếu sự chuyển hóa thành nhận thức lý luận có hệ thống và hành động tự giác trong thực tiễn, những nội dung cốt lõi như “giặc nội xâm”, “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” chưa được nội tâm hóa thành chuẩn mực đạo đức thường trực trong thực thi công vụ.

Biểu hiện đáng chú ý là tâm lý coi phòng, chống tham nhũng như nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách, chưa phải trách nhiệm chính trị - đạo đức phổ quát của toàn hệ thống và mỗi cá nhân. Ở một số cấp, tình trạng nể nang, né tránh, thiếu quyết liệt trong đấu tranh với sai phạm vẫn tồn tại, nhất là khi liên quan đến lợi ích cục bộ hoặc quan hệ cá nhân. Nhận thức về vai trò giám sát của nhân dân chưa đầy đủ; tâm lý e ngại va chạm, thậm chí chấp nhận “thỏa hiệp” với những biểu hiện tiêu cực làm suy giảm hiệu quả phòng ngừa từ xã hội. Đáng lưu ý, việc nhận diện các hành vi tham nhũng theo tinh thần Hồ Chí Minh còn hạn chế. Những hành vi như “biểu xén”, “chạy chức, chạy quyền”, “bôi trơn” trong giao dịch hành chính vẫn bị một bộ phận xã hội xem như “thông lệ”, phản ánh sự lệch chuẩn trong hệ giá trị đạo đức công vụ. Điều đó cho thấy khoảng cách giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với thực tiễn đời sống vẫn chưa được thu hẹp một cách căn bản.

Thứ hai, về tổ chức thực hiện và triển khai các chủ trương, giải pháp.

Quá trình cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương về phòng, chống tham nhũng còn biểu hiện thiếu đồng đều giữa các cấp, các ngành. Ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị, việc triển khai mang tính hình thức, thiếu gắn kết với nhiệm vụ chính trị cụ thể, chưa tạo được chuyển biến thực chất trong hành vi công vụ. Khoảng cách giữa quyết tâm chính trị ở Trung ương với năng lực thực thi ở cơ sở vẫn còn hiện hữu, thể hiện qua hiện tượng “trên nóng, dưới lạnh”.

Công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng chưa thật sự đi vào chiều sâu. Nội dung còn dàn trải, phương thức truyền đạt chậm đổi mới, thiếu phân hóa theo đối tượng, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội trong lan tỏa giá trị liêm chính chưa tương xứng với yêu cầu của bối cảnh số. Sự phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị về giáo dục, giám sát, đánh giá kết quả còn thiếu tính liên thông.

Ở bình diện thể chế, hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng tuy đã được hoàn thiện đáng kể nhưng vẫn tồn tại những điểm chưa đồng bộ, thiếu cụ thể. Một số quy định mang tính nguyên tắc, khó triển khai trong thực tiễn; tình trạng chồng chéo giữa các văn bản pháp luật vẫn gây cản trở cho quá trình thực thi. Cơ

chế kiểm soát tài sản, thu nhập, xung đột lợi ích chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng; việc kê khai còn nặng về thủ tục hành chính, thiếu công cụ xác minh độc lập, khoảng cách giữa “thiết kế thể chế” và “vận hành thể chế” tiếp tục là điểm nghẽn đáng chú ý. Hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và phối hợp liên ngành trong xử lý tham nhũng đã có tiến bộ nhưng chưa thật sự nhịp nhàng ở mọi cấp. Tình trạng chậm trễ, đùn đẩy trách nhiệm hoặc kéo dài thời gian xử lý vẫn xuất hiện trong một số trường hợp, ảnh hưởng đến hiệu lực răn đe của pháp luật.

Thứ ba, về kết quả thực tiễn và hiệu quả phòng, chống tham nhũng.

So với yêu cầu xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng Hồ Chí Minh, kết quả đạt được vẫn chưa tương xứng. Tình hình tham nhũng, tiêu cực còn diễn biến phức tạp, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, tài chính, ngân hàng, đầu tư công. Phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, có sự đan xen giữa khu vực công và khu vực tư, gây khó khăn cho công tác phát hiện và xử lý.

Một số vụ việc chưa được phát hiện kịp thời hoặc xử lý triệt để, đặc biệt ở cấp cơ sở, vốn là nơi cơ chế kiểm soát quyền lực còn lỏng lẻo. Tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng tuy được cải thiện nhưng chưa đạt yêu cầu; việc truy tìm tài sản bị tẩu tán, nhất là ở nước ngoài, gặp nhiều trở ngại về pháp lý và hợp tác quốc tế. Cơ chế phòng ngừa từ sớm, từ xa chưa phát huy đầy đủ hiệu quả. Một số giải pháp vẫn thiên về xử lý hậu quả hơn là ngăn chặn từ gốc. Tính răn đe tuy được nâng lên nhưng chưa đủ mạnh để ngăn chặn triệt để nguy cơ tái diễn, vai trò của xã hội trong phòng, chống tham nhũng chưa được khai thác hết tiềm năng do còn hạn chế về cơ chế bảo vệ, điều kiện tham gia và niềm tin.

Thứ tư, về phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và xã hội trong phòng, chống tham nhũng. Phát huy vai trò của nhân dân và các thiết chế xã hội trong phòng, chống tham nhũng tuy đã được quan tâm nhưng chưa đạt đến mức độ tương xứng với yêu cầu của tư tưởng Hồ Chí Minh. Không gian và điều kiện để người dân tham gia giám sát quyền lực nhà nước còn bị giới hạn bởi khả năng tiếp cận thông tin, tính minh bạch trong hoạt động công vụ chưa đồng đều giữa các lĩnh vực. Cơ chế để chuyển hóa ý kiến giám sát, phản ánh của nhân dân thành quyết

định quản lý hoặc xử lý vi phạm trong nhiều trường hợp chưa rõ ràng, làm giảm hiệu lực thực tế của giám sát xã hội.

Hoạt động giám sát và phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở một số nơi còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu chuyên môn và chưa tạo được sức ép đủ mạnh đối với các chủ thể thực thi quyền lực. Việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kiến nghị sau giám sát chưa được thiết lập như một cơ chế ràng buộc trách nhiệm, dẫn đến tình trạng “giám sát có nhưng chuyển biến chậm”. Nguồn lực, trình độ và điều kiện bảo đảm cho hoạt động giám sát xã hội chưa đồng đều, đặc biệt ở cấp cơ sở. Cơ chế bảo vệ người tố cáo, người cung cấp thông tin về tham nhũng tuy đã được quy định nhưng hiệu quả thực thi còn hạn chế, chưa tạo được niềm tin vững chắc cho người dân khi tham gia đấu tranh. Tâm lý e ngại và chạp, lo ngại bị trả thù hoặc ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân vẫn tồn tại, làm giảm tính chủ động của xã hội trong phát hiện tham nhũng. Vai trò của báo chí và truyền thông trong một số trường hợp chưa được phát huy đầy đủ do những rào cản về tiếp cận thông tin và cơ chế phối hợp.

Những biểu hiện trên cho thấy việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về “dân là gốc”, về phát huy sức mạnh của quần chúng trong kiểm tra, giám sát quyền lực chưa đạt đến chiều sâu và tính bền vững cần thiết. Cơ chế để xã hội thực sự trở thành một chủ thể kiểm soát quyền lực hiệu quả vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa tạo thành một hệ sinh thái giám sát rộng khắp, liên tục và có tính ràng buộc cao.

3.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, nguyên nhân từ nhận thức và quá trình nội tâm hóa tư tưởng Hồ Chí Minh. Những hạn chế về nhận thức bắt nguồn từ việc quá trình chuyển hóa tư tưởng Hồ Chí Minh từ tri thức lý luận thành chuẩn mực hành vi chưa hoàn tất, khi việc học tập ở nhiều nơi vẫn thiên về truyền đạt nội dung hơn là hình thành năng lực tự soi, tự sửa trong thực tiễn, dẫn đến tình trạng “biết nhưng chưa tin sâu, chưa hành động như một nhu cầu tự thân”. Cơ chế gắn kết giữa nhận thức và trách nhiệm chính trị chưa chặt chẽ, việc đánh giá cán bộ chưa thực sự dựa trên mức độ vận

dụng tư tưởng vào thực thi công vụ, khiến động lực tự giác bị suy giảm; trong khi đó, các chuẩn mực đạo đức chưa được cụ thể hóa thành tiêu chí kiểm soát có tính ràng buộc, làm cho nhận thức dễ dừng lại ở hình thức, không chuyển hóa thành hành vi bền vững.

Thứ hai, nguyên nhân từ cấu trúc thể chế pháp luật với năng lực tổ chức thực thi trong phòng, chống tham nhũng chưa được hiệu quả, vẫn còn khoảng cách. Những bất cập trong hệ thống pháp luật và cơ chế thực thi phản ánh độ trễ của thể chế so với sự vận động nhanh của thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế làm xuất hiện các hình thức tham nhũng ngày càng tinh vi, trong khi nhiều quy định vẫn mang tính nguyên tắc, thiếu cơ chế vận hành cụ thể. Không ít thiết chế được ban hành nhưng thiếu công cụ thực thi hiệu quả, như cơ chế kiểm soát tài sản, thu nhập còn dựa nhiều vào tự kê khai mà chưa có hệ thống dữ liệu liên thông và phương thức xác minh độc lập; đồng thời, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng chưa thực sự dựa trên nền tảng quy trình và dữ liệu thống nhất, làm giảm tính liên thông và hiệu quả trong phát hiện, xử lý tham nhũng, cho thấy vấn đề không chỉ nằm ở thiếu quy định mà còn ở hạn chế trong năng lực vận hành thể chế.

Thứ ba, nguyên nhân từ tổ chức bộ máy, nguồn lực và điều kiện bảo đảm. Những hạn chế trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan phòng, chống tham nhũng gắn với chất lượng đội ngũ và điều kiện thực thi quyền lực chưa đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới, khi một bộ phận cán bộ chưa được trang bị đầy đủ năng lực chuyên môn để xử lý các dạng tham nhũng phức tạp, trong khi chiến lược đào tạo, sử dụng cán bộ chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Cơ chế phân công, phối hợp tuy đã được xác lập nhưng chưa đạt đến mức tối ưu về trách nhiệm cá thể và tính hiệu quả, vẫn còn dư địa cho tình trạng né tránh, đùn đẩy; điều kiện kỹ thuật, công nghệ phục vụ phát hiện và điều tra còn hạn chế, làm giảm khả năng kiểm soát từ sớm, từ xa; đồng thời, tác động của lợi ích vật chất và chủ nghĩa cá nhân trong nền kinh tế thị trường tạo ra áp lực lớn đối với việc giữ gìn đạo đức công vụ, làm gia tăng nguy cơ tha hóa quyền lực nếu thiếu cơ chế kiểm soát đủ mạnh.

Thứ tư, nguyên nhân từ cơ chế phát huy vai trò của nhân dân và xã hội. Những hạn chế trong phát huy vai trò của nhân dân và xã hội bắt nguồn từ việc thiết kế thể chế giám sát chưa hoàn chỉnh, khi quyền giám sát tuy được xác lập về mặt pháp lý nhưng thiếu cơ chế chuyển hóa hiệu quả thành các quyết định quản lý có tính ràng buộc, làm giảm niềm tin và động lực tham gia của người dân. Cơ chế bảo vệ người tố cáo chưa đủ mạnh để tạo ra “vùng an toàn” thực sự, khiến tâm lý e ngại, né tránh vẫn phổ biến; trong khi đó, năng lực và điều kiện hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa đồng đều, thiếu công cụ chuyên môn và cơ chế theo dõi sau giám sát, làm cho hoạt động giám sát dễ rơi vào hình thức; mức độ công khai, minh bạch thông tin của cơ quan nhà nước còn hạn chế cũng làm suy giảm hiệu quả giám sát xã hội, dẫn đến tình trạng có quyền giám sát nhưng thiếu điều kiện để giám sát thực chất.

3.3.3. Một số vấn đề đặt ra

Một là, tính chưa tương xứng giữa chiều sâu lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh và mức độ chuyển hóa trong thực tiễn phòng, chống tham nhũng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng chứa đựng hệ giá trị toàn diện, kết hợp giữa đạo đức cách mạng, kiểm soát quyền lực và thực hành dân chủ. Tuy nhiên, trong thực tiễn, việc chuyển hóa các giá trị đó thành hành vi công vụ cụ thể chưa đạt tới mức độ tương thích với yêu cầu đặt ra. Ở một số nơi, việc học tập tư tưởng còn thiên về tiếp nhận nội dung hơn là nội hóa thành động lực hành động, dẫn đến tình trạng “biết nhưng chưa làm”, “hiểu nhưng chưa sâu”. Những chuẩn mực như liêm chính, chí công vô tư chưa được cụ thể hóa đầy đủ thành tiêu chí đánh giá, đo lường và kiểm soát hành vi trong thực thi quyền lực. Sự tách rời tương đối giữa chuẩn mực đạo đức và cơ chế thực thi khiến cho tư tưởng chưa thực sự trở thành “hệ điều hành” của bộ máy. Khoảng cách này nếu không được thu hẹp sẽ làm giảm hiệu lực của các chủ trương phòng, chống tham nhũng, đồng thời làm suy giảm niềm tin xã hội. Vấn đề đặt ra là phải tiếp tục thể chế hóa sâu hơn các giá trị tư tưởng thành quy chuẩn hành vi, gắn với trách nhiệm pháp lý và cơ chế kiểm

soát cụ thể. Việc đánh giá cán bộ cần chuyển mạnh sang đo lường bằng kết quả thực thi và mức độ liêm chính, thay vì chỉ dừng ở tiêu chí hình thức.

Hai là, yêu cầu phát triển nội dung và phương thức vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh biến đổi của cấu trúc tham nhũng hiện đại.

Tham nhũng trong điều kiện hiện nay đã chuyển từ các hành vi đơn lẻ sang dạng thức có tổ chức, tinh vi, gắn với lợi ích nhóm và quá trình hoạch định chính sách. Sự phát triển của công nghệ số, tài chính hiện đại và hội nhập quốc tế làm xuất hiện các hình thức tham nhũng xuyên biên giới, khó kiểm soát bằng các phương thức truyền thống. Trong khi đó, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh ở một số phương diện vẫn chủ yếu tập trung vào giáo dục đạo đức cá nhân, chưa mở rộng tương xứng sang thiết kế thể chế và công cụ quản trị hiện đại. Sự thiếu kết nối giữa nền tảng đạo đức và công cụ công nghệ khiến hiệu quả phòng, chống tham nhũng chưa đạt tối ưu. Vì vậy đã đặt ra yêu cầu phát triển tư tưởng theo hướng tích hợp đa chiều, kết hợp giữa giá trị đạo đức với công nghệ quản lý, dữ liệu lớn và minh bạch hóa quy trình ra quyết định. Kiểm soát quyền lực cần được mở rộng sang không gian số, bao gồm cả dữ liệu tài sản, giao dịch và quá trình ra quyết định chính sách. Đồng thời, cần xây dựng năng lực dự báo các dạng thức tham nhũng mới để chủ động phòng ngừa từ sớm, đây cũng là cách chuyển từ tư duy phản ứng sang tư duy quản trị chủ động.

Ba là, độ vênh giữa tiến trình thể chế hóa và hiệu quả thực thi các cơ chế phòng, chống tham nhũng.

Quá trình thể chế hóa tư tưởng Hồ Chí Minh đã tạo ra một hệ thống quy định tương đối đầy đủ, bao trùm nhiều lĩnh vực của đời sống công vụ. Tuy nhiên, hiệu quả thực thi còn chưa tương xứng với mức độ hoàn thiện của khung pháp lý, một số quy định mang tính nguyên tắc, thiếu cơ chế triển khai cụ thể, dẫn đến khó khăn trong vận hành thực tế. Tính liên thông giữa các khâu phòng ngừa, phát hiện, xử lý và thu hồi tài sản chưa cao, làm giảm hiệu lực tổng thể của hệ thống, trong một số trường hợp, khoảng cách giữa “luật trên giấy” và “luật trong đời sống” vẫn tồn tại, phản ánh hạn chế về năng lực tổ chức thực thi. Sự chưa đồng bộ giữa các thiết chế

kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và tư pháp cũng làm giảm hiệu quả phối hợp vì vậy yêu cầu không chỉ dừng ở hoàn thiện thể chế mà còn phải nâng cao chất lượng thực thi, tăng cường trách nhiệm giải trình và cơ chế giám sát độc lập, vận hành thể chế cần được chuẩn hóa theo quy trình rõ ràng, có khả năng kiểm chứng và đánh giá định lượng. Chỉ khi thể chế đi vào thực chất thì tư tưởng Hồ Chí Minh mới được hiện thực hóa đầy đủ.

Bốn là, mức độ lan tỏa và bền vững của “văn hóa liêm chính” trong hệ thống chính trị và xã hội còn hạn chế.

Quy trình xây dựng văn hóa liêm chính đã được chú trọng thông qua nhiều chủ trương và phong trào, song chưa hình thành được nền tảng bền vững và phổ quát trong toàn xã hội. Ở một số môi trường công vụ, chuẩn mực đạo đức vẫn chưa trở thành “áp lực nội tại” điều chỉnh hành vi, mà còn phụ thuộc vào sự giám sát bên ngoài, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh đôi khi còn mang tính hình thức, thiếu gắn kết với nhiệm vụ cụ thể và cơ chế kiểm tra thường xuyên. Vai trò nêu gương của cán bộ, nhất là người đứng đầu, chưa đồng đều, làm hạn chế hiệu ứng lan tỏa. Đồng thời, các giá trị thực dụng và áp lực lợi ích vật chất trong nền kinh tế thị trường tạo ra những thách thức lớn đối với việc duy trì chuẩn mực đạo đức. Điều này đặt ra yêu cầu chuyển từ tuyên truyền sang xây dựng môi trường văn hóa liêm chính có tính hệ thống. Các chuẩn mực đạo đức cần được cụ thể hóa thành quy tắc ứng xử, gắn với chế tài và cơ chế giám sát, hình thành văn hóa liêm chính phải gắn với cả giáo dục, thể chế và môi trường xã hội.

Năm là, sự thiếu cân đối tương đối giữa các trụ cột phòng ngừa và xử lý trong cấu trúc phòng, chống tham nhũng.

Hoạt động xử lý tham nhũng trong thời gian qua đạt được nhiều kết quả rõ nét, góp phần củng cố kỷ luật, kỷ cương và tạo hiệu ứng răn đe mạnh mẽ. Tuy nhiên, các giải pháp phòng ngừa từ sớm, từ xa chưa được triển khai tương xứng, đặc biệt trong kiểm soát quyền lực và minh bạch hóa hoạt động công vụ. Sự thiên lệch về xử lý có thể dẫn đến việc giải quyết phần “ngọn” mà chưa xử lý triệt để phần “gốc” của tham nhũng. Trong khi đó, tư tưởng Hồ Chí Minh nhấn mạnh sự kết hợp

giữa giáo dục, phòng ngừa và xử lý như một chỉnh thể thống nhất, việc thiếu cân đối này làm gia tăng chi phí xã hội và giảm tính bền vững của công tác phòng, chống tham nhũng. Vấn đề đặt ra là phải thiết lập cấu trúc phòng, chống tham nhũng theo hướng cân bằng, trong đó phòng ngừa giữ vai trò nền tảng, các cơ chế kiểm soát quyền lực, minh bạch hóa và trách nhiệm giải trình cần được ưu tiên phát triển, đảm bảo xử lý vi phạm phải gắn với hoàn thiện thể chế để ngăn chặn tái diễn.

Sáu là, vấn đề kiểm soát quyền lực trong phòng, chống tham nhũng.

Thực tiễn công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam thời gian qua cho thấy tham nhũng thường gắn liền với việc lạm dụng, lợi dụng hoặc tha hóa quyền lực. Nhiều vụ án tham nhũng nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng được phát hiện và xử lý đều liên quan đến những cá nhân nắm giữ chức vụ, quyền hạn trong bộ máy của Đảng và Nhà nước. Điều đó cho thấy nếu quyền lực không được kiểm soát chặt chẽ thì rất dễ bị sử dụng sai mục đích, trở thành công cụ phục vụ lợi ích cá nhân hoặc lợi ích nhóm, làm phát sinh tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác.

Mối quan hệ giữa tham nhũng và quyền lực trong thực tiễn phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam cho thấy tham nhũng thường không phát sinh một cách độc lập mà gắn với quá trình thực thi quyền lực trong bộ máy công quyền. Những chủ thể được giao quyền quyết định, quản lý và phân bổ các nguồn lực công thường có khả năng tác động trực tiếp đến lợi ích của tổ chức, cá nhân và xã hội. Quyền hạn được trao nhưng cơ chế kiểm soát không tương xứng, quyền lực có thể bị sử dụng vượt quá mục đích, phạm vi hoặc thẩm quyền được giao, sự lạm dụng đó tạo ra cơ hội để hình thành các hành vi vụ lợi như nhận hối lộ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt hoặc làm thất thoát tài sản công, can thiệp trái quy định vào hoạt động quản lý và quyết định chính sách vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích nhóm.

Đáng chú ý, sự tha hóa quyền lực và tham nhũng có thể tạo thành một vòng tuần hoàn tiêu cực. Một cá nhân hoặc nhóm lợi ích sử dụng quyền lực để thu lợi bất chính, lợi ích thu được có thể được sử dụng để duy trì các quan hệ lợi ích, tạo dựng sự bao che, tác động đến quá trình bổ nhiệm, phân bổ nguồn lực hoặc ảnh hưởng đến hoạt động kiểm tra, giám sát, như vậy tham nhũng không chỉ là hậu quả của

việc quyền lực bị kiểm soát yếu mà còn có khả năng làm suy yếu chính các thiết chế kiểm soát quyền lực. Vì vậy, nếu không nhận diện và xử lý mối quan hệ giữa quyền lực chính thức với các quan hệ quyền lực không chính thức, công tác phòng, chống tham nhũng có nguy cơ chỉ xử lý được từng vụ việc cụ thể mà chưa tác động đầy đủ đến những điều kiện làm phát sinh và tái diễn tham nhũng.

Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu phải chuyển trọng tâm từ tư duy chủ yếu “phát hiện và xử lý người tham nhũng” sang kết hợp chặt chẽ giữa xử lý hành vi tham nhũng với kiểm soát quá trình hình thành và thực thi quyền lực. Kiểm soát quyền lực phải được tiến hành trước, trong và sau quá trình thực thi công vụ; trong đó, trọng tâm là kiểm soát thẩm quyền, kiểm soát quá trình ra quyết định, kiểm soát lợi ích và xung đột lợi ích, kiểm soát tài sản và thu nhập, đồng thời bảo đảm trách nhiệm giải trình và giám sát xã hội. Đây chính là cơ chế phòng ngừa từ sớm, từ xa đối với tham nhũng, bởi khi quyền lực được đặt trong những giới hạn minh bạch và chịu sự kiểm soát thường xuyên thì cơ hội để quyền lực bị chuyển hóa thành công cụ vụ lợi sẽ được thu hẹp.

Tư tưởng Hồ Chí Minh tuy không đề cập trực tiếp đến khái niệm kiểm soát quyền lực theo nghĩa hiện đại, nhưng đã chứa đựng nhiều quan điểm có giá trị sâu sắc về vấn đề này thông qua yêu cầu kiểm tra, giám sát thường xuyên đối với cán bộ, đảng viên; thực hành dân chủ; phát huy vai trò giám sát của nhân dân; đề cao trách nhiệm nêu gương và kiên quyết chống lạm quyền, đặc quyền, đặc lợi. Tuy nhiên, việc vận dụng những quan điểm đó vào thực tiễn vẫn còn những hạn chế nhất định. Một số cơ chế kiểm soát quyền lực chưa thực sự đồng bộ; việc phân định quyền hạn, trách nhiệm trong một số lĩnh vực còn chưa rõ ràng; cơ chế giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, báo chí và các tổ chức xã hội ở một số nơi hiệu quả chưa cao. Trong khi đó, sự phát triển của kinh tế thị trường, quá trình hội nhập quốc tế và những tác động từ lợi ích nhóm đã làm cho nguy cơ tha hóa quyền lực ngày càng trở nên phức tạp hơn.

Từ thực tiễn đó đặt ra yêu cầu phải tiếp tục nghiên cứu, làm rõ hơn nội dung và phương thức vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm tra, giám sát, thực hành

dân chủ và phát huy vai trò của nhân dân trong kiểm soát quyền lực. Đồng thời, cần xây dựng và hoàn thiện các cơ chế kiểm soát quyền lực đồng bộ, hiệu quả, bảo đảm quyền lực được ràng buộc bằng trách nhiệm, được giám sát bằng cơ chế và được kiểm tra bằng pháp luật, đây cũng là điều kiện quan trọng để ngăn ngừa sự tha hóa quyền lực, nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng và xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bảy là, hiệu lực phát huy vai trò giám sát xã hội trong phòng, chống tham nhũng chưa đạt kỳ vọng.

Mặc dù đã có cơ sở pháp lý để phát huy vai trò của nhân dân và các tổ chức xã hội, song hiệu quả thực tế còn hạn chế. Tâm lý e ngại, thiếu cơ chế bảo vệ người tố cáo và khó khăn trong tiếp cận thông tin làm giảm động lực tham gia giám sát. Hoạt động phản biện xã hội ở một số nơi còn mang tính hình thức, chưa tạo được sức ép đủ mạnh đối với bộ máy công quyền. Các kênh tiếp nhận thông tin chưa thật sự thuận tiện và hiệu quả làm cho tiềm năng giám sát xã hội chưa được khai thác đầy đủ, vì vậy cần phải hoàn thiện cơ chế bảo vệ người tham gia giám sát và tố cáo. Cũng cần mở rộng không gian minh bạch và nâng cao trách nhiệm phản hồi của cơ quan công quyền, đưa giám sát xã hội phải trở thành một thành tố hữu cơ của cơ chế kiểm soát quyền lực.

Tám là, yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ gắn với kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ vẫn là vấn đề có tính nền tảng.

Đội ngũ cán bộ giữ vai trò quyết định trong hiệu quả phòng, chống tham nhũng, song vẫn tồn tại những hạn chế về phẩm chất và năng lực ở một bộ phận. Kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ chưa thật sự chặt chẽ ở tất cả các khâu, đặc biệt trong đánh giá và bổ nhiệm, tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống vẫn chưa được khắc phục triệt để. Áp lực lợi ích vật chất trong nền kinh tế thị trường làm gia tăng nguy cơ tha hóa quyền lực, điều này cho thấy việc xây dựng đội ngũ “vừa hồng, vừa chuyên” vẫn là nhiệm vụ lâu dài và phức tạp. Vì thế, cần phải hoàn thiện cơ chế tuyển chọn, đánh giá và kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, gắn chặt đạo đức với trách nhiệm pháp lý và

hiệu quả thực thi nhiệm vụ, chỉ khi đội ngũ cán bộ thực sự liêm chính thì các cơ chế phòng, chống tham nhũng mới phát huy hiệu quả bền vững.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 đã phân tích một cách hệ thống quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam, qua đó làm rõ giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng của Người trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay. Trên cơ sở đó, Đảng và Nhà nước đã từng bước cụ thể hóa thành các chủ trương, chính sách và cơ chế tổ chức thực hiện, gắn công tác phòng, chống tham nhũng với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng và phát triển đất nước. Quá trình vận dụng được triển khai tương đối toàn diện trên các phương diện chủ yếu: nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị; kiện toàn tổ chức bộ máy và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan phòng, chống tham nhũng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức theo chuẩn mực “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”; hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực; phát huy vai trò của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và xã hội. Các nội dung này được thực hiện theo hướng đồng bộ, góp phần từng bước hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn quản trị nhà nước.

Thực tiễn cho thấy, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nhận thức về tính chất nguy hiểm của tham nhũng được nâng lên rõ rệt; phòng, chống tham nhũng trở thành nhiệm vụ chính trị thường xuyên của toàn hệ thống chính trị. Hệ thống thể chế, chính sách, pháp luật ngày càng được hoàn thiện; cơ chế kiểm soát quyền lực từng bước được siết chặt; tổ chức và hoạt động của các cơ quan phòng, chống tham nhũng được kiện toàn theo hướng tập trung, thống nhất. Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng có chuyển biến mạnh mẽ với phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, góp phần củng cố kỷ luật, kỷ cương và niềm tin của Nhân dân. Đồng thời, việc xây dựng đội ngũ cán bộ liêm chính và phát huy vai trò giám sát của xã hội từng bước đạt được những kết quả quan trọng.

Tuy nhiên, quá trình vận dụng vẫn còn những hạn chế nhất định. Nhận thức và việc quán triệt ở một số nơi chưa thật sự sâu sắc, còn khoảng cách giữa chủ trương và

thực tiễn. Hệ thống thể chế pháp luật tuy được hoàn thiện nhưng chưa thật sự đồng bộ, một số cơ chế còn thiếu tính khả thi. Tổ chức thực hiện ở một số cấp còn hình thức; cơ chế kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình chưa thật chặt chẽ; vai trò giám sát của Nhân dân và xã hội chưa được phát huy đầy đủ, những hạn chế này phản ánh tính chất phức tạp, lâu dài của công tác phòng, chống tham nhũng. Từ thực tiễn đó, chương đã chỉ ra một số vấn đề đặt ra có ý nghĩa định hướng: yêu cầu thu hẹp khoảng cách giữa tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn vận dụng; tiếp tục phát triển, cụ thể hóa tư tưởng của Người phù hợp với bối cảnh kinh tế thị trường, hội nhập và chuyển đổi số; hoàn thiện thể chế theo hướng đồng bộ, thực chất; đổi mới công tác giáo dục, xây dựng văn hóa liêm chính và phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát của xã hội.

Nhìn chung, chương 3 đã làm rõ thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam, từ thành tựu, hạn chế đến những vấn đề đặt ra, tạo cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới.

Chương 4:

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM

4.1. Bối cảnh và yêu cầu mới đặt ra trong việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới

4.1.1. Dự báo yếu tố quốc tế và trong nước tác động đến việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới

4.1.1.1. Bối cảnh quốc tế

Bối cảnh quốc tế đang có những biến động sâu sắc, tác động trực tiếp và nhiều chiều đến công tác phòng, chống tham nhũng ở các quốc gia, trong đó có Việt Nam, những biến động này vừa tạo ra cơ hội thuận lợi để nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, vừa đặt ra những yêu cầu mới đối với việc vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng.

Thứ nhất, sự biến động nhanh chóng và khó dự báo của tình hình thế giới đang làm gia tăng tính bất định của môi trường phát triển, bối cảnh đó đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với năng lực quản trị quốc gia và kiểm soát quyền lực. Những năm gần đây, cục diện quốc tế có xu hướng chuyển từ trạng thái hợp tác tương đối sang cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các nước lớn trên nhiều phương diện như kinh tế, công nghệ, năng lượng và ảnh hưởng địa chính trị, xung đột khu vực kéo dài, các biện pháp trừng phạt kinh tế, xu hướng bảo hộ thương mại và sự đứt gãy cục bộ của chuỗi cung ứng toàn cầu đã làm gia tăng rủi ro đối với các nền kinh tế mở, các quốc gia đang phát triển phải đồng thời xử lý hai nhiệm vụ: tận dụng cơ hội từ sự dịch chuyển dòng vốn và kiểm soát chặt chẽ các rủi ro trong quá trình thu hút đầu tư, triển khai dự án và quản lý nguồn lực. Khi quy mô các dự án hợp tác quốc tế ngày càng lớn và cơ chế tài chính ngày càng phức tạp, nguy cơ phát sinh tham nhũng trong quá trình phê duyệt, cấp phép, ưu đãi đầu tư hoặc giám sát thực hiện có xu hướng gia tăng. Từ góc độ lý luận, thực tiễn này cho thấy việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh cần được đặt trong điều kiện hội nhập sâu rộng, trong đó yêu cầu kiểm soát quyền lực phải gắn với minh bạch hóa quy trình ra quyết định,

bảo đảm lợi ích quốc gia dân tộc và lợi ích của nhân dân trong mọi hoạt động hợp tác quốc tế.

Thứ hai, xu thế toàn cầu hóa gắn với việc hình thành các chuẩn mực quản trị hiện đại đang tạo ra áp lực cải cách thể chế theo hướng công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình cao hơn. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (ĐỐI tác Xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU, ...) không chỉ điều chỉnh quan hệ thương mại mà còn bao hàm các cam kết về minh bạch hóa chính sách, phòng, chống tham nhũng trong khu vực công, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng và kiểm soát xung đột lợi ích, các bảng xếp hạng quốc tế về môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh, hiệu quả quản trị và kiểm soát tham nhũng ngày càng có tác động trực tiếp đến uy tín quốc gia và khả năng thu hút đầu tư. Xu thế thay đổi của thời đại khẳng định phòng, chống tham nhũng không còn là vấn đề nội bộ thuần túy mà trở thành một tiêu chí phản ánh chất lượng thể chế phát triển, càng cấp thiết đòi hỏi việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh phải được triển khai theo hướng gắn xây dựng Nhà nước liêm chính với nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, bảo đảm rằng các cải cách thể chế không chỉ đáp ứng yêu cầu hội nhập mà còn thực sự phục vụ nhân dân, lấy sự hài lòng và niềm tin xã hội làm thước đo quan trọng.

Thứ ba, sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang làm thay đổi sâu sắc phương thức quản trị nhà nước, đồng thời làm biến đổi bản chất và công cụ thực hiện hành vi tham nhũng. Trong môi trường số, dữ liệu trở thành nguồn lực quan trọng, còn hệ thống thông tin đóng vai trò trung tâm trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công, ứng dụng công nghệ số có thể làm giảm đáng kể sự can thiệp tùy tiện của con người, tăng khả năng truy vết và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động công vụ. Tuy nhiên, khi quyền kiểm soát dữ liệu và hệ thống thông tin tập trung vào một số chủ thể mà thiếu cơ chế giám sát độc lập, nguy cơ lạm dụng quyền lực trong thao túng dữ liệu, che giấu thông tin hoặc trục lợi từ các dự án công nghệ có thể xuất hiện, các dạng sai phạm trong môi trường số thường khó phát hiện bằng các phương thức kiểm tra truyền thống và có khả năng gây thiệt hại trên phạm vi rộng. Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu phải vận dụng

tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng kết hợp kiểm soát quyền lực bằng pháp luật, đạo đức công vụ và các công cụ công nghệ, bảo đảm mọi quyền lực, dù trong không gian vật lý hay không gian số, đều được kiểm soát hiệu quả.

Thứ tư, Công ước Liên Hợp Quốc phòng, chống tham nhũng khẳng định tính chất xuyên quốc gia của tham nhũng ngày càng rõ nét, khiến hợp tác quốc tế trở thành một nội dung quan trọng trong chiến lược phòng, chống tham nhũng của mỗi quốc gia. Nhiều vụ án có dấu hiệu chuyển tài sản tham nhũng ra nước ngoài, sử dụng các cấu trúc tài chính phức tạp hoặc lợi dụng khoảng trống pháp lý giữa các hệ thống luật khác nhau đã làm gia tăng khó khăn trong công tác phát hiện, điều tra và thu hồi tài sản. Hoạt động phòng, chống tham nhũng vì vậy không thể chỉ dựa vào nỗ lực đơn phương mà cần có cơ chế phối hợp hiệu quả trong tương trợ tư pháp, chia sẻ thông tin tài chính và thực thi pháp luật quốc tế, điều này đặt ra yêu cầu gắn kết hệ thống pháp luật trong nước với thông lệ quốc tế, đồng thời nâng cao năng lực chuyên môn của các cơ quan chức năng. Ở góc độ lý luận, yêu cầu mới này càng khẳng định giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng ngừa từ sớm, từ xa, về quản lý chặt chẽ tài sản công và đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi quyền lực.

Thứ năm, quan điểm phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu đã khẳng định rằng mức độ minh bạch và kiểm soát tham nhũng là yếu tố quyết định hiệu quả phát triển dài hạn của mỗi quốc gia, những quốc gia duy trì được hệ thống quản trị liêm chính, trách nhiệm giải trình rõ ràng và sự tham gia tích cực của xã hội thường có tốc độ tăng trưởng ổn định, khả năng chống chịu tốt trước các cú sốc kinh tế và mức độ bất bình đẳng thấp hơn; ngược lại, tham nhũng kéo dài sẽ làm méo mó phân bổ nguồn lực, gia tăng chi phí xã hội và làm suy giảm niềm tin của người dân đối với nhà nước. Nhận thức đó có sự tương đồng sâu sắc với tư tưởng Hồ Chí Minh khi Người nhiều lần nhấn mạnh rằng tham nhũng không chỉ gây thiệt hại vật chất mà còn làm tổn hại mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân. Vì vậy, trong điều kiện hiện nay, việc vận dụng tư tưởng của Người cần hướng tới xây dựng văn hóa liêm chính và cơ chế giám sát xã hội như nền tảng bền vững của công cuộc phòng, chống tham nhũng.

4.1.1.2. Bối cảnh trong nước

Trong bối cảnh mới của công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và phát triển đất nước theo định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn 2045, yêu cầu đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng không chỉ xuất phát từ những thách thức thực tiễn mà còn được đặt ra như một yêu cầu có tính chiến lược đối với sự tồn vong của Đảng và chế độ. Quan điểm này được thể hiện nhất quán trong các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó nhấn mạnh rằng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài, phải được tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục và không ngừng nghỉ. Đặc biệt, trong nhiều phát biểu và chỉ đạo quan trọng, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng phải được thực hiện với tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai”, đồng thời nhấn mạnh đây là cuộc đấu tranh “rất khó khăn, phức tạp, lâu dài, nhưng là việc làm cần thiết, tất yếu, không thể không làm”, những định hướng này không chỉ thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ mà còn phản ánh sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện Đảng cầm quyền và quản trị quốc gia hiện đại [182, tr.25].

Thứ nhất, yêu cầu tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng như một nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển với mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và tầm nhìn đến năm 2045 trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao, vấn đề bảo đảm sự trong sạch, vững mạnh của Đảng và hệ thống chính trị được đặt ra với ý nghĩa có tính quyết định, các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam đều khẳng định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài, gắn chặt với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, điều này phản ánh nhận thức ngày càng sâu sắc rằng tham nhũng không chỉ gây thiệt hại về kinh tế mà còn trực tiếp làm suy giảm năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, làm xói mòn niềm tin của nhân dân và đe dọa nền tảng chính trị - xã hội của chế độ. Tinh thần chỉ đạo này được thể hiện nhất quán trong cuộc đấu tranh

phòng, chống tham nhũng phải được tiến hành với quyết tâm chính trị rất cao, “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai”, đồng thời nhấn mạnh đây là cuộc đấu tranh “rất khó khăn, phức tạp, lâu dài nhưng là việc làm cần thiết, tất yếu, không thể không làm”, những quan điểm đó không chỉ thể hiện quyết tâm chính trị mà còn phản ánh sự vận dụng sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, liêm chính, gắn trách nhiệm cầm quyền với trách nhiệm tự đổi mới, tự chỉnh đốn.

Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã cảnh báo tính chất nguy hiểm của tham ô, lãng phí, quan liêu đối với sự tồn tại của chế độ. Người chỉ rõ: “Tham ô, lãng phí, quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của Chính phủ” [122, tr.XI], không chỉ dừng lại ở việc phê phán, Người còn đặt vấn đề ở tầm chiến lược khi khẳng định rằng nếu một đảng cầm quyền không thường xuyên tự sửa chữa khuyết điểm thì sẽ mất sức sống. Người nhấn mạnh: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng... Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm, tìm cách sửa chữa, như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chân chính” [120, tr.X], tư tưởng này chính là nền tảng lý luận cho chủ trương hiện nay về tăng cường kỷ luật, kỷ cương, xử lý nghiêm minh cán bộ vi phạm, coi đó là điều kiện để củng cố niềm tin xã hội và nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng. Trong điều kiện phát triển mới với quy mô nền kinh tế lớn hơn, nguồn lực công ngày càng gia tăng, quan hệ lợi ích trở nên đa dạng và phức tạp, nguy cơ tha hóa quyền lực nếu thiếu cơ chế kiểm soát hiệu quả là hiện hữu. Vì vậy, việc Đảng nhấn mạnh yêu cầu kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng từ sớm, từ xa không chỉ mang ý nghĩa xử lý các hành vi vi phạm mà còn hướng tới mục tiêu căn bản là xây dựng một Đảng cầm quyền liêm chính, một nền quản trị quốc gia trong sạch, hiệu lực, hiệu quả, đây chính là sự kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền và quản trị quốc gia hiện đại.

Thứ hai, yêu cầu hoàn thiện thể chế kiểm soát quyền lực và xây dựng nền quản trị liêm chính trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, chuyển đổi số và hội nhập sâu rộng. Quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa, mở rộng hội nhập quốc tế và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia đã làm thay đổi sâu sắc phương thức quản trị nhà nước cũng như cấu trúc các quan hệ lợi ích trong xã hội, quy mô đầu tư công lớn, thị trường tài chính - bất động sản phát triển nhanh, các hoạt động đấu thầu, cổ phần hóa, quản lý đất đai, tài sản công ngày càng phức tạp đã làm gia tăng nguy cơ phát sinh tham nhũng với tính chất tinh vi, có tổ chức, thậm chí có yếu tố xuyên biên giới, tình thế đó đặt ra yêu cầu phòng, chống tham nhũng không chỉ là xử lý vi phạm mà phải được đặt trong tổng thể xây dựng cơ chế phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và quản trị minh bạch. Song song với những thách thức đó, yêu cầu triển khai chiến lược chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số đã mở ra những điều kiện quan trọng để nâng cao tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ, số hóa quy trình quản lý, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước góp phần giảm tiếp xúc trực tiếp, hạn chế cơ hội phát sinh nhũng nhiễu, đồng thời tạo điều kiện để xã hội giám sát hiệu quả hơn. Tuy nhiên, sự phát triển của môi trường số cũng đặt ra những rủi ro mới như thao túng dữ liệu, lợi dụng khoảng trống pháp lý trong quản trị công nghệ, đòi hỏi phải hoàn thiện đồng bộ thể chế và cơ chế kiểm soát quyền lực trong không gian quản trị số, những yêu cầu này có sự tương đồng sâu sắc với tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp giữa giáo dục đạo đức với thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát.

Thứ ba, sự phát triển nhanh của kinh tế - xã hội và mở rộng quan hệ lợi ích làm xuất hiện những nguy cơ tham nhũng mới với quy mô lớn hơn, tính chất phức tạp và tinh vi hơn, nền kinh tế Việt Nam đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với mở rộng hội nhập quốc tế sâu rộng và tham gia ngày càng sâu vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Quy mô nền kinh tế tăng nhanh, nguồn lực công dành cho đầu tư phát triển ngày càng lớn, các thị trường tài chính, bất động sản, chứng khoán, tín dụng và dịch vụ công mở rộng cả về phạm vi và mức độ phức tạp, những chuyển động tích cực này tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng và nâng cao đời sống xã hội, song đồng thời cũng làm gia tăng đáng kể không gian phát sinh tham nhũng nếu cơ chế quản lý và kiểm soát quyền lực không

theo kịp yêu cầu thực tiễn. Công cuộc đấu tranh phòng, chống thời gian qua cho thấy tham nhũng có xu hướng chuyển từ các hành vi cá nhân, nhỏ lẻ sang các dạng thức cấu kết lợi ích nhóm, thao túng chính sách, trục lợi trong quản lý đất đai, tài nguyên, đầu tư công, đấu thầu, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, quản lý tài chính - ngân hàng, một số vụ việc cho thấy nguy cơ tham nhũng không chỉ xảy ra ở khâu thực thi mà còn có thể nảy sinh ngay trong quá trình xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách, điều đó phản ánh sự chuyển hóa của tham nhũng từ dạng “tham nhũng vật” sang tham nhũng có tổ chức, tham nhũng chính sách, tham nhũng mang tính hệ thống với hậu quả nghiêm trọng hơn đối với nền kinh tế và trật tự quản trị quốc gia. Bối cảnh đó yêu cầu công tác phòng, chống tham nhũng không chỉ là tăng cường xử lý vi phạm mà phải chuyển mạnh sang phòng ngừa từ sớm, từ xa; kiểm soát quyền lực trong toàn bộ chu trình quản lý, từ hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực đến tổ chức thực hiện và giám sát, yêu cầu này có sự tương đồng sâu sắc với tư tưởng của Hồ Chí Minh khi Người chỉ rõ rằng tham ô, lãng phí không chỉ là vấn đề đạo đức cá nhân mà còn gắn với cơ chế quản lý và việc kiểm soát quyền lực. Như vậy, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh cần được thực hiện theo hướng kết hợp giữa xây dựng đạo đức công vụ với hoàn thiện thể chế quản trị rủi ro tham nhũng, bảo đảm quyền lực được kiểm soát thực chất trong toàn bộ quá trình quản lý phát triển.

Thứ tư, quá trình chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ điện tử và tiến tới Chính phủ số đặt ra yêu cầu mới về minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực. Trong những năm gần đây, Việt Nam đã triển khai mạnh mẽ chương trình chuyển đổi số quốc gia với mục tiêu xây dựng nền hành chính hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, công khai và minh bạch, phát triển hạ tầng số, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, mở rộng dịch vụ công trực tuyến, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước đang từng bước làm thay đổi phương thức quản lý truyền thống, giảm sự phụ thuộc vào thủ tục hành chính trực tiếp, qua đó hạn chế cơ hội phát sinh tiêu cực, những nhiễu loạn trong quá trình giải quyết công việc cho người dân và doanh nghiệp. Chuyển đổi số cũng tạo điều kiện quan trọng để nâng cao tính

minh bạch trong quản lý ngân sách, đầu tư công, đấu thầu, quản lý đất đai, tài sản công; đồng thời mở rộng khả năng giám sát của xã hội thông qua việc công khai thông tin trên môi trường số, những thay đổi này phù hợp với yêu cầu xây dựng nền quản trị hiện đại theo hướng công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, đây là những nguyên tắc cốt lõi trong phòng, chống tham nhũng theo chuẩn mực quản trị tiên tiến. Tuy nhiên, cùng với những cơ hội đó, môi trường số cũng đặt ra những thách thức mới như nguy cơ lợi dụng công nghệ để che giấu hành vi vi phạm, thao túng dữ liệu, trục lợi trong các dự án công nghệ thông tin, hoặc phát sinh những dạng thức tham nhũng mới liên quan đến quản trị dữ liệu và an ninh thông tin, vì vậy quá trình chuyển đổi số phải đi đôi với hoàn thiện thể chế pháp lý, tăng cường kiểm tra, giám sát và bảo đảm trách nhiệm giải trình trong toàn bộ hệ thống quản trị số. Những yêu cầu nêu trên có sự tương đồng sâu sắc với tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng một nền hành chính công khai, minh bạch, phục vụ nhân dân, Người từng nhấn mạnh: “Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh” [119, tr.9], đồng thời yêu cầu cán bộ, cơ quan nhà nước phải thực hiện công khai, dân chủ, để nhân dân biết, nhân dân bàn và nhân dân kiểm tra và chuyển đổi số chính là công cụ quan trọng để hiện thực hóa những nguyên tắc đó trong thực tiễn quản trị hiện đại.

4.1.2. Những yêu cầu đối với việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới

4.1.2.1. Đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối, hiệu quả của Đảng Cộng sản Việt Nam trong phòng, chống tham nhũng

Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, việc bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện và hiệu quả của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng không chỉ là yêu cầu mang tính nguyên tắc của hệ thống chính trị, mà còn là điều kiện có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn. Tư tưởng của Người khẳng định rõ: tham nhũng, lãng phí, quan liêu là “giặc nội xâm”, có thể làm suy yếu Đảng, xa rời nhân dân và đe dọa sự tồn vong của chế độ. Do đó, phòng, chống tham nhũng trước hết là nhiệm vụ tự chỉnh đốn

của Đảng, là quá trình thường xuyên tự đổi mới, tự làm trong sạch đội ngũ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, khi nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển, quan hệ lợi ích ngày càng đa dạng và phức tạp, thì yêu cầu giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng càng trở nên cấp thiết, nhằm bảo đảm định hướng chính trị đúng đắn, sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn hệ thống chính trị.

Một yêu cầu quan trọng đặt ra là phải nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng theo hướng không chỉ dừng lại ở việc ban hành chủ trương, nghị quyết, mà phải chú trọng khâu tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả trên thực tế. Thực tiễn thì khoảng cách giữa quyết tâm chính trị ở Trung ương với năng lực triển khai ở một số địa phương, cơ sở vẫn còn tồn tại, biểu hiện ở tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm hoặc xử lý chưa kịp thời, thiếu kiên quyết, điều này đòi hỏi sự lãnh đạo của Đảng phải được cụ thể hóa bằng cơ chế phân công rõ trách nhiệm, tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên, gắn trách nhiệm chính trị của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu với kết quả phòng, chống tham nhũng tại địa phương, cơ quan, đơn vị. Chỉ khi vai trò lãnh đạo được thực thi bằng các công cụ kiểm soát quyền lực hiệu quả thì mới khắc phục được tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, bảo đảm tính thống nhất và xuyên suốt trong toàn hệ thống.

Bên cạnh đó, yêu cầu bảo đảm sự lãnh đạo hiệu quả của Đảng còn gắn chặt với việc phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền” [116, tr.284]; vì vậy, hiệu quả phòng, chống tham nhũng phụ thuộc rất lớn vào sự gương mẫu về đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm và ý thức liêm chính của đội ngũ cán bộ, thời gian tới cần tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, phòng, chống chạy chức, chạy quyền; đồng thời xác lập cơ chế trách nhiệm rõ ràng đối với người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi quản lý, đây chính là sự cụ thể hóa quan điểm của Hồ Chí Minh về việc “trị bệnh từ

gốc”, lấy xây dựng Đảng về đạo đức làm nền tảng cho phòng, chống tham nhũng bền vững.

Một nội dung có ý nghĩa chiến lược khác là tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo bằng đường lối, chủ trương với lãnh đạo thông qua thể chế pháp luật và cơ chế kiểm soát quyền lực. Sự lãnh đạo của Đảng phải bảo đảm vừa giữ vai trò định hướng chính trị, vừa phát huy tính chủ động, trách nhiệm và tính chuyên nghiệp của các cơ quan nhà nước trong thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, cũng cần tăng cường sự phối hợp giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật, tạo thành cơ chế giám sát nhiều tầng, nhiều kênh, bảo đảm mọi quyền lực đều được kiểm soát chặt chẽ, cách tiếp cận này phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh về việc kết hợp giữa giáo dục, phòng ngừa với kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm minh để tạo sức răn đe và phòng ngừa hiệu quả. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, chuyển đổi số và sự phát triển nhanh của các mô hình kinh tế mới, các phương thức tham nhũng có xu hướng chuyển từ trực tiếp sang gián tiếp, từ đơn lẻ sang có tổ chức, gắn với lợi ích nhóm và xuyên quốc gia, điều đó đặt ra yêu cầu đổi mới sự lãnh đạo của Đảng không chỉ ở tính kiên quyết về chính trị mà còn ở năng lực dự báo chiến lược, khả năng nhận diện sớm các nguy cơ, lĩnh vực rủi ro cao để chủ động hoàn thiện thể chế và cơ chế phòng ngừa. Sự lãnh đạo hiệu quả trong giai đoạn mới vì vậy phải gắn với tư duy quản trị hiện đại, ứng dụng công nghệ trong quản lý, minh bạch hóa hoạt động công vụ, đồng thời mở rộng sự tham gia giám sát của xã hội, qua đó thực hiện quan điểm của Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng “từ sớm, từ xa, từ khi chưa xảy ra”.

Từ những phân tích trên có thể thấy, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối và hiệu quả của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng không chỉ là yêu cầu chính trị mang tính nguyên tắc mà còn là giải pháp có ý nghĩa nền tảng đối với việc nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn tới. Khi vai trò lãnh đạo của Đảng được thực hiện một cách thống nhất, quyết liệt, gắn với kiểm soát quyền lực, nêu gương đạo đức và trách nhiệm giải trình, công tác phòng, chống

tham nhũng sẽ có cơ sở vững chắc để đạt hiệu quả bền vững, qua đó củng cố niềm tin của nhân dân, tăng cường tính chính danh của Đảng và bảo đảm sự phát triển ổn định, lâu dài của đất nước.

4.1.2.2. Yêu cầu về xây dựng Nhà nước pháp quyền liêm chính, minh bạch, giải trình

Tiến trình phát triển đất nước theo định hướng hiện đại và hội nhập sâu rộng, việc củng cố nền tảng pháp quyền gắn với các giá trị liêm chính, công khai và trách nhiệm trước xã hội trở thành một đòi hỏi có tính tất yếu. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng một nhà nước “của dân, do dân, vì dân” không chỉ khẳng định bản chất dân chủ của quyền lực nhà nước mà còn đặt ra yêu cầu quyền lực đó phải được thực thi trong khuôn khổ pháp luật, chịu sự kiểm soát và hướng tới phục vụ lợi ích chung. Khi quy mô quản lý ngày càng mở rộng, quan hệ lợi ích ngày càng đa dạng và phức tạp, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền liêm chính chính là phương thức căn bản để phòng, chống tham nhũng một cách bền vững, đồng thời tạo dựng niềm tin xã hội và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia.

Một yêu cầu quan trọng trước hết là tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng đồng bộ, minh bạch và có tính khả thi cao, bảo đảm mọi hoạt động quản lý nhà nước đều được điều chỉnh bằng những quy định rõ ràng, ổn định và dễ thực hiện. Hiện nay, vẫn còn nhiều khoảng trống pháp lý, sự chòng chéo giữa các văn bản hoặc quy định thiếu cụ thể thường tạo ra không gian cho việc vận dụng tùy tiện, thậm chí bị lợi dụng để trục lợi. Vì vậy, cần chú trọng hoàn thiện pháp luật trong các lĩnh vực nhạy cảm như quản lý đất đai, đầu tư công, tài sản công, đấu thầu, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đồng thời tăng cường các quy định về kiểm soát xung đột lợi ích và xử lý tài sản, thu nhập bất minh. Bên cạnh đó, quy trình xây dựng chính sách cần được công khai hơn, gắn với đánh giá tác động đầy đủ và mở rộng sự tham gia phản biện của xã hội, qua đó hạn chế nguy cơ hình thành cơ chế “lợi ích nhóm” ngay từ khâu hoạch định thể chế.

Song song với việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, phải bảo đảm tính công khai trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải được thực hiện một cách thực

chất và có chiều sâu, công khai không chỉ dừng lại ở hình thức công bố thông tin theo quy định, mà phải bảo đảm người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội có thể tiếp cận thông tin một cách kịp thời, thuận tiện và đầy đủ, đặc biệt đối với những lĩnh vực có nguy cơ phát sinh tham nhũng cao như ngân sách, quy hoạch, đầu tư, quản lý tài nguyên, công tác cán bộ. Khi các quyết định quản lý được đặt dưới ánh sáng của công luận, không gian cho các hành vi tùy tiện, vụ lợi sẽ bị thu hẹp đáng kể, đồng thời tạo điều kiện để xã hội tham gia giám sát quyền lực một cách hiệu quả, đây cũng là sự vận dụng tinh thần dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh, coi minh bạch là điều kiện để nhân dân thực hiện quyền làm chủ và kiểm tra hoạt động của bộ máy công quyền. Một phương diện khác cần được đặc biệt coi trọng là thiết lập và vận hành hiệu quả cơ chế trách nhiệm giải trình trong khu vực công, giải trình không chỉ là yêu cầu mang tính thủ tục hành chính, mà phải trở thành một chuẩn mực quản trị, trong đó mỗi quyết định công vụ đều gắn với trách nhiệm cá nhân cụ thể và phải sẵn sàng được kiểm tra, đánh giá đòi hỏi phải xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng vị trí công tác; tăng cường các công cụ giám sát như thanh tra, kiểm toán, giám sát của cơ quan dân cử và phản hồi của người dân; đồng thời xử lý nghiêm những trường hợp né tránh, đùn đẩy hoặc thiếu trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, xác lập rõ ràng và gắn chặt với kết quả công việc, kỷ luật hành chính sẽ được tăng cường, góp phần hạn chế tình trạng lạm quyền hoặc buông lỏng quản lý, những yếu tố tiềm ẩn nguy cơ tham nhũng.

Trong điều kiện chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, ứng dụng công nghệ vào quản lý nhà nước cũng trở thành một yêu cầu quan trọng nhằm củng cố tính minh bạch và khả năng kiểm soát quyền lực. Phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số, mở rộng dịch vụ công trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung không chỉ giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính, mà còn giảm sự tiếp xúc trực tiếp giữa người dân với cán bộ thực thi công vụ, môi trường dễ phát sinh tiêu cực. Đồng thời, quá trình số hóa tạo ra hệ thống dữ liệu và dấu vết điện tử trong xử lý công việc, giúp nâng cao khả năng kiểm tra, giám sát và phát hiện những dấu hiệu bất thường trong quản lý tài chính, tài sản công hoặc trong kiểm soát tài sản, thu nhập

của cán bộ, công chức. Đặt trọng tâm xây dựng Nhà nước pháp quyền theo định hướng liêm chính, công khai và trách nhiệm không chỉ là yêu cầu của tiến trình cải cách thể chế, mà còn là điều kiện mang tính nền tảng để nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phòng, chống tham nhũng, khi quyền lực được ràng buộc bằng pháp luật, hoạt động quản lý được đặt dưới sự giám sát của xã hội và trách nhiệm cá nhân được xác định rõ ràng, thì cơ hội phát sinh tham nhũng sẽ từng bước bị thu hẹp, góp phần hình thành một nền hành chính phục vụ, kỷ cương và hướng tới lợi ích của nhân dân.

4.1.2.3. Yêu cầu gắn vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh với xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hội nhập

Việt Nam đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, yêu cầu đặt ra đối với công tác phòng, chống tham nhũng không chỉ dừng lại ở việc hoàn thiện các biện pháp kiểm soát truyền thống mà phải gắn chặt với quá trình xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực và hiệu quả. Sự phát triển của nền kinh tế thị trường, quá trình phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cùng với sự gia tăng các quan hệ lợi ích phức tạp đã làm cho nguy cơ tham nhũng không chỉ tồn tại trong khu vực công mà còn mở rộng sang mối quan hệ giữa Nhà nước với doanh nghiệp và thị trường. Trong điều kiện đó, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh cần được thực hiện theo hướng chuyển hóa các giá trị cốt lõi như liêm chính, trách nhiệm, gần dân, vì dân thành những nguyên tắc vận hành của hệ thống quản trị hiện đại, điều này đòi hỏi phải đổi mới phương thức quản lý nhà nước từ mô hình hành chính truyền thống sang mô hình quản trị công theo hướng kiến tạo phát triển và phục vụ xã hội, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ công và mức độ hài lòng xã hội như những tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy. Khi hoạt động công vụ được vận hành trên cơ sở minh bạch, có thể đo lường và chịu sự giám sát thường xuyên, không gian cho các hành vi lạm dụng quyền lực vì lợi ích cá nhân sẽ từng bước bị thu hẹp, đây là sự kết hợp giữa nền tảng đạo đức công vụ theo tư tưởng Hồ Chí Minh với các nguyên tắc quản trị hiện đại dựa trên hiệu quả, công khai và trách nhiệm giải trình.

Cùng với đó, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh cần gắn chặt với quá trình chuyển đổi số quốc gia và hội nhập quản trị toàn cầu, coi đây là giải pháp mang tính cấu trúc để phòng, chống tham nhũng từ sớm, từ xa. Số hóa quy trình quản lý, phát triển Chính phủ số, xây dựng hệ thống dữ liệu liên thông và cung cấp dịch vụ công trực tuyến sẽ góp phần giảm tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ với người dân, hạn chế cơ hội phát sinh tiêu cực, đồng thời nâng cao khả năng giám sát, phát hiện sớm những dấu hiệu bất thường trong quản lý tài chính, tài sản và hoạt động công vụ. Bên cạnh đó, nền quản trị hiện đại đòi hỏi phải mở rộng công khai thông tin trong các lĩnh vực nhạy cảm như ngân sách, đầu tư công, đất đai, đấu thầu và quản lý tài sản công, qua đó tạo điều kiện để xã hội tham gia giám sát quyền lực một cách thực chất. Bước vào kỷ nguyên hội nhập, thực hiện các cam kết quốc tế về minh bạch, phòng, chống tham nhũng, nâng cao chuẩn mực quản trị công và tăng cường hợp tác quốc tế trong truy tìm, thu hồi tài sản tham nhũng cũng trở thành yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao uy tín quốc gia và tạo môi trường phát triển bền vững. Như vậy, gắn vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh với xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại và hội nhập không chỉ là yêu cầu về mặt kỹ thuật quản lý, mà còn là quá trình thể chế hóa các giá trị đạo đức cách mạng bằng hệ thống thiết chế, công nghệ và cơ chế kiểm soát quyền lực tiên tiến, tạo nền tảng để nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng trong điều kiện phát triển mới.

4.1.2.4. Yêu cầu đảm bảo nguyên tắc lịch sử - cụ thể trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong thời gian tới

Đảm bảo nguyên tắc lịch sử - cụ thể trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng trong giai đoạn tới không chỉ mang ý nghĩa phương pháp luận mà còn là yêu cầu thực tiễn có tính quyết định đối với hiệu quả của công tác này. Tư tưởng của Người về chống tham ô, lãng phí, quan liêu được hình thành trong bối cảnh xây dựng chính quyền cách mạng, khi bộ máy nhà nước còn gọn nhẹ, quan hệ kinh tế - xã hội chưa phức tạp và nguy cơ tham nhũng chủ yếu gắn với sự suy thoái đạo đức cá nhân của cán bộ, công chức. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với quy mô quản

lý ngày càng lớn, sự phân công, phân cấp quyền lực sâu rộng, các quan hệ lợi ích đa dạng và sự tham gia của nhiều chủ thể trong và ngoài khu vực công, quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, sự phát triển mạnh mẽ của khu vực tư nhân, dòng vốn đầu tư lớn và sự mở rộng các lĩnh vực quản lý công đã làm gia tăng nguy cơ phát sinh tham nhũng dưới những hình thức mới, phức tạp hơn, thậm chí có yếu tố xuyên quốc gia. Trong bối cảnh đó, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh không thể dừng ở việc khẳng định các nguyên tắc chung về đạo đức, liêm chính hay tinh thần phục vụ nhân dân, mà cần được cụ thể hóa thành các thiết chế pháp lý, cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ và các công cụ quản trị hiện đại phù hợp với điều kiện phát triển mới, quán triệt nguyên tắc lịch sử - cụ thể chính là bảo đảm sự thống nhất giữa tính kiên định về mục tiêu xây dựng bộ máy trong sạch, vững mạnh với tính linh hoạt, sáng tạo trong tổ chức thực hiện; tránh cả hai khuynh hướng cực đoan là giáo điều, máy móc hoặc tùy tiện, xa rời nền tảng tư tưởng. Đồng thời, nguyên tắc này cũng góp phần bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc thể chế hóa các quan điểm của Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và phát huy vai trò giám sát của nhân dân thành những quy định, cơ chế cụ thể, khả thi và phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Từ phương diện triển khai thực tiễn, yêu cầu vận dụng nguyên tắc lịch sử - cụ thể đòi hỏi phải nhận diện đầy đủ đặc điểm của từng thời kỳ phát triển, từng cấp quản lý và từng lĩnh vực hoạt động để xác định đúng trọng tâm phòng, chống tham nhũng. Nếu trước đây tham nhũng chủ yếu biểu hiện ở các hành vi vụ lợi cá nhân đơn lẻ, quy mô nhỏ thì hiện nay nguy cơ lớn hơn nằm ở tham nhũng có tổ chức, lợi ích nhóm, “sân sau”, thao túng chính sách hoặc lạm dụng quyền lực trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách công, những lĩnh vực có nguy cơ cao như quản lý đất đai, tài nguyên, đầu tư công, tài chính - ngân sách, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đấu thầu, mua sắm công... đòi hỏi phải có cơ chế kiểm soát đặc thù, kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra nội bộ, giám sát quyền lực, kiểm toán, thanh tra và giám sát xã hội. Ngoài ra, nguyên tắc lịch sử - cụ thể còn đặt ra yêu cầu điều chỉnh

phương thức phòng, chống tham nhũng theo hướng chuyển mạnh từ xử lý sang phòng ngừa, từ phản ứng sang chủ động kiểm soát rủi ro, thông qua việc hoàn thiện thể chế, chuẩn hóa quy trình, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công khai, minh bạch và ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý nhà nước để thu hẹp không gian phát sinh tiêu cực. Đồng thời, cần kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống theo đúng tinh thần Hồ Chí Minh: vừa kiên quyết phát hiện, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm, vừa chú trọng xây dựng văn hóa liêm chính, nâng cao đạo đức công vụ, hoàn thiện cơ chế đánh giá, kiểm soát và ràng buộc trách nhiệm của cán bộ, công chức, gắn kết giữa nền tảng tư tưởng có tính định hướng lâu dài với các giải pháp quản trị phù hợp từng giai đoạn sẽ giúp công tác phòng, chống tham nhũng không chỉ đáp ứng yêu cầu trước mắt mà còn tạo nền tảng bền vững cho việc xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, thích ứng với những biến động nhanh chóng của môi trường phát triển và hội nhập quốc tế.

4.2. Quan điểm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới

Thứ nhất, tiếp tục phát triển nhận thức lý luận về tư tưởng Hồ Chí Minh trong phòng, chống tham nhũng phù hợp với yêu cầu của bối cảnh mới. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng chứa đựng hệ giá trị mang tính nền tảng về kiểm soát quyền lực, đạo đức công vụ và xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, song không phải là hệ thống đóng kín mà luôn gắn với thực tiễn cách mạng và có khả năng tự phát triển. Trong điều kiện hiện nay, khi kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số đang làm biến đổi sâu sắc phương thức vận hành quyền lực công, tham nhũng cũng xuất hiện với những dạng thức mới, phức tạp hơn, khó nhận diện hơn. Điều đó đòi hỏi tư tưởng Hồ Chí Minh cần được tiếp cận như một chỉnh thể mở, trong đó các giá trị cốt lõi tiếp tục được làm sâu sắc thêm thông qua thực tiễn mới. Đặc biệt, những nội dung như cơ chế kiểm soát quyền lực, yêu cầu công khai, minh bạch, cũng như mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật cần được luận giải sâu hơn để tạo cơ sở lý luận vững chắc cho việc thiết kế các mô hình

phòng, chống tham nhũng hiện đại, bảo đảm vừa kế thừa, vừa phát triển phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Thứ hai, khẳng định tính tất yếu của sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng trong điều kiện một đảng cầm quyền. Trong cấu trúc quyền lực chính trị ở Việt Nam, Đảng Cộng sản giữ vai trò lãnh đạo toàn diện, do đó phòng, chống tham nhũng không thể tách rời vai trò này, bởi tham nhũng về bản chất là biểu hiện của sự tha hóa quyền lực nếu không được kiểm soát hiệu quả. Sự lãnh đạo của Đảng vì thế không chỉ mang ý nghĩa định hướng chính trị mà còn là cơ chế bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức và vận hành của toàn bộ hệ thống phòng, chống tham nhũng. Quan điểm này nhấn mạnh yêu cầu tự kiểm soát quyền lực ngay trong nội bộ Đảng, đặc biệt đối với đội ngũ cán bộ giữ vị trí then chốt trong bộ máy nhà nước. Khi cơ chế lãnh đạo gắn chặt với cơ chế tự chỉnh đốn và nêu gương, tính liêm chính của hệ thống chính trị được củng cố từ bên trong, qua đó hạn chế nguy cơ lạm quyền và suy thoái quyền lực, đồng thời tăng cường niềm tin xã hội đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Thứ ba, xác lập phòng, chống tham nhũng như một trụ cột chiến lược trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Phòng, chống tham nhũng không thể được xem như hoạt động mang tính tình huống hay phản ứng ngắn hạn, mà cần được đặt trong tổng thể chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bởi lẽ, chất lượng của nhà nước pháp quyền phụ thuộc trực tiếp vào mức độ liêm chính của bộ máy công quyền và hiệu lực của cơ chế kiểm soát quyền lực. Nếu tham nhũng tồn tại, nó không chỉ gây thất thoát nguồn lực mà còn làm méo mó quá trình hoạch định và thực thi chính sách, từ đó làm suy giảm niềm tin của Nhân dân và phá vỡ tính công bằng của pháp luật. Do đó, phòng, chống tham nhũng cần được nhìn nhận như một cơ chế tự điều chỉnh nội tại của Nhà nước pháp quyền, góp phần bảo đảm sự vận hành minh bạch, ổn định và bền vững của hệ thống chính trị, đồng thời thúc đẩy quá trình hiện đại hóa quản trị quốc gia.

Thứ tư, bảo đảm sự thống nhất giữa tính kiên định về nguyên tắc và tính linh hoạt trong phương thức vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh

mang tính nguyên tắc rõ rệt, đặc biệt trong yêu cầu xây dựng đạo đức công vụ, kiểm soát quyền lực và bảo vệ lợi ích của Nhân dân. Tuy nhiên, thực tiễn phòng, chống tham nhũng lại luôn biến động và xuất hiện nhiều hình thức mới, đòi hỏi sự thích ứng không ngừng của các cơ chế quản lý. Vì vậy, quan điểm này nhấn mạnh sự thống nhất biện chứng giữa hai yếu tố: kiên định về mục tiêu xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, liêm chính; đồng thời linh hoạt trong phương thức tổ chức thực hiện để phù hợp với từng giai đoạn phát triển và từng loại hình tham nhũng cụ thể. Sự linh hoạt không làm suy giảm tính nguyên tắc, mà ngược lại giúp các giá trị tư tưởng được hiện thực hóa hiệu quả hơn trong điều kiện thực tiễn luôn thay đổi, qua đó bảo đảm tính sống động và khả năng thích ứng lâu dài của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ năm, nhận thức sâu sắc mối quan hệ nội tại giữa phòng ngừa và đấu tranh trong phòng, chống tham nhũng theo tinh thần “xây” đi đôi với “chống”. Trong cấu trúc tư tưởng Hồ Chí Minh, phòng, chống tham nhũng được triển khai trên cơ sở sự thống nhất giữa hai phương diện có quan hệ hữu cơ với nhau. Phòng ngừa giữ vai trò định hướng từ gốc, nhằm triệt tiêu các điều kiện làm phát sinh tham nhũng, thông qua việc xây dựng thể chế, đạo đức công vụ và môi trường liêm chính. Trong khi đó, đấu tranh xử lý giữ vai trò bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, thực hiện chức năng răn đe và khẳng định kỷ cương trong xã hội, hai phương diện này không tồn tại tách rời mà chuyển hóa lẫn nhau trong quá trình vận động của thực tiễn. Nếu tuyệt đối hóa phòng ngừa sẽ làm giảm hiệu lực răn đe, còn nếu thiên lệch về xử lý sẽ làm suy yếu tính bền vững của hệ thống, do đó chỉ khi hai yếu tố được vận hành trong một chỉnh thể cân bằng, hiệu quả phòng, chống tham nhũng mới được bảo đảm một cách thực chất và lâu dài.

Thứ sáu, đề cao vai trò chủ thể của Nhân dân trong kiểm soát quyền lực gắn với mở rộng không gian hợp tác trong phòng, chống tham nhũng. Tư tưởng Hồ Chí Minh về “lấy dân làm gốc” không chỉ khẳng định vị trí trung tâm của Nhân dân trong quyền lực nhà nước, mà còn xác lập vai trò chủ thể của Nhân dân trong giám sát và kiểm soát quyền lực công. Khi Nhân dân tham gia vào quá trình giám sát xã hội, các hành vi tham nhũng có điều kiện bị phát hiện sớm hơn, đồng thời tạo áp lực

xã hội thúc đẩy sự liêm chính trong đội ngũ cán bộ, công chức. Xa hơn, sự tham gia này còn góp phần hình thành văn hóa chính trị đề cao minh bạch và trách nhiệm giải trình trong toàn xã hội. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, khi nhiều hành vi tham nhũng mang tính xuyên quốc gia, yêu cầu mở rộng hợp tác quốc tế trở nên tất yếu nhằm tăng cường hiệu quả kiểm soát và xử lý thì sự kết hợp giữa nội lực xã hội trong nước với sự phối hợp quốc tế tạo nên một mạng lưới kiểm soát quyền lực đa tầng, góp phần nâng cao hiệu quả và tính bền vững của công tác phòng, chống tham nhũng.

4.3. Giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam

4.3.1. Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Hoàn thiện pháp luật và bảo đảm thi hành nghiêm minh là trụ cột quan trọng để hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng một nhà nước trong sạch, vững mạnh, “pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ tham ô, lãng phí, quan liêu”. Người luôn nhấn mạnh rằng, chống tham nhũng không thể chỉ dựa vào giáo dục đạo đức mà phải kết hợp chặt chẽ giữa rèn luyện phẩm chất với thiết lập kỷ cương pháp lý nghiêm khắc, bởi nếu kỷ luật lỏng lẻo thì quyền lực rất dễ bị tha hóa. Mặc dù hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam đã từng bước được hoàn thiện, đặc biệt sau khi ban hành Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành; nhiều cơ chế mới về kiểm soát tài sản, thu nhập, kiểm soát xung đột lợi ích, trách nhiệm giải trình và minh bạch hoạt động công vụ đã được thiết lập. Tuy nhiên, hiệu lực thực thi còn chưa đồng đều giữa các cấp, các ngành; một số quy định vẫn mang tính nguyên tắc, thiếu hướng dẫn cụ thể; cơ chế kiểm soát quyền lực ở một số lĩnh vực nhạy cảm chưa đủ chặt chẽ; khoảng cách giữa quyết tâm chính trị ở Trung ương và năng lực tổ chức thực hiện ở cơ sở vẫn tồn tại đã đặt ra yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền và nền quản trị quốc gia hiện đại ngày càng cao, tiếp tục hoàn thiện thể chế gắn với nâng cao năng lực thực thi pháp luật trở thành nhiệm vụ cấp thiết nhằm bảo đảm pháp luật thực sự là công cụ hữu hiệu để kiểm soát quyền lực dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng theo hướng đồng bộ, minh bạch và khắc phục triệt để các kẽ hở thể chế. Tham nhũng thường nảy sinh ở những khu vực mà quy định pháp lý còn chồng chéo, thiếu rõ ràng hoặc trao quyền quyết định quá rộng cho cá nhân mà thiếu cơ chế kiểm soát tương ứng. Vì vậy, yêu cầu đặt ra không chỉ là sửa đổi từng văn bản riêng lẻ mà cần rà soát tổng thể các luật liên quan đến quản lý nhà nước trong những lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, tài nguyên, đầu tư công, quản lý tài sản công, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đấu thầu và mua sắm công... Trọng tâm của quá trình hoàn thiện phải hướng tới chuẩn hóa quy trình ra quyết định, lượng hóa tiêu chí xét duyệt, xác định rõ trách nhiệm cá nhân trong từng khâu và thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát tương ứng. Bên cạnh đó, các quy định về kiểm soát xung đột lợi ích cần được cụ thể hóa bằng những tình huống pháp lý điển hình, quy định nghĩa vụ công khai, từ chối tham gia xử lý công việc hoặc chuyển giao thẩm quyền khi có khả năng phát sinh lợi ích cá nhân. Đặc biệt, việc hoàn thiện cơ chế xử lý tài sản, thu nhập không giải trình được nguồn gốc hợp lý cần được thiết kế theo hướng vừa bảo đảm tính nghiêm minh, vừa phù hợp với nguyên tắc pháp quyền và quyền tài sản được Hiến pháp bảo vệ.

Thứ hai, nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật thông qua cơ chế trách nhiệm cá nhân rõ ràng và kỷ luật công vụ nghiêm khắc. Một trong những hạn chế được chỉ ra trong các nghiên cứu là khoảng cách giữa quy định pháp luật và kết quả thực hiện trên thực tế, thể hiện qua tình trạng triển khai hình thức, thiếu quyết liệt hoặc xử lý chưa kịp thời, để khắc phục, cần thiết lập cơ chế trách nhiệm theo chuỗi quản lý, trong đó người đứng đầu phải chịu trách nhiệm trực tiếp nếu để xảy ra tham nhũng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp phòng ngừa hoặc xử lý kịp thời. Đồng thời, cần đưa kết quả công tác phòng, chống tham nhũng vào hệ thống tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, làm căn cứ cho quy hoạch, bổ nhiệm, điều động hoặc miễn nhiệm cán bộ, hoạt động thanh tra, kiểm tra và kiểm toán cần chuyển từ phương thức hành chính thuần túy sang phương thức quản lý rủi ro, tập trung vào những lĩnh vực, vị trí và khâu công việc có nguy cơ cao. Phải đảm bảo sự

phối hợp giữa các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố và xét xử phải được tăng cường theo cơ chế liên thông, xử lý nhanh chóng, thống nhất và tránh tình trạng kéo dài hoặc chông chéo, xử lý nghiêm minh, công khai và không có ngoại lệ cần được duy trì nhất quán dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm củng cố tính răn đe và khẳng định tính tối thượng của pháp luật.

Thứ ba, đổi mới cơ chế kiểm soát tài sản, thu nhập theo hướng thực chất, dựa trên dữ liệu và phương pháp quản lý hiện đại. Chính sách kê khai tài sản, thu nhập đã góp phần nâng cao tính minh bạch trong đội ngũ cán bộ, công chức, tuy nhiên hiệu quả phòng ngừa còn hạn chế khi việc xác minh chủ yếu mang tính thủ công và chưa có hệ thống dữ liệu liên thông, thời gian tới cần xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung về tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn và kết nối với các hệ thống thông tin liên quan như thuế, đất đai, đăng ký tài sản, giao dịch tài chính và chứng khoán. Phương thức kiểm soát cần chuyển từ kiểm tra đại trà sang xác minh theo phân tích rủi ro, tập trung vào các trường hợp có biến động bất thường về tài sản hoặc giữ vị trí dễ phát sinh tiêu cực, nghĩa vụ giải trình cần được quy định chặt chẽ hơn, yêu cầu cung cấp bằng chứng hợp lý về nguồn gốc tài sản tăng thêm, đi kèm với chế tài đủ mạnh đối với hành vi kê khai không trung thực.

Thứ tư, đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số để phòng, chống tham nhũng ngay từ khâu tổ chức thực thi quyền lực. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phòng bệnh hơn chữa bệnh; trong điều kiện hiện nay, cải cách thể chế hành chính và ứng dụng công nghệ chính là giải pháp căn bản để giảm thiểu cơ hội phát sinh tiêu cực, cần tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc và mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, qua đó hạn chế tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ và người dân, doanh nghiệp. Tăng cường số hóa hồ sơ, áp dụng chữ ký số, thanh toán điện tử và theo dõi tiến độ xử lý trên môi trường mạng sẽ làm tăng tính minh bạch và khả năng giám sát, dữ liệu về ngân sách, đầu tư công, đấu thầu, quy hoạch, sử dụng đất và quản lý tài sản công cần được công khai trên các nền tảng số để xã hội có thể tiếp cận và giám sát một cách thuận tiện. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn trong quản lý tài

chính công, thuế và hải quan sẽ giúp phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường, từ đó nâng cao năng lực cảnh báo và phòng, chống tham nhũng.

Thứ năm, mở rộng cơ chế giám sát xã hội đối với quá trình thực thi pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Hiệu quả của pháp luật không chỉ phụ thuộc vào cơ quan nhà nước mà còn gắn liền với mức độ tham gia của xã hội trong việc giám sát quyền lực, cần tăng cường công khai kết luận thanh tra, kiểm toán và kết quả xử lý các vụ việc tham nhũng theo quy định của pháp luật, đồng thời bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân trong các lĩnh vực quản lý công. Cơ chế bảo vệ người tố cáo cần được hoàn thiện để bảo đảm an toàn về pháp lý, vị trí việc làm và các quyền lợi hợp pháp, qua đó khuyến khích cá nhân mạnh dạn phát hiện và phản ánh sai phạm. Bên cạnh đó, vai trò của báo chí, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức xã hội nghề nghiệp cần được phát huy trong việc giám sát hoạt động công vụ, tạo áp lực dư luận tích cực nhằm nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước.

Thứ sáu, gắn hoàn thiện và thực thi pháp luật với xây dựng văn hóa pháp quyền và đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức. Pháp luật chỉ phát huy hiệu lực bền vững khi được thực thi trên nền tảng ý thức tuân thủ và chuẩn mực liêm chính từ bên trong, cần tăng cường giáo dục pháp luật, bồi dưỡng kiến thức về kiểm soát quyền lực, xung đột lợi ích và trách nhiệm giải trình trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nội dung giáo dục không chỉ dừng lại ở quy định pháp lý mà cần gắn với các tình huống thực tiễn, bài học điển hình và hệ giá trị đạo đức công vụ theo tinh thần cần, kiệm, liêm, chính. Đồng thời, cơ chế đánh giá, xếp loại cán bộ cần phản ánh đầy đủ mức độ tuân thủ pháp luật và chuẩn mực liêm chính trong thực thi nhiệm vụ, đưa ý thức pháp quyền và trách nhiệm nghề nghiệp trở thành chuẩn mực hành vi thường xuyên, pháp luật sẽ không chỉ là công cụ xử lý vi phạm mà còn trở thành cơ chế phòng ngừa hiệu quả từ bên trong bộ máy nhà nước.

Hướng tới mục tiêu xây dựng một hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng không chỉ đầy đủ về nội dung mà còn mạnh về hiệu lực thực thi, được vận hành trên nền tảng quản trị hiện đại, minh bạch và có sự giám sát rộng rãi của xã

hội, pháp luật được hoàn thiện đồng bộ, tổ chức thực hiện nghiêm túc và gắn với kiểm soát quyền lực hiệu quả, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng một nhà nước “của dân, do dân, vì dân”, liêm chính và kỷ cương sẽ được cụ thể hóa một cách thực chất, tạo nền tảng bền vững cho phát triển và hội nhập trong giai đoạn mới.

4.3.2. Giáo dục liêm chính, để rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thực thi phòng, chống tham nhũng

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, tham nhũng không chỉ bắt nguồn từ những sơ hở của cơ chế quản lý mà còn xuất phát từ sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và sự chi phối của chủ nghĩa cá nhân. Vì vậy, giáo dục và rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên luôn được Người xem là giải pháp có ý nghĩa căn bản, lâu dài nhằm phòng ngừa tham nhũng từ gốc. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi phải chú trọng giáo dục liêm chính và rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng đội ngũ vừa có đức, vừa có tài, đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trước hết, cần tăng cường giáo dục liêm chính cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nội dung giáo dục phải hướng vào việc hình thành và củng cố các giá trị cốt lõi như trung thực, minh bạch, trách nhiệm, công tâm và tinh thần phụng sự nhân dân. Đặc biệt, cần quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; giúp cán bộ, đảng viên nhận thức rõ tham nhũng không chỉ là hành vi vi phạm pháp luật mà còn là sự suy thoái đạo đức, làm tổn hại đến uy tín của Đảng, hiệu lực của Nhà nước và niềm tin của nhân dân. Giáo dục liêm chính cần được thực hiện thường xuyên, liên tục, gắn với từng lĩnh vực công tác, từng vị trí việc làm và từng nhóm đối tượng cụ thể.

Thứ hai, cùng với giáo dục liêm chính, cần đặc biệt chú trọng rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bản lĩnh chính trị là cơ sở để cán bộ, đảng viên giữ vững lập trường, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng, không bị tác động bởi các lợi ích vật chất, lợi ích nhóm hay những cám dỗ của quyền lực. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, nguy cơ suy thoái tư tưởng chính trị, dao động

trước các lợi ích cá nhân và sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường ngày càng gia tăng. Do đó, việc rèn luyện bản lĩnh chính trị phải được thực hiện thông qua quá trình học tập lý luận chính trị, tu dưỡng đạo đức cách mạng, thực tiễn công tác và thường xuyên tự phê bình, phê bình theo tinh thần Hồ Chí Minh.

Thứ ba, gắn giáo dục liêm chính và rèn luyện bản lĩnh chính trị với công tác cán bộ. Đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển và sử dụng cán bộ phải coi trọng tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức và ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ. Kiên quyết không bỏ trí, sử dụng những người có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, cơ hội chính trị hoặc có dấu hiệu lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi. Đồng thời, cần xây dựng môi trường công tác minh bạch, dân chủ và trách nhiệm, tạo điều kiện để cán bộ, đảng viên thường xuyên rèn luyện, hoàn thiện bản thân và phát huy tinh thần liêm chính trong thực thi nhiệm vụ.

Thứ tư, cần kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục, rèn luyện với kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Giáo dục chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được hỗ trợ bởi cơ chế kiểm soát và chế tài phù hợp. Vì vậy, cùng với việc nâng cao nhận thức và ý thức tự giác của cán bộ, đảng viên, cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Qua đó tạo sự thống nhất giữa xây và chống, giữa giáo dục, phòng ngừa với kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Đẩy mạnh giáo dục liêm chính và rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên không chỉ góp phần phòng ngừa tham nhũng từ sớm, từ xa mà còn tạo nền tảng quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ thực sự liêm chính, tận tụy, trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

4.3.3. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu lực hoạt động của các cơ quan phòng, chống tham nhũng

Tư tưởng Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh vai trò của tổ chức và con người trong việc bảo đảm hiệu quả của mọi chủ trương, chính sách. Chủ trương chỉ có thể phát huy giá trị khi được triển khai bởi một bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực và

đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực. Đối với công tác phòng, chống tham nhũng vốn là một lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm và thường xuyên chịu tác động của lợi ích nhóm thì yêu cầu về tổ chức bộ máy và năng lực thực thi càng trở nên cấp thiết, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành và lĩnh vực quản lý, việc tiếp tục kiện toàn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng là giải pháp mang tính nền tảng, bảo đảm cho việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh được thực hiện một cách thực chất và bền vững.

Thứ nhất, hoàn thiện mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên trách và phân định rõ chức năng, thẩm quyền. Hệ thống các cơ quan phòng, chống tham nhũng hiện nay bao gồm nhiều chủ thể như cơ quan kiểm tra của Đảng, thanh tra, kiểm toán và các cơ quan tư pháp, sự tham gia của nhiều lực lượng tạo điều kiện kiểm soát quyền lực toàn diện, nhưng nếu chức năng chưa được xác định rõ hoặc cơ chế phối hợp thiếu chặt chẽ sẽ dẫn đến chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót trách nhiệm. Vì vậy, cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy định về chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan theo nguyên tắc rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm; giảm đầu mối trung gian; nâng cao tính chuyên trách của các đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, tổ chức bộ máy hợp lý sẽ góp phần rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao tính kịp thời và hiệu lực trong phát hiện, xử lý vi phạm.

Thứ hai, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống tham nhũng theo hướng vừa liêm chính, vừa chuyên sâu nghiệp vụ. Trong giai đoạn hiện nay, các hành vi tham nhũng ngày càng gắn với hoạt động tài chính, đầu tư, quản lý tài sản công và các giao dịch phức tạp, yêu cầu về trình độ chuyên môn của cán bộ thực thi ngày càng cao thì càng yêu cầu đẩy mạnh đào tạo chuyên sâu về điều tra tài chính, kiểm toán, phân tích dữ liệu, định giá tài sản và truy vết dòng tiền; đồng thời tăng cường bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm. Bên cạnh đó, cơ chế tuyển chọn, sử dụng và đánh giá cán bộ cần dựa trên năng lực thực chất và kết quả công việc, kết hợp với luân chuyển vị trí ở những lĩnh vực nhạy cảm nhằm phòng ngừa tiêu cực, xây dựng được đội ngũ

“vừa hồng, vừa chuyên” chính là điều kiện quyết định để nâng cao hiệu quả thực thi trong thực tế.

Thứ ba, củng cố cơ chế phối hợp liên thông giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo tập trung của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các vụ việc tham nhũng lớn thường liên quan đến nhiều cơ quan và nhiều cấp quản lý, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ từ khâu kiểm tra, thanh tra đến điều tra, truy tố và xét xử. Do đó, cần hoàn thiện cơ chế chỉ đạo thống nhất, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa cơ quan kiểm tra của Đảng với các cơ quan nhà nước và cơ quan tư pháp, tránh tình trạng kéo dài thời gian xử lý hoặc đùn đẩy trách nhiệm, cần tăng cường cơ chế theo dõi, đôn đốc và kiểm soát tiến độ xử lý các vụ việc, bảo đảm xử lý kịp thời, nghiêm minh và đồng bộ giữa kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính và trách nhiệm hình sự, đảm bảo thống nhất trong lãnh đạo và phối hợp trong hành động sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Thứ tư, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và xử lý tham nhũng. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung về tài sản, thu nhập, đất đai, đầu tư công, đấu thầu và tài sản công sẽ tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu và phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường, ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu lớn có thể hỗ trợ nhận diện rủi ro tham nhũng trong quá trình quản lý. Quản lý hồ sơ, quy trình xử lý vụ việc trên môi trường điện tử không chỉ giúp nâng cao hiệu quả công việc mà còn tăng tính minh bạch, hạn chế sự can thiệp không chính thức, đảm bảo hệ thống thông tin được kết nối đồng bộ, năng lực phòng ngừa từ sớm, từ xa sẽ được nâng lên, phù hợp với yêu cầu xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại.

Thứ năm, tăng cường kiểm soát quyền lực nội bộ và bảo đảm điều kiện hoạt động cho các cơ quan phòng, chống tham nhũng theo tinh thần tư tưởng Hồ Chí Minh, mọi quyền lực đều phải được kiểm soát chặt chẽ để ngăn ngừa sự tha hóa. Vì vậy, cần hoàn thiện cơ chế giám sát nội bộ, quy định rõ trách nhiệm giải trình trong từng khâu nghiệp vụ; thực hiện luân chuyển đối với vị trí nhạy cảm và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực trong chính các cơ quan có chức năng chống tham nhũng, cần

bảo đảm các điều kiện về nhân lực, tài chính, trang thiết bị, chế độ đãi ngộ và cơ chế bảo vệ cán bộ khi thực thi nhiệm vụ, nhất là trong các vụ việc phức tạp, nhạy cảm. Khi quyền lực được kiểm soát hiệu quả và các điều kiện hoạt động được bảo đảm, bộ máy phòng, chống tham nhũng sẽ hoạt động ổn định, chuyên nghiệp và giữ vững uy tín trước xã hội.

Tóm lại, kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với nâng cao năng lực thực thi là giải pháp có ý nghĩa nền tảng trong việc nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, một hệ thống tổ chức tinh gọn, phối hợp chặt chẽ, đội ngũ cán bộ có năng lực và liêm chính, được hỗ trợ bởi công nghệ hiện đại và cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả sẽ tạo điều kiện để các chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước được triển khai nghiêm túc, góp phần xây dựng bộ máy trong sạch, vững mạnh và củng cố niềm tin của nhân dân.

4.3.4. Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” trong phòng, chống tham nhũng

Sinh thời, Hồ Chí Minh luôn quan niệm, “cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [161, tr.X], đồng thời cũng là nhân tố quyết định thành bại của sự nghiệp cách mạng. Đối với công tác phòng, chống tham nhũng, Người nhiều lần nhấn mạnh rằng tham nhũng trước hết bắt nguồn từ sự suy thoái về đạo đức, từ chủ nghĩa cá nhân, lòng tham và sự tha hóa quyền lực. Vì vậy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” không chỉ là yêu cầu về đạo đức công vụ mà còn là giải pháp căn bản, lâu dài nhằm phòng, chống tham nhũng từ gốc, cán bộ vừa có phẩm chất đạo đức vững vàng, vừa có năng lực chuyên môn cao trở thành nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng.

Thứ nhất, tăng cường giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng và ý thức liêm chính cho đội ngũ cán bộ, công chức. Giáo dục đạo đức công vụ cần được thực hiện thường xuyên, liên tục và gắn với thực tiễn công tác, nhằm giúp cán bộ nhận thức sâu sắc rằng liêm chính không chỉ là chuẩn mực đạo đức mà còn là trách nhiệm chính trị và pháp lý. Nội dung giáo dục cần tập trung vào tư tưởng Hồ Chí Minh về

chống chủ nghĩa cá nhân, đề cao tinh thần phụng sự nhân dân, coi trọng danh dự và trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước và xã hội; cần đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng kết hợp giữa học tập lý luận với sinh hoạt chuyên đề, tự phê bình và phê bình, nêu gương người tốt, việc tốt, qua đó hình thành văn hóa liêm chính trong hoạt động công vụ, đưa đạo đức trở thành nhu cầu tự thân, khả năng tự phòng ngừa trước cám dỗ về vật chất và lợi ích cá nhân sẽ được nâng cao.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế tuyển dụng, sử dụng và đánh giá cán bộ theo hướng công khai, minh bạch và dựa trên năng lực thực chất. Một đội ngũ liêm chính chỉ có thể được hình thành khi quá trình tuyển chọn và bổ nhiệm bảo đảm công bằng, khách quan, hạn chế tối đa sự chi phối của quan hệ cá nhân, lợi ích nhóm hoặc tình trạng “chạy chức, chạy quyền”. Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chí đánh giá cán bộ gắn với kết quả công việc, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; xây dựng cơ chế sàng lọc nghiêm túc, kịp thời thay thế những cán bộ yếu kém về năng lực hoặc suy thoái về phẩm chất đạo đức để bảo đảm môi trường công vụ trở nên lành mạnh, giảm thiểu nguy cơ phát sinh tham nhũng từ khâu tổ chức cán bộ.

Thứ ba, thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ. Quyền lực nếu không được kiểm soát sẽ dễ dẫn đến lạm quyền và tha hóa, do đó cần hoàn thiện các quy định về phân cấp, phân quyền đi đôi với cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ; xác định rõ trách nhiệm cá nhân trong từng khâu công việc; tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, tài sản công và trong quá trình ra quyết định, cần thực hiện nghiêm quy định về kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập; xử lý kịp thời và nghiêm minh các hành vi vi phạm, không có “vùng cấm” hay ngoại lệ.

Thứ tư, xây dựng cơ chế bảo vệ và khuyến khích cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Môi trường công vụ lành mạnh không chỉ ngăn ngừa tiêu cực mà còn phải tạo điều kiện cho những cán bộ có năng lực, tâm huyết phát huy sáng kiến và tinh thần đổi mới. Vì vậy, cần hoàn thiện cơ chế bảo vệ cán bộ khi thực hiện đúng chủ trương, chính sách nhưng gặp rủi ro khách quan; kịp

thời biểu dương, khen thưởng những tấm gương tận tụy, liêm khiết, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân, kết hợp giữa kỷ luật nghiêm minh với khuyến khích tích cực sẽ tạo động lực để cán bộ phấn đấu, hạn chế tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm hoặc thụ động trong thực thi công vụ.

Thứ năm, cải thiện điều kiện làm việc và chính sách đãi ngộ nhằm bảo đảm đời sống và giảm áp lực lợi ích vật chất đối với cán bộ, công chức, giáo dục đạo đức phải đi đôi với bảo đảm điều kiện vật chất hợp lý để cán bộ yên tâm công tác. Cần tiếp tục cải cách chế độ tiền lương, chính sách phúc lợi và môi trường làm việc theo hướng tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ và trách nhiệm công vụ. Cũng cần xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin để giảm tiếp xúc trực tiếp không cần thiết giữa cán bộ với người dân và doanh nghiệp, nếu đời sống được bảo đảm và quy trình công vụ được chuẩn hóa thì nguy cơ phát sinh hành vi tham nhũng sẽ từng bước được hạn chế.

Như vậy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” vừa là yêu cầu mang tính chiến lược, vừa là giải pháp trực tiếp nhằm phòng, chống tham nhũng từ gốc. Khi mỗi cán bộ tự giác tu dưỡng đạo đức, được tuyển chọn và sử dụng công bằng, hoạt động trong môi trường minh bạch và chịu sự kiểm soát chặt chẽ, bộ máy nhà nước sẽ vận hành hiệu lực, hiệu quả, qua đó góp phần thực hiện thành công mục tiêu xây dựng nền hành chính liêm chính, phục vụ nhân dân và củng cố niềm tin xã hội đối với công cuộc phòng, chống tham nhũng.

4.3.5. Phát huy mạnh mẽ vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, báo chí và xã hội trong phòng, chống tham nhũng

Với Hồ Chí Minh, nhân dân không chỉ là chủ thể của quyền lực nhà nước mà còn là lực lượng giám sát, kiểm tra và đánh giá việc thực thi quyền lực đó. Phát huy vai trò của nhân dân và xã hội trong phòng, chống tham nhũng không chỉ là một yêu cầu mang tính chính trị - pháp lý mà còn là giải pháp có ý nghĩa nền tảng, lâu dài nhằm kiểm soát quyền lực từ bên ngoài hệ thống công quyền. Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quá trình phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, sự mở rộng quan hệ lợi ích và tính phức tạp của quản trị công đã làm gia tăng nguy

cơ hình thành lợi ích nhóm, “sân sau” và các hình thức tham nhũng tinh vi, có tổ chức. Tuy nhiên, mức độ tham gia của xã hội trong phòng, chống tham nhũng vẫn còn chưa tương xứng với tiềm năng, cần triển khai hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm tạo lập môi trường pháp lý, thể chế và văn hóa xã hội để người dân và các tổ chức xã hội thực sự trở thành chủ thể giám sát quyền lực, qua đó hình thành “hệ sinh thái kiểm soát tham nhũng” từ bên ngoài bộ máy nhà nước.

Thứ nhất, mở rộng và bảo đảm thực chất quyền tiếp cận thông tin của người dân, coi đây là điều kiện tiên quyết để thực hiện giám sát xã hội. Muốn giám sát hiệu quả thì người dân phải được cung cấp đầy đủ, kịp thời và minh bạch các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao, công khai cần được thực hiện theo hướng dễ tiếp cận, dễ hiểu, có hệ thống và có thể kiểm chứng, tránh tình trạng công khai hình thức hoặc công bố thông tin mang tính thủ tục. Cùng với đó, cần nâng cao chất lượng thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, bảo đảm người dân được tham gia vào quá trình thảo luận, quyết định và giám sát các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cần được củng cố cả về thẩm quyền, nguồn lực và năng lực chuyên môn, để có thể phát hiện kịp thời sai phạm ngay từ cơ sở, nơi các biểu hiện tham nhũng nhỏ nhưng phổ biến, nếu không được kiểm soát sẽ tích tụ thành những vấn đề lớn.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng chuyên nghiệp, thực chất và có tính ràng buộc trách nhiệm. Cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế pháp lý để các tổ chức này có quyền tiếp cận thông tin cần thiết phục vụ hoạt động giám sát; đồng thời quy định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc giải trình, tiếp thu và công khai kết quả xử lý các kiến nghị sau giám sát. Nội dung giám sát cần tập trung vào những lĩnh vực trọng điểm, nhạy cảm, tránh dàn trải, hình thức, chú trọng nâng cao năng lực phân tích chính sách, kỹ năng giám sát, đánh giá và phản biện cho đội ngũ cán bộ của Mặt trận và các tổ chức thành viên, nhằm chuyển từ giám sát mang tính phản ánh sang giám sát mang tính cảnh báo rủi ro và đề xuất giải pháp, phát huy

tinh thần phản biện xã hội sẽ trở thành một kênh kiểm soát quyền lực hiệu quả, góp phần khắc phục những kẽ hở trong cơ chế, chính sách.

Thứ ba, phát huy vai trò của báo chí và truyền thông như một thiết chế giám sát xã hội có sức lan tỏa mạnh mẽ. Báo chí không chỉ góp phần phát hiện, phản ánh các vụ việc tiêu cực mà còn tạo áp lực dư luận xã hội, thúc đẩy cơ quan chức năng vào cuộc xử lý kịp thời, cần hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo trong điều tra, phản ánh các hành vi tham nhũng; đồng thời xây dựng quy trình phối hợp giữa cơ quan báo chí và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, điều tra để tiếp nhận, xác minh và xử lý thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả, nâng cao tính minh bạch và củng cố niềm tin của xã hội, cần tăng cường quản lý, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội của đội ngũ làm báo nhằm bảo đảm thông tin chính xác, khách quan, tránh tình trạng suy diễn hoặc lợi dụng thông tin tiêu cực để gây nhiễu loạn dư luận.

Thứ tư, tận dụng lợi thế của chuyển đổi số để mở rộng không gian và phương thức giám sát xã hội. Xây dựng và hoàn thiện các nền tảng số để người dân có thể phản ánh, kiến nghị, tố cáo hành vi tiêu cực một cách thuận tiện, an toàn và được bảo mật, cơ quan nhà nước cần chủ động công khai dữ liệu mở, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và các chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân trên môi trường số, công khai theo thời gian thực, xã hội có thể theo dõi, giám sát thường xuyên, qua đó tạo áp lực liên tục đối với hoạt động công vụ, chuyển từ giám sát truyền thống sang giám sát số, phù hợp với yêu cầu xây dựng Chính phủ số và nền quản trị quốc gia hiện đại, minh bạch.

Thứ năm, xây dựng cơ chế bảo vệ và khuyến khích người tố cáo tham nhũng nhằm tạo động lực cho sự tham gia tích cực của xã hội. Trên thực tế, tâm lý lo ngại bị trả thù, trù dập hoặc ảnh hưởng đến công việc và đời sống là một trong những rào cản lớn khiến người dân chưa mạnh dạn tố giác hành vi tham nhũng, vì vậy cần thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ bí mật thông tin, bảo đảm an toàn về vị trí việc làm, thu nhập và các quyền lợi hợp pháp của người tố cáo; đồng thời nghiên cứu cơ chế khen thưởng, tôn vinh những cá nhân có đóng góp tích cực trong phát

hiện và cung cấp thông tin về tham nhũng, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục về văn hóa liêm chính, trách nhiệm công dân và thái độ không khoan nhượng với tham nhũng, qua đó hình thành môi trường xã hội lên án mạnh mẽ các hành vi tiêu cực.

Phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, báo chí và xã hội không chỉ nhằm tăng cường thêm một kênh giám sát, mà còn góp phần hình thành cơ chế kiểm soát quyền lực đa tầng, kết hợp giữa kiểm soát nội bộ của hệ thống chính trị với kiểm soát từ bên ngoài của xã hội, đặt quyền lực trong sự giám sát rộng rãi, thường xuyên và thực chất của nhân dân để nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và liêm chính trong hoạt động công vụ sẽ được bền vững, đây là sự vận dụng sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền làm chủ của nhân dân vào điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng xã hội vững chắc cho công cuộc phòng, chống tham nhũng trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Tiểu kết chương 4

Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, đặc biệt dưới tác động đan xen của hội nhập quốc tế sâu rộng, chuyển đổi số mạnh mẽ và yêu cầu ngày càng cao trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam tiếp tục đứng trước những thời cơ và thuận lợi mới, đồng thời cũng phải đối mặt với nhiều thách thức phức tạp, khó lường hơn. Tham nhũng ngày càng có xu hướng biến đổi tinh vi, gắn với các quan hệ lợi ích đan xen, lợi ích nhóm, sự lợi dụng kẽ hở thể chế và những hạn chế trong năng lực quản trị nhà nước. Các yếu tố quốc tế và trong nước tác động đa chiều, vừa thúc đẩy yêu cầu minh bạch hóa, cải cách thể chế, vừa làm gia tăng nguy cơ xuất hiện các hình thức tham nhũng mới, có tính chất xuyên biên giới và phi truyền thống. Vì vậy, yêu cầu đặt ra không chỉ là tiếp tục kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng mà quan trọng hơn là phải xác lập được hệ thống quan điểm, định hướng và giải pháp mang tính chiến lược, đồng bộ, lâu dài, trên cơ sở kiên định và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng.

Trên cơ sở phân tích toàn diện bối cảnh, yêu cầu và định hướng, Chương 4 của luận án đã hệ thống hóa những nội dung cốt lõi về tiếp tục vận dụng tư tưởng

Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong giai đoạn tới. Theo đó, chương đã làm rõ các quan điểm mang tính định hướng, nhấn mạnh sự kết hợp giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng, hoàn thiện thể chế pháp luật, kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị và phát huy vai trò của nhân dân trong giám sát quyền lực nhà nước. Trên nền tảng đó, luận án đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, tập trung vào các trụ cột lớn như hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu lực thực thi; kiểm soát quyền lực; kiện toàn tổ chức bộ máy; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính; và mở rộng sự tham gia của xã hội trong phòng, chống tham nhũng. Những kết quả nghiên cứu này góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng, qua đó củng cố nền tảng xây dựng Nhà nước liêm chính, hiệu lực, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

KẾT LUẬN

Luận án “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam” được triển khai trên cơ sở tiếp cận có hệ thống, từ tổng quan tình hình nghiên cứu, xây dựng cơ sở lý luận, phân tích thực trạng cho đến đề xuất quan điểm và giải pháp tiếp tục vận dụng trong giai đoạn hiện nay. Trong đó, luận án làm rõ các khái niệm công cụ trung tâm như tham nhũng, phòng, chống tham nhũng và đặc biệt là khái niệm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng. Theo đó, tham nhũng được hiểu là hành vi lợi dụng quyền lực nhà nước hoặc chức vụ, quyền hạn được giao để vụ lợi, xâm hại lợi ích của Nhà nước, tổ chức và cá nhân; phòng, chống tham nhũng là tổng thể các hoạt động mang tính chủ động và phản ứng của Nhà nước và xã hội nhằm ngăn ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng; còn vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng là quá trình chuyển hóa hệ thống quan điểm của Người về đạo đức cách mạng, xây dựng Đảng, kiểm soát quyền lực, thực hành dân chủ và phát huy vai trò nhân dân thành các nguyên tắc, cơ chế, chính sách và phương thức tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện phát triển hiện nay. Trên nền tảng đó, tư tưởng Hồ Chí Minh được khẳng định là cơ sở lý luận nền tảng, có giá trị định hướng lâu dài đối với công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam.

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong thời gian qua, luận án khẳng định công tác phòng, chống tham nhũng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, thể hiện ở việc từng bước hoàn thiện thể chế, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và bộ máy nhà nước, đẩy mạnh kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, qua đó góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn cũng cho thấy vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định, như cơ chế kiểm soát quyền lực chưa thực sự đồng bộ và hiệu quả, thể chế pháp luật ở một số lĩnh vực còn có khoảng trống, tổ chức thực thi chưa nghiêm, tình trạng tham nhũng vẫn diễn biến phức tạp với biểu hiện ngày càng tinh vi, gắn với lợi ích nhóm và sự biến tướng trong các

quan hệ kinh tế - hành chính. Đồng thời, việc phát huy vai trò giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội vẫn còn những mặt chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn.

Từ việc dự báo bối cảnh mới, luận án đã xác lập hệ thống quan điểm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong giai đoạn tới, trong đó nhấn mạnh yêu cầu kiên định mục tiêu xây dựng Nhà nước liêm chính, trong sạch, vững mạnh; bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng; tăng cường kiểm soát quyền lực trong mọi lĩnh vực; kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng; giữa phòng ngừa và xử lý tham nhũng; giữa giáo dục đạo đức và hoàn thiện thể chế pháp luật; đồng thời đề cao vai trò của nhân dân như một chủ thể giám sát quyền lực quan trọng. Trên cơ sở các quan điểm đó, luận án đề xuất các định hướng giải pháp mang tính đồng bộ, trong đó tập trung vào hoàn thiện thể chế pháp luật và cơ chế thực thi; tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước; kiện toàn tổ chức bộ máy; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đạo đức công vụ trong sạch; và mở rộng sự tham gia của xã hội, gắn với ứng dụng chuyển đổi số trong quản trị và phòng, chống tham nhũng.

Luận án đã góp phần làm rõ hơn cơ sở lý luận, thực tiễn và giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng; đồng thời hệ thống hóa và luận giải sâu sắc nội hàm của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Những kết quả nghiên cứu này không chỉ có ý nghĩa khoa học trong việc bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận về phòng, chống tham nhũng, mà còn có giá trị tham khảo trong quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực sự của dân, do dân và vì dân, liêm chính, hiệu lực, hiệu quả.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Kieu Van Nam (2023), “Laws and Regulations on Preventing and Combating Corruption in the Private Sector in Vietnam”, *Law & Political Review*, (8), pp. 205-216.
2. Kieu Van Nam (2023), “Anti-corruption education in Singapore”, Vietnam National University, *Proceedings of the Second International Conference on the Issues of Social Sciences and Humanities*, Hanoi University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi, pp. 240-247.
3. Nguyen Anh Cuong, Kieu Van Nam (2024), “Applying anti-corruption perspective for sustainable human development in Ho Chi Minh thought”, *Proceedings of the International Conference on Human Resources for Sustainable Development*, Bach Khoa Publishing House, pp. 270-276.
4. Nguyen Anh Cuong, Kieu Van Nam (2024), “Culture of integrity to prevent corruption in Ho Chi Minh’s thought”, *Proceedings of the International Scientific Conference (ISC)-2024 Green Values for Sustainable Development*, Publishing House for Science and Technology, pp. 838- 842.
5. Kiều Văn Nam (2024), “Phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí điện tử Quản lý Nhà nước*.
6. Kiều Văn Nam, Nguyễn Đình Cường, Vũ Thị Huyền Ngọc (2024), “Giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên Việt Nam trong phòng, chống tham nhũng thời kỳ mới”, *Tạp chí điện tử Quản lý Nhà nước*.
7. Nguyen Anh Cuong, Kieu Van Nam (2025), “A Comparative Study of Ho Chi Minh's Anti-Corruption Ideology and International Standards”, *Academic Journal of Interdisciplinary Studies*, Vol 14 (2), pp. 206-222.
8. Nguyễn Anh Cường, Kiều Văn Nam (2025), “Chuyển động trong chủ trương, chính sách phòng chống tham nhũng ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, Tập 2 (206), tr. 23-31.

9. Kieu Van Nam (2025), “Ensuring anti-corruption principles according to Ho Chi Minh's thought”, *Proceedings of the Second International Conference on the Issues of Social Sciences and Humanities*, Hanoi University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi, pp. 63-72.
10. Kieu Van Nam (2025), “The development of Ho Chi Minh’s anti-corruption theory in the documents of the 13th National Congress of the communist party of Vietnam”, *Proceedings of the Second International Conference on the Issues of Social Sciences and Humanities*, Hanoi University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi, pp. 73-82.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Ngọc Anh (2017), “Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Cộng sản*, (127), tr.48-52.
2. Nguyễn Ngọc Anh (2018), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu: nội dung và giá trị*, Luận án tiến sĩ Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Quế Anh, Vũ Công Giao, Nguyễn Hoàng Anh (2019), *Những vấn đề pháp lý đặt ra trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Lao Động.
4. Ban Bí thư (2012), *Quy định số 101-QĐ/TW ngày 7/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp*.
5. Ban Bí thư (2017), *Về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý*.
6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2006), *Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*.
7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2012), *Về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*.
8. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Quyết định 217-QĐ/TW về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQVN và các đoàn thể chính trị - xã hội*.
9. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2014), *Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.

10. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2016), *Nghị quyết số 04/NQ-TW ngày 30/10/2016, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.*
11. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2017), *Nghị quyết hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.*
12. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2017), *Quy định số 85-QĐ/TW về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.*
13. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2021), *Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”.*
14. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.*
15. Ban Nội chính Trung ương (2003), *Tham nhũng và giải pháp chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Ban Nội chính Trung ương (2005), *Nghiên cứu đấu tranh chống tham nhũng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. Ban Nội chính Trung ương (2015), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.
18. Ban Nội chính Trung ương (2016), *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn 30 năm đổi mới về phòng, chống tham nhũng, lãng phí (1986 - 2016)*, Nxb Chính trị Quốc gia.

19. Ban Nội chính Trung ương (2022), *Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng của một số quốc gia trên thế giới*, Nxb Tư pháp.
20. Ban Thanh tra Chính phủ (2006), *Luận cứ khoa học cho việc xây dựng chiến lược phòng ngừa và nâng cao hiệu quả đấu tranh chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay cho đến năm 2020*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước.
21. Ban Tuyên giáo Trung ương (2008), *Một số bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm chống tham ô, lãng phí, quan liêu*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
22. Ban Tuyên giáo Trung ương (2008), *Tư tưởng tám gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm chống tham ô, lãng phí, quan liêu*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
23. Nguyễn Khánh Bật (2006), *Nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Lý luận Chính trị.
24. Lê Thanh Bình (2022), “Một số kiến nghị về thu hồi tài sản tham nhũng”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, (332), tr.89-93.
25. Bộ Chính trị (2013), *Quyết định số 162-QĐ/TW ngày 01/02/2013 về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng*.
26. Bộ Chính trị (2013), *Quyết định 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền*.
27. Bộ Chính trị (2015), *Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 7/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng*.
28. Bộ Chính trị (2016), *Chỉ thị số 05-CT/TW về Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*.
29. Bộ Chính trị (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*.

30. Bộ Chính trị (2019), *Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.*
31. Bộ Chính trị (2019), *Quy định số 205-QĐ/TW ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền.*
32. Bộ Chính trị (2021), *Quy định số 32-QĐ/TW ngày 16/9/2021 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.*
33. Bộ Chính trị (2021), *Quy định số 41-QĐ/TW ngày 03/11/2021 của Bộ Chính trị về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ.*
34. Bộ Chính trị (2021), *Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.*
35. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
36. Bộ Chính trị (2022), *Kết luận 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030.*
37. Bộ Chính trị (2023), *Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ.*
38. Bộ Chính trị (2023), *Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.*
39. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), *Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.*

40. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), *Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014*.
41. Lê Văn Cẩm (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
42. Lê Văn Cẩm, Trịnh Tiến Việt (2023), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần Chung*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
43. Nguyễn Thành Công, Trần Thị Linh (2023), “Tác động của kiểm soát tham nhũng đến chi tiêu chính phủ”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*. 34 (2), tr.108-125.
44. Lê Văn Cường (1993), *Tham nhũng ở nước ta hiện nay và biện pháp khắc phục*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
45. Bùi Mạnh Cường, Nguyễn Thị Tố Uyên (2015), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng*, Nxb Hồng Đức.
46. Bùi Mạnh Cường, Nguyễn Thị Tố Như (2016), *Về phòng chống tham nhũng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
47. Nguyễn Mạnh Cường (2019), *Pháp luật về phòng, chống tham nhũng và xử lý các hành vi phạm tội*, Nxb Lao Động.
48. Nguyễn Mạnh Cường (2022), *Hỏi đáp pháp luật về phòng, chống tham nhũng*, Nxb Công an nhân dân.
49. Đặng Văn Cường (2016), “Tác động của tham nhũng đến tăng trưởng kinh tế: Vai trò của chất lượng thể chế”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, (228), tr.27-33.
50. Đặng Văn Cường (2016), *Tham nhũng và tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia chuyển đổi*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
51. Vũ Quốc Cường, Hoàng Thanh Lương (2018), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống lãng phí”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, (5), tr.44-49.
52. Lê Thị Chiên (2023), “Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân: Từ tư tưởng Hồ Chí Minh đến sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận Chính trị*, (7), tr. 14-18.

53. Doãn Thị Chín (2019), “Phòng, chống tham nhũng, lãng phí - từ tư tưởng Hồ Chí Minh đến quá trình nhận thức của Đảng ta”, *Tạp chí Triết học*, (337), tr. 3-12.
54. Chính phủ (2009), *Nghị quyết số 21-NQ-CP ngày 12/9/2009, ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020*.
55. Chính phủ (2011), *Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020*.
56. Chính phủ (2016), *Báo cáo số 330/BC-CP Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng*.
57. Chính phủ (2016), *Quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước*.
58. Chính phủ (2017), *Nghị định quy định về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam*.
59. Chính phủ (2018), *Đề án Văn hóa công vụ*.
60. Chính phủ (2018), *Nghị định số 149/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 63 của Bộ luật Lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc*.
61. Chính phủ (2019), *Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng*.
62. Chính phủ (2019), *Nghị định 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai*.
63. Chính phủ (2020), *Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ: Về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị*.
64. Chính phủ (2020), *Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại*.
65. Chính phủ (2021), *Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030*.

66. Chính phủ (2023), *Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030*.
67. Phạm Thị Hải Chuyền (2010), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia.
68. Nguyễn Đăng Dung (2013), *Giáo trình lý luận và pháp luật về phòng, chống tham nhũng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
69. Cao Thị Dung (2019), *Báo chí tham gia phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ ngành Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
70. Trần Thị Hạnh Dung (2022), “Hoàn thiện thể chế về phòng, chống tham nhũng trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, 4 (361), tr.36-41.
71. Đỗ Quang Dũng, Phạm Thị Kim Huệ (2015), *Tham nhũng từ góc độ người dân, doanh nghiệp và cán bộ công chức: Kết quả điều tra xã hội học*, Nxb Chính trị Quốc gia.
72. Kunev Anatolevich Denis (2022), “Đấu tranh chống việc chuyển ra nước ngoài tài sản do phạm tội mà có và thu hồi tài sản: Các tiêu chuẩn tiên tiến và thực tiễn”, *Tạp Chí Khoa học Kiểm sát*, 6 (62), tr.15-17.
73. Trần Quang Đại (2015), *Đảng với cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.
74. Đoàn Nam Đàn (2000), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục - đào tạo thanh niên ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
75. Đảng Cộng sản Việt Nam (1962), *Văn kiện Đảng toàn tập*: Tập 23, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
76. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
77. Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

78. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
79. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
80. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Văn kiện Hội nghị Trung ương 4 khóa XI*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
81. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*.
82. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Văn kiện Hội nghị TW 6 lần 2 (khóa VIII): Tập 58*, Nxb. Chính trị quốc gia - sự thật.
83. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
84. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới phần I (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
85. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới phần II (Đại hội X, XI, XII)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
86. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: Tập 1*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
87. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: Tập 2*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
88. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
89. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục trong phòng, chống tham nhũng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
90. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam*.
91. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Phụ lục 4: “Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã

hội 10 năm 2021-2030”, *Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới.*

92. Nguyễn Thị Linh Giang (2023), “Vai trò của các tổ chức, cá nhân trong phòng, chống tham nhũng tiêu cực qua nghiên cứu tác phẩm “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (332), tr.65-68.
93. Vũ Trà Giang, Trần Toàn Trung, Lưu Văn Thuận (2009), *Đạo đức Hồ Chí Minh - một nội dung quan trọng gắn chặt với việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng hiện nay*, Nxb Tài chính.
94. Lê An Hải (2019), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác phòng chống tham nhũng hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, (3), tr.99-105.
95. Phạm Ngọc Hiền, Phạm Anh Tuấn (2016), *Hỏi - đáp về phòng, chống tham nhũng*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
96. Hoàng Phước Hiệp (2010), *Chuyên đề Công ước của Liên Hợp Quốc về phòng, chống tham nhũng trong mối tương quan với pháp luật phòng, chống tham nhũng của Việt Nam*, Hà Nội.
97. Vương Xuân Hiệp (2020), “Phòng, chống chủ nghĩa cá nhân trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng”, *Tạp chí Cộng sản*, (953), tr.49-55.
98. Lê Thị Hòa (2021), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô và ý nghĩa của nó trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức*, (43), tr.150-158.
99. Đặng Thị Hoài (2021), “Thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Nội chính*, (93), tr.38-42.

100. Lê Quang Hoan (2001), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người với việc phát huy nhân tố con người trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
101. Bùi Thị Huệ, Hoàng Văn Tuấn (2009), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng và một số giá trị tham khảo trong thời đại ngày nay”, Hội thảo *Giá trị đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh đối với công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam hiện nay*, Nxb Tài chính, tr.134-142.
102. Hoàng Thị Huyền (2023), “Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng trong lực lượng Công an nhân dân Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*, (1), tr.139-142.
103. Nguyễn Tuấn Khanh (2015), *Trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí*, Nxb Chính trị Quốc gia.
104. Nguyễn Linh Khiếu (2014), *Phát huy vai trò của báo chí Việt Nam trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Mã số KHBD (2013) - 34, Tạp chí Cộng sản chủ trì.
105. Cầm Thị Lai, Vũ Công Giao (2020), “Củng cố tư duy lý luận để hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay”, Hội thảo *Những vấn đề lý luận hiện đại về nhà nước và pháp luật*, Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.
106. Tô Lâm (2020), *Tham nhũng và hoạt động của Công an nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
107. Lê Hồng Liêm, Hà Hữu Đức, Trương Kim Sơn (2011), *Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.
108. Nghiêm Sỹ Liêm (2021), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*, (8), tr.35-39.

109. Hoàng Thế Liên (2014), *Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật*, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
110. Phạm Ngọc Liên (2009), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân của cán bộ, đảng viên”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, 12.
111. Trương Giang Long (2013), *Bàn về giải pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
112. Trần Văn Long (2025), “Thể chế về phòng, chống tham nhũng của Việt Nam - Những tiến triển và thách thức”, *Hội thảo khoa học Đưa Nghị quyết 66-NQ/TW vào cuộc sống - yêu cầu, cơ chế và giải pháp thực thi*.
113. Đinh Văn Minh (2019), *Một số vấn đề về tham nhũng và những nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018*, Nxb Lao Động.
114. Hồ Chí Minh (1947), *Sửa đổi lối làm việc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015.
115. Hồ Chí Minh (1952), *Thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 1980.
116. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*: Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
117. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*: Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
118. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*: Tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
119. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*: Tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
120. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*: Tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
121. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*: Tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
122. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*: Tập 7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
123. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*: Tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
124. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*: Tập 9, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
125. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*: Tập 10, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
126. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*: Tập 11, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
127. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*: Tập 12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
128. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*: Tập 13, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

129. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*: Tập 14, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
130. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*: Tập 15, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
131. Đỗ Đức Minh (2021), “Vấn đề phòng chống tham nhũng ở Việt Nam trong thời kỳ phong kiến”, *Tạp chí Khoa học Xã hội & Nhân văn*, 7 (1), tr.14-32.
132. Phạm Thành Nam, Đỗ Thị Thạch (2005), *Phát huy dân chủ trong đấu tranh chống tham nhũng ở nước ta hiện nay*, Nxb Lý luận Chính trị.
133. Đoàn Hồng Ngọc (2021), “Tham nhũng trong khu vực tư: nhận diện hành vi vi phạm và giải pháp hoàn thiện pháp luật”, *Tạp chí Công Thương*, (25), tr.56-61.
134. Phan Phương Nguyên, Nguyễn Hoàng Thùy, Phan Thị Thu Hiền (2019), *Pháp luật về phòng chống tham nhũng*, Trường Đại học Quảng Bình.
135. Trần Quang Nhiếp (2002), “Bảo chí trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng ở nước ta hiện nay”. *Tạp chí Cộng sản*, (11).
136. Nguyễn Văn Nho, Nguyễn Văn Cương (2009), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh với thực tiễn công tác phòng, chống tham ô, tham nhũng của Đảng hiện nay”, *Hội thảo Giá trị đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh đối với công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam hiện nay*, Nxb Tài chính.
137. Nguyễn Thị Kim Oanh, Vũ Thị Phương Liên, Nguyễn Thị Tú Anh (2022), “Vai trò của kiểm toán nhà nước trong việc phòng, chống tham nhũng: kinh nghiệm từ Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, 4 (225), tr.74-77.
138. OECD (2025), *Hậu quả của tham nhũng ở cấp ngành và tác động đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế*.
139. M. Painter, Đào Lê Thu, Hoàng Mạnh Chiến, Nguyễn Quang Ngọc (2012), *Phân tích so sánh pháp luật phòng, chống tham nhũng quốc tế: Bài học về những cơ chế xử lý và thực thi cho Việt Nam*, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam.
140. Papi 2023, *Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam*, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP).

141. Trần Công Phàn (2002), *Tình hình, nguyên nhân và các biện pháp đấu tranh chống tội phạm tham nhũng*, Luận án Tiến sĩ Luật, Viện Nhà nước và Pháp luật.
142. Lê Khả Phiêu (2019), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và sự vận dụng trong xây dựng Đảng về đạo đức hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.
143. Phạm Văn Phong (2018), *Vai trò của thanh tra nhà nước trong phòng ngừa tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội.
144. Vũ Văn Phúc, Ngô Văn Thạo (2011), *Những giải pháp và điều kiện thực hiện, phòng, chống suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên*, Nxb Chính trị Quốc gia.
145. Nguyễn Duy Phương (2013), *Giáo trình Luật khiếu nại, tố cáo*, Nxb Đại học Huế.
146. Lưu Quang Quán (2004), *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí*, Nxb Chính trị Quốc gia.
147. Quốc hội Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999), *Bộ luật Hình sự*, Nxb Chính trị Quốc gia.
148. Quốc hội Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật phòng, chống tham nhũng (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012)*, Nxb Chính trị Quốc gia.
149. Quốc hội Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia.
150. Quốc hội Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật Phòng, chống tham nhũng (2019, sửa đổi, bổ sung)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
151. Quốc hội Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019), *Luật Phòng, chống tham nhũng (hiện hành) và Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.
152. Lê Thị Sáu, Nguyễn Văn Trường (2021), “Quan điểm của Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu”, *Tạp chí Nội chính*, (91), tr.17-22.

153. Phan Xuân Sơn, Hoàng Thế Lực (2010), *Nhận diện tham nhũng và các giải pháp phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
154. Nguyễn Quốc Sửu (2021), *Phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia.
155. Nguyễn Đức Tâm (2022), *Biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội.
156. Nguyễn Huy Tàn (2003), “Thực hiện lời dạy của Bác Hồ. Góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh chống tham nhũng trong lực lượng Công an nhân dân”, *Tạp chí Nghiên cứu trao đổi*, (11), tr.12-16.
157. Mạch Quang Thắng, Chủ nghĩa Mác-Lênin (2023), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về chống tham nhũng, tiêu cực”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, (3), tr.39-42.
158. Nguyễn Quang Thắng (1998), *Lê Triều hình luật: Luật hình triều Lê - luật Hồng Đức*, Nxb Văn hóa - Thông tin.
159. Nguyễn Quyết Thắng (2002), *Lược khảo Hoàng Việt Luật Lệ*, Văn hóa - Thông tin.
160. Thanh tra Chính phủ - Ngân hàng Phát triển Châu Á (2007), *Hành động chống tham nhũng ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
161. Thanh tra Chính phủ (2011), *Giới thiệu chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020*, Nxb Chính trị quốc gia.
162. Thanh tra Chính phủ (2016), *Thông cáo báo chí Về kết quả chủ yếu công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng năm 2015 và nhiệm kỳ 2011-2016*.
163. Thanh tra Chính phủ (2021), *Hỏi đáp về pháp luật về phòng, chống tham nhũng*, Nxb Tư pháp.
164. Thanh tra Chính phủ (2021), *Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tham nhũng*, Nxb Tư pháp.

165. Phùng Thanh, Bùi Văn Mạnh (2019), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu - Giá trị lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
166. Nguyễn Trần Thành (2000), *Bệnh quan liêu của bộ máy nhà nước trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Nguyên nhân và phương hướng khắc phục*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
167. Trần Thành (1993), “Phong cách ứng xử văn hóa Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Nghiên cứu lý luận*, (10), tr.13-18.
168. Trương Thị Thông, Lê Kim Việt (2014), *Đảng và Nhà nước đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí*, Nxb Chính trị Quốc gia.
169. Tô Quang Thu (2020), *Phát hiện, thu hồi tiền và tài sản do tham nhũng mà có - Thực trạng và giải pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia.
170. Thủ tướng Chính phủ (2020), *phê duyệt Đề án đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng*.
171. Vũ Thư (2002), “Vai trò của thanh tra, kiểm tra, giám sát với công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và chống tham nhũng”, *Tạp chí Thanh tra*, (3), tr.16-21.
172. Tạ Thu Thủy (2018), *Vai trò của công dân trong phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam.
173. Trần Văn Tĩnh (2022), *Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các cơ quan hành chính nhà nước cấp Trung ương thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia.
174. Tổ chức Minh bạch Quốc tế (2012), *Giáo dục liêm chính cho thanh thiếu niên, ví dụ từ mười một quốc gia, vùng lãnh thổ*, Nxb Chính trị Quốc gia.
175. Tổ chức Minh bạch Quốc tế (2020), *Chỉ số CPI 2020: Cần tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng quyết liệt để đạt hiệu quả rõ nét hơn ở Việt Nam*.
176. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (2022), *Cuộc vận động “Cán bộ, công chức, viên chức nói không với tiêu cực”*.

177. Nguyễn Minh Trí (2021), *Tham nhũng và công tác phòng chống tham nhũng ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.
178. Hà Quốc Trị (2018), *Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với phòng, chống lãng phí ở nước ta hiện nay - Những vấn đề đặt ra và giải pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.
179. Nguyễn Phú Trọng (2017), *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt để phát triển đất nước*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
180. Nguyễn Phú Trọng (2018), “Quyết tâm ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh, củng cố niềm tin yêu của quần chúng nhân dân với Đảng”, *Tạp chí Cộng sản*, (909), tr.3-11.
181. Nguyễn Phú Trọng (2019), *Quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
182. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
183. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Một việc làm cần thiết, tất yếu; Một xu thế không thể đảo ngược*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
184. Nguyễn Đình Trường (2017), “Chữ “Liêm” trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh với việc xây dựng đạo đức của cán bộ, đảng viên trong phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, (8), tr.10-15.
185. Phạm Văn Trường, Nguyễn Thị Tường Duy (2013), “Phòng chống tham nhũng - nhiệm vụ quan trọng trong nền công vụ Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hồ Chí Minh*, (52), tr.158-164.
186. *Từ điển Bách khoa Đức* (2005), Nxb Bruekhaus.
187. *Từ điển Luật học Việt Nam* (2006), Nxb Tư pháp.
188. Đỗ Xuân Tuất, Phạm Quang Hương, Nguyễn Ngọc Hân (2006), *Đảng Cộng sản Việt Nam với cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí*, Nxb Lao Động.

189. Trần Thị Minh Tuyết (2016), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
190. Trần Thị Minh Tuyết (2016): “Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiết kiệm”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 3 (112), tr.26-32.
191. Đào Trí Úc (1996), “Tham nhũng nhận diện từ khía cạnh pháp lý và cơ sở pháp lý mới trong đấu tranh chống tham nhũng ở nước ta”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (9), tr.3-10.
192. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1998), *Pháp lệnh số 03/1998/PL-UBTVQH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Pháp lệnh về việc chống tham nhũng*.
193. P.S. Vladimirovich (2023), “Công tác giám sát của cơ quan Kiểm sát Liên bang Nga về thực thi pháp luật phòng, chống tham nhũng”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (1), tr.12-15.
194. Nguyễn Quốc Văn, Vũ Công Giao (2017), *Phát huy vai trò của xã hội trong phòng chống tham nhũng*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
195. Phạm Thị Thúy Vân (2018), *Chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
196. Hồng Vĩ (2004), *Các biện pháp chống tham nhũng ở Trung Quốc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
197. Viện Khoa học Thanh tra - Thanh tra Chính phủ (2007), *Thông tin khoa học thanh tra và chống tham nhũng số 16, Việt Nam với kế hoạch hành động chống tham nhũng khu vực châu Á - Thái Bình Dương*.
198. Viện Khoa học Thanh tra - Thanh tra Chính phủ (2008), *Một số vấn đề về tham nhũng và những nội dung chủ yếu của Luật phòng, chống tham nhũng & các văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb Chính trị Quốc gia.
199. Viện Khoa học Thanh tra - Thanh tra Chính phủ (2008), *Thông tin khoa học thanh tra và chống tham nhũng số 19, Thực trạng và nguyên nhân tham nhũng ở Việt Nam*.
200. Viện Ngôn ngữ học (2005), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

201. Trần Đăng Vinh (2012), *Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
202. Nguyễn Hữu Vinh (2013), *Hoạt động của Chính phủ trong phòng ngừa tội phạm về tham nhũng*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
203. Trần Quốc Vượng (2024), *Vì sự trong sạch, vững mạnh và trường tồn của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
204. Trịnh Thị Xuyên (2014), *Cơ chế tham gia của người dân trong phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia.
205. Nguyễn Xuân Yêm, Nguyễn Hòa Bình, Bùi Minh Thanh (2007), *Phòng chống tham nhũng ở Việt Nam và thế giới*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

Tiếng Anh

206. Aristotle (1908-1931), *Nicomachean Ethics*, Oxford University Press.
207. Badian, E. (1954), “Lex Acilia Repetundarum”, *Journal Article*. 75 (4), pp.374-384.
208. Council of Europe. (1999), *Criminal Law Convention on Corruption* (173).
209. Charpin Dominique. (2012), *Hammurabi of Babylon*, I.B. Tauris Press.
210. Ferguson William Scott (1921), “The Lex Calpurnia of 149 B.C”, *The Journal of Roman Studies*, pp.86-100.
211. Francesca Manes Rossi, Isabel Brusca, Natalia Aversano. (2017), “Accountability and Transparency to Fight against Corruption: An International Comparative Analysis”, *Journal of Comparative Policy Analysis Research and Practice*.
212. Michael Muthukrishna, Patrick Francois, Shayan Pourahmadi, Joseph Henrich. (2017), “Corrupting Cooperation and How Anti-Corruption Strategies May Backfire”, *Nature Human Behaviour*, 1 (7).
213. Pope Jeremy. (2000), *Confronting Corruption: The Elements of a National Integrity System*, Transparency International, Berlin.
214. Ray Fisman, Miriam A. Golden. (2017), *Corruption: What Everyone Needs to Know*, Oxford University Press.

215. Rose-Ackerman, Susan. (1978), *International Handbook on the Economics of Corruption*, Edward Elgar Press.
216. Rose-Ackerman, Susan, Bonnie J. Palifka. (1999), *Corruption and Government: Causes, Consequences, and Reform*, Cambridge University Press.
217. Platon, *The Republic* (Book translator: Benjamin Jowett). (1998), Oxford University Press.
218. United Nations Secretariat. (2004), *United Nations Convention Against Corruption*.

Tiếng Nga

219. Kobelev E.V., Mazyrin V.M. (2021), “Коррупция во Вьетнаме и меры по ее ограничению: тревожный вызов для КПВ”, *Архив*. 5 (3).

Website

220. Phạm Minh Chính (2016), *Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” - Bốn năm nhìn lại và tiếp tục thực hiện trong thời gian tới*, <https://hatinh.dcs.vn/thuc-hien-nghi-quyet-trung-uong-4-khoa-xi-mot-so-van-de-cap-bach-ve-xay-dung-dan-p1596.html>, truy cập ngày 8.8.2024.
221. Corrupt Practices Investigation Bureau (CPIB), *2024 TI CPI: Singapore Rises 2 Spots to 3rd Least Corrupt Country in the World, Top in Asia Pacific*, <https://www.cpiib.gov.sg/2024-ti-cpi-singapore-moves-up-2-spots-to-3rd-least-corrupt-country-and-top-in-asia-pacific/>, truy cập ngày 17.8.2025.
222. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nhận diện chế định thu hồi tài sản tham nhũng*, <https://dangcongsan.vn/multimedia/mega-story/bai-1-nhan-dien-che-dinh-thu-hoi-tai-san-tham-nhung-615880.html>, truy cập ngày 09.12.2024.
223. Đảng Cộng sản Việt Nam (2024), *Những điểm mới của Chỉ thị số 35-CT/TW về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIV của Đảng*, <https://dangcongsan.vn/xay-dung-dang/nhung-diem-moi-cua-chi-thi-so-35-ct-tw-ve-dai-hoi-dang-bo-cac-cap-tien-toi-dai-hoi-xiv-cua-dang-672218.html>, truy cập ngày 11.7.2024.

224. Lê Minh Hoàng (2021), Vụ án Trần Dụ Châu (Phần 1): Bản án tử hình đầu tiên về tội tham nhũng, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, <https://lsvn.vn/vu-an-tran-du-chau-phan-1-ban-an-tu-hinh-dau-tien-ve-toi-tham-nhung-a96066.html>, truy cập ngày 16.3.2025.
225. Nguyễn Thị Liên (2023), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng và sự vận dụng ở Việt Nam hiện nay*”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động*, <https://tcnn.vn/news/detail/62816/Tu-tuong-Ho-Chi-Minh-ve-phong-chong-tham-nhung-va-su-van-dung-o-Viet-Nam-hien-nay.html>, truy cập ngày 16.8.2024.
226. Nguyễn Phú Trọng (2019), *Phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại phiên họp thứ 15 Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng*, <https://xaydungdang.org.vn/thoi-su-chinh-tri/phien-hop-thu-15-ban-chi-dao-trung-uong-ve-phong-chong-tham-nhung-12521>, truy cập ngày 18.3.2025.
227. The United Nations Convention against Corruption (UNCAC). *What is corruption?* <https://www.unodc.org/corruption/en/learn/what-is-corruption.html>, truy cập ngày 26.9.2024.
228. United Nations, *What is corruption?*, <https://www.unodc.org/corruption/en/learn/what-is-corruption.html>, truy cập ngày 01.4.2024.
229. United Nations Development Programme. *Anti-corruption*, <https://www.undp.org/governance/inclusive-and-future-smart-public-goods-and-services/anti-corruption>, truy cập ngày 19.8.2024.
230. Nguyễn Quang Vinh (2019), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về chống tham ô, lãng phí và cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng hiện nay*”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2019/09/06/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-chong-tham-o-lang-phi-va-cuoc-dau-tranh-phong-chong-tham-nhung-hien-nay/>, truy cập ngày 10.10.2023.

231. World Bank. *Global Program on Anticorruption for Development*, <https://www.worldbank.org/en/programs/anticorruption-for-development/priority-themes>, truy cập ngày 25.8.2024.
232. Nguyễn Văn Vi (2026), Bàn về các thể chế kiểm soát quyền lực trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam hiện nay, <https://tapchicongthuong.vn/ban-ve-cac-the-che-kiem-soat-quyen-luc-trong-phong--chong-tham-nhung--tiu-cuc-o-viet-nam-hien-nay-506071.htm>, truy cập ngày 3.9.2026